NĂM THỨ CHÍN • #95 • MARCH 1997

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

SỐ TÂN NIÊN

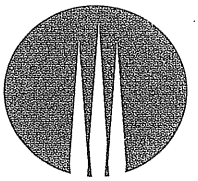

VNCR
VIETNAM
CALIFORNIA
RADIO
106.3 FM

Phát thanh 5 ngày mỗi tuần
từ Thứ Hai đến Thứ Sáu
Buổi sáng: 5am đến 7am
Buổi chiều: 12pm đến 4pm

Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt
ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE

TIN TỨC THỜI SỰ NHANH, CHÍNH XÁC & PHONG PHÚ
VĂN NGHỆ CHỌN LỌC
GIẢI TRÍ THOẢI MÁI, THANH LỊCH
HỘI THOẠI, PHỎNG VẤN ĐỀ TÀI THIẾT THỰC

QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU

VNCR Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432
Fax: (714) 534-9433 E-mail: 75504.3510@compuserve.com
Web page: http://kicon.com/VNCR
11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640

TRUNG TÂM PHÁT HÀNH BĂNG NHẠC & VIDEO

Chúc Mừng Năm Mới

thúy nga

9295 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683

Tel: (714) 894-5911
Fax: (714) 891-9673

CD và Cassette mới phát hành

TN CD 130

1. EM Ở ĐÂU XA
2. NỤ HÔN GIÃ TỪ
3. THƯƠNG NHAU MÙA HÈ, KHÓC NHAU MÙA ĐÔNG
4. TÌNH ĐỢI MONG
5. SUNSHINE DAY
6. CHẾT TRONG VÒNG TAY EM
7. CƠN GIÓ THU
8. HÃY YÊU ANH 9. ĐÓA HỒNG CHO TÌNH YÊU
10. IMAGINE *BONUS TRACK*
11. KISS &SAY GOODBYE

Giá:
$13.00
(Luôn cước phí)

DON HO: LOVE

TN CD 131

NGÔ THỤY MIÊN VÀ NHỮNG SÁNG TÁC MỚI: RIÊNG MỘT GÓC TRỜI

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....

Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.

Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....

Địa chỉ / *Address:*.....

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*

□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 6 tháng / *6 months*	□ 1 năm / *1 year* US$40.00	□ 2 năm / *2 years* US$75.00
Gửi First Class:		□ 1 năm / *1 year* US$52.00	□ 2 năm / *2 years* US$96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA		□ 1 năm / *1 year* US$56.00	□ 2 năm / *2 years* US$113.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*		□ *1 năm / 1 year* US$76.00	□ 2 năm / *2 years* US$140.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*		□ *1 năm / 1 year* US$86.00	□ 2 năm / *2 years* US$160.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 1 tháng Ba 1995. / *Effective from March 1st, 1995.*

(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*

(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*

(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*

(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL. (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

L. ANDRÉ LÂM

Liên lạc:

DIAMOND BÍCH NGỌC

10221 Slater Avenue, Suite #211
Fountain Valley, CA 92708

(714) 965-9715 (trong giờ làm việc)
1-(800) 695-7144 (ngoài giờ làm việc)
(714) 663-4314 (Beeper)

Chuyên lo bồi thường tai nạn xe cộ

LUẬT SƯ PHÍ CỦA VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI:

14.99%

THAY VÌ NHƯ CÁC VĂN PHÒNG LUẬT SƯ KHÁC 33.33%

Ngoài ra Văn phòng còn chuyên lo về các dịch vụ:

- **Di Trú (Immigration)**
- **Khánh Tận Tài Sản (Bankruptcy)**
- **Ly Dị Cấp Dưỡng (Family Law)**
- **Luật Thương Mại (Business Litigation)**
- **Hình Luật: Trộm Cắp và Tội Đại Hình**
- **Tai Nạn Nghề Nghiệp (Workers' Comp.)**

ĐÓN NGHE! ĐÓN NGHE! ĐÓN NGHE!

GIỜ HỘI LUẬN VỀ LUẬT PHÁP PHỔ THÔNG DO VĂN PHÒNG LUẬT SƯ ANDRÉ LÂM PHỤ TRÁCH VÀ DIAMOND BÍCH NGỌC THỰC HIỆN HÀNG TUẦN MỖI CHIỀU THỨ BA TRÊN ĐÀI VNCR — LÀN SÓNG **106.3 FM** — TỪ 2:15 PM ĐẾN 3:15 PM

VÀ

GIỜ HƯỚNG DẪN LUẬT PHÁP HAI TUẦN MỘT LẦN CHIỀU THỨ BẢY TRÊN ĐÀI VĂN NGHỆ TRUYỀN THANH — LÀN SÓNG **96.7 FM** — TỪ 2:00 PM ĐẾN 3:00 PM

TRÂN TRỌNG THÔNG BÁO

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

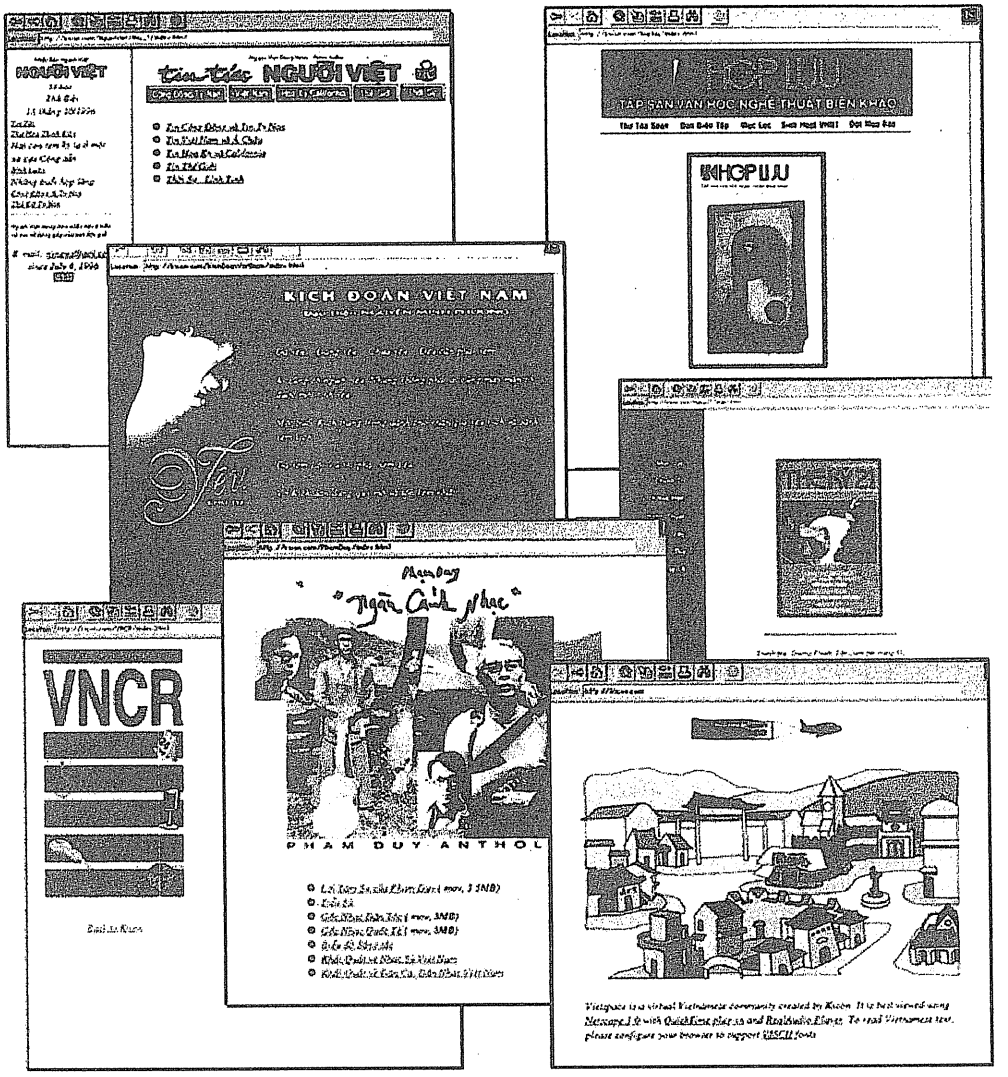

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ ***Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.***
¤ ***Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.***

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ◻ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

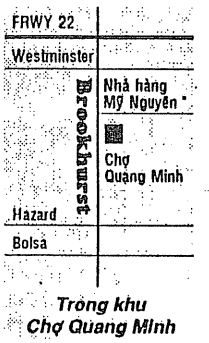

- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

NHÀ XUẤT BẢN

NGƯỜI VIỆT

Hân hạnh giới thiệu ba ấn phẩm mới nhất:

Món quà cho
cho các em thiếu nhi
Món quà cho
người yêu nhạc
Món quà cho
những người
bạn ngoại quốc

Mỗi gia đình
Việt Nam đều nên
có trong tủ sách
gia đình

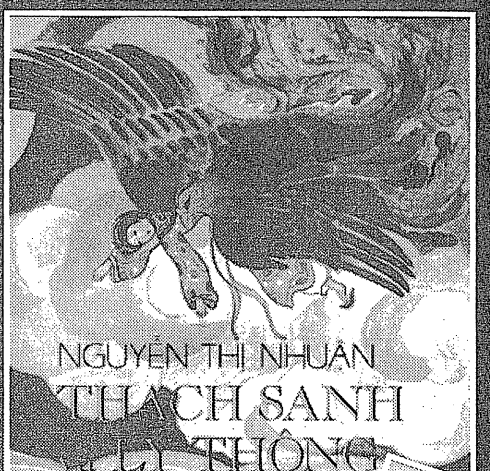

Truyện cổ tích
Việt Nam
bằng tranh
cho các em
thiếu nhi
bằng hai thứ tiếng
Anh - Việt
của Nguyễn Thị Hợp
và Nguyễn Thị Nhuận
Giá: US$ 10

Hai tập nhạc
Việt Nam soạn cho piano
do nhạc sĩ Lê Văn Khoa biên soạn
Giá: US$ 12/mỗi tập

Hỏi mua tại các nhà sách địa phương hoặc liên lạc:

NHÀ XUẤT BẢN NGƯỜI VIỆT
14891 MORAN ST., WESTMINSTER, CA 92683
TEL: (714) 892-9414 - FAX: (714) 894-1381
E-mail: nvnews@aol.com - World Wide Web: http://kicon.com/NguoiViet

Tranh bìa: **Trịnh Cung** (xem bài trang 52)
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui Mamburao, Fuss**
Ảnh: **Lê Tam Ca** và tài liệu lưu trữ.

MỤC LỤC

Số 95 . Tháng Ba 1997

CHÍNH TRỊ - THỜI SỰ

13 Di sản của Đặng Tiểu Bình - **Ngô Nhân Dụng**
19 Ai kế nghiệp Đặng Tiểu Bình - **Hà Tường Cát**
20 Trung Hoa sau Đặng Tiểu Bình - **Từ Mai**
27 Sau cái chết của Đặng Tiểu Bình - **Lê Văn Tiến**
29 Diễn biến hòa bình của một trí thức lương thiện - **Hoàng Xuân Đài**

NGHIÊN CỨU - GIÁO DỤC

33 Nhận diện chân tướng vật tổ chim "Lạc" - **Nguyễn Xuân Quang**
49 Tỷ giảo triết học - **Nguyễn Đại Bằng**
66 Hạnh phúc gia đình - **Hồ Đắc A Trang** và **Nguyễn Văn Trường**

HỘI HỌA - ÂM NHẠC

52 Trịnh Cung: Một nét trữ tình mới... - **Huỳnh Hữu Ủy**
78 Đoàn lữ nhạc đi về miền Texas - **Phạm Xuân Đài**

NHÂN VẬT

22 Cuộc đời chính trị thăng trầm của Đặng Tiểu Bình - **Nguyễn Ngọc Minh**
39 Bác sĩ Hồ Tá Khanh - **TS Phạm Trọng Chánh**

TIẾNG VỌNG

44 Hưởng ứng lời kêu gọi "Về một ước nguyện ngày Tết" - **Đoàn Thanh Liêm**
44 Về tư tưởng Hà Sĩ Phu - **Lan Thạch**
45 Trở lại "tư tưởng" Hà Sĩ Phu - **Nguyễn Gia Tiến**
46 Từ tú tài đến tiến sĩ - **Trần Gia Phụng**

KHOA HỌC - SẢN PHẨM

103 On quantum mechanics, biochemistry, and the law of creation - **Phạm Ngọc Khôi**
108 Từ điển điện tử Thế Kỷ - **Quang Minh**

VĂN

72 Ngày mới trên công viên Lê Nin - **Ngô Thế Vinh**
82 Bầu leo, dây bí cũng leo - **Hồ Phổ Lại**
86 Cội mai - **Hạ Ninh Nguyễn Đức Tâm**

THƠ

61. Không có, Chờ - **Hồ Minh Dũng. 70.** Thương tiếc Duyên Anh - **Cao Tần.**
70. Trò chơi - **Thi Thạch. 76.** Hiện hữu - **Minh Hiển**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Thư trong tháng: Tưởng niệm - **Phạm Phú Minh**
9 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
12 Hộp thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
55 Sổ Tay
94 Khách trong tháng: Khoảnh khắc lập Xuân - **Lê Đình Điểu**
95 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Lê Tam Ca**
98 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**
102 Bolsa Net: Lên lưới - **Tư Laurent•**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc **theky21@kicon.com**
WWW homepage:
http://kicon.com/theky21

Ban Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô
Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: *Trích Thế Kỷ 21.*

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
1. *Lê Tất Luyện:* 45 83 19 12
2.*Phạm Thu Hương* 39 84 00 84
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
Canada: *Hoàng Chiêu Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637

ISSN 1056-4640

TƯỞNG NIỆM

Năm 1947 nhà văn Khái Hưng đã bị ám hại, cho đến nay gia đình ông vẫn không biết ông bị cộng sản hạ sát ở đâu, ngày nào. Người con trai của ông, ông Trần Khánh Triệu, cho biết gia đình vẫn làm giỗ vào ngày Khái Hưng bị bắt, sau tết năm Bính Hợi. Vì vậy, *Thế Kỷ 21* chọn số báo đầu năm âm lịch này để mở đầu một năm tưởng niệm nhà văn Khái Hưng. Trong số này, bài của Lê Quang Thông, nguyên giáo sư Đại học Huế, viết về Khái Hưng trong bối cảnh lịch sử văn học Việt Nam, có thể coi là bài mở đầu cho năm tưởng niệm, 50 năm sau ngày nhà văn tạ thế. Chúng tôi cảm ơn bà Bùi Hạnh Nghi đã gửi cho *Thế Kỷ 21* bài thuyết trình của giáo sư Lê Quang Thông.

Ngoài các tác giả mà *Thế Kỷ 21* đã liên lạc để mời viết cho năm tưởng niệm Khái Hưng, như nhà văn Võ Phiến, giáo sư Lê Hữu Mục, chúng tôi ước mong nhận được các tài liệu, nghiên cứu văn học, hay hồi ký của tất cả quý vị đã đọc hay đã có dịp sống gần nhà văn Khái Hưng.

Đặc biệt, *Thế Kỷ 21* đã tiếp xúc với ông Trần Khánh Triệu, hiện cư ngụ ở Montréal, và ông sẽ đóng góp tiếng nói chân tình về các kỷ niệm gia đình. Ông Trần Khánh Triệu vốn tên là Nguyễn Tường Triệu, con trai của nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Ông được song thân trao cho ông bà Khái Hưng làm con nuôi, vì ông bà không có con. Vì vậy ông Trần Khánh Triệu được sống trong tình yêu thương của cả hai gia đình. Ông đã trao cho Vương Hữu Bột và Hoàng Chiều Nhân những bức hình kỷ niệm của ông và bà Khái Hưng mà *Thế Kỷ 21* đăng trong số báo này và các số tới.

Trong năm nay, *Thế Kỷ 21* sẽ cộng tác với tạp chí *Xây Dựng, Ngày Nay* tổ chức một buổi tưởng niệm nhà báo Từ Chung. Lễ tưởng niệm này sẽ tổ chức vào ngày 12 tháng Tư năm 1997 tại phòng sinh hoạt của Nhật báo Người Việt. Ông Từ Chung là một người làm báo chuyên nghiệp, một tấm gương sáng cho các ký giả Việt Nam sau này. Khi ông bị cộng sản ám sát, Từ Chung đang làm Tổng Thư Ký nhật báo Chính Luận ở Sài Gòn. Các nhà báo Đặng Văn Sung, Thái Lân, Nguyễn Trọng, Lê Thiệp, Thụy Giao v.v... đã đồng ý tham dự tích cực vào việc tưởng niệm Từ Chung năm nay. Lễ tưởng niệm này tiếp nối một truyền thống trong đó chúng ta cùng tưởng nhớ và ghi ơn các người đã sống và chết cho nghề làm báo. Trong năm 1996, một lễ tưởng niệm Chu Tử cũng đã được tổ chức tại báo Người Việt nhân ngày giỗ của ông. Trong số báo tháng tới chúng ta sẽ có những bài viết tưởng niệm Từ Chung.

Tưởng nhớ các nhà văn, nhà báo đã hy sinh cho dân tộc là một cách để chúng ta nhắc nhở rằng một nền báo chí tự do và sinh hoạt văn học nghệ thuật tự do là nền tảng để xây dựng đất nước chúng ta. Chúng ta sẽ phải tiếp tục tranh đấu cho các quyền cơ bản đó được thực hiện trên quê hương Việt Nam.•

PHẠM PHÚ MINH

Minh oan cho hai học giả Lê Thước và Trương Chính

Báo TK 21 số tháng Hai 1997, bài của ông Hạnh Cơ có những đoạn:

"*Thơ Chữ Hán Nguyễn Du* của các cụ Lê Thước và Trương Chính, (...) nhưng tiếc một điều, là trong sách hoàn toàn không có một chữ Hán nào cả!" (tr 48, cột 2)

"Chữ *'hà nhân'* trong câu chót là căn cứ theo *bản Quách Tấn* (phần chữ Hán lẫn phiên âm), còn trong bản Lê Thước thì viết là *'thùy nhân'*." (tr 49, cột 2)

Thật là oan cho hai học giả Lê Thước và Trương Chính!

Tôi chụp gửi kèm theo đây *cả chữ Hán lẫn phiên âm* trong sách của Lê Thước và Trương Chính (quyển thật) in *1965* để minh oan cho những người làm sách nghiêm túc.

1) Sách của Lê Thước và Trương Chính có chữ Hán, in đẹp.

2) Câu chót cả Hán Lẫn phiên âm đều chép "*hà nhân*" rõ ràng.

Đáng tiếc cho ông Hạnh Cơ đã mua lầm sách, nếu không thì lẽ nào ông lại viết như thế.

Thơ chữ Hán Nguyễn Du do Lê Thước và Trương Chính sưu tầm, chú thích, phiên dịch (phần dịch thơ thì do nhiều người) là quyển sách làm rất nghiêm túc, sách dày 574 trương, *có in chữ Hán* (chỉ sai có sáu chữ). Quyển này do NXB Văn Học, Hà Nội phát hành *năm 1965*. Xin chớ lầm với bản 1978, tôi sẽ nói dưới đây:

Năm 1978 có người lấy bản 1965 (có lẽ tác giả không biết?), bỏ phần chữ Hán, còn *phần quốc ngữ thì thay vì chụp y nguyên, họ sắp chữ in lại, làm sai be bét! Chưa nói gì đến thơ, chỉ riêng Lời Giới Thiệu của Trương Chính cũng đã bỏ sót mất 55 hàng! Thế mà ngoài bìa vẫn để tên Lê Thước và Trương Chính!* Quyển này đã gây rất nhiều tác hại: có một bản dịch in ở Pháp và một bản dịch in ở Mỹ đã chép theo phần phiên âm (sai nhiều) trong bản này rồi dịch lại!

Thơ chữ Hán Nguyễn Du, trong 37 năm, từ 1959 đến 1996 đã có tới *năm bản* trình làng. Năm bản là không tính bản 1978 và hai bản được thừa hưởng cái sai của nó.

Ông Hạnh Cơ cho chữ *mai uyển* trong bản Quách Tấn đúng hơn chữ *hoa uyển* (tr 49, cột I). Tôi mừng thầm cho ông Trần Thúc Lâm nhờ viết chữ Hán sai mà gặp được tri kỷ! Ông Quách mượn ông Trần viết chữ Hán rất đẹp nhưng viết sai nhiều, có khi sai cả câu (tôi nói bản Quách Tấn in năm 1973 ở Sài Gòn).

Từ bản Lê Thước - Trương Chính, đến bản Đào Duy Anh, cho tới bản mới in năm 1996, ai ai cũng đều chép *hoa uyển* cả. Mà ngay bản Quách Tấn cũng chỉ có chữ Hán viết *mai uyển*, còn phần phiên dịch chép *hoa uyển*.

Tôi biết cụ Quách đọc *bản 1965* do một người mua tại một tiệm sách ở Paris gửi về biếu cụ năm 1966. Cụ tuyển dịch 72 bài trong số 249 bài. Vì sách in ở Hà Nội nên cụ tránh nói rõ xuất xứ.

Nguyễn Hữu Thành *(Paris, Pháp)*

Xin cám ơn ông Nguyễn Hữu Thành đã chu đáo gửi về Tòa soạn bản chụp các trang liên hệ từ quyển Thơ Chữ Hán Nguyễn Du *của Lê Thước và Trương Chính do nhà Văn Học - Hà Nội xuất bản 1965, để góp phần điều chỉnh các sai lầm có thể xảy ra do những nguồn tài liệu sai lệch. Thiết tưởng những đính chính như thế sẽ rất cần thiết để tránh các sai lầm cứ nhân ra mãi do bắt nguồn từ một tài liệu sai.*

Tưởng niệm Khái Hưng

Hôm 21.12.1996 chúng tôi có tổ chức tại nhà buổi Tưởng Niệm Khái Hưng nhân dịp 100 năm sanh của nhà văn Khái Hưng. Thấy bài nói chuyện của ông Lê Quang Thông (trước 1975 là giáo sư Đại Học Huế) có giá trị, được đồng hương tham dự hôm đó đón nhận một cách thích thú, cho nên tôi xin phép mạo muội gởi đến quý báo để có dịp đóng góp trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa quê hương.

Mme. Bùi Hạnh Nghi *(Offenbach a.M., Deutschland)*

"Tác giả" cần lên tiếng

Trên Thế Kỷ 21 số 87 tôi có đọc thấy ý kiến của nhà văn Võ Phiến đề nghị kỷ niệm 50 năm ngày chết của Khái Hưng vào năm nay, sau khi đọc một bài viết ca ngợi Khái Hưng trên một tờ báo ở Sài Gòn vào năm ngoái để kỷ niệm 100 sinh của nhà văn. Tôi thấy dù là kỷ niệm ngày sinh hay ngày chết, người ta đều phải làm công việc *tìm hiểu* về đối tượng, như thân thế, sự nghiệp, tác phẩm v.v... Về Khái Hưng thì lâu nay tài liệu thấy cũng khá nhiều, trừ một điều, là cái chết của ông. Có thể kỷ niệm ngày sinh người ta không mấy cần nó, nhưng kỷ niệm ngày chết của một người mà lại không biết gì về cái chết của người đó thì thật là thiếu sót. Và về mặt Văn học sử Việt Nam thì việc mù tịt về cái chết của Khái Hưng đang và sẽ là một thiếu sót rất lớn.

Lâu nay ai cũng biết Khái Hưng bị cộng sản giết vào khoảng năm 1947, nhưng chi tiết về ngày giờ, địa điểm và cách hành quyết ra sao thì vẫn trong vòng bí mật. **Tôi thấy đã đến lúc 'tác**

giả" cái chết của Khái Hưng, là đảng cộng sản Việt Nam, nên công bố mọi điều trên cho mọi người cùng biết. Đằng nào thì tay cũng vấy máu rồi, bây giờ có nói rõ thêm ra thì có gì đâu mà "mắc cỡ." Nói ra, tức là đóng góp được một điều tích cực cho sự hiểu biết chung của dân tộc về một nhân tài của mình. Đã không "thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương" đối với biết bao tinh hoa của đất nước, thì nay ít ra người cộng sản cũng nên, vì sự thật của lịch sử, cung cấp những trang tài liệu xác thực cho công việc nghiên cứu của các thế hệ bây giờ và mai sau.

Hồ Ngọc Nghĩa *(Toronto, Canada)*

Lời cám ơn của người đọc

Đọc xong số Thế Kỷ 21 Xuân Đinh Sửu, tôi muốn gửi lời cám ơn đến tác giả bài Hoàng Hạc Lâu. Bài báo quá hay, cách diễn giải bài thơ của Thái Việt thật tài tình, tôi lại đọc trong không khí tết cổ truyền Đông phương, thấy lòng man mác một nỗi cảm hoài. Thì ra tác phẩm của người xưa còn chứa biết bao nhiêu là điều, nếu không có những người nhìn thấy và nói ra thì người đời làm sao biết hết được cái hay. Vì vậy mà thấy phải gửi một lời cám ơn. Cũng cùng một tâm trạng, tôi cũng biết ơn tác giả Hạnh Cơ với bài "Đọc Tiểu Thanh Ký."

Nguyễn Hùng Vũ *(Chino Hills, CA)*

Đô No dụ Đô Đói

Đọc bài *Đô No dụ Đô Đói* trong mục Sổ Tay Thế Kỷ 21, số 93, trang 31, tôi được dịp học hỏi rất nhiều, xin cám ơn tác giả Sổ Tay của số 93 này. Duy có một điều tôi xin được *Chi chi chành chành* cùng quý vị: tôi chỉ đồng ý có một nửa, khi anh bạn viết:

"Danh từ 'đô no' đã được một vị ngoại trưởng nào đó đưa vào ngôn ngữ Việt Nam." Theo chỗ tôi biết thì "vị ngoại trưởng" đó là ông Vũ Khoan, thứ trưởng ngoại giao cộng sản. Ông ấy đã ngây ngô ứng khẩu trong một bài đáp từ:

"Kính thưa quý vị đô no..." để trực dụng danh từ *donors* trong cuộc họp báo kết thúc Hội nghị "Câu Lạc Bộ Paris" được tổ chức vào các ngày 9 và 10 tháng 11 năm 1993 tại Paris. Ông Vũ Khoan quên bẵng rằng trước mặt các ông "đô no" chính ông ta là đại diện phía 'đô đói" đến xin được "no đô." Ghép "đô no" vào "đô đói" sau đó chỉ là một việc thường tình mà chắc ai cũng làm được. Bằng chứng là có người tham dự phiên họp báo hôm ấy đã làm trong một bài phóng sự mà Thế Kỷ 21 đã cho đi vào đầu năm 1994. Tuy nhiên, nếu quả thật có một vị ngoại trưởng nào đó đã dùng trước danh từ 'đô no" này thì xin anh bạn cho mọi người được tri rành nhằm... gởi về César những gì thuộc về César.

Bửu Sao *(Orlando, Florida)*

Tác giả Sổ Tay số 93, vì nói về một sự kiện xảy ra cũng đã khá lâu, nên nhớ lầm Thứ trưởng ra Ngoại trưởng. Cám ơn ông đã nói rõ lại cho đúng chi tiết này.

Từ Vương Tân đến ấn phí

Tôi là một độc giả đều đặn của quý báo, lý do giản dị là tôi xem "cọp" báo của ba tôi mua. Nói chung là tờ báo khá, có thể nói là hay với những bài viết về những vấn đề tình hình Việt Nam hiện nay của các ông Vương Hữu Bột, Quân Tử. Tôi cũng đặc biệt thích những bài viết của ông Thang Ma về chữ nghĩa, của bà Chân Quỳnh về khảo cứu. Riêng phần sáng tác thơ và văn tôi cho là còn yếu.

Trong số báo mới nhất #94 tôi đang xem có bài viết Hoàng Hạc lâu. Ở trang 81 tác giả Thái Việt giảng nghĩa câu

Phương thảo sinh hề thê thê
Vương tân du hề bất quy

là "cỏ thơm xanh tốt ngùn ngụt, chàng Vương Tân rong chơi mãi không về." Chữ Vương Tân viết hoa nghĩa là danh từ riêng. Theo chỗ tôi biết, "Vương Tân" phải là "vương tôn" không viết hoa vì ở đây nó là danh từ chung chỉ các "vương tôn công tử" chứ chẳng phải là có anh chàng nào đó họ Vương tên Tân.

Ngoài ra có một chuyện làm tôi thắc mắc xin hỏi quý vị. Tại sao tất cả các sách, báo v.v... xuất bản tại Hoa Kỳ hay nói chung tại hải ngoại không bao giờ đề "giá bán" mà luôn luôn dùng chữ "ấn phí?" Khi nào dùng chữ "ấn phí" thì đúng? Và khi nào dùng chữ 'giá bán" thì đúng?

Hà Phương Đoàn *(San Jose, CA)*

Về văn thơ thì xin để mọi độc giả suy nghĩ theo óc thưởng ngoạn của mình.

Nhà báo dùng chữ "ấn phí" chắc có ý nói họ chỉ xin độc giả chi phí ấn loát của tờ báo. Thường thì các báo còn phải bù thêm tiền để in, nếu chỉ dựa vào tiền đóng góp vào "ấn phí." Tuy nhiên, theo Phan Mỹ Sương và Vũ Duy Tự, những người lo về phát hành báo Thế Kỷ 21, thì đây là một vấn đề liên quan đến... thuế nhập cảng khi gửi báo tới các nước ngoài Hoa Kỳ.

Chuyện hoa xuân

Số báo Tết vừa qua là một thành công. Nói chung báo đẹp, bài vở đầy sắc thái đặc biệt của ngày Xuân. Nhiều bài đáng được giữ làm tài liệu biên khảo. Thí dụ như bài *Tết Nguyên Đán* ... của bà Nguyễn Thị Chân Quỳnh là một áng văn rất giá trị đối với chúng tôi, cho các con tôi khi cần viết bài hay giới thiệu với người thuộc chủng tộc khác về phong tục tập quán Việt Nam. Chúng tôi thường rất thích thú đọc bài viết của tác giả Nguyễn Thị Chân Quỳnh. Trong một báo trước đây, bài *Đôi Mắt Thần*, nếu chúng tôi nhớ không lầm, cũng là bài viết của bà, chỉ thuật lại một

VAALA
(714) 537-8352

kinh nghiệm bản thân mà cũng khiến cho độc giả lưu ý đặc biệt và say mê theo dõi.

Tuy nhiên hôm nay chúng tôi xin được phép góp chút ý kiến về đoạn tỉa hoa Thủy Tiên trong bài *"Tết...* mà theo tác giả "phải bảy thành công lực mới làm cho hoa lụi được." Là một nội trợ Việt Nam, sống ở xứ người, dù đã một ngày tám giờ nơi công sở, nhưng về tới gia đình chúng tôi cũng cố gắng tạo một cảnh sống Việt Nam cho các con cháu được biết phần nào phong hóa cội nguồn. Do đó trong mấy năm gần đây khi đã có được thời giờ rảnh rỗi, và nhất là tìm được những giò thủy tiên của Đông phương, chúng tôi tự cho là may mắn đã tái tạo được đôi chút hình ảnh thủa thiếu thời: Trong những ngày cuối Đông năm hết Tết đến, được thư nhàn ngồi gọt tỉa thủy tiên, và không thể nào không nhớ tới bài thơ *Vết Thương Lòng* của Lan Sơn.

Về kỹ thuật gọt tỉa thủy tiên, chúng tôi đồng ý với tác giả N.T. Chân Quỳnh là củ hoa giống như củ hành tây, tuy không có mùi hay vị hăng, và cuống giò hoa ta có thể gọt bớt được, nhưng khi đã tới sát giò hoa mà lơ đãng để *"dao cầm xẩy chạm tới* (màng) *giò hoa"* thì nhất định là *"hoa sẽ vì ai chịu xót xa"* là một việc không thể tránh được. Và dù không có *bóng ai thấp thoáng ngoài hiên vắng*, nhưng đang lúc chú mục rón rén dùng dao lòng máng nhỏ để xén tới sát túi hoa (vì khi mới tỉa, giò hoa chưa mọc), mà đột nhiên một công tử hay tiểu thư nào chạy sầm sập đến "Mẹ ơi có thấy chìa khóa xe con đâu không?" người tỉa hoa giật mình là túi hoa có thể bị chạm rách và ngày hôm sau là các nụ hoa non chui ra lóc nhóc như những chú chim con bé tí xíu, thấy rất tội nghiệp. Và vì non ngày non tháng nên chỉ ít bữa là giò hoa tàn lụi.

Ngoài ra, dù đã nhiều lần tỉa thủy tiên, nhưng có những nhánh hoa phụ, lẩn lách trong những kẻ ngách bất thường, nếu cứ ỷ vào kinh nghiệm, đưa mạnh tay là một mảnh đời hoa bị vạt mất, và những lúc như vậy, người tỉa hoa lỡ tay sẽ suýt soa đau khổ không kém gì hoa. Chả thế mà nhà thơ đã ngậm ngùi:

Một phút lòng em mơ bạn mới
Yêu anh trăm nữa cũng bằng không

Năm mới góp chuyện hoa xuân, xin gửi lời cám ơn và vấn an nhà văn Nguyễn Thị Chân Quỳnh. Kính chúc quý báo một năm Đinh Sửu vạn sự như ý.

Mrs. Nguyễn Đặng *(Des Moines, WA)*

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Nguyễn Thị Xuân Sương, Kỷ Nguyên, Nguyễn Thanh Trang, Lâm Lễ Trinh, Phạm Băng Hồ, Hồng Khắc Kim Mai, Nguyễn Công Khanh,, Nguyễn Bá Phúc, Phan Các Chiêu Hằng, Hoàng Chiều Nhân, Phương Nghĩa, Đào Mộng Nam, Nguyễn Tấn Hưng, Phạm Ngọc Khôi, Nguyễn Đại Bang, Hoàng Xuân Sơn, Mau Van Pham, Vũ Trung Hiền, Tân Văn Hồng, Nguyễn Trung Dũng, Nghê Thanh Bình, Nguyễn Gia Tiến, Đỗ Thì Kênh G, Đoàn Thanh Liêm, Nguyễn Bích, Nguyễn Thọ, Trần Quán Niệm, Lê Đức Vi, Thi Thạch, Cao Tần, Trần Thiện Hiệp, Hồ Minh Dũng, Định Thanh, Nguyễn Đức Liên, Lê Tất Điều, Võ Doãn Nhẫn, Phạm Anh Dũng, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Đức Bạn.

Bài sẽ đăng: ĐNLVTBK của Nguyễn Trung Dũng, SM của Vũ Trung Hiền, TVM của Nguyễn Thị Xuân Sương, NA của Phương Nghĩa, BBKVT của Nguyễn Tấn Hưng, CTNKANR của Phan Nhật Nam.

Sơn Tùng *(Falls Church)*: Trước số Xuân, chúng tôi có hẹn với ông để ra giêng ngày rộng tháng dài sẽ đi bài ấy, nay đã là tháng Giêng nhưng rất tiếc lại phải khất với ông một lần nữa vì có nhiều bài vở cần đăng gấp. Mong ông thông cảm. Kính.

Hồ Minh Dũng *(Atlanta, Georgia)*: Báo lạc có lẽ vì TS không cập nhật kịp địa chỉ mới của anh. Đã gửi "bù." Cám ơn cuốn đặc san anh gửi

Văn Phòng Luật Sư
ROBERT M. VIEFHAUS & ASSOCIATES
27 NĂM KINH NGHIỆM HÌNH LUẬT VÀ BỒI THƯỜNG TAI NẠN

* Trộm cắp - Gian lận
* Tàng trữ - Mua bán ma túy
* Say rượu lái xe - DMV hearing
* Thiếu niên phạm pháp
* Đả thương - Vợ chồng xô xát
* Vi phạm probation - Xóa tiền án
* Tất cả tội đại hình & tiểu hình

* Bồi thường thương tích tai nạn
* Trial lawyer - nhanh chóng tối đa
* Những trường hợp điển hình đã thắng:
  500 ngàn - 1 triệu - 3 triệu
  (Các trường hợp khác còn tùy thuộc)
* Luật Di Trú (Immigration)
* Di chúc - Thừa kế (Wills - Trust)

Bus. Hrs:
Mon - Fri: 9:30 AM - 5:30PM
Saturday: 10 AM - 3:00 PM

MẪN PHẠM, J.D.
Phone: (714) 895-5533 - Pager: (7140 570-4986

7777 Center Ave., Ste # 470
Huntington Beach, CA 92647

cho. Cũng cám ơn luôn lời mừng lẫn nỗi lo của anh. Nỗi lo ấy rất đúng, nhưng chẳng biết phải làm thế nào. Bài đang đọc.

Phạm Băng Hồ *(Salem, OR)*: Cuốn Thơ Bùi Giáng giới thiệu trong thư mục của Thế Kỷ là bản in năm 1994. Sau tập này có một tập mới hơn do gia đình của BG in tại Nam California. Đúng như anh nhận xét, có thể có một số bài trùng lặp trong các bản in khác nhau, do trùng lặp khi thu thập bài vở. Đề nghị của anh về số đặc biệt ấy có thể sẽ thực hiện vào một thời điểm thích hợp. Sẽ đăng thơ. Thân.

Đức Tâm *(El Monte, CA)*: Rất tiếc chúng tôi không tìm thấy lại được bản tiếng Pháp của lời chúc mừng ấy. Chúng tôi cũng nghĩ bản tiếng Pháp là chính.

Mai Anh Việt *(Aloha, OR)*: Những "tai nạn" của tờ báo trên con đường đi của bưu điện như ông tả thỉnh thoảng lại xảy ra, nhất là với báo gửi theo *bulk rate*. Những giả thuyết ông đưa ra rất thú vị, chứng tỏ ông là người vui tính, gặp điều không vừa ý vẫn không bực dọc. Nếu mua báo theo *first class* thì tờ báo gửi đi sẽ được nhanh chóng và an toàn hơn. Chúc ông luôn an lạc.

Nghệ Thanh Bình *(San Jose, CA)*: Cám ơn ông đã góp nhiều ý kiến tích cực về vấn đề ấy. Trên số báo này các tác giả liên hệ cũng đang lên tiếng, để làm sáng tỏ thêm lập trường và luận cứ của mình. Mong ông chia sẻ.

Hộp thư tị sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Thuận Merritt (Fruitland ID), Kích Huỳnh (Garden Grove CA), Bùi Hạnh Nghi (GERMANY), Nguyễn Thị Dung (CANADA), Võ Trung Hiền (CANADA), Nguyễn Thị Thuận (GERMANY), Lưu Nhơn Nghĩa (AUSTRALIA), Đoàn Phi Long (AUSTRALIA), Vũ Thư Hiên (FRANCE), Lâm Thu Vân (CANADA), Dương Thành Lợi (CANADA), Bùi Thị Hồng Phúc (CANADA), City of Hindmarsh Library (AUSTRALIA), Lê Công Giáo (Upland CA), Nguyễn Hữu Tuệ (San Mateo CA), Nguyễn Hữu Phúc (Westminster CA), T. Nguyễn (Reisterstown MD), Bùi Đức Lạc (San Jose CA), Nguyễn Trọng Hội (Manhattan Beach CA), Đinh Nguyễn (Orange CA), Nguyễn Tấn Hưng (NETHERLANDS), Nguyễn Thị Ngọc Hạnh (Fairfax VA), Hà Dương Cự (Morganville NJ), Nguyễn Dung (San Gabriel CA), Nicole Le Barry (Newcastle WA), Lê Thị Thu Nga (CANADA), Lê Tuân (CANADA), Dep Magazine Inc (Houston TX), The Doan & Family (sandy UT), Lê Văn Ninh (Arlington TX), Thái Thanh (Winter Haven FL), Nguyễn Thị Thu & Đạt (Ventura CA), Đặng Thị Nhâm (Falls Church VA), Hà Thanh Bình (Alameda CA), Sang Văn Lê (Westminster CA), Tưởng Thiên Dãn (San Jose CA), Frank Nhật Trịnh (AUSTRALIA), Nguyễn Gia Tiên (SWITZERLAND), Nguyễn Phú Văn (Aloha OR), Nguyễn Văn Hương (Clementon NJ), Phan Hồng Tú (Chicago IL), Nguyễn Thanh Trang (San Diego CA), Trần Văn Phê (St Paul MN), Quách Chiêu Thanh (AUSTRALIA), Hai Van Chu (Kingstowne VA), Divine Word Theologate (Chicago IL), Radio Free Asia (Washington DC), Yarra Melb Reg Lib Service (AUSTRALIA), Nguyễn Thị Đẹp (GERMANY), Chiêu Hằng Adaysh (San Jose CA), Tuyết Trần (Broomfield CO), Nguyễn Phước (Saint Cloud MN), Lưu Kim Loan (Richard Son TX), Nguyễn Sĩ Đẩu (Garland TX), Nguyễn N. Thụy (Newark CA), Zung Nguyễn (Costa Mesa CA), Nguyễn Kim (San Jose CA), Nguyễn Công Hoàng (Campbell CA), Nguyễn Tường Bá (San Jose CA), Võ Hùng Hải (SWITZERLAND), Trần Tuấn Anh (San Francisco CA), Lê Văn Đức (Van Nuys CA), Dương Thiệu Chí (Silver Spring MD), Nguyễn Tiến Du (Upland CA), Ngat Nguyễn (Mount Prospect IL), Phan Ngọc Cang (AUSTRALIA), Trịnh Văn Hiếu (Orange CA), Lan Nguyễn (Dale City VA), Hoàng Thị Trang (Los Angeles CA), Nguyễn Thị Suối Kiệt (CANADA), Vũ Thành An (Portland OR), Trần Thanh Long (Westminster CA), Thích Minh Đức (Redwood City CA), Thuận Thị Hứa (St Louis MO), Lê Thị Hạnh (CANADA), Nguyễn Hữu Lợi (CANADA), Dany Hồ (CANADA), Lê Văn Tư (JAPAN).

Trần Hưng *(Đức)*: Thùng sách Thái Tuấn gửi cho bạn từ... năm ngoái, tới nay đã... đến nơi cũ! Xin cho địa chỉ mới để gửi lần nữa. Chúc vui.

Nguyễn Thị Bích Ngọc *(Houston TX)*: Đúng như bà nhận xét, lúc đầu thì "Báo Nói" do Thế Kỷ phát hành, nhưng nay chính VNCR tự đảm nhận. Thực ra, loại "báo" này chỉ được các nhà nghiên cứu chiếu cố để có tài liệu tham khảo, chứ không phải một món hàng đại chúng, do đó VNCR không sản xuất hàng loạt cho hạ giá thành. Mặt khác, VNCR đã "lên lưới," nên thính giả các nơi có thể nghe cùng lúc phát thanh, nghe lại một số bài còn lưu trên "web-page," hoặc có thể "download" để... nghiên cứu thêm, nên lại càng không cần sản xuất nhiều băng mỗi lần.

Trần Văn Chương *(Chicago)*: Báo đến nơi bị rách, nát, hoàn toàn là do bưu điện (thường là nơi đến), chứ tòa báo không vô tình đến mức gởi đi một tờ báo "tả tơi" như ông mô tả. Chúng tôi đã gửi tới ông một số báo khác. Năm ngoái, đọc báo Mỹ, chúng tôi thấy ở Chicago còn có một "mailman" quỷ quái đã giục cả bó thư vào một xó nhà, thành ra báo rách mà còn tới người nhận là... tiến bộ hơn rồi! Cám ơn ông đã cho biết để chúng tôi kịp đền bù. Chúc ông luôn vui.•

DI SẢN CỦA ĐẶNG TIỂU BÌNH

NGÔ NHÂN DỤNG

Mao loạn trời gây động đất

Đặng bình dân có cơm ăn

Các vị Hoàng đế Trung Hoa bao giờ cũng lo sau khi họ chết liệu có kẻ nào xâm phạm mồ mả của họ hay không. Kẻ thù của họ có khi tới khai quật mộ phần, rồi ngay cả những kẻ trộm cắp vặt, với lý do hoàn toàn phi chính trị cũng có thể đào bới mồ mả để tìm châu báu. Các Hoàng Đế Đỏ thời nay có những mối ưu tư khác. Mối ưu tư lớn của họ, là các chính sách, chủ trương họ đặt ra cho đời sống hơn một tỷ người có bị đào lên, đem hủy bỏ hay không. Không một đài kỷ niệm nào lớn hơn các kỷ cương lâu bền được xã hội duy trì. Mao Trạch Đông hay Đặng Tiểu Bình trước khi chết chắc đều tự hỏi, như câu thơ Vũ Hoàng Chương: "Ta còn để lại gì không? Kìa non đá lở, này sông cát bồi." Ở bên Tầu, động đất và lũ lụt vốn được coi là những thông điệp cho biết "Thiên mệnh" được trao cho ai.

Năm 1976, hai tháng trước khi Mao Trạch Đông chết, động đất lớn ở Đường Sơn làm chết hơn 300 ngàn người. Năm ngoái, động đất và lũ lụt xẩy ra ở Trung Quốc, nhiều người đoán đó là điềm Đặng Tiểu Bình sắp qua đời. Nhưng hình như Trời Đất không giận họ Đặng đến mức nổi cơn thịnh nộ. Gần một năm sau họ Đặng mới ra đi. Nhìn thiên tượng chỉ thấy ngày mồng một tết năm nay sao chổi Hale-Bobb xuất hiện. Sao chổi này hàng 4 ngàn năm mới đến gần trái đất một lần. Vào lúc Đặng Tiểu Bình mất, nước Trung Hoa phải chăng đang bước vào một kỷ nguyên mới?

Khi Mao Trạch Đông qua đời, mối băn khoăn của ông là sau ông thì cuộc "cách mạng thường trực" mà ông muốn diễn ra hoài hoài ở Trung Hoa có còn tồn tại không, hay là sẽ bị thư lại hóa thành một hệ thống cho các "quan đảng viên" chia phần thụ hưởng? Mao chỉ định Hoa Quốc Phong kế vị, nói rằng "Có anh đảm nhiệm tôi chết cũng yên tâm." Chỉ một năm sau, Trung Quốc rũ bỏ cuộc cách mạng văn hóa vô sản của Mao, và Hoa Quốc Phong được cho về nghỉ hưu. Như Pasternak viết: "Người ta không thể chỉ ăn ớt mà sống," người dân bình thường, ở nước nào cũng vậy, không thể suốt ngày đêm hô khẩu hiệu cách mạng, phê đấu, học tập kinh kệ Mác-Mao. Người ta cần đời sống bình thường.

Đặng Tiểu Bình có lẽ không phải lo âu như Mao. Sau một phần tư thế kỷ trải qua "cơn điên mê cách mạng" của Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình là người đưa nước Trung Hoa trở lại con đường dẫn tới cuộc sống bình thường. Dấu hiệu của cuộc sống bình thường là khi người dân được để yên tự mình làm ăn sinh sống, không cần suy tính coi bí thư chi bộ có chuẩn y chăng; khi không cần học tập chủ nghĩa nào mà vẫn có miếng ăn; khi mọi người có thể cộng tác với nhau trong việc sinh nhai, không phải đêm ngày gồng mình đấu tranh và nhìn đâu cũng thấy kẻ thù. Chính Đặng Tiểu Bình đã đưa Trung Quốc trở lại con đường dẫn tới đời sống bình thường.

Như vậy thì Đặng Tiểu Bình không phải lo lắng nhiều như Mao Trạch Đông. Vì cuộc sống bình thường một khi được phục hồi sẽ khó bị lấy mất đi.

Sau một phần ba thế kỷ mê lú trong cơn say cách mạng vô sản, người Trung Hoa nhờ ông mà được sống tự do hơn, chăm sóc mảnh vườn của mình, chờ ngày hái rau ăn mà không lo bị báo cáo với công an khu vực. Người ta có thể mang rau ra chợ bán, có tiền thì được mua thịt về ăn mà không bị kết tội gây mầm mống cho chủ nghĩa tư bản. Cái thú vui giản dị là khi về nhà với vợ con thì không còn lo lắng về lập trường và chủ nghĩa nữa. Cuộc sống bình thường đó, tự nó có sức mạnh tồn tại. Và đó là di sản của ông Đặng Tiểu Bình. Di sản đó sẽ tồn tại, vì không dân tộc nào muốn bị trói trở lại sau khi đã được cởi trói ra.

Công trình của ông không có gì khác hơn là cởi trói cho dân tộc ông. Nhưng cũng phải là người có can đảm lắm mới dám tự cởi trói cho mình, ngay trong cách suy tư của mình, và từ đó

cởi trói cho người khác. Lý Quang Diệu đã bầy tỏ niềm khâm phục về sự can đảm của Đặng. Ông Lý nhắc lại khi Đặng Tiểu Bình bắt đầu cởi trói cho dân Trung Quốc, ông ta đã 74 tuổi. Ở cái tuổi đó nhiều người không còn chí khí để mà thay đổi cuộc đời mình, nói chi đến thay đổi cuộc đời cả tỷ con người. Trong hồi ký của Khruschev ông kể năm 1957 Mao Trạch Đông đã chỉ Đặng Tiểu Bình nói rằng 'Đừng coi thường anh chàng bé tí tẹo kia. Hắn đã đánh bại một triệu quân của Tưởng Giới Thạch. Tương lai hắn còn sáng lắm.'' Đặng chỉ cao 1m54. Ông là Chính ủy của đạo quân đánh trận sau cùng đuổi quân Tưởng ra khỏi Nam Kinh, Thượng Hải, Hàng Châu.

Đặng Tiểu Bình

Lý Quang Diệu cũng nhắc lại năm 1978, Đặng Tiểu Bình để hơn hai tiếng đồng hồ khuyên họ Lý và các nước chung quanh hãy coi chừng Việt Nam, một quân cờ của Nga Xô. Họ Lý cũng để một giờ rưỡi để khuyên ngược lại: ''Tại sao chúng tôi lo lắng về Nga Xô, một nước ở xa tít? Các nước Đông Nam Á chỉ lo Trung Quốc gây rắc rối mà thôi.'' Thời Mao Trạch Đông, các nước láng giềng đều sợ Trung Cộng xuất cảng cách mạng sang nước họ để gây loạn thường xuyên. Nhưng Đặng Tiểu Bình vẫn tỏ ra sửng sốt trước lời khuyên của Lý Quang Diệu, ông hỏi ''Chúng tôi phải làm gì?'' Lý khuyên ông hãy ngưng việc xuất cảng cách mạng, Đặng hứa sẽ suy nghĩ. Mấy năm sau khi gặp lại nhau, Đặng Tiểu Bình đã khoe với họ Lý việc ông đã ngưng lại và trấn an vùng Đông Nam Á ra sao. Hoàng đế ngự trị trên một tỷ dân biết nghe và làm theo lời khuyên của ông thủ tướng một hòn đảo hai triệu người, thái độ đó thật can đảm. Lý Quang Diệu kết luận rằng nếu không có chính sách ngoại giao ôn hòa của họ Đặng thì chưa chắc khối ASEAN đã đoàn kết được để khiến cuộc xâm chiếm của Việt Nam tại Cam Bốt thất bại.

Mao giống như Tần Thủy Hoàng

Đặng đóng vai Hán Vũ Đế

Cả Mao lẫn Đặng đều mê đọc *Tư Trị Thông Giám*, bộ sử mười ba thế kỷ của Tư Mã Quang, *Sử Ký*, và *Tam Quốc Chí*, nhiều hơn là đọc sách vở Mác Lê nin.

Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa mở đầu bằng nhận xét rằng lịch sử Trung Hoa có những giai đoạn hợp rồi lại tan, tan rồi lại hợp. Trong 20 thế kỷ mỗi lần thiên hạ phân tán, nội chiến lại kéo dài có khi hàng trăm năm, sinh linh đồ thán. Sau ba thế kỷ thống nhất dưới triều Mãn Thanh, phần đầu Thế kỷ 20 này là một thời kỳ phân tán của Trung Hoa. Và khi ông Đặng Tiểu Bình còn nằm bệnh, nhiều người vẫn lo rằng cái chết của ông sẽ mở đầu một thời kỳ phân tán khác. Các tỉnh ven biển càng ngày càng phát triển, độc lập với chính quyền trung ương. Dân Tây Tạng và người Hồi giáo gốc Uighur ở Tân Cương đang đòi nhiều quyền tự trị hơn, nếu không đòi độc lập.

Một vấn đề lớn nhất của chính quyền Bắc Kinh bất cứ triều đại nào là làm sao thâu được thuế của các tỉnh. Khi nào đồ triều cống ở địa phương còn chở về được Bắc Kinh, không mất ở dọc đường vì nạn sứ quân hay nông dân nổi dậy, thì thiên hạ thái bình. Hiện nay Bắc Kinh cần thu tiền các tỉnh duyên hải phía nam giàu có để trợ cấp cho các xí nghiệp quốc doanh, nhất là ở các tỉnh nội địa nghèo. Nhiều tỉnh như Quảng Đông đang dùng chế độ hộ khẩu để thiết lập hàng rào ngăn di dân, không cho người từ tỉnh khác đến xứ mình kiếm việc. Mà hiện nay Trung Hoa có 100 triệu người bỏ xứ đi kiếm việc như vậy. Nạn tham nhũng và sự chênh lệch giàu nghèo là một mầm mống loạn khác. Cho nên khi ông Đặng Tiểu Bình hấp hối người ta chứng kiến thị trường chứng khoán khắp vùng Á Đông trồi sụt, vì ai cũng lo ngại tình trạng bất ổn sẽ xảy ra. Rất may, khi nghe tin ông chết thì thị trường an tĩnh. Ở Thẩm Quyến và Thượng Hải, giá các chứng khoán còn lên chút đỉnh, hai

ngày sau khi ông Đặng qua đời.

Nhưng dù tình trạng bất ổn có xảy ra hay không, và trầm trọng đến mức nào, thì người ta có thể tin rằng không ai có thể đưa nước Trung Hoa trở về đời sống thời Mao Trạch Đông được nữa.

Trong bài thơ "Tuyết," Mao Trạch Đông đã ví mình như Tần Thủy Hoàng và Hán Vũ đế—Mao chỉ chê hai người đó không phong hoa bằng chính ông ta. Nhưng lịch sử có thể sẽ so sánh Mao với Tần Thủy Hoàng (221-210 trước TL) và Đặng giống vai trò Hán Vũ Đế (141-87 Trước TL). Sau khi Lưu Bang thống nhất Trung Hoa, phải đợi nửa thế kỷ Hán Vũ Đế mới thiết định được những kỷ cương lâu dài cho chế độ mới. Mao Trạch Đông cũng thống nhất sơn hà như Hán Cao Tổ, và triệt hạ các tư trào đối lập như Tần Thủy Hoàng đốt sách. Phải đợi đến thời Đặng Tiểu Bình thì Trung Quốc mới bắt đầu lập lại kỷ cương, hy vọng sẽ để lại ảnh hưởng lâu dài.

Theo khuyến cáo của Đổng Trọng Thư (179-107), Hán Vũ Đế đề cao Nho giáo như ý thức hệ chính thống. Nhưng trong thực tế chính trị, ông dùng các thuật trị nước của Pháp gia đời Tần nhiều hơn là đạo lý Nho gia, và nền móng đó đã tồn tại hơn 2000 năm. Cũng như bây giờ các nhà lãnh tụ Trung Quốc miệng vẫn nói Mác xít nhưng thực tế quay về với kinh tế tư bản. Vũ Đế định chế hóa chương trình giáo dục với Tứ thư Ngũ kinh, và khởi đầu chế độ thi cử để chọn quan lại. Có thể ví hành động đó như các việc bầu cử ở xã thôn và cổ phần hóa các xí nghiệp ở Trung Quốc bây giờ, vì những định chế như vậy, một khi bắt đầu sẽ tồn tại khá lâu. Nhưng thời gian trị vì của hoàng đế họ Đặng không lâu như Hán Vũ Đế. Những lãnh tụ sau ông sẽ cho chúng ta biết việc thiết lập các định chế mới cho nước Trung Hoa có thành tựu trong thế hệ này hay không.

Mèo trắng hay mèo đen

Vẫn là Lê nin nít

Đặng Tiểu Bình nổi tiếng là con người thực tế. Khi Mao Trạch Đông phê bình việc nới lỏng dây trói cho nông dân là làm sai chủ nghĩa Mác, Đặng Tiểu Bình nói "Mèo trắng hay mèo đen không quan trọng, miễn là bắt được chuột." Câu này tiêu biểu cho chủ trương thực tiễn của ông. Với tinh thần thực tiễn đó, một câu nói giản dị của ông làm thay đổi nước Trung Hoa: "Chủ nghĩa Xã hội không có nghĩa là nghèo khó." Từ đó người ta không còn sợ chuyện làm giầu và sợ người giầu nữa. Nhưng vì quá thực tế nên Đặng Tiểu Bình không nhìn xa hơn các nhu cầu trước mắt của đảng Cộng Sản Trung Quốc, để có một viễn kiến về thế giới hiện đại và tương lai dân tộc Trung Hoa trong đó. Thủy chung, ông vẫn là một người theo chủ nghĩa Lê nin, lo củng cố guồng máy đảng, kiểm soát cơ cấu nhà nước để quyết định giúp cả xã hội.

Thất bại lớn nhất của triều đại Đặng Tiểu Bình là do lối suy tư quen của một người Lê nin nít, không hiểu được một nhu cầu lớn của xã hội trong thời đại mới này là nhu cầu dân chủ hóa. Nền kinh tế thị trường mà Đặng Tiểu Bình cho du nhập vào Trung Hoa đòi hỏi sự thay đổi cơ chế, tạo lập một xã hội pháp trị, không thể tiếp tục duy trì ách đảng trị.

Nền kinh tế hiện đại dựa trên trí óc. Đây cũng là thời đại của tin học, thông tin là huyết mạch của đời sống kinh tế. Kinh tế phát triển giúp mọi người có thì giờ học hỏi và tìm hiểu thế giới chung quanh họ nhiều hơn, họ cần thông tin tự do. Trong khi đó một chế độ độc tài đảng trị dựa trên chính sách ngu dân, bưng bít tin tức. Các quyết định kinh tế được phân tản thì sẽ nẩy sinh nhu cầu phân tản các quyền lực khác. Khi người dân dần dần độc lập về việc mưu sinh thì họ cũng không thể chịu sống trong cảnh trói buộc về chính trị, họ muốn tham dự vào các quyết định chung của xã hội.

Cuộc biểu tình ở Thiên An Môn năm 1989 thực ra không đòi lật đổ chính quyền đảng, cũng không chống Cộng Sản. Biến cố đó bắt đầu từ một phong trào chống tham nhũng, chống đặc quyền của gia đình các cán bộ cao cấp, do các sinh viên, trí thức và thợ thuyền ở Bắc Kinh khởi xướng. Người dân muốn được bầy tỏ ý kiến, muốn tham dự. Mở cửa kinh tế làm sinh ra các căn bệnh mới. Chỉ một chế độ pháp trị, trong đó mọi người bình đẳng trước pháp luật, tòa án và việc thi hành luật pháp trở thành độc lập, thì mới giúp trị các căn bệnh của thời kỳ "tư bản sơ khai," trong đó có bệnh tham nhũng.

Chúng ta có thể so sánh Trung Quốc với Đài Loan thì rõ. Từ năm 1987 Tưởng Kinh Quốc đã bắt đầu cải tổ chính trị, lần lần nới lỏng chế độ đảng trị, chấp nhận đối lập, và bây giờ Đài Loan đã gần hoàn tất quá trình dân chủ hoá. Năm 1989 Đặng Tiểu Bình đã bỏ lỡ cơ hội cải tổ cơ cấu chính trị ở Lục địa như yêu cầu của các sinh viên và công nhân. Và vụ Thiên An Môn ngày 4 tháng 6 năm 1989 sẽ là một vết nhơ trong tiểu sử của ông. Thất bại lớn nhất của ông chính là chưa đặt

được nền móng cho một xã hội pháp trị trong 17 năm ông gần như toàn quyền hành động.

Thất bại trong việc thiết định các cơ chế pháp trị bắt nguồn từ bản chất con người Lê Nin nít. Họ không tin ở người dân, họ chỉ tin ở một nhóm người tự nhận là "đảng tiền phong." Họ không thể chấp nhận nhà nước như một định chế độc lập với giai cấp, với đảng phái, đóng vai trò trọng tài. Họ chỉ biết dùng nhà nước như một công cụ của đảng cầm quyền. Từ đó dẫn đến các hạn chế khác trong việc cải cách kinh tế.

Để huy động việc đổi mới kinh tế, Đặng Tiểu Bình cũng dùng uy tín cá nhân của mình hơn là thiết định các định chế khách quan và độc lập với mọi cá nhân. Khi đã về hưu, thấy nhiều lãnh tụ đảng rụt rè về việc đổi mới, năm 1992 Đặng Tiểu Bình đã đi thăm các đặc khu kinh tế ở miền duyên hải để nhắn nhủ các đảng viên cao cấp phải quyết tâm theo đuổi việc đổi mới. Trong khi đó, Trung Quốc đã có các cơ cấu như Quốc Hội, chính phủ, và ngay trong đảng Cộng Sản cũng còn có Đại hội Đảng là các nơi đáng lẽ phải quyết định về chính sách. Khi một chính sách tùy thuộc vào uy tín cá nhân như vậy thì người ngoài khó lòng tin tưởng rằng chính sách đó có tính trường cửu. Việc thay đổi lãnh tụ còn diễn ra trong vòng bí mật giữa một nhóm người thì nhà kinh doanh còn thấy quá nhiều rủi ro, bất trắc.

Cũng vì hạn chế của chủ nghĩa Lê nin cho nên Trung Quốc vẫn phải nuôi dưỡng giai cấp thư lại trong đảng qua các xí nghiệp quốc doanh. Một hệ quả là cơ cấu tài chính, thuế vụ, ngân hàng, đều không thể cải tổ theo qui củ cần thiết của thị trường. Những cơ cấu đó là một thứ hạ tầng cơ sở của nền kinh tế, nếu chưa đủ tiêu chuẩn phù hợp với thị trường thì sẽ ngăn trở ngay việc phát triển.

Tuy nhiên ai cũng phải công bằng ghi nhận một thay đổi về chính trị đã diễn ra ở Trung Quốc dưới triều của Đặng Tiểu Bình, có thể đặt nền móng cho chế độ dân chủ, và sẽ ảnh hưởng lâu dài. Đó là việc tổ chức các cuộc bầu cử ở thôn xã đã bắt đầu từ năm 1988, bị ngưng sau biến cố Thiên An Môn 1989, nhưng lại tiếp tục từ 1992 và kéo dài cho đến ngày nay. Nhật báo *Wall Street Journal* đã tường thuật cuộc bầu cử tại một làng miền Đông Bắc Trung Hoa, trong đó dân làng năn nỉ một nhà doanh nghiệp thành công, và cũng là một cựu đảng viên trong làng ra ứng cử, đánh bại ông bí thư xã. Các cuộc bầu cử âm thầm này đã diễn ra suốt những năm qua từ làng này sang làng khác, và do tổ chức "International Republican Institute" của đảng Cộng Hòa Mỹ làm cố vấn. Chuyên viên của họ đi tới mỗi làng giải thích thể lệ bầu phiếu và kiểm phiếu, huấn luyện cán bộ tổ chức, có khi cung cấp cả máy móc để kiểm phiếu. Một khuyến cáo của họ là phải bỏ phiếu kín. Ủy Ban Xã được bầu ra bị đặt dưới sự kiểm soát của một hội đồng do cấp trên chỉ định, nhưng việc đi bầu là một cơ hội cho người dân thôn xã được thực tập lối sống dân chủ. Cơ hội này cũng nhờ Đặng Tiểu Bình mới có.

Trong một bài diễn văn ngày 31 tháng Năm năm 1980, Đặng Tiểu Bình tuyên bố "Chúng ta phải tuyệt đối hủy bỏ hệ thống các lãnh tụ suốt đời, trong thời chúng ta đang sống... Chúng ta phải tiêu trừ chế độ phong kiến trong đời sống của đảng và trong cuộc sống xã hội." Có thể nói rằng ông chưa thực hiện được các mục tiêu đó. Khi còn sống, chính ông tiêu biểu cho thứ "lãnh tụ suốt đời," dù ông đã từ bỏ các chức vụ nhưng vẫn đầy quyền hành. Cảnh "chấp chính sau bức rèm" đó ngược lại với tinh thần pháp trị.

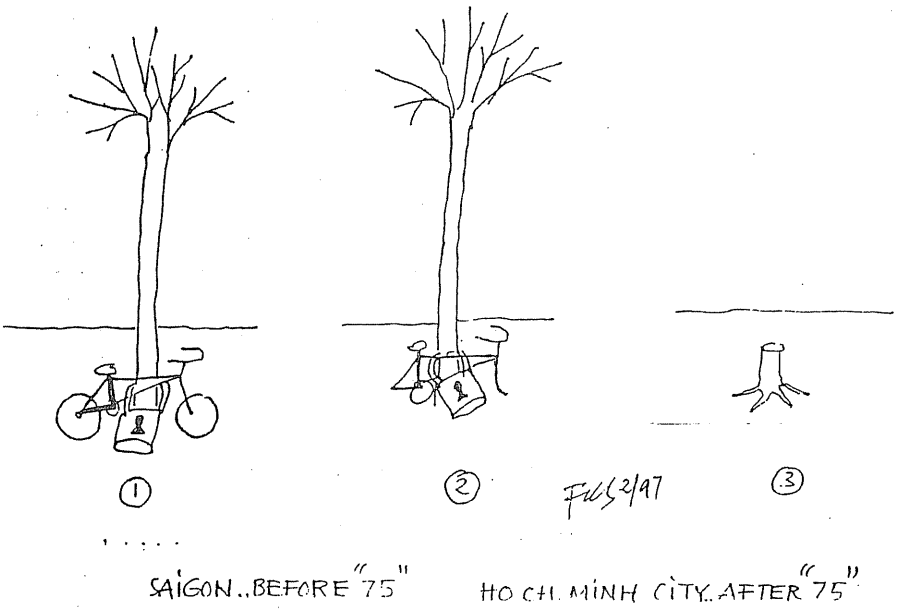

Tuy nhiên, sau khi ông chết, một dấu hiệu cho thấy Đặng Tiểu Bình cũng thành công phần nào trong việc thay đổi không khí chính trị ở nước ông. Mặc dù "lãnh tụ tối cao" qua đời, dân chúng vẫn sinh hoạt bình thường, ngoài hiện tượng giá hoa cúc tăng 30% vì nhiều người mua cho các bàn thờ tưởng niệm. Bộ điện lực tiếp tục đem bán trái phiếu trị giá 130 triệu Mỹ kim. Tướng Trì Hạo Điền, bộ trưởng quốc phòng vẫn tiếp tục chuyến công du, không vội vã về nước. Hiện tượng đó khác hẳn thời Mao qua đời. Di chúc của Đặng Tiểu Bình yêu cầu làm một tang lễ đơn giản, khác hẳn trò ướp xác để trưng bầy dành cho Mao Trạch Đông, cũng là một cử chỉ chống Mao. Chỉ có một dấu ích của quá khứ là chính quyền Bắc Kinh cấm dân lảng vảng đến đặt vòng hoa ở Thiên An Môn. Những vụ tưởng niệm tương tự, cho Chu Ân Lai và Hồ Diệu Bang đã khởi đầu các cuộc biểu tình năm 1976 và 1989.

Bắc Kinh đã có người kế vị

Hà Nội để lộ mối hận thù

Năm 1954, trong hội nghị Genève về Việt Nam, thủ tướng Chu Ân Lai tình cờ gặp ngoại trưởng Mỹ Foster Dulles. Ông Chu đưa tay ra chào, ông Dulles không chịu bắt tay, quay đi, miệng lẩm bẩm "I cannot." Chu Ân Lai, người đã từng sống ở Pháp, chỉ nhún vai.

Ngày nay không ai có thể ngoảnh mặt làm ngơ với nước Trung Hoa. Những gì xẩy ra ở Trung Quốc sẽ có ảnh hưởng trên thế giới, trước nhất là đến các nước chung quanh. Cái chết của Đặng Tiểu Bình là một biến cố mà hậu quả mọi người đều phải suy nghĩ.

Mối quan tâm đầu tiên là người nào sẽ thay thế Đặng Tiểu Bình và liệu cuộc tranh chấp quyền kế vị có gây ra xáo trộn và thay đổi đường lối ngoại giao của Trung Quốc hay không?

Hiện nay Giang Trạch Dân đang rất vững. Từ khi Đặng Tiểu Bình còn sống, Giang đã giữ ba chức vụ rường cột: Tổng Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch nước, và Chủ nhiệm Quân Ủy Trung ương. Điều đó chứng tỏ Giang đã được Đặng Tiểu Bình chấp nhận. Sự chấp nhận của họ Đặng là một yếu tố bảo đảm tính cách "chính thống" ở Trung Quốc. Trong bẩy năm qua, Giang đã có thời giờ củng cố vây cánh, trong đó nhiều người vốn thân cận với Đặng Tiểu Bình. Năm nay Giang trao cho Đinh Quan Canh, phụ trách Vụ Tuyên Huấn, cổ động chiến dịch "Văn Minh Tinh thần" do Giang khởi xướng. Mùa hè vừa qua, chính Đinh Quan Canh là người soạn thảo các tài liệu cơ bản cho chiến dịch này. Mà họ Đinh vốn là bạn chơi bài Bridge của Đặng ngày trước. Năm 1982, lần đầu tiên Đặng Tiểu Bình qua thăm Bắc Hàn, Đinh tháp tùng dù không có trách vụ nào, ngoài việc đánh bài với Đặng trên xe lửa. Năm 1989, khi Giang lên làm Tổng Bí thư thì Đinh cũng bắt đầu là một trong bốn Bí thư Trung ương Đảng. Cuối năm nay, trong kỳ đại hội đảng thứ mười lăm, Đinh hy vọng sẽ vào Thường Vụ Bộ Chính trị.

Giữa Giang Trạch Dân và Lý Bằng, Kiều Thạch, Dương Thượng Côn, v.v. khó xẩy ra những xung đột có thể đưa đến đổ vỡ. Họ đã bắt đầu thực tập việc chia sẻ quyền hành dưới sự giám sát của Đặng Tiểu Bình. Dù họ có bất đồng ý kiến thì tựu chung họ cũng vẫn đi theo các nét chính mà Đặng Tiểu Bình đã vạch ra, nghĩa là thay đổi nền kinh tế Trung Quốc một cách tiệm tiến.

Các nước bên ngoài chỉ lo ngại về chính sách ngoại giao của Trung Quốc, sau khi Đặng Tiểu Bình qua đời.

Chính phủ Hà Nội hiển nhiên không ưa Đặng Tiểu Bình, người đã công khai tuyên bố sẽ cho Việt Nam một bài học, trong lúc tướng Lê Đức Anh đang chỉ huy cuộc xâm chiếm Cam Bốt. Có thời báo chí ở Việt Nam vẫn gọi tên ông là "Đặng Lưu Manh." Cuộc chiến biên giới Trung Việt năm 1979 là bài học mà Đặng Tiểu Bình đã dọa. Nhưng cung cách phản ứng của Hà Nội khi Đặng chết cho thấy một trạng thái giận dữ bất thường bỏ qua các nghi lễ giữa hai nước "vừa là đồng chí lại là anh em," chắc hẳn Bắc Kinh sẽ ghi nhớ. Bản văn chia buồn của Hà Nội chỉ có hai hàng lạnh lùng, báo và đài truyền hình loan tin sơ sài. Năm qua, khi Lý Bằng sang dự Đại Hội Tám, báo chí Việt Nam không đăng hình ông ta. Mối quan hệ Việt Trung không có dấu hiệu nào tốt đẹp, trong khi vấn đề Trường Sa và Hoàng Sa sẽ bắt hai bên sớm muộn cũng phải đối đầu với nhau. Các vụ buôn lậu từ phía bắc biên giới đe dọa nền công nghệ sơ khai của Việt Nam, vẫn chưa có cách nào giảm bớt.

Mậu dịch và nhân quyền

Đồng tiền sẽ quyết định

Trung Quốc vẫn cần vốn đầu tư và chuyển giao kỹ thuật từ các nước tiên tiến. Họ đang mong

được gia nhập tổ chức Mậu Dịch Thế Giới WTO để khỏi mỗi năm chờ chính phủ Mỹ duyệt xét tiêu chuẩn nhân quyền để tái tục qui chế tối huệ quốc. Nhưng các lãnh tụ mới chưa đủ uy tín để tiếp tục cải tổ mạnh dạn hơn ngõ hầu thỏa mãn các điều kiện gia nhập WTO.

Trong khi đó thì Mỹ và các nước Tây Âu, khi mặc cả về mậu dịch, vẫn đòi hỏi Trung Quốc phải thực hiện nhân quyền, nhất là phải thả các tù nhân chính trị. Một câu hỏi đáng đặt ra, là một chế độ đàn áp chính người dân của mình, bất chấp các tiêu chuẩn của loài người văn minh, thì liệu họ có đối xử với lân bang theo cung cách văn minh được hay không? Nhưng chính sách gắn nhân quyền với mậu dịch liệu có hiệu quả thúc đẩy Trung Quốc tiến bộ hơn trong tiến trình dân chủ hóa chăng, đó là một điều mà nhiều chính khách Mỹ cũng nghi ngờ.

Trong một bài nói chuyện ngày 18 tháng Hai, ở sinh quán cố tổng thống Nixon, cựu ngoại trưởng Henry Kissinger nói rằng người Mỹ không nên lên mặt dậy dỗ người Trung Hoa nhiều quá. Ông nhận xét: "Lịch sử Trung Quốc có đến mươi triều đại trị vì một thời gian dài hơn cả lịch sử nước Mỹ." Trong một dịp khác Kissinger viết "Chính sách ngoại giao của Trung Quốc không do ý thức hệ Cộng Sản hướng dẫn, mà do tinh thần dân tộc ngày càng mạnh hơn. Tinh thần đó có thể bị khích động thêm nếu chính sách của Mỹ có tính cách đối đầu... Mỹ và Trung Quốc cùng có lợi khi tránh không để chiến tranh xảy ra ở Á châu, và mối bất đồng giữa Trung Quốc với lân bang còn lớn hơn bất đồng với Mỹ." (*Newsweek, 27-02-97*) Trong mối liên hệ Hoa-Mỹ, Trung Quốc cần giữ tình trạng giao hảo, vì số hàng xuất cảng của họ sang Mỹ quá lớn, không dễ đem hy sinh (Trung Quốc xuất cảng sang Mỹ 51.49 tỉ, và nhập cảng từ Mỹ chỉ 11.97 tỉ) . Nhưng tự ái dân tộc của các dân tộc Á Đông là một điều người Mỹ thường không cảm thấy được.

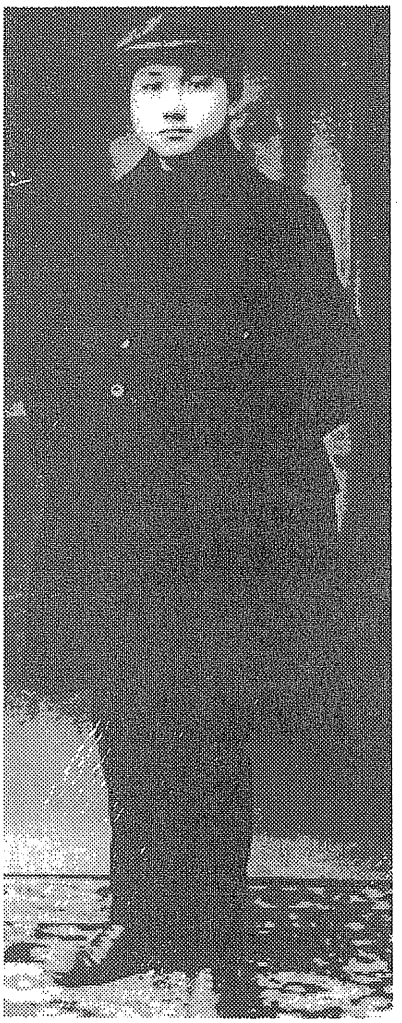

Đặng Tiểu Bình năm 1920, 16 tuổi, trước khi đi Pháp học làm thợ ở nhà máy Renault

Thế giới và các nước trong vùng sẽ nhìn vào Hồng Kông sau ngày 1 tháng Bẩy để bắt mạch Trung Quốc. Theo thỏa ước giữa Anh và Trung Quốc thì Hồng Kông sẽ có một qui chế tự trị và nền hành chánh, tư pháp vẫn giữ nguyên như cũ. Nhưng liệu các quyền công dân cơ bản trong Đạo Luật Nhân Quyền (The Bill of Rights) đang áp dụng ở Hồng Kông có được tôn trọng hay không? Đặc biệt là quyền tự do hội họp và tự do báo chí. Mối lo lớn đối với các nhà đầu tư là liệu tòa án ở cựu thuộc địa này còn giữ được tính cách độc lập, theo truyền thống Anh quốc hay không. Trong khi đó, trên tờ *Wall Street Journal* ấn bản Á châu, giáo sư kinh tế Milton Friedman tự hỏi làm sao một nước có chủ quyền có thể duy trì hai thứ tiền tệ: Nhân dân tệ của Bắc Kinh và Đô la Hồng Kông, đồng đô la này lấy Mỹ kim làm bản vị.

Đầu năm nay, thủ tướng Nhật Hashimoto đã đi một vòng các nước Đông Nam Á, đề nghị một hình thức liên minh với Nhật. Các nước trên đều lễ phép từ chối, rõ ràng vì không ai muốn khiêu khích Trung Quốc. Trung Quốc cũng cần tiền đầu tư của Nhật, Đại Hàn, của các Hoa kiều ở Thái Lan, Tân Gia Ba, Indonesia, Đài Loan. Trung Quốc cần phát triển mậu dịch với tất cả các nước trong vùng cũng như với Tây phương. Chính nhu cầu kinh tế sẽ là một yếu tố khiến cho nền ngoại giao Trung Quốc, dù Đặng Tiểu Bình còn hay không, cũng phải mềm dẻo và hòa hoãn. Nhưng điều đó không có nghĩa là Việt Nam sẽ được yên ổn nếu tỏ thái độ bất thân thiện với Trung Quốc. Chúng ta phải nhớ lại, sau khi đại phá quân Nguyên, vua Trần Nhân Tông vẫn dâng sớ cầu hòa, trong sớ nhà vua tự gọi mình là một "vi thần."●

AI KẾ NGHIỆP ĐẶNG TIỂU BÌNH?

HÀ TƯỜNG CÁT

Thế giới từ lâu vẫn chờ đợi một cuộc đấu tranh quyền lực ở Trung Quốc coi ai thay thế vai trò "siêu lãnh tụ" mà Đặng Tiểu Bình đã nắm giữ gần hai chục năm qua. Nhiều chuyên viên về Trung Quốc dự đoán cái chết của Đặng Tiểu Bình vẫn có thể đưa tới một cuộc đấu tranh quyền lực ôn hòa hay đảo chính cung đình.

Những nhân vật hàng đầu trong ban lãnh đạo đảng Cộng Sản Trung Quốc được coi như đóng vai chính trong cuộc đấu tranh quyền lực này gồm có:

Giang Trạch Dân: 70 tuổi, Tổng Bí Thư đảng Cộng Sản Trung Quốc, Chủ tịch Nhà Nước, Chủ Nhiệm Quân Ủy Trung Ương. Giang là nhân vật được coi như bất ngờ lên quá nhanh khi Đặng chọn đưa vào chức vị lãnh đạo đảng năm 1989 thay thế Triệu Tử Dương, ít tuần lễ sau vụ Thiên An Môn. Cựu Thị trưởng và Bí thư Thành ủy Thượng Hải, Giang Trạch Dân đã củng cố vị trí chính trị tương đối yếu của mình bằng cách dựa vào thế lực ở Thượng Hải và lôi kéo giới quân sự cùng phái bảo thủ trong đảng. Cho đến bây giờ, Giang Trạch Dân là người nắm giữ nhiều thực quyền nhất, cũng tự xây dựng một vai trò quốc tế qua nhiều chuyến công du và hội nghị ở nhiều quốc gia.

Lý Bằng: 68 tuổi, Thủ tướng Chính phủ, thuộc phái bảo thủ, gắn bó với giới đảng viên già nua kỳ cựu. Năm 1989 Lý Bằng bị nhiều chỉ trích vì việc ban hành quân luật và chủ động cuộc đàn áp phong trào tranh đấu dân chủ ở quảng trường Thiên An Môn. Nhiệm kỳ Thủ tướng của Lý sẽ phải kết thúc năm 1998, nhưng có lẽ còn nắm giữ nhiệm vụ quan trọng.

Kiều Thạch: 71 tuổi, Chủ tịch Quốc Hội, Ủy viên Thường Vụ Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Bảo mật Trung ương. Kiều đã có công chuyển hóa Quốc Hội bù nhìn Trung Quốc thành một cơ cấu lập pháp có thực quyền làm luật. Ông ta cũng thúc đẩy việc huấn luyện luật sư và thẩm phán. Sau Giang Trạch Dân, Kiều Thạch được xem là nhân vật có khả năng giữ vai trò kế vị Đặng Tiểu Bình hơn hết. Nhưng với quá khứ đã là trùm công an và tình báo hải ngoại, Kiều không có vẻ muốn rời bỏ vị trí ở Quốc Hội.

Vạn Lý: 80 tuổi, Cựu Chủ tịch Quốc Hội và Ủy viên bộ Chính trị, hiện nay chỉ còn giữ vai trò nghi lễ. Nhưng Vạn Lý lại là người thân cận với Đặng Tiểu Bình và có thể được đưa lên một vị trí tượng trưng.

Dương Thượng Côn: 89 tuổi, cựu Chủ tịch Nhà Nước và Phó Chủ tịch Quân Ủy Trung ương. Từ 1992, Dương đã "nghỉ hưu" và chỉ còn giữ vị trí danh dự, nhưng vẫn còn nhiều thế lực, đặc biệt là từ các giới đệ tử thân thuộc và trong gia đình.

Châu Dung Cơ: 68 tuổi, Phó Thủ tướng và nguyên Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước, người kế vị Giang Trạch Dân làm Thị trưởng Thượng Hải năm 1988. Châu là nhân vật chính trong việc hoạch định thuế khóa và cải tổ tài chánh ở Trung Quốc, nhưng cũng là mục tiêu cho giới bảo thủ trong đảng đả kích.

Lý Thụy Hoàn: 62 tuổi, Ủy viên Thường Vụ BCT, Chủ tịch Hội đồng Tư vấn Trung ương. Lý xuất thân chỉ là một thợ mộc và công nhân gương mẫu, đã lên tới chức vụ Thị trưởng Thiên Tân trước khi vào hàng ngũ lãnh đạo cao cấp. Lý Thụy Hoàn được coi như một phụ tá trung thành của Đặng, với tuổi tác tương đối thấp, có tham vọng trở thành Thủ tướng hay Chủ tịch Quốc Hội.

Hồ Cẩm Đào: 54 tuổi, Ủy viên trẻ nhất trong Thường Vụ Bộ Chính Trị, tiêu biểu cho thế hệ đảng viên sau thế hệ Đặng Tiểu Bình. Hồ phụ trách công tác tư tưởng và tổ chức đảng, giữ vai trò chỉ định nhân sự. Hồ Cẩm Đào đã nắm đảng bộ Tây Tạng, điều khiển những vụ đàn áp năm 1988 và 1989.

Lý Lan Thanh: 65 tuổi, Phó Thủ tướng đặc trách mậu dịch, Bộ trưởng ngoại thương từ 1990 đến 1993 và được coi là một chuyên gia có khả năng, thông thạo Anh ngữ và Nga ngữ. Lý là một Ủy viên Bộ Chính Trị, được xem là người có thể thay thế Thủ tướng Lý Bằng.

TRUNG HOA SAU ĐẶNG TIỂU BÌNH

TỪ MAI

Trong ít ngày vừa qua, tôi có hoàn cảnh đọc một số bản tin quốc tế để biết qua ý kiến các học giả, các nhà chuyên môn về Hoa lục, và nhận thấy có nhiều dự đoán thật khác nhau. Có những vị cho rằng việc chuyển tiếp quyền lực sang tay Giang Trạch Dân đã hoàn tất, và tình trạng chính trị ở Trung Hoa sẽ hoàn toàn ổn định. Có vị khác dự phóng một cuộc tranh giành quyền lực thật khốc liệt, đưa đến những xáo trộn lớn với tầm vóc nội chiến, và nhiều địa phương ở Trung Hoa sẽ tách khỏi trung ương. Mỗi vị đưa dự đoán đều nêu được những luận cứ vững chắc để bênh vực ý kiến của mình. Phân tích tình trạng Trung Hoa hiện nay một cách thật khách quan, có lẽ chúng ta có thể đưa ra một nhận xét tổng hợp như sau:

Giang Trạch Dân

I. Xét một cách ngắn hạn và trên bề nổi, sẽ không có xáo trộn chính trị đáng kể nào xảy ra tại Trung Hoa trong khoảng một năm tới. Việc Giang Trạch Dân thâu tóm mọi quyền lực tối cao sẽ ổn định trong khoảng một, hai năm.

Việc Đạng Tiểu Bình đau nặng nhưng vẫn sống từ trên ba năm nay (từ đầu 1994) giúp Giang Trạch Dân thêm thời giờ củng có quyền hành. Đúng như các báo vẫn nhắc tới, Giang hiện nắm trong tay ba chức vụ cao nhất:

- Trong hệ thống đảng Cộng sản: Tổng Bí thư đảng. Giang đang vận động để được mang danh hiệu "Chủ tịch đảng," danh hiệu của Mao trước kia;
- Trong hệ thống chính quyền: Chủ tịch nhà nước;
- Trong hệ thống quân đội: Chủ tịch Trung ương Quân sự Ủy viên hội.

Thêm vào đó, sau hơn bảy năm cầm quyền, Giang đã đưa được nhiều người thân cận nắm giữ một số chức vụ trọng yếu trong hệ thống đảng C.S. cũng như trong quân đội và chính quyền: hai Ủy viên Bộ Chính trị đồng thời cũng là Ủy viên Ban Bí thư (Ngô Bang Quốc và Khương Xuân Vân), hai trong bốn Phó Thủ tướng (họ Ngô và họ Khương vừa kể), Trì Hạo Điền và Trương Vạn Niên đã được bàu làm Phó Chủ Tịch. Ngoài ra, một số tướng lãnh thân cận với Giang đang nắm các chức vụ then chốt trong Tổng bộ Chính trị, Tổng bộ Hậu cần, cùng Tổng bộ Hậu cần, cùng một số quân khu quan trọng như Bắc Kinh, Nam Kinh, Thẩm Dương (tức Mãn Châu). Trên danh nghĩa cũng như trên thực tế, *Giang đã ở vị thế mạnh hơn tất cả các đối thủ.* Cùng với tâm lý chung của dân Trung Hoa hiện nay không muốn xáo trộn lớn vì sợ đất nước sẽ phân hóa như Liên Bang Xô Viết cũ, Giang Trạch Dân nhiều phần sẽ nắm được quyền một cách yên ổn trong khoảng từ một đến hai năm, ít nhất là cho đến Đại hội đảng Cộng sản Trung hoa kỳ thứ 15, dự tình tổ chức vào tháng Mười năm 1997 này.

II.Xét một cách dài hạn, Trung Hoa đang phải đương đầu với nhiều khó khăn với tầm vóc trọng đại chưa tìm ra cách giải quyết, trong khi Giang Trạch Dân không thuộc loại lãnh tụ xuất sắc, hoặc có những tư tưởng độc đáo như Đặng Tiểu Bình, hoặc thu hút được quần chúng như Mao. Tình trạng ổn định hiện nay rất khó kéo dài.

1) Đất nước phát triển không đồng đều. Mức chênh lệch giữa địa phương giàu với địa phương nghèo đã gây nên những mâu thuẫn rất trầm trọng. Ai cũng chỉ nghĩ đến lợi riêng và tham nhũng đến mức độ khủng khiếp. Chính Giang Trạch Dân đã lên tiếng than thở: "Tiền vào tay tư nhân nhiều hơn vào tay chính phủ, vào tay địa phương nhiều hơn vào tay trung ương." Các địa phương ngày càng tiến tới tự lập, tự chủ, và đang muốn tách ra khỏi vòng kiểm soát của trung ương.

2) Việc tiếp tục duy trì các cơ sở quốc doanh thua lỗ khiến chính quyền trung ương càng ngày càng lâm thế kẹt. Nếu đóng cửa các cơ sở ấy, hàng chục triệu người thất nghiệp sẽ là mầm của bạo loạn. Nếu có gắng duy trì sẽ chỉ sa lầy thêm

và sẽ dựa mãi vào sự đóng góp miễn cưỡng của các địa phương giàu đang muốn ly khai.

3) Thêm vào đó:

- Tuy đã mua chuộc được một số tướng lãnh bằng cách thăng cấp, Giang vẫn chưa được nhiều tướng lãnh và binh sĩ tâm phục. Trái với Mao và Đặng, Giang không có chút kinh nghiệm quân sự nào;

- Việc Giang đưa nhiều người thân tín từ Thượng Hải về trung ương nắm quyền đã gây nhiều bất mãn, nhất là trong giới cán bộ chính trị và hành chánh ở Bắc Kinh. Các quan sát viên quốc tế ở Trung Hoa đã ghi nhận được rất nhiều lời than phiền: "Một băng Thượng Hải đang thao túng đất nước."

- Hiện nay Giang đang phải dựa rất nhiều vào Chu Dung Cơ (Đệ Nhất Phó Thủ tướng đặc trách Kinh tế) để lèo lái nền kinh tế và Lý Bằng (Thủ tướng Chính phủ) để giữ vững chính thể. Cả hai nhân vật này đều có thể là đối thủ của Giang. Đối thủ thứ ba, quan trọng hơn, là Kiều Thạch, đương kim Chủ tịch Quốc hội, hiện đang được thiện cảm của nhiều người, kể cả giới trí thức, do thành tích tranh đấu cho Quốc hội một vị thế xứng đáng hơn và với khuynh hướng muốn quốc gia trọng luật lệ hơn. Theo nhiều nhà quan sát, Kiều Thạch được sự ủng hộ của nhiều người ở khuynh hướng tiến bộ cũng như khuynh hướng bảo thủ.

Dân Trung Hoa từ trước vẫn có câu ngạn ngữ: "Thủy lạc, thạch xuất" (nước rút xuống thì đá hiện ra).

Theo nhiều ký giả ngoại quốc đang ở Trung Hoa hiện nay, dân chúng gần đây hay nhắc tới câu ngạn ngữ ấy nhưng đổi đi một chữ, thành: "Giang Lạc, Thạch xuất" (Giang rụng xuống, Thạch xuất hiện).

- Một số tướng lãnh và đơn vị quân đội vẫn còn trung thành với hai anh em Dương Thượng Côn và Dương Bạch Băng, đối thủ của Giang. Dương Thượng Côn đã bị cho về hưu nhưng Dương Bạch Băng vẫn còn làm Ủy viên Bộ Chính trị.

- Chưa kể một số tướng lãnh khác vẫn có tham vọng riêng, không phục Giang trạch Dân, họ có thể tìm ủng hộ một lãnh tụ chính trị khác. Một lãnh tụ chính trị vẫn được coi là có "liên hệ tốt" với quân đội là Đệ Nhị Phó Thủ tướng đặc trách kế hoạch Châu Gia Hoa.

Nói tóm lại, con đường tiến lên địa vị tới cao của Giang Trạch Dân và tới sự ổn định chính trị của Trung Hoa còn rất nhiều bất trắc. Tình trạng ổn định và thống nhất bề ngoài của Trung Hoa hiện nay không chắc chắn, chỉ là tạm thời.

Điều đáng quan tâm là ở Trung Hoa cũng như trong các nước theo chính sách độc tài Cộng sản, không có một định chế đáng tin cậy và một tinh thần trọng luật đúng mức khả dĩ giúp việc chuyển quyền ở cấp cao xảy ra được êm thấm và hợp lý. Sau khi Mao chết, người được chỉ định kế vị là Hoa Quốc Phong, tuy đã ở cương vị "Chủ tịch đảng Cộng sản Trung Quốc," cũng chỉ cầm quyền được có hơn một năm trước khi bị gạt ra. Thay Hoa là một người từng bị kết tội "đi sai đường lối" trước đó (Đặng Tiểu Bình). Hai người tiền nhiệm của Giang Trạch Dân trong chức vụ Tổng Thư ký đảng, là Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương tuy giữ chức vụ cao nhất trong hệ thống đảng vẫn bị gạt xuống một cách rất dễ dàng do một nhóm người không giữ chức vụ chính thức nào (Đặng Tiểu Bình cùng một số đảng viên lão thành). Vì thế, chuyên tập trung trong tay cả ba chức vụ cao cấp nhất chưa đủ bảo đảm tương lai cho Giang Trạch Dân.

Theo nhiều nhà quan sát am hiểu về Hoa lục, khi không đủ khả năng và hậu thuẫn đáng tin cậy, việc nắm giữ cả ba chức vụ cao cấp như thế có khi còn chông chênh, nguy hiểm thêm cho Giang: Giang sẽ là đối tượng duy nhất nhận lãnh mọi oán trách, bất mãn từ phía dân chúng, và sẽ một mình lãnh trọn sức mạnh mọi mũi tấn công từ phía các đối thủ.

Riêng cái tên Giang Trạch Dân cũng có thể gây tai hại cho Giang. Sau một trận lụt lớn tại Hoa Nam ít năm trước đây, một ký giả ngoại quốc từng được nghe dân chúng than phiền: "Tại sao chúng ta bị lụt? Cứ xem cái tên Chủ tịch nước thì biết!" "Trạch Dân" có nghĩa là "ơn đức thấm tới dân," danh hiệu rất thích hợp cho một lãnh tụ cao cấp. Phiền một nỗi đứng sau chữ "Giang" (sông), nghĩa chung cả ba chữ lại là: "sông thấm vào dân, sông làm dân bị thấm ướt." Trong khoảng hai năm tới, nếu một trận lụt lớn lại gieo xuống đầu dân Trung Hoa thì thật là một thống khoái cho các đối thủ của Giang.

* Không có hôn nhân xấu, chỉ có vợ chồng xấu thôi.

— Rachilde

* Ở đâu có hôn nhân không ái tình, ở đó sẽ có ái tình không hôn nhân.

— Franklin

CUỘC ĐỜI CHÍNH TRỊ THĂNG TRẦM CỦA ĐẶNG TIỂU BÌNH

NGUYỄN NGỌC MINH

Trần Vân, một lãnh tụ cao cấp của Đảng Cộng Sản Trung Quốc, có lần nhận xét sau khi Mao Trạch Đông chết: "Nếu Mao chết năm 1956, chắc hẳn ông đã được coi là một trong những lãnh tụ vĩ đại nhất trong lịch sử Trung Hoa. Nếu ông chết năm 1966, chúng ta cũng vẫn nói rằng những điều tốt của ông nhiều hơn những điều xấu. Chẳng may, ông chết năm 1976."

Loại đánh giá tương tự như trên cũng có thể áp dụng cho Đặng Tiểu Bình. Nếu ông Đặng chết năm 1984, chắc hẳn ông đã được coi là một trong những người cải thiện vĩ đại nhất của Trung Hoa. Nếu ông chết năm 1987, trước vụ Thiên An Môn, phán xét lịch sử dành cho ông chắc tốt đẹp hơn.

Ông Đặng Tiểu Bình, qua đời hôm Thứ Tư 19 tháng Hai ở tuổi 93, xuất hiện lần cuối trước công chúng Thượng Hải năm 1994, nhưng đóng góp đáng kể cuối cùng của ông vào chính sách của Trung Quốc là năm 1992, khi ông công du các tỉnh miền nam để thúc đẩy gia tăng tốc độ cải tổ kinh tế. Bằng chứng cho thấy ông vẫn còn tiếp tục có nhiều ảnh hưởng — dù không còn giữ chức vụ chính thức nào — là những bài diễn văn "du giang nam" của ông đã làm hồi sinh nền kinh tế đang ngưng đọng của Trung Quốc và khởi đầu cho một đợt sóng tăng trưởng mới.

Gia đình ông Đặng nói rằng sở dĩ ông sống lâu là vì một ước muốn sau cùng, như ông từng nói: "Tôi muốn sống tới năm 1997 để chính mắt tôi sẽ được thấy Trung Quốc nhận lại chủ quyền ở Hồng Kông."

Đặng Tiểu Bình nắm quyền kiểm soát Đảng Cộng Sản Trung Quốc năm 1978. Không giống Mao Trạch Đông, một người thuộc giai cấp nông dân và chưa bao giờ đến một nước Tây phương nào, Đặng Tiểu Bình từng thấy tận mắt sự thịnh vượng ở thế giới tư bản, tại Paris năm 1920 khi ông sang làm thợ ở hãng Renault.

"Một con mèo đen hay mèo trắng chẳng khác gì nhau. Miễn rằng nó bắt được chuột thì nó là một con mèo tốt," ông Đặng tuyên bố trong đầu thập niên 1960, khi tranh luận với Mao Trạch Đông về chính sách kinh tế.

Hai chủ trương song song nhau của Đặng Tiểu Bình được đặt thành chính sách trong đại hội đảng năm 1978, là cải tổ để theo kinh tế thị trường, gồm cả việc mở ngỏ cửa cho thế giới bên ngoài, đồng thời giữ chế độ độc tài không lay chuyển của Đảng Cộng Sản.

Ông Đặng mau chóng bãi bỏ những công xã nông thôn của Mao và để cho nông dân canh tác những thửa đất của gia đình. Sản lượng ngũ cốc của Trung Quốc liền tăng vọt. Ông cho phép cư dân trong các thành phố buôn bán trong các ngành tiểu thương tư nhân, mở đầu cho loại doanh thương mà dưới thời Mao bị tố cáo là "cái đuôi của chủ nghĩa tư bản."

"Ba Món Lớn"

Cách đây 20 năm, người tiêu thụ ở Trung Quốc muốn được làm chủ "ba món hàng lớn" — máy may, đồng hồ đeo tay và xe đạp. Ngày nay những vật sở hữu này phổ thông đến nỗi chúng không còn được liệt kê trong những tường trình về hàng tiêu dùng. Người dân Trung Quốc ngày nay chắc mơ ước có một chiếc xe hơi hay một căn hộ trong chúng cư.

Năm 1978, khi ông Đặng bắt đầu cầm quyền, dưới 1% gia đình người Trung Quốc có máy vô tuyến truyền hình. Tới năm 1995, số các gia đình ở thành thị có máy truyền hình mầu lên tới khoảng 90%. Trong năm 1978, hầu như không ai có xe hơi riêng ở Trung Quốc. Ngày nay con số xe hơi của tư nhân lên tới 2.5 triệu chiếc, và tại những thành phố lớn như Bắc Kinh và Thượng Hải, con số những chiếc xe bán cho tư nhân đã vượt cao hơn số xe bán cho các cơ quan chính phủ.

Thế nhưng, trong thời gian cầm quyền ông Đặng đã không đem lại những cải tổ chính trị đi kèm với cải tổ kinh tế để thay đổi hệ thống chính trị chủ nghĩa Lê-Nin và Mao.

Di Sản Thiên An Môn

Biến cố ở Thiên An Môn năm 1989, khi quân đội Trung Quốc được sử dụng để thẳng tay đè bẹp những người phản kháng đòi dân chủ ở Quảng Trường Thiên An Môn, để lại một vết nhơ nhuốm máu của hàng ngàn sinh viên và công nhân không thể tẩy được trong sự nghiệp của Đặng.

Những cuộc biểu tình — sinh viên đòi thêm dân chủ và chống bọn tham nhũng trong Đảng Cộng Sản — đã làm lu mờ một trong những thành tích ngoại giao lớn nhất của ông Đặng, đó là cuộc viếng thăm Bắc Kinh của Mikhail Gorbachev để bình thường hóa những liên hệ giữa Trung Quốc và Liên Bang Sô Viết. Sau khi Gorbachev rời Bắc Kinh, trong khi hàng trăm ngàn người ra đường để ủng hộ các sinh viên biểu tình, chính quyền Trung Quốc ra tay. Do lệnh của Đặng Tiểu Bình, chính phủ thiết quân luật ở Bắc Kinh và gọi quân đội tới tái lập trật tự.

Thoạt tiên, quân đội rút lui khi dân chúng Bắc Kinh ngăn cản xe của họ di chuyển. Nhưng hai tuần sau, khi những người biểu tình đòi dân chủ vẫn còn tụ tập trong khu trung tâm Bắc Kinh, quân đội tiến vào thành phố. Dùng súng liên thanh và xe tăng chạy nhanh, quân đội giết hàng ngàn người trong đêm mùng 3 rạng mùng 4 tháng Sáu. Nạn nhân không phải chỉ là các sinh viên hay các công nhân biểu tình mà gồm cả các bà già và trẻ em. Nhiều ngày sau đó, các đơn vị Giải Phóng Quân xông xáo các nơi trong thành phố Bắc Kinh và nổ súng bừa bãi.

Có lẽ không bao giờ người ta có thể biết con số tử vong đích xác, nhưng các giới tình báo Tây phương ước lượng từ 1,000 tới 1,500 người chết.

Khi nói tới vụ thảm sát đó, ông Đặng không có vẻ gì ân hận. Ông tuyên bố trong một cuộc họp năm 1989 sau vụ đàn áp:

"Lần này sự giải quyết của chúng ta đối với sự rối loạn bằng phương tiện quân luật là điều tối cần thiết. Trong tương lai, nếu cần, chúng ta phải dùng những biện pháp nghiêm khắc hơn để quét sạch chúng, ngõ hầu đảm bảo nước ta không bị can thiệp từ bên ngoài và để bảo vệ chủ quyền quốc gia của chúng ta."

Vụ tàn sát khiến cả thế giới kinh hoàng. Năm 1957, trong khi giữ chức Bí thư đảng dưới quyền Mao Trạch Đông, ông Đặng đã phát động chiến dịch "chống hữu phái" trong đó hàng ngàn người trí thức bị bỏ tù hoặc lưu đầy.

Đặng Tiểu Bình thời còn làm Chính trị viên Sư đoàn

Bức Tường Dân Chủ

Ông Đặng cầm quyền trong thời kỳ 1978-79 cho phép "Bức Tường Dân Chủ" được "nở hoa" tại Bắc Kinh, cách Thiên An Môn không xa. Các bích chương dán trên tường sỉ vả Tứ Nhân Bang và các tay quá khích theo đường lối của Mao. Nhưng Đặng sau đó thẳng tay đàn áp những người trẻ tuổi muốn nhân cơ hội cổ động dân chủ thực sự. Ông ra lệnh dẹp bỏ bức tường và bỏ tù người vận động dân chủ nổi tiếng nhất thời đó là Ngụy Kinh Sinh.

Chỉ năm ngày sau vụ tàn sát đêm 3 tháng Sáu, Đặng Tiểu Bình tuyên bố rằng những cải tổ kinh tế của ông vẫn tiếp tục.

Nhưng tại Bắc Kinh và phần lớn Trung Quốc diễn ra hàng loạt những vụ đàn áp chính trị. Mục tiêu thứ nhất của đảng là vãn hồi và củng cố sự kiểm soát trên toàn quốc. Những chính sách cải

tổ kinh tế mới bị đình hoãn, tuy rằng những nỗ lực để thu hút đầu tư của ngoại quốc vẫn tiếp tục. Ông Đặng rút lui, không xuất hiện trước công chúng, chỉ tái xuất hiện đầu năm 1992 với chuyến chu du miền nam.

Con người nhiều thủ đoạn

Thú tiêu khiển của ông Đặng là môn đánh bài bridge. Trong chính trị nội bộ Trung Quốc và trong những vấn đề quốc tế, cũng như tại bàn chơi bài bridge, ông luôn luôn lấy làm thích thú khai thác tối đa những quân bài trên tay.

Trong chính sách đối ngoại, ở cuối thập niên 1970 ông dùng lá bài Hoa Kỳ chống Sô Viết. Tới cuối thập niên 1980, khi mối đe dọa từ Sô Viết giảm thiểu và Nhật Bổn gia tăng sức mạnh kinh tế và chính trị, ông quay sang tái lập những liên hệ của Trung Quốc với Sô Viết.

Tương tự như vậy, trong đường lối hành xử trong nội bộ Đảng Cộng Sản Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình ngả sang phe tả hay phe hữu, tỏ vẻ thiên về phe đổi mới trẻ tuổi hay phe bảo thủ già nua trong đảng, tùy theo thời thế từng lúc.

Các lãnh tụ khác trên thế giới khi tới viếng ông Đặng thường thấy nể ông ta và thường bị ông lấn lướt, nhất là khi các máy thu hình đang quay.

Khi TT Ronald Reagan và phu nhân, Nancy, hội kiến với ông Đặng lần đầu tiên năm 1984, ông ta quay sang bà Reagan và nói tếu: "Lần sau bà hãy sang Trung Quốc một mình, đừng cho ông ấy đi cùng."

Khi John J. Phelan, chủ tịch của New York Stock Exchange, tới viếng, ông Đặng nói đùa: "Ông có biết tại sao chúng tôi mời ông tới đây không? Chúng tôi muốn khai thác ông."

Gốc Con Nhà Khá Giả

Sinh ngày 22-8-1904 tại tỉnh Tứ Xuyên trong vùng tây nam Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình là người con thứ hai của bà vợ hai một điền chủ giầu có.

Học xong sớm, Đặng Tiểu Bình được tuyển chọn năm 1920 để cùng với 90 người Trung Hoa trẻ tuổi sang học và làm việc ở Pháp. Nhà Thanh sụp đổ trước đó chín năm, và Trung Hoa đang ở vào những năm sôi động đầu tiên của nền cộng hòa. Các sinh viên Trung Hoa đi du học là để đem về nước những ý kiến và tài năng chuyên môn để hiện đại hóa đất nước.

Tại Pháp, Đặng đi theo những người Trung Hoa khuynh tả cầm đầu bởi Chu Ân Lai, người sau này trở thành thủ tướng Trung Cộng, và Đặng phụ trách việc in và phân phát những truyền đơn chính trị do Chu và những người khác viết. Năm 1924 Đặng gia nhập Đảng Cộng Sản Trung Hoa mới thành lập.

Năm 1926, Đặng Tiểu Bình rời Pháp đi Liên Bang Sô Viết, tham dự những buổi diễn thuyết ở Mạc Tư Khoa cùng với Tưởng Kinh Quốc— con của Tưởng Giới Thạch và sau này trở thành tổng thống Đài Loan.

Trở về Trung Quốc, Đặng được những người cộng sản chỉ định làm việc cho đảng và rồi trở thành ủy viên chính trị của các đơn vị Hồng Quân trong tỉnh Quảng Tây. Theo lý thuyết của Mao về chiến tranh du kích, Đặng bị chỉ trích bởi các đồng chí cộng sản chủ trương dùng chiến tranh qui ước, bị cách chức năm 1933. Đây là vụ đầu tiên trong ba lần bị thanh trừng trong sự nghiệp chính trị của ông.

Lấy lại được thế đứng trong đảng một năm sau, Đặng đi cùng với Mao trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh dài 6,000 dặm để tránh né sự bao vây của phe Quốc Gia do Tưởng Giới Thạch cầm đầu. Một sĩ quan người Mỹ từng gặp Đặng Tiểu Bình năm 1938 mô tả ông ta là người "lùn, vạm vỡ và khỏe mạnh, với trí óc bén nhậy tinh tế như hạt cải."

Sự so sánh với món gia vị hột cải (mustard) thật thích hợp, vì ông Đặng cũng tỏ mình là người đầu bếp — cũng như nhà chỉ huy quân sự và ủy viên chính trị — có thể biến bất cứ thứ gì có trong tay thành những món ăn ngon, kể cả món thịt chó nấu nhựa mận [dog meat in brown sauce] mà Mao rất ưa thích.

Những Năm Vất Vả

Trong những năm kế tiếp, phe Cộng Sản đầu tiên đánh nhau với phe Quốc Dân Đảng, rồi đánh với quân Nhật. Khi Thế Chiến II chấm dứt, hai phe Quốc Gia và Cộng Sản lại tiếp tục cuộc nội chiến khốc liệt.

Đối với Đặng Tiểu Bình, chiến dịch quan trọng nhất là trong hai năm 1948 và 1949, khi ông cùng Thống Chế Lưu Bộ Thành cầm đầu những lực lượng đánh bại 550,000 quân thiện chiến nhất của Tưởng Giới Thạch và phá vỡ sự kháng cự của Quốc Dân Đảng dọc sông Dương Tử.

Sau khi Cộng Sản chiến thắng và chiếm trọn Hoa Lục năm 1949, Đặng giữ chức thị trưởng thành phố Trùng Khánh trong tỉnh Tứ Xuyên quê quán của ông, trước khi Chu Ân Lai gọi ông về Bắc Kinh. Ông trở thành phó thủ tướng, bộ trưởng

tài chánh, và là một trong những người thảo bản hiến pháp mới của Trung Cộng, rồi lên đến chức Bí thư Đảng Cộng Sản. Ông leo lên cao là nhờ làm việc cần cù, chú ý tới các tiểu tiết, và óc thực tế.

Đặng thường bất đồng với Mao về đường hướng của Trung Quốc. Ông ngày càng hành động một cách độc lập theo ý mình với chức vụ Bí thư đầy quyền lực; và sau này Mao có lần than rằng người thuộc cấp này đối xử với ông ta "như một ông tổ đã chết rồi."

"Ông hoàng đế nào ban ra phép đó?" Mao hỏi, khi biết tin Đặng ra lệnh trả lại đất công xã cho nông dân để tránh nạn đói, sau sự thất bại của "Bước Nhẩy Vọt" do Mao phát động năm 1958.

Tầm mức trầm trọng của nạn đói đó chỉ được biết gần đây. Trong cuốn sách "Những Con Ma Đói" ("Hungry Ghosts") xuất bản năm 1996, nhà báo Anh Jasper Becker tường trình rằng hơn 30 triệu người chết, hầu hết chỉ vì những chính sách thất bại của Mao.

Vì chống đối những chính sách của Mao Chủ Tịch, sự nghiệp của Đặng gặp trở ngại, trong khi đang có những khó khăn kinh tế và những phong trào chính trị cực tả trong thập niên 1960. Kêu gọi thi hành những cải tổ quan trọng, ông đề nghị hãy để cho nông dân có những thị trường tự do, cho công nhân hưởng những món tiền thưởng để khuyến khích họ, và nới rộng quyền hạn cho quản lý các công xưởng.

Những chủ trương khác chủ nghĩa Mao khiến ông Đặng trở thành một cái đích chính yếu bị tấn công trong thời Cách Mạng Văn Hóa. Cùng với Chủ Tịch Lưu Thiếu Kỳ, ông bị tố cáo là một "kẻ lót đường cho tư bản" và bị thanh trừng năm 1966.

Bị Vệ Binh Đỏ đả kích là chống chủ trương đấu tranh giai cấp và không muốn tiếp tục cuộc cách mạng, Đặng thú nhận trong một bản tự kiểm thảo viết cuối năm 1966 rằng ông đã chống đối nhiều chính sách của Mao và thay vì "giơ cao lá cờ tư tưởng Mao Trạch Đông," theo như sự tuyên truyền của Đảng đòi hỏi, "tôi đã không hề cầm nó lên."

Ông Đặng bị quản thúc tại gia hai năm ở Bắc Kinh, bị Vệ Binh Đỏ cho đội mũ tai lừa và dẫn đi giễu qua các đường phố, rồi phải làm công việc hầu bàn tại một trường đảng.

Năm 1969, ông Đặng bị đầy đi tỉnh Giang Tây trong vùng đông nam Trung Quốc và làm công việc thợ tiện trong một thời gian tại đó, công việc này ông đã từng học khi du học ở Pháp. Ông cùng bà vợ, Chu Lâm, và mấy người con sống trong một ngôi trường bỏ hoang bên ngoài thành phố Nam Xương, thủ phủ của tỉnh Giang Tây. Ông Đặng thường nấu ăn và làm những việc vặt như chẻ củi, theo lời một trong các người con gái của ông kể lại trong một cuốn sách. Ông dùng thì giờ rảnh để làm vườn, đánh cờ và đọc sách.

"Bọn Tứ Nhân Bang có thật nhiều quyền lực, và họ muốn giết tôi," sau này ông Đặng kể lại. "May thay, tôi được Mao Chủ Tịch bảo vệ ... Ông ấy cung cấp cho tôi một toán cận vệ."

Năm 1973 ông Đặng được phục hồi địa vị chính trị, khi Thủ Tướng Chu Ân Lai cố gắng chận đứng Cách Mạng Văn Hóa và vãn hồi sự ổn định sau bảy năm hầu như lâm vào nội chiến. Đặng được bổ nhiệm chức phó thủ tướng và chẳng bao lâu sau giữ thêm những chức vụ khác trong đảng và trong quân đội.

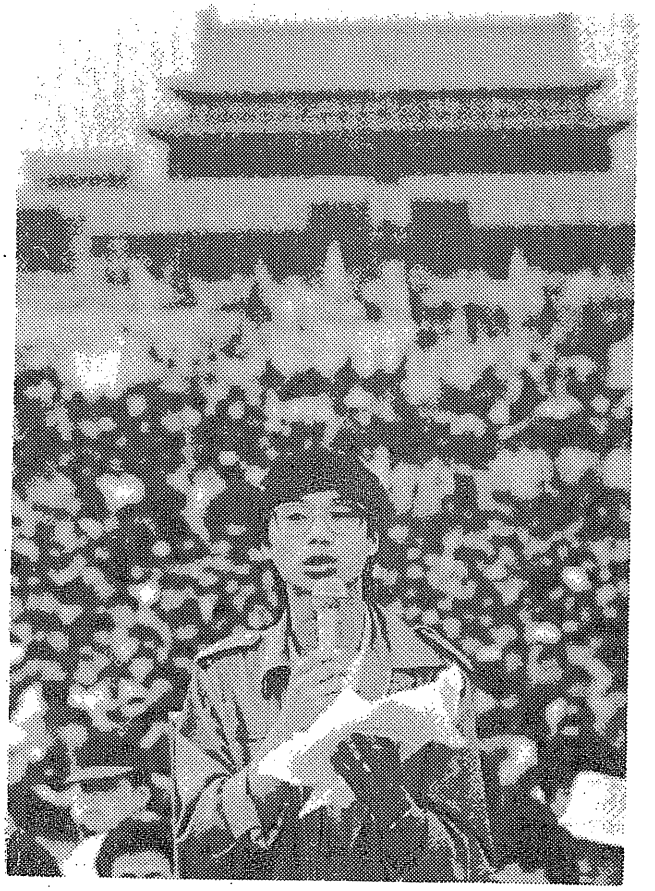

Sinh viên Vương Đán tại Thiên An Môn,1989

Bất kể những khổ nhục đã phải trải qua, ông Đặng lại trở về với những đường lối cũ.

"Hãy mạnh bạo tiến tới," ông nói với các giới chức đảng trong một bài diễn văn năm 1975 thúc giục cải tổ kinh tế. "Khi người ta nói rằng các đồng chí phục hồi chủ nghĩa tư bản, có nghĩa là các đồng chí đã làm việc tốt. Đừng sợ sự chống đối hoặc sợ bị mất chức. Chúng ta đã bị đánh ngã một lần. Tại sao chúng ta còn sợ bị đánh ngã lần thứ hai?"

Kết quả có thể đoán trước. Ông Đặng lại xung đột với Mao và những kẻ cực đoan xung quanh ông này.

Thủ Tướng Chu Ân Lai — người đỡ đầu cho ông Đặng — qua đời đầu năm 1976, và Mao bỏ rơi Đặng Tiểu Bình để cử Bộ Trưởng Nội Vụ Hoa Quốc Phong làm tân thủ tướng. Đặng qui tụ những người ủng hộ, và khi hàng chục ngàn người biểu tình chống tả phái tụ tập tại Quảng Trường Thiên An Môn tháng Tư năm 1976, Mao và những người cực đoan coi chuyện đó là mối đe dọa phản cách mạng từ Đặng phát ra và thanh trừng ông một lần nữa.

Mao chết tháng Chín năm 1976. Một tháng sau đó nhóm Tứ Nhân Bang, trong đó có Giang Thanh, quả phụ của Mao, bị bắt giữ và nhiều kẻ cực đoan bị thanh trừng khỏi đảng và chính phủ. Những tấm bích chương kêu gọi "Hãy phục chức Đặng Tiểu Bình" xuất hiện; ông được chính thức phục hồi quyền lực tháng Bẩy năm 1977.

Tới cuối năm 1978, Đặng và những người ủng hộ ông thắng thế.

Với tư cách nhà lãnh đạo Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình viếng Hoa Kỳ tháng Giêng năm 1979 — sau khi Bắc Kinh vừa mới bình thường hóa các liên hệ với Hoa Kỳ. Ông vuốt ve tự ái của Mỹ, nói tới những triển vọng giao thương béo bở, đồng thời sỉ vả Sô Viết.

Sau khi trở về Trung Quốc, Đặng cho tấn công Việt Nam, rút lui vài tuần lễ sau đó, sau khi bị những tổn thất nặng nề.

Đặng không bao giờ nhận lấy danh vị chủ tịch Đảng Cộng Sản. Nhưng ông nhận, và giữ cho tới cuối năm 1989, danh vị đáng kể nhất mà Mao đã từng giữ: Chủ Nhiệm Quân Uỷ Trung Ương.

Mở Rộng Cửa Trung Quốc

Ông Đặng mở những cánh cửa của Trung Quốc cho thế giới bên ngoài. Thoạt tiên là hàng trăm, rồi hàng ngàn, rồi hàng chục ngàn thanh niên Trung Quốc ra nước ngoài du học.

Các cơ sở kinh doanh ngoại quốc được mời tới Trung Quốc.

Ông Đặng cũng tiếp tục chính sách hạn chế sinh đẻ để giảm bớt miệng ăn và do đó giúp tăng trưởng kinh tế. Trong các vùng nông thôn, chính sách này làm mất lòng dân và nhiều khi phải dùng biện pháp cưỡng bách, kể cả việc ép buộc phá thai.

Uy tín Đặng lên tột đỉnh vào năm 1984, sau năm năm cầm quyền.

Đối với Trung Quốc, đó là một năm huy hoàng. Sau năm năm tiếp tục gia tăng sản lượng mùa màng, những cánh đồng lúa mì và những ruộng lúa sản xuất hơn 400 triệu tấn ngũ cốc, đó là sản lượng cao nhất trong lịch sử Trung Hoa, đủ để tự túc về thực phẩm cho quốc gia thường bị đói kém này.

Cùng năm đó, về ngoại giao ông Đặng đạt được thỏa ước về việc Anh Quốc trao trả thuộc địa Hồng Kông.

Tổng Thống Reagan — người ủng hộ Đài Loan mạnh nhất trong số các chính khách hàng đầu của Hoa Kỳ — viếng Bắc Kinh. Tại Thế Vận Hội 1984 ở Los Angeles, các lực sĩ Trung Quốc đoạt nhiều huy chương và kích thích niềm tự hào dân tộc.

Ngày 1 tháng 10 năm 1984, ngày kỷ niệm 35 năm tuổi của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa do Mao thành lập, Đặng ngồi trên xe đi qua Bắc Kinh trong một cuộc diễn hành vĩ đại với những chiếc xe hoa trưng bầy những biểu tượng về công cuộc hiện đại hóa và các sản phẩm tiêu dùng. Dân chúng hai bên đường reo hò: "Tiểu Bình, nị hảo?"

Hài lòng với sự thành công của những cải tổ ở nông thôn, Đặng phát động một loạt những cải tổ kinh tế mới trong các thành thị. Tại cuộc họp của Trung Ương đảng hồi tháng 10 năm đó, Đảng Cộng Sản chấp thuận một văn kiện, có tính cách lịch sử, để lần đầu tiên chấp nhận rằng lối sống tiêu dùng — sự mong muốn của dân chúng Trung Quốc được có những hàng hóa tiêu dùng — có thể giúp cho Trung Quốc đạt được phát triển kỹ nghệ.

"Xã hội chủ nghĩa không có nghĩa là nghèo khó," ông hô hào.

Tới đầu thập niên 1990, uy tín mà cấp lãnh đạo Trung Quốc đạt được trong đầu thập niên 1980 đã giảm thiểu rất nhiều, và nỗ lực của Đặng Tiểu Bình nhằm đảm bảo một sự thừa kế chính trị trong trật tự, sau khi ông qua đời, đang bị đe dọa.

(Theo Los Angeles Times)

SAU CÁI CHẾT CỦA ĐẶNG TIỂU BÌNH

LÊ VĂN TIẾN

(Trả lời phỏng vấn RFA, VNCR)
20 tháng 2, 1997

Đảng Cộng Sản Trung Quốc và Chủ Nghĩa Đại Hán

1. Sau khi ông Đặng Tiểu Bình qua đời, có lẽ không có gì thay đổi nhiều trong thế giới quan của những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc và đảng viên của họ. Theo chỗ hiểu biết của tôi thì ông Mao Trạch Đông từ khi lãnh đạo ĐCSTQ đã đưa ra cái thế giới quan cho toàn đảng là làm sao phải thực hiện cho được chủ nghĩa đại bá, kiểm soát toàn thế giới. Chữ thế giới, ngày xưa người ta quen gọi là thiên hạ. Chủ nghĩa Đại Hán nhằm cai trị toàn thiên hạ. Trong thời đại mới, Mao Trạch Đông và môn đệ cũng muốn nối cái chí lớn của các đế vương từ hơn hai ngàn năm trước mà thôi. Nhiều bài thơ của Mao đã nói lên rất rõ cái chí lớn đó. Trong bài thơ vịnh Tuyết, Mao đã tự hào rằng sự nghiệp của mình còn hơn Tần Thuỷ Hoàng Đế và Hán Vũ Đế, rõ rệt là hơn hẳn về tài văn chương. Trong một bài thơ khác Mao còn nói rõ rằng ông ta muốn làm bá chủ toàn thế giới bằng hành động'' Chém ngang Thái Sơn lấy phần trên mang đi trồng trên đất Mỹ''. Bản dịch ra tiếng Việt của bài thơ này được Hà Nội phổ biến cho cán bộ học tập rộng rãi hồi đầu thập niên 80, sau khi Đặng Tiểu Binh ra lệnh cho Hồng quân Trung Quốc tấn công vào sáu tỉnh biên giới của Việt Nam.

2. Đối với Á châu, thì Đảng và Chính phủ Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa trước sau vẫn coi tất cả các nước chung quanh là phụ dung của Trung Quốc. Bản đồ địa lý Trung Hoa Nhân Dân dùng để dạy học sinh trong các trường học từ những năm đầu của thập niên 50 đã vạch biên giới phía Đông Nam của Trung Quốc xuống tới Sarawak. Việc Trung Quốc đưa cả triệu quân sang Triều Tiên với cái cớ giúp Bình Những đánh xuống phía Nam để thống nhất đất nước, việc Trung Quốc tiến đánh Ấn Độ để mở rộng lãnh thổ, những hành động đó khiến cả thế giới phải hết sức quan tâm tới chủ nghĩa bành trướng của Bắc Kinh. Nói cho gọn thì chủ nghĩa bành trướng của Đảng Cộng sản Trung Quốc là lập lại nền cai trị của Bắc Kinh tại tất cả những nơi nào đã in dấu chân ngựa của quân đội triều đại Nguyên, bao gồm những lãnh thổ mà Tây phương thường gọi là Đế quốc Mông cổ. Việc Trung Quốc bỏ vòi sang một số nước kém phát triển ở Châu Phi dưới hình thức viện trợ kinh tế và kỹ thuật hồi thập niên 60 cho thấy ĐCSTQ còn muốn tiến xa hơn các Đại Hãn của nhà Nguyên.

3. Công thức đối ngoại cổ điển của Trung Quốc từ cổ vẫn được Bắc Kinh ngày nay áp dụng, là Viễn giao cận công, nghĩa là với các nước ở xa thì giao thiệp hoà hảo, mà với nước ở gần thì đánh chiếm để mở rộng bờ cõi. Đặng Tiểu Bình đã làm đúng như vậy hồi 1979 là giao hảo với Mỹ trong khi tiến hành chiến tranh hạn chế đối với Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt nam .

4. Từ 1990 sau khi hết chiến tranh lạnh, các nhà lãnh đạo chính trị và quân sự của Bắc Kinh bắt buộc phải điều chỉnh chiến lược bành trướng của họ theo realpolitik, cho sát với những điều kiện thực tế. Nhưng tôi nghĩ rằng căn cốt của chủ nghĩa Đại Hán của Bắc Kinh vẫn không thay đổi. Tư tưởng Mao Trạch Đông đã thấm sâu vào tâm khảm nhiều thế hệ cộng sản ở Trung Quốc, từ cán bộ đảng viên thường tới các cấp uỷ dân chính cũng như quân sự. Có lẽ còn phải lâu lắm mới có thể giáo dục họ trở lại với những quan niệm rộng rãi cởi mở về thế giới như của Tôn Dật Tiên.

Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc

1. Về phía Việt Nam, các nhà lãnh đạo ở Hà Nội thời kỳ từ 1955 đến 1975, nhất là Lê Duẩn-Lê Đức Thọ, tự cho là hiểu biết rất rõ đường đi nước bước của Mao Trạch Đông, Châu Aạn Lai rồi Đặng Tiểu Bình. Nhưng Hà Nội đã sai lầm rất nặng khiến Việt Nam phải hứng chịu những thiệt hại nghiêm trọng, có những mất mát không bao giờ và không phương cách nào bù đắp. Từ 1992 Hà Nội đã nhận ra sai lầm và tìm cách nối lại bang giao với Bắc Kinh về mặt nhà nước. Nhưng quan hệ giữa hai đảng cộng sản Việt - Trung không thể nào trở lại được như ba chục năm trước.

2. Hiện tại, từ bảy năm qua, Hà Nội học theo phương pháp của Bắc kinh rất nhiều, rõ rệt nhất là chính sách gọi là đổi mới, nhưng chỉ đổi mới về kinh tế mà không đổi mới về chính trị. Có lẽ cũng cần phải nói rõ là Hà Nội lại học theo Trung Quốc không có nghĩa là Hà Nội chịu trở lại làm một chư hầu của Bắc Kinh như thời 1954 đến 1970. Có thể nói rằng Đảng và Chính phủ Hà Nội trở lại tập luyện võ Tàu (Kung Fu), nhưng học võ của Bắc Kinh để chống lại chứ không phải để thần phục Bắc Kinh.

3. Ở gần thì Hà Nội dựa vào các nước Đông Nam Á, thường gọi ASEAN, là chính, rồi tiếp đến là Nhật, Đại Hàn , đến Đài Loan và xa nữa là UÔc. Trước hết là Hà Nội hợp tác với các nước đó là để phát triển kinh tế, thương mại và tái thiết, thứ đến là hợp tác về an ninh hỗ tương. Mặc dầu không một nước nào nói ra, nhưng đương nhiên là công cuộc an ninh hỗ tương này là phòng chống mọi ý đồ bành trướng của Bắc kinh xuống phía Nam, trên đất liền cũng như ngoài biển khơi. Thoạt đầu là Hà Nội đón tiếp các tướng lãnh Indonesia sang thăm hữu nghị, rồi bàn bạc trao đổi ý kiến với các nước hữu quan trong cuộc tranh chấp chủ quyền vùng quần đảo Trường Sa, rồi đón tiếp Bộ trưởng quốc phòng Singapore, và gần đây Bộ trưởng quốc phòng Nhật. Từ một năm qua, các nhà chiến lược của Hà Nội hướng hẳn về phía Mỹ để tìm chỗ dựa. Hôm nay đây, 20 tháng 2, 1997, một phái đoàn gồm các sĩ quan cấp cao trong Bộ Quốc Phòng Hà Nội đang có mặt trên đất Mỹ để tham quan việc huấn luyện và tổ chức phòng thủ.

4. Cuộc đàm phán giữa Việt Nam và Trung Quốc về vấn đề biên giới trên đất liền, tính đến giữa năm 1996, đã qua vòng đàm phán thứ tám mà chưa đạt được một kết quả nào.Trong khi đó, các đơn vị biên phòng Việt Nam hàng năm vẫn được khen thưởng về những chiến công đánh thắng những toán "phỉ gậm nhấm đường biên". Còn trên mặt biển thì vào tháng 5, 1996 phía Trung Quốc đã đơn phương tuyên bố chủ quyền trên một diện tích rộng 2,5 triệu km2 trên Biển Đông. Trong khi đó Hà Nội nói rõ chủ trương của họ là nỗ lực hiện đại hoá quân đội và tăng cường tổ chức quốc phòng.Theo các chuyên gia quốc tế thì ngân sách quốc phòng của Hà Nội ước tính trên dưới 1 tỷ Mỹ kim mỗi năm.

5. Chưa rõ Hà Nội tìm nguồn cung cấp vũ khí — khí tài nào để hiện đại hóa quân đội. Chỉ biết rõ các nhà chiến lược của họ nhận định rằng không có nguy cơ xâm lược đại quy mô do bên ngoài phát động, mà chỉ có nguy cơ gậm nhấm đường biên giới và xâm chiếm các hải đảo trên Biển Đông. Tuy không chỉ đích danh thủ phạm gậm nhấm và xâm chiếm là ai, nhưng rõ rệt là họ ám chỉ Trung Quốc. Đối sách của Hà Nội trước nguy cơ này là vừa đối thoại vừa đối đầu. Vào dịp kỷ niệm 51 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân tháng 12 vừa qua, Bộ trưởng Quốc phòng là Đại tướng Đoàn Khuê đã đưa ra một lời tuyên bố quyết liệt. Oạng đại tướÔng này kêu gọi "toàn quân phải luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, không để cho một kẻ thù nào xâm phạm bờ cõi, vượt qua một mô đá, đạp lên một ngọn cỏ, hoặc chiếm cứ một mỏm san hô ở ngoài biển khơi của Tổ quốc thân yêu'. Đó là lời kêu gọi của đại tướng Đoàn Khuê ngày 13 tháng 12, 1996 vừa qua.

Dự kiến tình hình trong một tương lai gần sau khi ông Đặng Tiểu Bình qua đời thì như nhiều chuyên gia đã cùng chung một nhận xét là mỗi thay đổi lớn ở Trung Quốc đều có ảnh hưởng trực tiếp đến toàn vùng. Riêng đối với Việt Nam, tôi xin phép được nhắc lại ý kiến của một số nhà nghiên cứu phương tây đưa ra từ nhiều thập niên trước. Điều này nói ra , đối với chúng ta là người Việt Nam thì hơi đau lòng nhưng mà có lẽ nó sống động. Những nhà nghiên cứu đó đã nói như thế này : "Việt Nam là cái đuôi của con cọp Trung Quốc, rằng cái đuôi không thể chỉ huy cái đầu, và rằng Trung Quốc mà biến đổi như thế nào thì Việt Nam cũng bị ảnh hưởng trước tiên và trực tiếp." Nếu mọi vấn đề của Trung Quốc mà được giải quyết thì vấn đề Việt Nam cũng tức khắc được giải quyết, về thể chế cũng như về nhiều mặt khác như quân sự, kinh tế, xã hội, văn hoá, vân vân.

Hiểu biết của tôi về Trung Quốc rất là giới hạn. Tôi được nghe nói rằng miền Hoa Nam, xưa kia cũng như hiện nay, vẫn có khuynh hướng muốn được tự trị nhiều hoặc ít đối với trung ương. Nếu ở miền Hoa Nam có cái gì biến đổi, hoặc là mất ổn định, gây ra do việc tranh chấp quyền lực ở trung ương, tôi e rằng sẽ có những làn sóng người tràn qua biên giới phía Bắc của Việt Nam để tránh giặc giã hoặc là để đi tìm lương thực.•

* Cái người ngồi hình dung ra việc làm thế nào nhét 35,000 đơn vị vi-ta-min vào một viên thuốc bé xíu thì hẳn phải làm nghề tài xế xe buýt.

DIỄN BIẾN HÒA BÌNH CỦA MỘT TRÍ THỨC LƯƠNG THIỆN

HOÀNG XUÂN ĐÀI

Hà Sĩ Phu trước hết là một trí thức lương thiện. Sự lương thiện này thể hiện qua tính công khai của các bài tiểu luận mà ông đã gởi các cơ quan ngôn luận, Hội Nhà văn Việt Nam v.v... với tên tuổi và địa chỉ: Tú Xuân Hà Sĩ Phu, Phó tiến sĩ Nguyễn xuân Tụ, Viện Khoa học Việt nam, 4E Bùi Thị Xuân, Đà Lạt.

Sự lương thiện trí thức này ông sống với nó tự nhiên như nhu cầu ăn, uống, thở v.v...và vào thuở ông rất trẻ, nghĩa là vào thời điểm ông đi vào tuổi thanh niên cũng là tuổi trí tuệ của ông đi vào triết học.

Năm 1960, Hà Sĩ Phu, 20 tuổi, lững thững đi vào cuộc đời, "suốt từ những năm 60-70, khi ấy tôi dạy học..." (Chia tay ý thức hệ, phần 3, Tầm văn hóa thấp của trào lưu Cộng sản). Cuộc sống trí thức rảnh rỗi này đã cho phép Hà Sĩ Phu có thì giờ và đầu óc đi vào triết học. Và, hiển nhiên, trong không khí nồng nặc mùi xã hội chủ nghĩa tại miền Bắc Việt nam thời bấy giờ, triết gia mà ông tiếp cận phải là Kác Mác, vừa ít tốn kém vì kinh điển Mác Lê đầy dẫy tại miền Bắc, vừa dễ dàng vì không bị phê bình, kiểm thảo là đọc sách đồi trụy, phản động. Hà Sĩ Phu lững thững đi vào triết học Mác như lững thững đi vào cuộc đời thanh niên.

Hà Sĩ Phu đã có những nhận định dè dặt của một cậu sinh viên thông minh, đầy óc chỉ trích, nhưng chưa lấy gì làm tin tưởng vào những tư duy khai phá của mình trước một hòn đá tảng như Mác. "Chúng ta hãy hãnh diện đã có Mác là một người khổng lồ nhân từ cho ta được phép đứng trên vai" (Dắt tay nhau, đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ, hay : thử giải bài toán lôgic xã hội " Mọi nguồn rắc rối bắt nguồn từ đâu?")

Điều đó vô cùng dễ hiểu, Mác đã cùng với Kierkegaard là hai nhà triết học đã chế ngự tư tưởng thế giới vào thế kỷ 20. Mác trong thế giới cộng sản với Duy vật sử quan và Duy vật biện chứng, Kierkegaard trong thế giới tư bản với thuyết Hiện sinh.

Khi Mác theo học với Schelling tại đại học Berlin vào năm 1841, có thể đã có nhiều lần là bạn cùng giảng đường với Kierkegaard . Khi Kierkegaard làm luận án về Socrate thì Mác làm luận án về Démocrite và Épicure, nghĩa là triết lý duy vật thời cổ Hy Lạp. Kierkegaard khai sinh Hiện sinh chủ nghĩa và Mác là triết gia của Duy vật sử quan. Cả hai đều khởi hành từ triết lý của Hegel, nhưng lại giữ một khoảng cách khá xa đối với luận thuyết "Tinh Thần của thế giới" của Hegel, theo đó sự tự nhận thức của con người đi qua ba giai đoạn: lý tính chủ quan, lý tính khách quan và Ý Thức tuyệt đối. Hegel đã đánh dấu một kết thúc của các hệ thống triết lý lớn. Sau Hegel, triết lý có một định hướng mới. Những dòng thác triết lý từ xưa tới Hegel là những hệ thống mang tính đầu cơ thuần lý và tĩnh, những dòng triết lý hậu Hegel là triết lý của hiện sinh hay của hành động, mà người tiêu biểu nhất là Mác khi ông ta nói: "Triết lý không phải chỉ để giải thích, tìm hiểu thế giới, mà là biến đổi thế giới."

Sự choáng ngợp trước tòa tư tưởng của Mác đã không làm cho Hà Sĩ Phu mất bình tĩnh và sáng suốt, trái lại Hà Sĩ Phu đã nhận thức được một số nghịch lý trong tư tưởng của Mác và trong những xã hội mà trong đó chủ nghĩa Mác đang ngự trị. Trong "Dắt tay nhau, đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ", tập tiểu luận đầu tay, viết ngày 2 tháng 9 năm 1988, Hà Sĩ Phu đã lý luận rút tỉa những nghịch lý của luận điểm về con đường đấu tranh giai cấp và công cụ chuyên chính vô sản được xem là "hòn đá tảng của chủ nghĩa xã hội khoa học."

Hà Sĩ Phu chia con người ra làm ba hạng. Những con người lấy tri thức, lấy khoa học làm căn cứ được xếp vào loại duy lý, hạng luôn luôn lấy lòng tin làm căn cứ là duy tín, hạng lấy lợi ích làm căn cứ là duy lợi.

"Theo mức độ duy lý, con người chia thành trí thức hay không trí thức. Theo mức độ duy tín thì chia thành có tín ngưỡng và không tín ngưỡng. Người thật sự duy lý hay thực sự duy tín thì tự thân

không có tính giai cấp rõ rệt, vì sự phân chia giai cấp chỉ là sự phân chia theo quyền lợi...Hiểu theo nghĩa đó thì người mang tính giai cấp rõ rệt là người duy lợi....Vì vậy sự phân chia con người thành giai cấp tuy có những ý nghĩa nhất định nhưng không phải là sự phân chia duy nhất có ý nghĩa, không hoàn toàn đầy đủ, không bao hàm được hết xã hội.Tuyệt đối hóa lý thuyết giai cấp là rơi vào thuyết giai cấp cực đoan. Đem cái nhìn giai cấp trùm lên mọi hiện tượng của con người và xã hội sẽ không tránh khỏi làm méo mó xã hội, sẽ gặp lúng túng khi giải quyết vấn đề trí thức, vấn đề tôn giáo cũng như nhiều vấn đề xã hội khác."

Những nhận định trong kinh điển Mác về dòng tiến hóa của xã hội như : "... Giai cấp bị trị và giai cấp thống trị luôn đối kháng nhau về quyền lợi nên sinh ra đấu tranh giai cấp. Nô lệ chống chủ nô làm chế độ chiếm hữu nô lệ tan rã. Nông dân chống địa chủ phong kiến làm chế độ phong kiến tan rã. Giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản làm chủ nghĩa tư bản sụp đổ," đã bị Hà Sĩ Phu cho là một cách giải thích tùy tiện và thiếu tính thống nhất. Trái lại, Hà Sĩ Phu cho rằng sự tiến hóa lịch sử của nhân loại cốt lõi là sự gia tăng tri thức của con người về các quy luật tự nhiên và các quy luật quản lý, tổ chức xã hội. Sự đấu tranh gia cấp chỉ là cái vỏ bên ngoài, là một trong những hiện tượng kèm theo nên chỉ có tính tạm thời.

"Mỗi cuộc biến đổi được gọi là cách mạng xã hội bao giờ cũng là sự cạnh tranh của hai thế lực lãnh đạo xã hội, tiêu biểu cho hai bậc thang về trình độ tổ chức xã hội, ứng với hai trình độ khác nhau của khoa học, của tri thức con người thời ấy. Thế lực lãnh đạo mới sẽ thắng vì có trình độ cao hơn... Sự đấu tranh của giai cấp bị trị cũng như của quần chúng nói chung chỉ có tác dụng tạo ra áp lực to lớn của xã hội giúp cho chính quyền mau chóng chuyển từ tay thế lực lãnh đạo cũ sang tay thế lực lãnh đạo mới...Việc đưa giai cấp công nhân vào vị trí giai cấp lãnh đạo trong xã hội mới là một việc làm mang tính đạo đức, làm nức lòng số đông đang công phẫn nên có sức mạnh tập hợp to lớn trong thời kỳ đầu, nhưng không theo quy luật nên dễ tự phát sinh mâu thuẫn trong những giai đoạn sau."

Trong tiến trình hình thành tư tưởng Hà Sĩ Phu, thời điểm từ 1960 đến 1977 (năm Hà Sĩ Phu đi du học tại Tiệp), được xem là giai đoạn Hà Sĩ Phu có thái độ nghi ngờ vì những nghịch lý của Mác xít, do đó ông đã lấy một quyết định : không gia nhập đảng Cộng Sản Việt nam.

Vào những năm du học tại Tiệp (1977 1981), có dịp được nhìn gần hơn thế giới tư bản, và nhất là được sống trong một nước xã hội chủ nghĩa văn minh và thanh bình, không bị áp lực của chiến tranh, Hà Sĩ Phu — được có những dữ kiện so sánh — lại nhận thức thêm một điều : Mác hoàn toàn sai, và những chế độ dựa trên Mác xít là những chế độ phong kiến biến tướng. Trong thời điểm này, Hà Sĩ Phu đi từ một thái độ chỉ trích sang hẳn một tư thế phủ nhận và chống đối.

Và tiến trình hình thành tư tưởng này được kết thúc vào năm 1988, năm ra đời của cuốn tiểu luận đầu tay - Dắt tay nhau, đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ - Hà Sĩ Phu công khai và trực diện chống đối Mác xít, mở đường cho một giai đoạn mới trong cuộc dấn thân của một người trí thức lương thiện, lôgíc tới cùng với chính mình: ông đầu tư năng lực trí thức của mình vào công cuộc thực hiện dân chủ cho đất nước.

Ta có thể tiếp cận những khám phá này khi đọc cuốn "Chia tay ý thức hệ" ra đời ngày 2/04/1995.

Trong cuốn tiểu luận này, ở phần 1, Hà Sĩ Phu chỉ cần đặt 4 câu hỏi và trả lời đã làm sụp đổ hòn đá tảng Mác xít ngay cả từ phương pháp luận.

Hà Sĩ Phu đã đưa ra một vài thí dụ về cái nhìn cắt rời, cực đoan và phiến diện của chủ nghĩa Duy vật lịch sử Mác xít đối với con người và xã hội :

- "Con người" có thuộc tính cá nhân và thuộc tính xã hội thì về lý luận Mác-Lê để cho "con người xã hội" nuốt chửng mất "con người cá nhân."

- Đảng Cộng Sản cũng như Con người, có mặt phải mặt trái, mặt thiện mặt ác thì Mác Lê chỉ thấy mặt thiện. Trong khi đó xã hội "tư bản" cũng có hai mặt thì Mác Lê chỉ thấy mặt trái.

- Nhà nước bao giờ cũng có hai mặt công ích và tư lợi, nhưng Mác Lê chỉ nhìn thấy bản chất tư lợi xấu của Nhà nước nên phấn đấu làm tiêu vong Nhà nước, kết quả là cái Nhà nước quá độ mà các ông tạo ra lại quá nhiều tính tư lợi mà không ai làm tiêu vong nó được (trừ khi xã hội ấy nhất tề từ chối chủ nghĩa Mác Lê như Liên Xô và Đông Âu).

- Sở hữu tư nhân hay sở hữu tập thể đều có hai mặt tích cực và tiêu cực, nhưng Mác Lê chỉ nhìn thấy mặt tiêu cực của tư hữu và mặt tích cực của công hữu, nên phá tư hữu, lập công hữu. Hệ quả là tạo điều kiện cho một số người chiếm của công thành tư và đang trở thành những nhà tư sản thực thụ.

- Sự "chiếm hữu" trong xã hội như cái sào huyệt mafia gồm hai buồng : chiếm hữu tư liệu sản xuất và chiếm hữu quyền lực. Nhưng Mác Lê chỉ nhìn thấy một kẻ thù là chiếm hữu tư liệu sản xuất, bèn nống cái quyền lực lên để dùng nó diệt cái chiếm hữu tư liệu sản xuất. Ai ngờ cái chiếm hữu quyền lực còn tai ác gấp vạn lần.

- Vấn đề "giá trị thặng dư" cũng có hai mặt : phát triển kinh tế và tạo nguy cơ mất công bằng. Nhưng Mác Lê chỉ nhìn thấy mặt mặt "bóc lột" của thặng dư mà không thấy mặt tích cực và hợp lý của nó. Kết quả là bây giờ các đảng viên vừa được khuyến khích"làm giàu"(thực chất là bằng cách bóc lột giá trị thặng dư), lại vừa nói khéo (với khẩu hiệu : Kinh tế thị trường theo đường lối xã hội chủ nghĩa) để khỏi làm tủi vong linh tác giả "Tư bản luận".

- Vấn đề "đấu tranh giai cấp" cũng có hai mặt, mặt làm đối trọng tích cực để làm xã hội phát triển và mặt phá phách làm nhiễu xã hội. Nhưng Mác Lê tâng bốc đấu tranh giai cấp thành động lực duy nhất thúc đẩy tiến hóa để có sức mạnh mà giành chính quyền, đến lúc mình cầm quyền rồi, quan hệ giai cấp vẫn còn đó thì xử lý với chuyện "đấu tranh giai cấp là động lực của tiến hóa " ra sao để cái ghế mình được yên? Cái thuyết "đấu tranh giai cấp" và chống kinh tế thị trường của cụ Mác bây giờ làm ta"kẹt" quá, vậy thì nó phải "mềm đến mức có thể uốn được"! Nên bây giờ cụ Mác đang bị uốn, và xem chừng khi cụ Mác chịu uốn không nổi nữa thì đến lượt cụ Hồ...

- Chủ nghĩa Mác-Lê nói: " Trong xã hội có giai cấp thì đấu tranh giai cấp là động lực của tiến hóa." Nhưng xã hội có giai cấp chỉ là một giai đoạn trong lịch sử loài người (chính Mác đã nói thế). Vậy xin hỏi: Trong toàn bộ lịch sử loài người nói chung, kể cả khi có giai cấp và khi không có giai cấp, thì động lực của tiến hóa nói chung là gì?...

Nếu biết nhìn lịch sử một cách biện chứng như một quá trình thống nhất ắt các ông phải thấy "trí tuệ" mới là động lực ... và không dựng ra một học thuyết đấu tranh giai cấp rùm beng như thế...

Sau khi đã có thái độ dứt khoát và thanh toán tư tưởng Mác xít, Hà Sĩ Phu đã rà soát chế độ chuyên chính vô sản tại đất nước của ông. Trong phạm trù này, đối tượng mà Hà Sĩ Phu đã tìm hiểu và đặt vấn đề là ông Hồ Chí Minh.

Chính trị Mác Lê là một thứ phong kiến biến tướng mà người Việt Nam đầu tiên khi bắt gặp lý thuyết Chuyên chính vô sản là "mê" ngay từ buổi gặp đầu là ông Hồ chí Minh, một người mà Hà Sĩ Phu cho là đã thấm nhuần đạo Khổng ở tính đạo đức của nó. Hà Sĩ Phu cho rằng đã có sự cộng hưởng (một hiện tượng vật lý trong đó hai vật rung động có cùng một chu kỳ thì sự rung động càng lớn) giữa chuyên chính vô sản và ông Hồ Chí Minh.

Nhưng "mặt tiêu cực của sự gặp gỡ giữa dân tộc Việt Nam nói chung và Hồ Chí Minh nói riêng với trào lưu Cộng sản là đã du nhập vào đất nước mình một mô hình Xã hội chủ nghĩa không tưởng, đặt căn bản trên một ý thức hệ phong kiến tân thời, một "thiên đường" trại lính Maoít, nên nước Việt Nam độc lập đã không bắt kịp trào lưu canh tân của thế giới mà trở thành nạn nhân bi đát nhất của cuộc chiến hai phe của các nước lớn.

Sau cuộc huynh đệ tương tàn oan uổng, ý thức hệ ấy lại tiếp tục chỉ huy những cuộc hành hạ lẫn nhau, tạo môi trường cho những yếu tố hủ bại hãnh tiến lên ngôi, phá hoại kỷ cương, phá hủy những giá trị lương thiện và tiến bộ."

Cuối cùng Hà Sĩ Phu đã đưa ra một đòn chí tử để thanh toán chủ nghĩa cộng sản: đó là một chủ nghĩa có văn hóa thấp, cả đối tượng, mục tiêu lẫn biện pháp đều ở tầm văn hóa thấp.

"Tính văn hóa thấp của những Quốc tế cộng sản được in dấu ở tất cả mọi mặt của phong trào ấy. Chỉ cần dẫn ra mấy dấu vết đã in vào bài Quốc tế ca cũng đủ chứng minh: Về lời ca để hiệu triệu và tập hợp lực lượng: "Vùng lên, hỡi các nô lệ thế gian! Vùng lên hỡi ai cực khổ bần hàn...". Những đối tượng này là ở bậc thang đáy của xã hội. Bức thiết phải dành hết tình cảm cho họ, bức thiết phải đem quyền sống cho họ, nhưng trào lưu tranh đấu mà họ lãnh đạo thì chỉ có thể là một trào lưu ở tầm văn hóa thấp, tương xứng với họ, là điều quá hiển nhiên. 'Bao nhiêu quyền lợi ắt qua tay mình" là động cơ thật của cuộc tranh đấu..."

"Cuộc đấu tranh giai cấp "một mất một còn" luôn gắn liền với bạo lực và chiến tranh, nó sẵn sàng mua chiến thắng bằng cách hủy diệt môi trường (như "dẫu phải đốt sạch cả dãy Trường sơn"!), hủy diệt những công trình văn hóa (như chính sách tiêu thổ kháng chiến), và hủy diệt con người ("đánh Mỹ tới người Việt nam cuối cùng', "tổ quốc hay là chết", và cả chục triệu người Việt đã thành vật hy sinh cho một cuộc chiến...) thì dẫu có anh hùng và chính nghĩa đến đâu cũng chỉ là những trào lưu văn hóa thấp. Khi nào vươn được tới tầm văn hóa cao hơn, người ta sẽ thấy những chiến thắng ấy thật đáng ghê sợ. Lúc ấy hồi tưởng

lại những bà mẹ đã tự hào vì cống hiến cả chồng và bảy, tám người con cho cách mạng, người ta sẽ rùng mình hơn là kính phục."

"Đổi mới" là tự vượt qua mình (phần 4 của Chia tay ý thức hệ) mang trọng lượng của một cương lĩnh chính trị. Hà Sĩ Phu bước vào con đường trực diện đấu tranh cho dân chủ, và chủ trương:

- Từ nền kinh tế chỉ huy, kế hoạch hóa, phải chuyển về kinh tế thị trường.
- Từ xu hướng công hữu, tập thể hóa, phải chuyển về sở hữu đa dạng, trong đó tư hữu là chính.
- Chuyên chính vô sản phải chuyển sang pháp trị dân chủ đa nguyên.
- Từ quan hệ quốc tế hai phe thù địch chuyển sang quan hệ toàn cầu, đa phương, biến động, tự do nhưng trong luật quốc tế văn minh, bình đẳng nhưng trong quy luật cạnh tranh sinh tồn khắc nghiệt, bác ái trong việc cùng nhau chia sẻ những thành quả của văn minh, nhưng đồng thời chia sẻ trách nhiệm gìn giữ một môi trường sống, cùng nhau ngăn chặn và khắc phục những tai họa dã man.
- Từ một xã hội thần dân với uy lực tỏa xuống thành một xã hội công dân bình đẳng, lấy luật pháp, dân quyền và nhân quyền làm nguyên tắc đối xử, và vận dụng quyền lực nhân dân từ dưới lên để khống chế và lành mạnh hóa quyền lực thống trị.
- Từ một quân đội, một bộ máy hành pháp của "Chế độ," của "Triều đình" phải chuyển thành một quân đội, một bộ máy thật sự của quốc gia và luật pháp. - Phù hợp với những thiết chế căn bản ấy, thì một nền giáo dục, văn nghệ nói riêng và nền văn hóa nói chung cũng sẽ phải thay đổi một cách căn bản.

Để thực hiện cương lĩnh chính trị này, Triều đại phong kiến cuối cùng là Nhà nước cộng sản phải thoái vị và cái bình phong Ý thức hệ Mác xít phải được dẹp bỏ.

Đó là một thử thách và cũng là một bó buộc với quy luật : nếu không thành tâm thì không thu phục lòng người, không có sức mạnh cội nguồn, và trước sau gì Dân tộc cũng bắt trả lại cái món nợ mà Dân tộc đã "tạm ứng" hoặc đã bị chiếm đoạt.

Món nợ Dân tộc là món nợ không quịt được!•

MỌI GIA-ĐÌNH VIỆT-NAM ĐỀU ĐỌC VÀ GIỮ TRONG TỦ-SÁCH:

làng văn

TẠP-CHÍ THÔNG-TIN, VĂN-HỌC, NGHỊ-LUẬN CHÍNH-TRỊ

PHIẾU ĐẶT MUA BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả báo xuân và cước-phí)

Họ, tên:.....

Địa-chỉ:.....

.....

gửi kèm chi-phiếu (check): US$55 (đường bộ) hoặc US$75 (máy bay)
đề trả cho: "Làng Văn", gửi về địa-chỉ:
Làng Văn, P.O. Box 218 Station "U", Toronto, Ont. M8Z 5P1, Canada

** Ghi-chú: Báo đường bộ đi mất 10 ngày; báo máy bay mất 3 ngày;*
Báo bán lẻ giá US$5 một tờ tại ca6c nhà sách trong vùng
Quí vị cũng có thể đọc một phần các trang báo và xem Thư-mục Làng Văn trên internet, địa-chỉ: **http://www.vietnamlangvan.com/vietnews/**
hoặc gửi vi-thư (e-mail): **langvan@ilap.com** khi có điều cần hỏi.

NHẬN DIỆN CHÂN TƯỚNG VẬT TỔ CHIM "LẠC"

NGUYỄN XUÂN QUANG

LTS. *Tác giả bài này không phải chuyên gia về sử học hay khảo cổ học, ông đã dùng suy biện để "khai quật" nhiều kiến giải độc đáo, dù không theo phương pháp của các khoa học trên. Chúng tôi hy vọng độc giả, dù không đồng ý với các biện giải của ông, cũng thấy đây là một công trình gợi nhiều hứng thú.*

Trước khi vào bài viết để hướng dẫn các độc giả chưa đọc các bài viết Khai Quật Kho Tàng Cổ Sử Việt Nam của chúng tôi trên *Y Học Thường Thức* lâu nay, chúng tôi xin tóm tắt vài điểm chính yếu có liên hệ tới bài viết này.

. Chúng tôi đã khám phá ra mẹ tổ tối cao tối thượng (Supreme Being) của chúng ta là Mẹ Tạo Hóa Trứng Vũ Trụ Thần Nộng mà cổ sử Việt đã ghi là "Đế Minh cháu ba đời vua Thần Nông". Thần Nông đây hoàn toàn khác hẳn với Thần Nông Nông thần đầu bò của người Trung Hoa. Ba đời đây là ba cõi trời. Cõi thượng tầng vũ trụ là Thần Nông-Viêm đế. Cõi thứ nhì là Tứ Tượng: Thần Nước Ngao Quả (Nut shell, Nacula) tương ứng với Nữ Oa, Thần Gió Giỏ Gió Túi Trời (tương ứng với Phục Hy), Thần Lửa Cắm Cọc Dùi Lửa (tương ứng với Toại Nhân) (người Mường gọi là Tá Cắm Cọt) và Thần Núi-Đất Trụ Chống Trời (tương ứng với Bàn cổ). Cõi trời thứ ba ngự trị bởi các vị nhà trời cai quản thế gian. Đế Minh là người đứng đầu cõi này. Vì thế Đế Minh là cháu ba đời Thần Nông là vậy.

. Theo chúng tôi Hùng vương là vua tổ Hừng vương, vua Mặt Trời Mọc mà dấu ấn còn để lại là hình mặt trời mọc trên trống đồng. Các vị vua lập quốc ở lưu vực sông Hồng Hà Bắc Việt có thể chỉ là những dòng vua cuối của Hừng vương. Nếu nhún nhường mà nói thì Hừng vương của chúng ta là dòng tộc chính, cột trụ, dòng chính thống của Đế Quốc Mặt Trời hay Liên bang Mặt Trời. Còn nói với đầy lòng ái quốc thì Hừng vương là kẻ tạo dựng ra Đế quốc Mặt Trời. Liên bang Mặt Trời gồm nhiều bang, ngoài bang cột trụ của chúng ta ra còn có những bang chính thức, những thuộc bang, những bang chịu ảnh hưởng văn hóa thờ Mặt Trời như Naga-Ấn hay Maya-Ấn (gồm các thổ dân ở phía bắc Ấn và thung lũng Indus, trước khi bị người Aryan đồng hóa thành Ấn Độ ngày nay), Lưỡng Hà, Babylonia, Ai cập, Nam Đảo, thổ dân "con trời" Mỹ châu...

. Văn Lang là một hợp chủng quốc của Hừng vương. Dân của Văn Lang là một hợp chủng kiểu "melting pot" như Hoa Kỳ ngày nay. Qua bài viết về vật tổ Rắn, chim Bồ Nông, Bồ Cắt... cho thấy Văn Lang gồm các dòng tộc Rắn nước, Thuồng luồng, Dao (Giao)... như người Xá, Khả, Dao, Chan, Shan, Cháng, Choáng, Naga... các tộc Nùng, Tày, Thái, các tộc Việt...

. Về phương diện vật tổ chim chúng tôi đã viết vật tổ của Mẹ Tạo Hóa Trứng Vũ Trụ Thần Nông là con chim bồ nông mà hai bà Trưng cũng như dòng tộc của bà đã lấy vật tổ này làm họ và vật tổ của tròng đỏ mặt trời Viêm đế là chim bồ cắt tức chim Rìu, chim Việt mà các tộc Việt đã lấy tô-tem chim này đặt tên cho giống dòng bộ tộc mình.

Chúng tôi cũng đã khám phá ra bài hát "sấm ký" "sấm truyền" về các vật tổ chim của hợp chủng quốc Văn Lang của vua Mặt Trời Mọc Hừng vương của Liên bang Mặt Trời Hồng bàng là bài đồng dao:

Bồ nông là ông bồ cắt,
Bồ cắt là bác chim di,
Chim di là dì sáo sậu
Sáo sậu là cậu sáo đen
Sáo đen là em tu hú
Tu hú là chú bồ nông.

Đây là sử miệng, ngàn năm bia miệng vẫn con trơ trơ. Bài hát này là một thứ "thai đố", một thứ "thần chú" giúp chúng ta mở ra được kho tàng vật tổ chim của cổ sử Việt. Bài hát xoay tròn không bao giờ chấm dứt. Đây là bài hát tổ tiên chúng ta đã nắm tay nhau vòng quanh trống đồng hát lên để nhẩy vũ khúc mặt trời xoay tròn. Tên sáu con chim trong bài hát này là sáu vật tổ chim

của Hợp chủng quốc Văn Lang. Chúng tôi đã viết về hai con chim ở câu đầu "Bồ nông là ông bồ cắt" vật biểu của Thần Nông-Viêm đế Trứng Vũ Trụ như đã nói ở trên (xem Y Học Thường Thức), hôm nay xin nó về con chim thứ ba là chim di ở câu hát thứ nhì:

"Bồ cắt là bác chim di"

Chim di là vật biểu của Thần Lửa Cắm Cọc Dùi Lửa tức Tá Cắm Cọt của Mường Việt, tương ứng với Toại Nhân của Trung Hoa. Thần lửa của chúng ta cũng được nhắc tới trong câu hát của trò chơi "Chi chi chành chành". Đây cũng là một câu "thai đố" về cổ sử:

Chi chi chành chành,
Cái đanh thổi lửa,
Con ngựa chết chương,
Ba vương, ngũ đế...

Cái đanh thổi lửa là dùng vật nhọn, que nhọn như cái đanh vừa dùi vào gỗ vừa thổi để gầy lửa, Anh Mỹ gọi là "fire-drill".

Bài hát sấm ký về vật tổ chim có nhiều dị bản. Đôi khi chúng ta nghe hát:

Bồ nông là ông bồ cắt,
Bồ cắt là bác chi sẻ,
Chim sẻ là mẹ...

Bài hát có nhiều dị bản vì tùy theo thời gian, tùy theo người hát theo chế độ mẫu hệ hay phụ hệ, tùy theo mỗi tộc trong hợp chủng quốc Văn Lang, tên và vị trí của các vật tổ chim trong bài hát sẽ thay đổi. Chúng tôi lấy chim di theo bản đầu tiên vì nó ăn khớp với cổ sử của Hừng Việt.

Chim di là chim gì? Ngày nay ta có con chim gi là loài chim nhỏ như chim sẻ, Anh Mỹ gọi là finch. Loài chim này vẫn được dùng trong lễ phóng sinh. Di, gi này cũng còn mang ý nghĩa trời. Chim gi trời nên phóng sinh về trời. Chim "finch" cũng liên hệ tới chúa Trời Jesus, trong một bức tranh cổ vẽ chúa Jesus lúc còn bé trong tay cầm một con chim "finch". Phải chăng chim gi là hình bóng "tàn dư" của vật tổ chim di của chúng ta đã bị "hạ bệ" chăng? Ta đã biết di là trời qua bài viết "Giời là Gì" (Nguyễn Xuân Quang, Giời là Gì, Y Tế Phổ Thông số 24, tháng 12, 1994 tr.77-79) và bài "Tôi, Nguyễn Xuân Quang, hãnh diện là người Man Di Xích Quỉ của Hừng Việt (Hợp Lưu, số 31, tháng 10&11, 1996, tr.59). Tại Phú Thọ, vùng đất tổ ngày nay còn bài hát ghẹo "Bà Rằng bà Rí" là bà Trăng bà Trời, miền Trung đất Chàm cũ có tỉnh Phan Ri Phan Rí là Bản Trời. Ri, rí, di, gi là trời. Chim Di là chim Trời. Trời là lửa, là đỏ. Chim Di là chim Lửa, chim Trời. Ta có thể kiểm chứng lại theo chuyển hóa d=l, di=li. Li là lửa. Quẻ li trong bát quái là quẻ lửa. Ta đã thấy bồ nông là vật biểu của của Mẹ Trứng Thần Nông và Chim Việt Chim Rìu bồ cắt là vật biểu của Mặt trời Viêm đế. Chim Di hiển nhiên là vật biểu của Thần Lửa Cắm Cọc Dùi Lửa (Toại Nhân). Chúng tôi cũng đã viết Thần Nước Ngao Quả (Nữ Oa) là hình bóng của Trứng Vũ Trụ Thần Nông, cũng giống như thế Thần Lửa Cắm Cọt Dùi Lửa và mặt trời Viêm Đế cũng như hình với bóng. Viêm đế và Thần Lửa Cắm Cọc tuy hai mà nhiều khi được tổ tiên ta coi như là một. Điều này thấy rõ khi giải tự Hán Việt Viêm gồm có hai chữ hỏa là lửa.

Bây giờ chúng ta hãy nhận diện con chim di là chim gì? Chim di vật biểu của Thần Lửa Cắm Cọc Dùi Lửa con của Thần Nông-Viêm đế, nói theo vật tổ chim là con của bồ nông-trứng nước và của bồ cắt-rìu Việt thì phải có hai nhiễm sắc thể X Nông là nước và Y Lửa, nghĩa là bắt buộc phải là một con chim nước có mỏ dài và nhọn và tên phải có nghĩa là Lửa, Trời, Đỏ. Ta cũng đã biết chim di Cắm Cọc Dùi Lửa là anh em với Thần Gió cò vạc Phục Hy (tứ tượng đều là con của Thần Nông-Viêm đế) như thế chim di phải cùng loài chim nước cò vạc. Truyền thuyết Việt Nam cũng nói rằng chồng bà Nữ Oa là Tứ Tượng. Chúng ta phải hiểu tứ tượng là Giỏ Gió Phục Hy, Dùi Lửa Toại Nhân, Trụ Chống Trời Bàn cổ đều là bạn tình (sexual partners) của Ngao Quả Nữ Oa. Nữ Oa là sò ốc thì Cắm Cọc Dùi Lửa thuộc loài cò vạc quả là môn đăng hộ đối với trai sò. Con cò mà mổ con trai.

Bây giờ chúng ta chỉ còn phải truy tìm loài cò vạc nào có nghĩa là trời là đỏ là lửa là di.

Eureka! Eureka! Eureka! Chúng tôi đã tìm ra! Đó là con cò Dang hay Giang. Cò Dang hay Giang có cả nghĩa Nước và Lửa, Trời. Dang, Giang có nghĩa là Sông là Nước. Chúng ta vẫn cho giang là từ Hán Việt. Theo chúng tôi chưa hẳn là vậy. Theo chuyển hóa gi = c = k như giăng = căng (dây) ta có giang = kang, kông, không. Giang đọc theo Hán cổ cũng là kang. Người Mường, Thái, Lào, Căm Bốt gọi sông là không, khung, khoảng, kông (cũng có nghĩa là nước) như Mae Không, Mê-kông (Cửu Long) là Sông Mẹ, Mẹ Nước. Theo thần thoại Mường Việt, mường trời (cõi trời) có dòng sông tên là sông Khăng và bến là bến Khạn: *"Muốn lên đến cõi thần tiên lộng lẫy của mường trời, thầy trò vía mo và hồn ma phải vượt qua sông Khăng, bến Khạn"* (Trương Sỹ Hùng Bùi Thiện, Vốn Cổ Văn Hóa Việt Nam, Đẻ Đất, Đẻ Nước nxb VHTT Hà Nội

1995 tập I, tr.79). Khăng, Khạn ruột thịt với kang, kông không... Theo c=k=s cắt = sắt (thái), kông = sông. Ta thấy giang, kang, kông, không, khung, Khăng, Khạn, sông liên hệ với Naga-Ấn ngữ *'khan'* là chăn (trăn) là rắn nước (xem Nguyễn Xuân Quang, Vật Tổ của Liên bang Mặt trời Hồng bàng, Y Học Thường Thức, số 19, tháng 10, 1996). Con sông là dòng nước cử động và chẩy ngoằn ngoèo như con rắn vì thế giang, kang, kông, không, sông gọi là con rắn nước khan, chăn (trăn). Dang cũng có nghĩa là lửa là trời, là đỏ, là nắng. Chúng ta có từ dang, rang là nướng thức ăn qua một vật dẫn nhiệt như gạo rang; dang nắng; dáng là đỏ như *"áo chàng đỏ tựa ráng pha"*. Thái ngữ 'Dang' là đỏ, *'dang mo'* là dưa đỏ (dưa hấu). Dang có nghĩa là lửa thấy rõ qua cách làm lửa. Theo thần thoại Mường, Tá Cần cho đồ đệ là Viếng Ku Linh tức con Dơi đi lên Mường Trời xin lửa của Cắm Cọt về cho loài người (dơi liên hệ với thần sấm sét Trung Hoa. Lôi thần Trung Hoa có cánh dơi) nhưng thất bại. Sau đó Tá Cần lại sai Mun Mòng Ruồi Trâu đi xin lửa (ta có từ muỗi mòng và mun là đen, Mun Mòng là Ruồi Đen to nên gọi là Ruồi Trâu). Lần này Ruồi Trâu bị nhốt trong sọt vẫn nhìn thấy bên ngoài nhưng đánh lừa Cắm Cọt nói dối là *"Trông không tỏ, ngỏ không tường"* nên thấy cách Đá Cắm Cọt làm ra lửa:

Đá chặt cây nắng làm que chịu lửa,
Cạo cây nứa làm mồi,
Lạt dang vàng, già chùi đi kéo lại,
Cháy lên ngọn lửa ngòi ngọi,
Ra lửa, khói ngăm ngăm.

Ta thấy rõ thần lửa đã dùng một loại tre nứa gọi là cây dang để cọ ra lửa và cây nắng là loại cây song (mây lớn) làm que chịu lửa. Như thế dang có nghĩa là lửa, nắng. Từ dang của chúng ta liên hệ với Hán Việt dương phiên âm ra Anh ngữ là yang. Như thế dang dương hàm nghĩa mặt trời. Cũng xin nói thêm Hán Việt Dương chưa chắc đã có nguồn gốc nguyên thủy ở Hoa ngữ (xem Nguyễn Xuân Quang, Nguồn Gốc Kinh Dịch). Vậy con chim nước có nghĩa là nước là lửa, là trời, vật biểu của Thần Lửa Cắm Cọc Dùi Lửa chính là con cò Dang.

Bây giờ chứng ta hãy kiểm chứng lại. Về nghĩa ngữ ta thấy rõ ràng chim di là chim dang là chim trời, chim lửa nhưng tại sao di lại biến thành giang, thành dang? Đây cũng dễ giải thích vì di và dang, giang là chuyển hóa của nhau. Theo qui luật chuyển hóa i = iang = iêng như kị = kiêng (từ ghép điệp nghĩa kiêng kị, phải kị ăn thứ đó, phải kiêng ăn thứ đó); kỉ cang hay kỉ cương (kỉ = cang, cương, là giường mối) và mi=mang (hươu, nai), ta có di = dang = giang. Có thể cổ nhân đã gọi cò dang là chim di và lấy tên vật tổ Di gọi mình là Di. Tứ Di là bốn tộc có vật tổ là chim Di chim Trời này. Hay tác giả bài hát sấm truyền trên đã lấy "di" thay vì dang cho hợp vận với "dì" ?

CHỨNG TÍCH VẬT TỔ CHIM DANG

. Qua Cổ Thư:

Sách Sơn Hải Kinh có nhắc đến cò Giang này gọi là Đế Giang. Khi giải thích về nghĩa chữ Hồng bàng giáo sư Kim Định cho rằng *"Hồng là con chim lớn, còn Bàng là nhà lớn... Hồng được ngờ là một giống hạc rất lớn trong miền sông Dương Tử. Chim được sách Sơn Hải Kinh kêu là "Đế Giang" hầu chắc là chim hồng vì hồng kép bởi hai chữ Giang và Điểu nên là Đế Giang Đế Hồng* (Việt Lý Tố Nguyên, tr. 350, dẫn lại của M. Granet, Danses et Légendres de la Chine Antique, P.U.F, 1959, 543, 544, 515). Đế Giang chính là cò giang nếu cho Đế Giang là Đế Hồng với nghĩa là một giống hạc lớn thì cũng đúng vì thời cổ từ hạc chỉ chung loài cò chưa chỉ riêng là con 'crane' như ngày nay.

. Qua Truyền Thuyết Mường Việt

Trong bài hát tế Đẻ Đất Đẻ Nước của người Mường ta cũng thấy nhắc đến chim dang:

Ra chơi chốn bến đông
Nàng Bông Hơm dạ Kịt
Thấy đàn chim Dông, Dang
Mỗi con một hột Pắn thâm đeo cổ
Mỗi con một hột pắn nó đeo
Nàng Bông Hơm dạ Kịt rằng:
"Cái chi đu đưa dưới cổ,
Thứ gì lủng lặng chim đeo
Hỡi cái chim Dông, chim Giang...

(Trương Sỹ Hùng Bùi Thiện, Vốn Cổ Văn Hóa Việt Nam, Đẻ Đất, Đẻ Nước nxb VHTT Hà Nội 1995 tập I, tr.334).

Chim Dông chim Dang rõ ràng là loài chim nước vì Nàng Kịt thấy chim Dông chim Dang khi "ra chơi chợ bến bạc, ra chơi chốn bến đông". Thấy chim Dông ở bến, ở bờ nước. Chim dang cũng có cái mỏ lớn:

Mang đi đống bẫy cặp,
Mắc ở khắp các ngọn cây,
Được một bầy chim gáy, dông, dang lớn mỏ.
(TSH t.I tr.765)

Ta thấy chim dông đi đôi với chim dang như

hình với bóng. Qua bài Vật Tổ Chim Của Hừng Việt (YHTT số 20, tháng 12, 96) chúng ta đã biết chim Dông là con Bồ Nông vật biểu của mẹ Trứng Vũ Trụ Thần Nông và chim Dông liên hệ với vật tổ chim của người Mường là chim Kláng, chim Trạng với chim Ây cái Ứa. Theo chuyển hóa d=n, Dông = Nông. Chim Dông chim Dang cũng đi cặp kè với nhau thấy trên trống đồng Ngọc Lũ I (xem dưới). Chim dang đây chính là cò Dang, chim Di.

. Qua Sử Miệng Ca Dao Đồng Dao

Như đã thấy vật tổ chim Dang đã được ghi lại trong sử miệng, bia miệng ngàn năm vẫn còn trơ trơ, đó là con chim thứ ba trong bài hát sấm ký về các vật tổ chim của chúng ta:

Bồ Nông là ông bồ cắt,
Bồ cắt là bác chim di...

. Qua Sử Đồng Đông Sơn

Chứng tích hùng hồn nhất, vững chắc nhất là hình con Dang còn khắc ghi trên trống đồng Đông Sơn. Trống đồng Đông sơn là một bộ kinh điển. Đúng hơn là một bộ cổ sử đồng (nối tiếp thanh sử) vô giá của Hừng Việt chúng ta và của nhân loại. Bộ cổ sử đồng này ghi chép bộ 'kinh trời'' khắc ghi về minh triết Mặt Trời, về nguồn gốc vũ trụ, con người. Trống đồng có hình mặt trời mọc là một ''bang hiệu'', ''bang biểu'', ''bang ấn'' của hợp chủng quốc Văn Lang của Hừng vương Mặt Trời Mọc. Không một trống đồng nào mà không có hình mặt trời rạng đông ở giữa mặt trống. Những điều chúng tôi viết từ trước tới nay về cổ sử Hừng Việt phần lớn đều có ghi trong bộ sử đồng Đông Sơn. Trống đồng không phải là ''trống phù thủy'', ''trống mưa'', trống của nền ''văn minh nông nghiệp'' như các học giả ngoại quốc và Việt Nam xưa nay, trong cũng như ngoài nước cho là như vậy. Đón đọc những khám phá ''sửng sốt'', ''sững sờ'' của chúng tôi về trống đồng. Vật tổ chim bồ nông còn ghi khắc trên trống Ngọc Lũ I và trống Hoàng Hạ và vật tổ chim Rìu chim Việt bồ cắt còn khắc ghi trên trống Duy Tiên thì vật tổ chim Dang cũng phải còn ghi lại trên sử đồng. Gần như trên hầu hết các trống đồng có hình mặt trời đều có khắc hình con chim Dang, chim Trời, chim Lửa này. Hãy lấy ví dụ hình đàn chim bay ở vòng ngoài cùng trên trống đồng Ngọc Lũ I. Đây là chim mà một số cho là chim Lạc, nhiều tổ chức văn hóa đã dùng làm biểu tượng. Tất cả mọi người đều công nhận đây là chim thuộc loài chim nước cò vạc sếu. Đây chính là cò Dang, chim Trời, chim Lửa. Dựa vào đâu mà chúng tôi quả quyết như vậy? Xin thưa chúng tôi dựa vào bút tự cổ của Hừng Việt viết trên trống đồng. Bút tự đây là những hình ngữ (hieroglyph) và loại chữ viết khoa đẩu con nòng nọc khắc trên mu rùa đã được sách Thông-chí của Trịnh Tiều nói tới:*"Về đời Đạo-đường, phương Nam có họ Việt-thường, dùng người thông ngôn hai lần đến chầu dâng rùa thần chừng nghìn tuổi, vuông hơn ba thước, lưng có chữ theo lối khoa đẩu (nét chữ như hình nòng nọc) chép từ khi mở ra Trời, Đất trở về sau. Vua Nghiêu sai sao lấy gọi là lịch rùa"*. Con nòng nọc có hình trứng, đuôi hình que. Nòng là lòng, tròng, trứng. Nọc là cọc là que. Con nòng nọc là con ''trứng-que''. Chữ Khoa đẩu nòng nọc là loại cổ tự gồm những nét hình o tròn như quả trứng gà và hình que ghép lại. Đôi khi hình tròn thu nhỏ lại chỉ còn một điểm tròn nhỏ trống rỗng, hình que cũng thu nhỏ lại thành một chấm (chiếu thẳng từ thiên đỉnh xuống, hoặc một điểm cũng có thể coi như là thiết diện ngang của cọc, cột, que tròn). Chữ viết này dựa trên biểu tượng của Thần Nông-Viêm Đế, Âm Dương, Cái Đực. Thần Nông là trứng, Viêm đế là que là dùi. Bộ phận sinh dục nữ được biểu tượng bằng hình tròn và cái giống phái nam bằng hình que. Nòng nọc là biểu tượng cho Âm Dương biểu thị bằng chữ o và cái gạch, ngày nay là số 0 (zéro) và số một. Chữ khoa đẩu nòng nọc gồm những nét tròn số 0 và nét thẳng số 1. Đây là kiểu chữ Âm Dương. Chữ nòng nọc âm dương là nền tảng của sự bói toán yếm rùa gọi là bốc. Từ bốc là chứng tích của chữ viết con nòng nọc gồm một chấm tròn và một vạch hình que. Chữ nòng nọc Âm Dương cũng là nền tảng của bát quái của Dịch. Chữ khoa đẩu nòng nọc 1 và 0 là nền móng của hệ thống chữ viết nhị nguyên điện não ngày nay.

Quan sát kỹ hình con cò Dang trên trống đồng Ngọc Lũ I ta sẽ thấy đây là loài cò có bờm, trêm bờm đều có khắc chữ khoa đẩu nòng nọc.

(Xem hình)

Trên bờm cò có nhiều chữ viết nòng nọc:

1. Con cò trên bờm chỉ có hình vòng tròn có chấm ở giữa. Đây là mẫu tự ''mặt trời'', (có nghĩa trời, dương, lửa, cha, đực...) trong chữ viết khoa đẩu con nòng nọc. Mẫu tự ''Mặt Trời'' này khi còn chế độ mẫu hệ chỉ có một vòng tròn gọi là o chỉ trời (tên tập thể, collective name, chỉ chung mẹ Trứng Vũ trụ, bầu trời, mặt trời hình đĩa tròn, cõi thiên, thiên đường, chỉ mẹ...). Nguyên khởi mẹ Trứng Vũ Trụ Thần Nông được biểu tượng

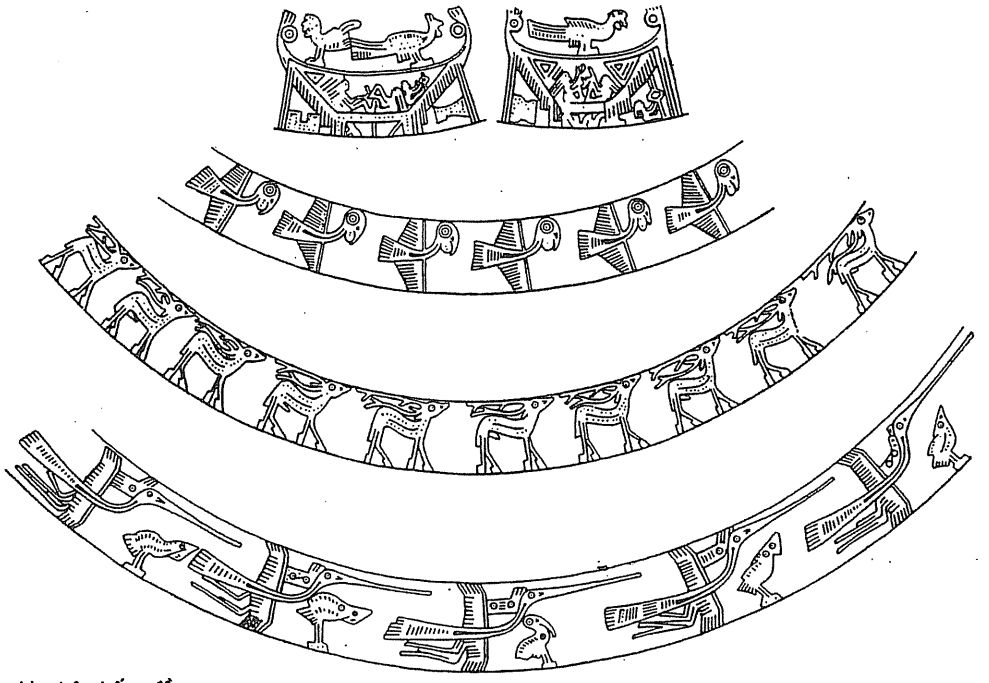

Hình chim trên trống đồng

bằng hình chữ o tròn như quả trứng gà. O là mẫu tự "vũ trụ, không gian" ngày nay thành con số không zéro. O cũng là mẫu tự mẹ (ngày nay còn địa khai ngôn ngữ trong Việt ngữ là o có nghĩa là mệ, cô và chuyển hóa u là mẹ của người Bắc) và o cũng biểu hiệu cho bộ phận sinh dục nữ (lỗ sinh dục, dạ con, trứng). Thời mẫu hệ con người thờ mẹ Tạo Hóa Trứng vũ trụ Thần Nông và mẹ Mặt trời. Chữ o tròn như quả trứng gà cũng biểu tượng luôn cho mẹ Mặt trời. Mẹ mặt trời lúc này chỉ là biểu tượng cho mẹ Tạo Hóa. Lúc này mặt trời được biểu tượng bằng chữ o tròn mà các tác giả Tây phương gọi là đĩa mặt trời (sun disk). Biểu tượng hình đĩa là biểu tượng tập thể hay Biểu Tượng Đơn Thần Nguyên Thủy (Original Monotheistic Symbol) của cả vũ trụ không gian hình trứng và tròng đỏ mặt trời. Chứng tích đĩa tròn tiêu biểu cho mặt trời còn thấy nhiều ở người Ai cập cổ. Sau chuyển qua thời phụ hệ mặt trời nam hóa. Mẹ mặt trời o có thêm một cái chấm hay một vòng tròn nhỏ. Cái chấm biểu tượng cho cái hột, cái hạt, cái hòn, cái nhân, tức mầm đực nên mặt trời vòng tròn có cái chấm ở giữa mang ý nghĩa dương, cha, đực. Vòng tròn có cái chấm mặt trời biểu tượng trứng vũ trụ có tròng đỏ mặt trời. Mẫu tự mặt trời hình vòng tròn có chấm của chữ viết con nòng nọc là một loại chữ viết tối cổ mà Việt Thường đã khắc trên mai rùa đã đẻ ra nhiều mẫu tự chỉ trời của chữ viết của con người sau này từ Á cho tới Âu. Mẫu tự mặt trời vòng tròn có chấm của chữ viết con nòng nọc khắc trên bờm con cò Dang trên trống đồng Ngọc Lũ I và nhiều chỗ khác sau này đẻ ra mẫu tự A của La Mã (sẽ khai triển khi viết về trống đồng) và chữ nhật (ngày, trời) của Hán ngữ. Ở đây chỉ xin nói tới từ Hán nhật. Từ nhật là di duệ của mẫu tự mặt trời (dương) của chữ viết con nòng nọc. Với tinh thần theo phụ hệ người Trung Hoa sau này viết nhiều nét que hơn vòng tròn đã biến vòng tròn mặt trời thành hình chữ nhật và cái chấm ở giữa thành nét ngang tạo ra Hán tự Nhật ngày nay. Rõ như ban ngày con cò trên trống đồng Ngọc Lũ I trên bờm có khắc cổ ngữ nòng nọc là mẫu tự Mặt trời mà ngày nay trở thành chữ Nhật trong Hoa ngữ. Chắc như đinh đóng cột con cò trên trống đồng Ngọc Lũ I, trên bờm có hình vòng tròn có chấm là con cò trời, cò "Dang" đực. Hình ngữ mặt trời Dương, Dang vòng tròn có chấm chính là tên của con cò này. Con cò này là con cò Dang, cò trời, cò lửa. Ngày nay chim Dang, Giang, Đế giang có thể được con cháu hậu sinh chỉ một loài cò nào đó nhưng tổ tiên chúng ta gọi con cò Dang là Cò Trời, cò Lửa, Cò Dạng đông.

2. Con cò Dang trên mào có hai hình mặt trời nối với nhau bằng một hình que (nọc) tiếp tuyến. Đây là biểu tượng khởi đầu phân cực dương. Tròng đỏ mặt trời của trứng vũ trụ (tương ứng với nhân của tế bào) phân tách và đi về hai cực nhưng hãy còn ở thời "tiến kỳ" nên còn dính với nhau bằng que tiếp tuyến.

3. Con cò Dang trên bờm có hai hình mặt trời đã tách rời nhau. Đây là giai kỳ phân sinh đã hoàn tất, biểu tượng lưỡng nghi, phân cực đã xong.

4. Con cò Dang trên bờm có hình hai vòng tròn trống không nối với nhau bằng que tiếp tuyến chéo có thể coi là phân cực âm. Tròng trong (tương ứng với nguyên sinh chất, cytoplasm của tế bào) trứng vũ trụ phân đôi nhưng còn dính nhau. Trứng là nước nên đây là hình sóng cuộn. Trứng sinh động để tạo sinh. Nước chuyển động là sóng. Hình hai vòng tròn trống rỗng nối với nhau bằng tiếp tuyến chéo là hình trứng chuyển động tạo sinh tức là hình sóng cuộn. Cũng giống như sóng cuộn xô bờ đời đời kiếp kiếp không ngừng hình sóng cuộn cũng bất tận không đầu không đuôi. Điều này dễ hiểu trứng nước vũ trụ hình o tròn như quả trứng gà mà hình tròn là hình bất tận không có điểm đầu và điểm cuối nên sinh ra hình sóng cuộn cũng vậy. Thật vậy nếu ta lấy đầu bút vẽ từ tiếp điểm khởi sự mà vẽ vòng tròn thứ nhất khi trở về tiếp điểm ta vẽ tiếp tuyến và dừng lại ở đầu cuối tiếp tuyến vẽ vòng tròn thứ nhì, khi trở về tới tiếp điểm ta lại trở về tiếp tuyến đến tiếp điểm của vòng tròn thứ nhất và rồi lại tiếp tục. Ta đồ đi đồ lại đời đời kiếp kiếp không hết. Sự tạo sinh của trứng nước vũ trụ qua hình sóng cuộn không ngừng đẻ ra thành thuyết vĩnh cửu, luân hồi. Hình ngữ sóng cuộn này là mẫu tự "Nước" của chữ viết khoa đẩu con nòng nọc. Nếu viết mẫu tự Nước hình sóng cuộn này với hai vòng tròn hai đầu mở ra như hình chữ s nằm hay hình dấu ngã ta sẽ có hình ngữ giống hình con rắn. Rắn là biểu tượng cho nước vì thế mẫu tự sóng cuộn cũng có thể là biểu tượng cho Rắn, Nước, mẹ Tạo Hóa Thần Nông. Mẫu tự con nòng nọc "Nước" hình sóng cuộn, sau này trở thành mẫu tự N của nhiều chữ viết. Khi hai vòng tròn ở hai đầu tiếp tuyến chéo tiếp tục mở bung ra thành hai nét song song (chéo, hay thẳng đứng), hình chữ S dấu ngã sẽ trở thành mẫu tự N ngày nay. N là mẫu tự Nước. Những ngôn ngữ có từ Nước khởi đầu bằng âm N như Việt ngữ (nước, nác, na, nã, nễ...) đều có nguồn cội từ chữ Nước hình sóng cuộn của cổ tự con nòng nọc thấy trên trống đồng Đông Sơn (sẽ khai triển thêm ở chỗ khác).

Con cò Dang trên bờm có hình sóng cuộn là loài chim nước cái đang thời kỳ sinh động về sinh sản. Nhận xét kỹ ta thấy con cò cái này chỉ có bờm ngả về phía sau, không có phần mào dựng thẳng đứng lên như cò đực. Hình con cò có hình tiếp tuyến nối hai vòng tròn có chấm ở giữa (mặt trời dương) nói ở phần số (2) ở trên cũng có thể coi là hình sóng cuộn nhưng đây là hình sóng cuộn không gian chứ không phải là sóng cuộn nước. Tổ tiên chúng ta quan niệm không gian cũng là một thứ "nước" gọi là biển không gian, biển vũ trụ (cosmic ocean) trong đó hàng ngày mặt trời đi từ đông sang tây bằng đò trời (solar barque). Chúng ta có một địa khai ngôn ngữ là từ đò. Đò là đỏ là trời. Đò chở đỏ. Đò là thuyền trời. Bằng chứng là đò trời của Ai cập đầu mũi có vẽ con mắt trời udjat giống hệt các con đò của các dân chài Việt Nam ngày nay ở mũi thuyền còn vẽ con mắt. Điều này cũng dễ hiểu vì ánh sáng mặt trời cũng là những làn sóng! Con cò có hình sóng cuộn trời này là con cò đực đang thời kỳ sinh động về sinh sản.

Diễn giải theo chữ viết ngày nay thì cò Dang đực có hình vòng tròn có chấm là chữ A tức mặt trời, dương, lửa, cha, đực... và con cái có hình hai vòng tròn có que tiếp tuyến hình cuộn sóng là chữ N tức Nước, Trứng, Mẹ, Âm, Cái. Bây giờ cho kết hợp cò dang đực A và cò dang cái N với nhau, cho âm dương kết hợp với nhau sẽ tạo ra vũ trụ muôn loài. Ta có A + N = AN. An là gì? An là Trời, sự Sống, Thở... An là Ơn là trời. Lễ cầu an là lễ cầu ơn, cầu trời. Tạ ơn là tạ trời. Xin ơn trên phù hộ là xin trời trên (cao) phù hộ. Ta cũng nói xin hai chữ bình an, ngày nay ta hiểu an là yên là lành thật ra an nguyên thủy là sống. Để tôi an, để tôi yên là để tôi sống, để tôi thở. Gốc tái tạo Tiền cổ-Ngôn Ngữ của Chúng Ta Proto-Nostratic * an-ah-/en- ah- "to breathe, to respire, to live'; *an- 'to breathe'(Walde 1927-1932 I: 156-58). Ai cập ngữ anka là sự sống có biểu tượng là cái chìa khóa của sự sống ("key of life") mà chúng tôi cho là hình cái trứng để trên cái nọc hình chữ T. Trứng là Cái, mầm sống, cái que là Đực tức là biểu tượng của âm dương. "Key of life"' ankh hiểu theo chữ viết con nòng nọc là sự sống sinh ra từ Cái Đực, Âm Dương, bộ phận sinh Dục Nữ-Nam (lỗ-que). Phạn ngữ anda, trứng. Trứng là nguồn sống nở ra muôn loài....

Tóm lại qua bút tự con nòng nọc vòng tròn có chấm mặt trời A và hai vòng tròn có que tiếp tuyến N khắc trên mào những con cò cho ta biết rõ đây là cò Trời cò Dang, kết hợp lại thành AN đẻ ra sự sống, cuộc đời...

Điểm cần lưu ý là hình ngữ tên cò Trời Dang được khắc trên bờm cò giống hệt như những hình ngữ tên các vị thần Ai cập cũng được khắc ở trên đầu.•

(Còn tiếp)

BÁC SĨ HỒ TÁ KHANH

1908-1996

VỊ BỘ TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM ĐẦU TIÊN NHÂN CHỨNG NHỮNG BÍ ẨN LỊCH SỬ

TS PHẠM TRỌNG CHÁNH

Bác sĩ Hồ Tá Khanh sinh năm 1908, Mậu Thân, và mất ngày 18-8-1996 tại Paris thọ 88 tuổi, là vị Bộ Trưởng Kinh Tế chính phủ Trần Trọng Kim năm 1945, một người yêu nước không đảng phái, xuất thân từ phong trào Duy Tân, một nhân chứng giữa cơn lốc lịch sử 1925-1954.

Thân phụ ông là cụ Hồ Tá Bang, học trò Nguyễn Lộ Trạch sáng lập Công ty Liên Thành, trường Dục Thanh, Liên Thành Thi Xã cùng với Nguyễn Trọng Lội, Nguyễn Quí Anh, Trần Lệ Chất, Ngô Văn Nhượng, Nguyễn Hiệt Chi, Trần Đình Phiên, Huỳnh Đình Điển... Là người thực hiện thành công chủ trương chấn hưng công thương nghiệp của Phong trào Duy Tân. Công ty Liên Thành tồn tại từ năm 1906 cho đến ngày nay.

Khi ông đến tuổi đi học thì trường Dục Thanh đã đóng cửa, thân phụ ông tổ chức cho hơn 20 trẻ em Phan Thiết và nhân viên Công Ty Liên Thành ra học tại Huế. Trong nhóm đó về sau có những người thành đạt như bác sĩ Nguyễn Quí Phầu con ông Nguyễn Trọng Lội, bác sĩ Ung Văn Vi, bác sĩ Nguyễn Kính Chi thứ trưởng Bộ Y tế VNDCCH, giáo sư Nguyễn Đổng Chi, con ông Nguyễn Hiệt Chi, bác sĩ Trần Đình Nam Bộ trưởng Bộ Nội Vụ 1945 (em ông Trần Đình Phiên) , Huỳnh Văn Tỷ (Hoàng Tỷ, về sau mở trường Tư Thục tại Phan Thiết, bạn thân cùng lớp trường Pellerin với Ngô Đình Diệm, người cứu sống ông Diệm thoát các cuộc truy lùng của Việt Minh, và giúp đỡ người tình cùng đứa con trai vô thừa nhận của giòng họ Ngô Đình...)

Năm 1918 ông vào Sài Gòn học tư thục Huỳnh Khương Ninh, hai năm sau ông học Taberd.

Năm 1922 nhờ một giáo sư người Pháp ông vào học trường Chasseloup Laubat, vì chưa có chỗ nội trú ông ở nhà ông Huỳnh Đình Điển, nguyên thông phán tòa sứ Phan Thiết, tham gia công ty Liên Thành, sau về Sài Gòn cùng Gibart Trần Chánh Chiếu, Nguyễn An Khương mở khách sạn Minh Tân tại Mỹ Tho, phong trào Duy Tân trong Nam được gọi là Minh Tân.

Năm 1925 Cụ Phan Châu Trinh về nước, ngụ tại cơ sở phong trào Minh Tân và tại nhà Huỳnh Đình Điển, sáu tháng sau cụ nhuốm bệnh và mất tại khách sạn Bá Huê Lầu của Phong trào Minh Tân. Đám tang cụ Phan do Hồ Tá Bang, Huỳnh Đình Điển, Huỳnh Thúc Kháng lo liệu, soạn văn bia, giữ quĩ phúng điếu, dựng bia mộ... Hồ Tá Khanh là người trong nhà nên mang băng tang trước tiên, đến trường vài người bạn cũng bắt chước mang theo. Viên Giám thị trường hay được giật băng tang chà dưới chân, sáng hôm sau cả trường bừng bừng uất hận toàn thể học sinh đều mang băng tang cụ Phan Châu Trinh, cuộc để tang nhanh chóng lan khắp các trường và cả nước. Khắp các tỉnh thành phố đều tổ chức tang lễ tưởng niệm cụ Phan và bãi khóa.

Hồ Tá Khanh và vài anh em lớp 3è B trường Chasseloup Laubat bỏ trường, nhiều anh em khác thấy thế cũng tham gia theo trong đó có Tạ Thu Thâu, Hồ Văn Ngà..., nhiều người tham gia phong trào, từ đó lên đường làm cách mạng, lớp sang Pháp, lớp sang Tàu và trở thành lãnh tụ các đảng phái...

Tháng 8 năm 1926, mượn cớ du lịch ông xuống tàu sang Pháp, học trung học tại Marseille, rồi sau đó học Y Khoa cho đến tháng 8-1938 ông trình luận án tốt nghiệp Bác sĩ Y Khoa và đỗ bằng Trưởng Y Viện, Chef de Clinique.

Lúc mới sang Pháp, nhân có vụ việc một du học sinh tên P.V.Cần chuyên giả vờ đón người Việt mới đến cảng Marseille dụ dỗ lấy tiền bạc, Hồ Tá Khanh cùng Hồ Hữu Tường, Ngô Ngọc Đối thành lập Ủy Ban đón tiếp người Việt mới sang, sau đó thành lập Hội Sinh Viên Việt Nam

tại Marseille, Hồ Tá Khanh làm chủ tịch.

Tháng 9-1927, ông tham gia Đại Hội sinh viên tại Aix en Provence, do luật sư Trịnh Đình Thảo, Trần Văn Ân, Liêu Sanh Trân tổ chức, luật sư Dương Văn Giáo Tổng Báo cáo viên. Đại Hội bầu Trần Văn Thạch làm chủ tịch. Tại đây Hồ Tá Khanh gặp Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn An Ninh.

Khi Nguyễn Thế Truyền về nước, Tạ Thu Thâu lãnh đạo đảng Việt Nam Độc Lập, thành lập chi bộ hầu hết các Hội Sinh Viên Việt Nam tại các tỉnh. Lúc ấy trào lưu mác xít lan tràn khắp giới trí thức Âu Châu, thuyết Mác xít là nha phiến của trí thức thời kỳ 1925-1940, như Raymond Aron viết. Tại Paris nhóm Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Huỳnh Văn Phương, Trần Văn Thạch dẫn đầu thiên về Đệ Tứ. Tại Toulouse nhóm Trần Văn Giàu, Nguyễn Văn Dựt, Phan Tú Nghĩa, và Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo tại Paris thiên về Đệ Tam. Nhóm Marseille Hồ Tá Khanh, Hồ Hữu Tường, Ngô Ngọc Đối có thiện cảm với Thâu, Phương và nhận định Đệ Tam Quốc Tế chỉ là công cụ của Nga. Hồ Tá Khanh trung thành với đường lối Phan Châu Trinh, sau 1930 có nghiên cứu Mác Xít, Boris Souvarine, Victor Serge, Trốt ky nhưng có nhiều điểm không đồng ý nên không gia nhập phái nào. Ông hoạt động chính trị là vì lý tưởng, vì bổn phận, vì nghĩ đến đồng bào dân tộc. Thâm tâm ông không thể chấp nhận được nguyên tắc Lênin-nít: muốn đoạt mục đích bất kể thủ đoạn. Nên Tạ Thu Thâu và Huỳnh Văn Phương nghĩ rằng Khanh chẳng bao giờ trở nên một người chiến đấu tận tụy. Hồ Tá Khanh làm bạn với tất cả mọi người, là trạm cho mọi người Việt Nam đến Pháp, hoặc sang Moscou. Trần Văn Giàu bị trục xuất khỏi Pháp năm 1930, trốn sang lại đã ở nhà ông năm 1932 trước khi sang Moscou học Đại học Staline. Ông mến Nguyễn Văn Tạo nhưng cho rằng chàng này văn hóa quá yếu, sống lệ thuộc vào Đảng Cộng Sản Pháp lại được bầu vào Trung Ương Đảng, chỉ là kẻ phụ thuộc. Nguyễn Văn Tạo về sau làm Bộ Trưởng Bộ Lao Động VNDCCH.

Năm 1928, ông viết thư cho cựu Toàn quyền Alexandra Varene đảng Xã Hội SFIO can thiệp cho cha ông bị tuần vũ Phan Phiết bắt giam vu cáo vì có nhiều giấy thuế thân. Hồ Tá Bang được Khâm sứ Huế xét vô tội và tha bổng.

Năm 1930, tòa nhà Đông Dương khu Cư Xá Sinh Viên, Cité Universitaire de Paris khánh thành, Hội Trưởng sinh viên là Trần Văn Đốc đọc diễn văn bộc lộ tinh thần nịnh hót đê hèn về công trình khai hóa của thực dân, sinh viên Việt Nam tức giận họp lại Đại Hội bầu Hồ Văn Ngà thay thế.

Cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại sinh viên Việt Nam tổ chức biểu tình trước Điện Elysée Dinh Tổng Thống. Cuộc biểu tình bị đàn áp, bị đưa ra tòa, 19 sinh viên bị trục xuất về Việt Nam ngày 24-6-1930 gồm: Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Giàu, Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương, Lê Bá Cang, Ngô Quang Huy, Trần Văn Chiêu, Phan Văn Chánh, Hồ Văn Ngà, Trần Văn Đởm, Trần Văn Tự, Đặng Bá Lân, Lê Thiếu Tự, Đặng Văn Phát, Vũ Liên.

Hồ Tá Khanh ở xa Paris nên được yên ổn tiếp tục học. Năm 1938 nghe tin ông thi đỗ, cụ Huỳnh Thúc Kháng có gửi tặng Hồ Tá Bang câu đối:

Nghĩa phương sẵn nếp, nhà đại gia trổ bức anh tài, hẳn nay thi nổi danh cao, rõ không phụ Âu châu mười hai năm đi học.

Công nghiệp giúp đời, nghề lương y sánh vai tể tướng, được lúc nước cần tay giỏi, há chỉ trông thanh niên đỗ một khoa làm vinh.

Về tới nước Hồ Tá Khanh đáp tàu đi thẳng ra Hà Nội dự Hội Nghị Y Khoa Nhiệt đới. Trên đường về tháng 9-1938 ông ghé lại Huế thăm hai cụ Huỳnh Thúc Kháng và Trần Đình Phiên tại tòa soạn báo Tiếng Dân. Mặc dù mật thám bao vây tứ phía ông cũng tìm lên Bến Ngự hầu thăm cụ Phan Bội Châu, được cụ tặng bài thơ:

Trước mặt Bình Sơn một gốc cây (1)
Ơn trời đưa tới bạn tân tri
Du chơi ngang dọc Âu vừa Á
Nghề thuốc cao sâu Đông lẫn Tây
Cổ nguyệt (2) nhà dày nền tảng sẵn
Hương giang xưa rọi tánh tình nay (3)
Thân già mừng gặp thanh niên mới
Gang tấc quang sơn đó với đây.

——— 1. Bình sơn tức núi Ngự Bình ở Huế
2. Họ Hồ do hai chữ Cổ 古 và Nguyệt 月 ráp lại
3. Thân phụ Hồ Tá Khanh gốc người Kế Môn, Thừa Thiên.

Năm 1938, Hồ Tá Khanh về Sài Gòn, bạn bè nhóm Đệ Tam và Đệ Tứ đều bị ở tù cho đến năm 1943 mới được thả. Hồ Tá Khanh đứng ra sáng lập và chủ biên tuần báo Văn Lang 1940-1944, nhằm mở mang kiến thức khoa học cho quần chúng, đồng thời đả kích tinh thần nô lệ của giới trí thức luồn cúi. Ông viết lên báo: *Trong mọi trường hợp, tôi luôn luôn đứng về phía những người bị hiếp đáp.* Hồ Tá Khanh mở phòng mạch, cuộc đời lương y vững chắc và được dư luận mến chuộng.

Nguyễn Thông. Bà Nguyệt cùng sáu anh em được cha mang sang Pháp du học từ năm 1923, có lẽ bà là người phụ nữ đầu tiên du học tại Pháp và đỗ Cử Nhân Luật Khoa. Ông bà Hồ Tá Khanh sinh được bốn người con, hai trai, hai gái.

Năm 1944 ông thành lập Hội Bác sĩ Y Khoa, sau đó Tổng Hội Công Chức do ông làm Hội Trưởng, nhằm dành lấy những trách nhiệm lãnh đạo trong tay người Nhật, Pháp, sau đó Hồ Văn Ngà thay thế ông khi ông ra Huế nhận chức Bộ Trưởng.

Cuối tháng tư 1945, trong một cuộc dội bom B29 của Mỹ tại Saigon, Trần Văn Giàu đến tìm Hồ Tá Khanh dưới hầm trú ẩn, báo tin Trần Trọng Kim sắp lập chính phủ và mời ông giữ Bộ Kinh Tế, trên bảng danh sách còn có tên Trần Đình Nam và Hoàng Xuân Hãn...

Hồ Tá Khanh trả lời: Tôi nhận sao được, vì thuở nay, cha tôi và tôi vẫn nghịch với triều đình Huế, vì ý chí dân quyền, dân chủ.

Trần Văn Giàu khuyên Hồ Tá Khanh nên nhận: "Đành rồi, nhưng ngày nay đây là một cơ hội tốt cho mình đặt người của mình có địa vị cao trong các giới chính thức, như vậy, ta có tay trong tay ngoài... Anh không nên từ chối." Hồ Tá Khanh vì nghĩ trong danh sách có bạn thân là Trần Đình Nam nên an tâm nhận lời.

Điều này trái ngược với quyển *Cách Mạng Tháng 8,* Hànội 1960 trang 220-do Ủy Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Đảng viết: "Hồ Tá Khanh và Huỳnh Văn Phương do Trốt kít đưa vào hợp tác với chính phủ bù nhìn thân Nhật..." Theo Bs Hồ Tá Khanh: Trần Văn Giàu biết được tin này nhờ có liên lạc với Sở Mật Thám Pháp, ông cho biết Bernard Tasteyre đi sưu tầm tài liệu làm luận án tiến sĩ về Thanh Niên Tiền phong năm 1965 có phỏng vấn cựu Chánh Mật Thám Pháp Duchêne, ông này thú nhận Trần Văn Giàu và Phạm Ngọc Thạch đã cộng tác với Sở Mật Thám Pháp thời bấy giờ. Thạch vẫn tiếp tục cộng tác cho đến năm 1968, biến cố Mậu Thân trong lúc tiến theo một cánh quân vào Sài Gòn. Năm 1945 Huỳnh Văn Phương tiếp quản sở Công an có thu thập tài liệu về Giàu: sau khi đi dự Hội Nghị Macao 19-4-1935 Giàu về Saigon bị bắt đã khai với Trần Văn Tỷ 167 cán bộ và cảm tình viên của đảng cộng sản. Tài liệu này hiện lưu trữ tại văn khố bộ Thuộc địa Paris, số Slorfom III 54. Nhóm Đệ Tứ đều biết việc này, nên về sau khi Việt Minh nắm chính quyền, Giàu, Chủ Tịch Ủy Ban Hành Chánh Kháng chiến Nam Bộ, đã ra lệnh bắt 60 người Đệ Tứ tại Dĩ An và thủ tiêu tại Sông Lòng Sông Phan Thiết, trong đó có Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Phan Văn Chánh, Nguyễn Văn Sơ... Các vụ ám sát Nguyễn Văn Sâm, Dương Văn Giáo... đều bằng các loại súng mới chế tạo thời bấy giờ do Duchêne trao cho Trần Văn Giàu.

Hồ Tá Khanh thời bấy giờ mang giấc mộng hợp nhất tất cả các đảng cách mạng, nhất là mấy anh em đối nghịch nhau trong hàng ngũ Đệ Tam và Đệ Tứ. Hồ Chí Minh lúc đó ông vẫn lầm tưởng là Nguyễn Ái Quốc, tưởng rằng chắc cũng nghĩ như ông: mục đích là giải phóng đất nước, thuyết

mác-xít chỉ là phương tiện. Vì e ngại quân Pháp trở lại, sự hợp nhất mọi lực lượng quốc gia là điều cần thiết, và Hồ Chí Minh phải lo tạo dựng ra cuộc liên hiệp đó. Hồ Tá Khanh chuẩn bị lần lần cuộc nắm chính quyền cho Hồ Chí Minh và ông ta sẽ tiêu biểu cho tinh thần quốc gia. Trong bài viết Histoire de l'elimination d'une nation de moyenne importance dans sa lutte héroique contre ses puissants prédateurs: le Viet Nam (bản dịch đã đăng trên báo Quê Mẹ Paris), Hồ Tá Khanh viết:

Tôi mơ rằng: Việt Nam tranh đấu giành độc lập, sẽ được Hoa Kỳ ủng hộ vì Roosevelt đã long trọng tuyên bố ở Yalta rằng Pháp sẽ không được đặt chân trở lại trên Đông Dương, và theo Hiến Chương Đại Tây Dương, mọi dân tộc phải được tự do định đoạt số phận của mình. Sẽ không có chiến tranh giữa Pháp và Việt Nam.

Than ôi, ảo vọng. Tôi đã lầm một cách đau đớn; Tôi đã tin cậy ở Giàu cùng mấy bạn y ở Huế như Hải Triều, Tôn Quang Phệt, Trần Hữu Dực... Cứ mười lăm hôm, tôi lại tiếp đãi họ một cách thân mật tại nhà tôi ban đêm, và Công an Nhật đã nhắn lời hăm dọa tôi qua ông bạn Trần Đình Nam, bấy giờ là Tổng Trưởng Nội Vụ.

Nội các Trần Trọng Kim, gồm những nhà trí thức và yêu nước chân chính, cả Nội các chẳng ai biết tiếng Nhật, và cũng chẳng có liên hệ gì với Nhật. Có hai người nói tiếng Nhật được làm thông ngôn cho các buổi tiếp xúc là bà Hoàng Xuân Hãn và bà Trần Văn Chương. Các Bộ Trưởng hầu hết học ở Pháp về, các buổi thảo luận nói bằng tiếng ba rọi khi tiếng Việt, khi tiếng Pháp... Hồ Tá Khanh bổ nhiệm một người bạn là ông Trần Văn Văn (thân phụ Trần Văn Bá), tốt nghiệp Cao Đẳng Thương Mại Paris làm Đổng Lý Văn phòng để giải quyết các vấn đề hành chánh Bộ Kinh Tế.

Nắm Bộ Kinh Tế, ông mới biết một thực tại não lòng là: không nắm được tài chánh trong tay, không có tiền để bổ dụng thêm công chức, không đủ lực lượng để điều khiển kinh tế, không có một phương tiện giao thông tiếp tế nào cả. Trong bản Ý tưởng về Nội các Trần Trọng Kim viết ngày 31-7-1945 tại Thuận Hóa trình bày trước Nội các, BS Hồ Tá Khanh viết:

Nội các Trần Trọng Kim là một Nội các Quốc gia hiệp nhất; mục đích làm tránh sự rối loạn trong xứ sau cuộc đảo chánh và cứu vớt nạn đói miền Bắc nước Việt Nam, để hầu mưu sự độc lập cho nước nhà.

Vì là một Nội các Quốc gia hiệp nhất *nên không chia đảng phái, dầu khuynh hướng chính trị khác nhau thế nào, các ông Bộ Trưởng đều thỏa thuận để cùng nhau đi một bước đường tạm thời. Lúc nào khúc đường đó đã đi khỏi thì hết nhiệm vụ, và phải tránh chỗ cho một Nội các khác tiếp tục tiến hành theo một chương trình hiệp thời hơn.*

Vì muốn tránh sự rối loạn *trong xứ sau cuộc đảo chánh nên chi Chánh phủ:*

một mặt thì phải sửa đổi tình thế chính trị và kinh tế để cho hài lòng dân chúng đã bị nhiều nỗi uất ức trong thời kỳ đô hộ (việc lạm nhũng, việc thâu thóc, thâu dâu, thâu bông...)

một mặt lại tưởng không nên đảo lộn khuôn mẫu trật tự xưa, không nên thi hành những phương pháp bạo tợn, mong cho khỏi sinh lòng sợ hãi trong những phần tử mà Nội các hi vọng sẽ cải tà qui chính và còn có thể giúp việc nước nữa.

Hai cử chỉ có mâu thuẫn với nhau, *làm cho Chánh phủ phải cân lường và hết sức thận trọng, mà thế nào cũng không giải quyết hoàn toàn được.*

Ngoài sự mâu thuẫn trong cử chỉ của mình, lại thêm một điều khó nữa, là Chánh phủ không đủ tự do hoạt động, *về phương diện chính trị cũng như về phương tiện tài chính và kinh tế. Một chính phủ không có cơ quan tuyên truyền, không được tự do tuyên bố, không đủ binh lính súng đạn để giữ trật tự, không nắm được tài chính trong tay, đến nỗi không có tiền bổ dụng thêm công chức, không đủ lực lượng để điều khiển và chỉ huy kinh tế, không còn một phương tiện giao thông tiếp tế nào cả, thì khó mà thi hành một chương trình cho triệt để. Vì thế nên mỗi ông Bộ Trưởng chỉ lo tạm xếp những việc khẩn cấp chớ không thể lo việc kiến thiết. Cách hành động này là một cách bất đắc dĩ không thể kéo dài mãi trên một thời gian vài ba tháng.*

Bao nhiêu điều mâu thuẫn đã nói qua đủ chỉ rằng Nội các Trần Trọng Kim không thể đứng vững nữa. vì đã đến một trình độ mà các mâu thuẫn không thể dung hòa nhau nữa. *Tình hình ở các tỉnh từ Bắc chí Nam đã chứng tỏ cho ta rằng oai quyền của Chánh phủ đã giảm rất nhiều, cuộc rối loạn sắp đến, và nạn đói sắp trở lại dữ dội hơn năm ngoái, mục đích của Nội các không thể thỏa mãn; Nội các không thể đảm đương công việc nữa.*

Vậy Nội các Trần Trọng Kim nên từ chức để cho một Nội các thuận với thời thế hơn ra tiến hành công việc Quốc gia. Nội các mới phải có một cử chỉ hết sức cương quyết đối với những trở lực nội diện và ngoại diện thì mới ra khỏi vòng

quanh quẩn này.

BS Hồ Tá Khanh đệ đơn từ chức ngày thứ hai 6-8-1945, BS Trần Đình Nam Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ và BS Nguyễn Hữu Thí Bộ Trưởng Bộ Tiếp Tế cũng đồng từ chức, nhưng vẫn tiếp tục xử lý các Bộ.

Trong thời điểm khó khăn này, chúng ta thấy nổi bật thiên tài của GS Hoàng Xuân Hãn, đã hoàn thành một chương trình giảng dạy bằng tiếng Việt bậc Trung Tiểu học, và áp dụng ngay lúc ấy. Cuộc thi Tú Tài cuối năm cũng hoàn toàn bằng tiếng Việt. Chương trình Hoàng Xuân Hãn trở thành căn bản cho các chương trình Trung, Tiểu học về sau.

Cuối tháng Tám, các cuộc khởi nghĩa Việt Minh đã nổi dậy, Bộ Trưởng Trần Đình Nam nhờ BS Hồ Tá Khanh vào Quảng Nam để giải quyết các vụ xích mích giữa Quân đội Nhật và Việt Minh. Vụ việc xong thì BS Hồ Tá Khanh cùng Hoàng Mộng Lương, Bộ Y Tế, bị lệnh Việt Minh từ trên bắt giam tại Tam Kỳ và Hội An. Tổ chức Việt Minh mới cướp chính quyền chưa vững chãi, các mệnh lệnh lẫn lộn, lệnh thì ám sát, lệnh thì tha. Nhờ Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam gồm những nhà nho yêu nước biết tiếng gia đình Hồ Tá Bang, hơn nữa khi làm Bộ Trưởng Hồ Tá Khanh có vận động thả tù nhân trong đó có ông Chủ tịch, nên trong ngày giam giữ Hồ Tá Khanh được đối đãi tử tế, và được đi lại trong khuôn viên một trại lính. Ông Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cho hay Trần Văn Giàu và Phạm Ngọc Thạch có đi qua, có biết Hồ Tá Khanh bị bắt nhưng vẫn dửng dưng bỏ đi... Nhờ sự can thiệp của Trần Đình Nam với Tôn Quang Phiệt cuối cùng Hồ Tá Khanh được thả.

Về đến Huế Hồ Tá Khanh gặp Tạ Thu Thâu trên đường từ Bắc vào Nam. Thâu cho biết sự cấu kết giữa Việt Minh và những người theo De Gaulle. Gô-lít kết giao với Xít-ta-lin-nít. Đối với De Gaulle, có thể thiết lập lại chế độ thuộc địa nhờ liên kết với Staline chống lại Roosevelt, và nếu phải nhả Đông Dương, thà thả tay cho Nga còn hơn cho Hoa Kỳ, quá đe dọa quyền lợi của Pháp. Hiệp đầu họ nhờ tay Việt Minh thanh toán các phần tử quốc gia đòi độc lập, hiệp thứ hai họ sẽ nhờ Hoa Kỳ loại chính quyền Cộng Sản, thế là chế độ thuộc địa được tái lập. Hồ Tá Khanh là người cuối cùng gặp Tạ Thu Thâu trước khi ông bị Việt Minh hạ sát tại bờ biển Quảng Ngãi.

Thời gian Việt Minh nắm chính quyền, cho tới ngày quân đội Pháp đổ quân tái chiếm, Hồ Tá Khanh nhận được thư mời cộng tác của Tôn Đức Thắng viết sau bức ảnh Hồ Chí Minh đề nghị thay thế cụ Huỳnh Thúc Kháng vừa mới mất, ông không nhận lời. Phía Chính phủ Pháp mời thi Thạc Sĩ để giảng dạy Đại Học Y Khoa mới dời vào Sài Gòn, ông cũng từ chối. Sở mật thám hăm dọa thủ tiêu nếu không hợp tác. Hai lần Hồ Tá Khanh khám phá tên mình trên danh sách những trí thức sẽ bị thủ tiêu của đảng Cộng sản. Khi Pháp đổ quân tái chiếm đất nước ta, thấy thời thế xung khắc, người a dua quá đông, kẻ thức thời thì hiếm hoi cô lập, nhân có một hội nghị Y Khoa, ông xuất ngoại năm 1949, mở phòng mạch Nhi Khoa tại Réunion trong 10 năm, sau đó ông về mở tại Boulogne vùng Paris. Tuy sống xa quê hương nhưng ông vẫn luôn luôn hướng về quê cha đất tổ và luôn luôn để tâm theo dõi tình hình chính trị trong nước.

Năm 1983 Ông xuất bản quyển Thông Sử Công Ty Liên Thành, hội thương đầu tiên mà cha ông và ông đã từng làm Tổng Giám Đốc. Trong quyển sách ông kết án nặng nề Án sát Khánh Hòa Phạm Ngọc Quát và cháu nội là Phạm Ngọc Thạch Bộ Trưởng Y Tế VNDCCH:

Phạm Ngọc Quát người gốc Biên Hòa, dưới chế độ khoan hồng của Toàn quyền Beau và Công Sứ Garnier (1905) ra mặt ái quốc có hùn vốn vô hội Liên Thành. Đến khi thấy thực dân xoay chiều trở đũa thì phản bạn trắng trợn và sợ nhất là Phan Châu Trinh và Trần Quí Cáp. (Tỉnh Khánh Hòa yên tĩnh, không có phong trào chống sưu thuế, Giáo thọ Trần Quí Cáp bỗng nhiên bị tống giam và bị Bố chánh Nguyễn Văn Mại cùng Án sát Phạm Ngọc Quát xử tử tiền trảm hậu tấu, Quát sợ lộ ra việc hùn vốn Hội Liên Thành sẽ có hại cho đường hoạn lộ của mình). Tâm lý phản phúc Việt gian của tên Phạm Ngọc Quát sẽ di truyền cho con cháu, Phạm Ngọc Thạch, cháu nội, cùng nhóm với anh em báo Văn Lang từ 1940 đến 1944, rồi sau cũng trở mặt nhờ tên André Canac, bợm á phiện với nhau làm gián điệp cho nhà binh Pháp. Nó cùng Trần Văn Giàu, lãnh tụ đệ tam ở Nam Bộ thi hành Hiệp ước Pháp - Việt Minh ký kết năm 1943 tại Võng La; vừa đi thương lượng kín với Gracey-Cédile vừa ám sát tất cả trí thức chống Đệ tam trong thời gian thực dân tái chiếm miền Nam và lúc dân chúng tản cư năm 1945-1954.

Năm 1984 Trần Văn Giàu sang Pháp có ý gặp ông nhưng ông không tiếp.

Ông mất ngày 18 tháng Tám năm 1996 tại Paris.●

HƯỞNG ỨNG LỜI KÊU GỌI "VỀ MỘT ƯỚC NGUYỆN NGÀY TẾT"

Milpitas ngày 1 Feb. 1997
Kính gửi báo Thế Kỷ 21,

Hưởng ứng lời kêu gọi của Giáo sư Tôn Thất Thiện nơi bài "Một Ước Nguyện Ngày Tết" trong số TK 21 Xuân Đinh Sửu 1997, tôi xin gửi đến quý báo tài liệu "Năm điểm thỏa thuận căn bản" do tôi soạn thảo vào đầu năm 1990. Vì tài liệu này mà tôi đã bị chính quyền cộng sản ở Việt Nam bắt giữ và đã kết án tôi 12 năm tù giam về tội "Tuyên truyền chống chủ nghĩa xã hội" trong phiên xử ngày 14/5/92 tại Sài Gòn.

Tôi mong ước tài liệu này sẽ góp phần vào "bản thảo Hợp đồng xã hội" của dân tộc Việt Nam, như ước nguyện của vị Giáo sư danh tiếng ở hải ngoại.

Chủ ý của tôi khi soạn thảo "Năm điểm" là kêu gọi sự đồng thuận của nhiều giới đồng bào để tiến tới việc xây dựng một cơ sở pháp lý phù hợp với nguyện vọng của dân tộc Việt Nam. Nhưng lãnh đạo cộng sản đã dùng bạo lực bỏ tù trấn áp tôi, ví đã dám 'bẻ nạng chống trời" như vậy.

Xin chúc quý báo đạt thêm nhiều thành tích phục vụ Dân tộc và Quê hương.

ĐOÀN THANH LIÊM

NĂM ĐIỂM THỎA THUẬN CĂN BẢN

I

Quốc gia Việt Nam không công nhận một tôn giáo nào làm quốc giáo.

Quốc gia cũng không áp đặt một chủ thuyết nào làm giáo điều chính thức của dân tộc.

Nhằm tôn trọng và bảo vệ tự do tín ngưỡng, Nhà nước không can thiệp vào chuyện nội bộ của các tôn giáo.

II

Dân tộc Việt Nam gồm nhiều sắc tộc có hệ thống giá trị văn hóa xã hội khác nhau. Như vậy nền tảng của xã hội Việt nam phải được đặt trên cơ sở đa chủng tộc, đa văn hóa.

III

Phát huy truyền thống nhân bản và nhân ái của dân tộc, hệ thống chính trị và luật pháp Việt Nam sẽ được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc đã được ghi trong bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền.

IV

Về phương diện kinh tế, vai trò của Nhà nước là làm trọng tài để bảo đảm công bằng xã hội và trật tự xã hội. Như vậy Nhà nước không thể vừa làm trọng tài vừa làm một bên đương sự trong các hoạt động kinh doanh làm ăn được (vừa thổi còi vừa đá banh). Do đó hệ thống quốc doanh hiện nay phải được giảm bớt tới mức tối thiểu.

V

Thực hiện đường lối Hòa giải Hòa hợp Dân tộc, Quốc gia sẽ công bố lệnh khoan hồng đại xá đối với mọi vi phạm sai trái do cá nhân hay do tập thể gây ra. Nghiêm cấm mọi sự tùy tiện báo ân báo oán.

Mọi khiếu nại đòi bồi thường thiệt hại phải được xử lý theo đúng thủ tục luật pháp.

Làm tại Sài Gòn, tháng Hai năm 1990
Đoàn Thanh Liêm

VỀ TƯ TƯỞNG HÀ SĨ PHU

LỜI TÒA SOẠN

Thế Kỷ 21 đã đăng các nhận xét của Lan Thạch về một bài bàn về "Tư tưởng Hà Sĩ Phu" của Nguyễn Gia Tiến, đang trên Tập San Y Sĩ (tháng 8 - 1996). Trong lúc nhuận sắc các câu văn, với ý định giúp cho rõ nghĩa hơn, chúng tôi vô tình phạm lỗi sai lầm về sự kiện, trái với nguyên ý của ông Lan Thạch. Đoạn trích từ lá thư của ông dưới đây cải chính sai lầm đó. Sơ xuất đã xẩy ra vì trong bài góp ý đó ông không dẫn nguyên văn câu mà Hà Sĩ Phu viết, và người nhuận biên không tìm tận gốc câu đó để hiểu rõ ý trước khi nhuận sắc.

Sau khi báo phát hành chúng tôi nhận được bài Góp ý của ông Nguyễn Gia Tiến, ở Thụy Sĩ. Trong bài này có nhắc đến sai lầm trên, nhưng vì đây là lỗi của tòa soạn mà chính ông Lan Thạch đã vạch ra, nên chúng tôi không đăng lại. Ngoài ra, các đoạn khác mà ông Nguyễn Gia Tiến được đăng đầy đủ.

Khi đọc hai bài của Lan Thạch, TK 21 số 93, và Góp ý của Nguyễn Gia Tiến trong số này, chúng tôi thấy hai tác giả nói các chuyện khác nhau nên có những kết luận khác nhau. Ông Nguyễn Gia Tiến muốn nhấn mạnh rằng các **lập luận** *của Hà Sĩ Phu không nên đặt lên hàng* **Tư Tưởng** *như của các triết gia, thì ông Lan Thạch*

chú trọng đến nhu cầu quảng bá các ý kiến của Hà Sĩ Phu, vì giá trị của các ý kiến đó trong khung cảnh đất nước ngày nay.

Chúng tôi cảm ơn hai tác giả, từ Canada và Thụy Sĩ đã quan tâm góp ý kiến và sửa chữa các sai lầm cho Thế Kỷ 21. Tạp chí này lúc nào cũng cố gắng đặt các vấn đề quan hệ đối với vận mệnh và tương lai của đất nước, đón nhận việc đối thoại của các ý kiến bất đồng. Chúng ta tôn trọng lẫn nhau về những dị biệt khi nhìn lại lịch sử cũng như khi phê phán người và việc trong tinh thần tương kính. Và chúng ta sẽ cố gắng không gán cho nhau những ẩn ý có vẻ "chụp mũ."

THƯ CỦA TÁC GIẢ LAN THẠCH

Tôi vừa đọc bài về tư tưởng Hà Sĩ Phu của tôi được đăng trong Thế Kỷ 21, số tháng 1/97, trong đó có thêm vào một số ý kiến. Tuy nhiên, tôi đề nghị quí anh coi lại hai điểm sau đây:

Khi đài VNCR hỏi ông HSP trong một cuộc phỏng vấn là ông đã nói rằng "nhân dân ta đã có những ngày sống đẹp thanh khiết như là thần tiên" là ở thời điểm nào, thì ông đã trả lời là "lúc mà kháng chiến chống Pháp *xong*, lúc ấy..." (HSP Tuyển tập trang 240).

Trong bài tôi viết, tôi cũng nói là "với khát vọng được độc lập từ lâu của nhân dân ta, khi được độc lập *rồi* trong lúc việc thanh trừng giai cấp chưa được nhiều người biết đến cho nên trong một thời gian ngắn, nói chung nhân dân ta có hồ hởi thật, thì lời giải thích của ông HSP có thể gọi là thỏa đáng." Tôi thấy như vậy lột đúng tinh thần câu nói của ô. HSP hơn là bài đăng trên báo:"... những năm *1946-47*, khi nhân dân ta *khởi nghĩa* đấu tranh cho độc lập trong một thời gian ngắn, nói chung..." ý kiến đó cũng đúng, nhưng khi đó HSP mới 6, 7 tuổi, làm sao biết được tinh thần nhân dân lúc ấy ra sao. Xin đính chính lại để độc giả khỏi hiểu lầm.

TRỞ LẠI "TƯ TƯỞNG" HÀ SĨ PHU

Góp ý với ông Lan Thạch

NGUYỄN GIA TIẾN

Xin cảm ơn ông Lan Thạch đã phê bình bài "Tư Tưởng Hà Sĩ Phu có gì mới lạ?"của tôi đăng trên Tập San Y Sĩ số tháng 8-96 vừa qua. Trước hết, để dễ thảo luận, xin tóm lược lại ý chính trong bài viết của tôi:

Đối với Cộng đồng tị nạn hải ngoại gồm đa số những người đã có kinh nghiệm sống đau thương với CS, thì những phát hiện trong các bài viết của HSP về sự gian trá của CS tuy cách lập luận có hay, nhưng nội dung không có gì mới lạ. Tôi hoàn toàn không bài bác và hiểu rằng rất cần thiết nếu có thể phổ biến những bài viết này ở trong nước, cho những người đã và còn đang bị CS bưng bít. Điều đáng phê bình là việc làm rùm beng ở hải ngoại, tổ chức hội thảo, thuyết trình ca tụng, dịch ra ngoại ngữ, v.v... nâng những lập luận, thật ra chỉ là những lập luận, của HSP lên hàng "tư tưởng," là một sự thái quá. Và nói theo kiểu CS là "lên lớp, học tập" tán dương những "tư tưởng" trong các bài viết ấy, là không nên. Vả lại tại hải ngoại, nhiều năm gần đây cũng hiếm có các cuộc thảo luận nào về sự bất khuất của bao nhiêu người đã chết vì chống lại CS trong cuộc chiến mấy chục năm qua tại Miền Nam. Hoặc nếu có thì cũng đã không được đề cao đến như vậy. Trở lại danh từ "tư tưởng." Nếu tôi không lầm thì danh từ này thường được dùng để chỉ những hệ thống triết học cao, như tư tưởng Phật Giáo, Nho giáo, hoặc ít ra là của một vài triết nhân lớn trên thế giới. Gần đây, Hà Nội muốn dựng lên "tư tưởng Hồ Chí Minh," nhưng thấy lố bịch nên cũng còn do dự. Còn Trung Cộng thì đã xài nhuần nhuyễn "tư tưởng Mao Trạch Đông," nhưng cũng chẳng lừa bịp được ai. Ngày nay ta có ông Hà Sĩ Phu, sau khi viết mấy bài tham luận, liền được nâng lên hàng "tư tưởng," kể ra cũng là một hiện tượng đáng mừng cho văn hóa Việt Nam.

Sau đây tôi xin điểm lại những ý chính trong bài viết của ông Lan Thạch:

Trường hợp của Nguyễn Chí Thiện và Hà Sĩ Phu không hoàn toàn giống nhau. Tôi nghĩ Nguyễn Chí Thiện được hâm mộ là vì sự bất khuất không sờn lòng của ông suốt thời gian mấy chục năm ngục tù CS, và giá trị nghệ thuật rất cao trong thơ của ông. Còn Hà Sĩ Phu, người ta có thể đề cao lòng can đảm của ông khi dám gần đây nêu lên sự chỉ trích trong khi đang còn sống dưới chế độ. Nhưng không thể so sánh với sự quyết tâm, kiên trì, và trình độ nghệ thuật của Nguyễn Chí Thiện.

Suốt nửa sau bài viết, ông Lan Thạch lập luận khá dài về sự rất cần thiết và hiệu nghiệm của các bài viết của HSP ở trong nước, khi ông *"thấy rất nhiều người kể cả các cán bộ đảng viên cao cấp CS đã đề cao và cảm phục HSP."* Viết như vậy có lẽ ông đã chỉ đạp vào một cái cửa đã mở sẵn, vì tôi không hề chối cãi sự mới lạ của tư tưởng HSP đối với "đồng bào miền Bắc bị bưng bít từ nửa thế kỷ nay." Còn giới trí thức trẻ hải ngoại, mà ông cho là *"cần được trang bị bằng tư tưởng HSP"* tôi nghĩ rằng, đối với họ, ngoài những

phương tiện truyền thông rộng rãi hiện nay, và được thấy tận mắt biến cố lịch sử là sự sụp đổ tan tành vừa qua của chế độ Sô Viết, những trí thức trẻ này còn có thể học hỏi ngay nơi cha anh họ về những kinh nghiệm đau thương với cộng sản, nếu thực sự họ là "trí thức." Tư tưởng HSP đối với họ cũng tốt thôi, nhưng chỉ là thứ yếu. Còn đối với đám "trí thức" cơ hội chủ nghĩa làm kinh tế với CS hoặc "du lịch Việt Nam" thì xin miễn bàn ở đây, vì thực sự họ chẳng cần biết HSP là ai, hoặc CS là gì!

Khi tôi viết "người quốc gia không hề nhầm lẫn ngay từ 1945" là muốn nói lên sự cảnh giác rất sớm về bộ mặt CS của nhóm Hồ Chí Minh, không có nghĩa là toàn dân phải biết ngay từ đầu. Tuy nhiên, không đợi đến thế hệ của HSP, ngay từ đầu thập niên 1950, cả triệu người đã ý thức được sự xảo trá của CS, bằng chứng là cuộc di cư vĩ đại 1954.

Từ trước 1945, nhóm Hồ Chí Minh đã là những cán bộ được Cộng sản Quốc tế huấn luyện thuần thục, tất nhiên họ có nhiều thủ đoạn thâm độc, khôn ngoan hơn phe quốc gia nhiều. Người quốc gia thời đó chỉ được trang bị bằng một lòng ái quốc, chưa có kinh nghiệm nhiều về các thủ đoạn chính trị đen tối. Dĩ nhiên họ phải thua nhóm Hồ Chí Minh, nhất là khi quân Tưởng Giới Thạch rút đi. Khoảng 1945-46 là lúc Hồ-Giáp đã ra tay trắng trợn triệt hạ phe quốc gia bằng một chiến dịch thủ tiêu ám sát (các vụ Ôn như Hầu, Quan Thánh, v.v...) và sau cùng là Hồ Chí Minh hạ độc thủ bằng cách ký Hiệp định Sơ bộ phản bội 6-3-46, rước quân Pháp trở lại đổi lấy việc rút quân Tưởng, cô lập và triệt tiêu hoàn toàn phe Quốc Gia. Ông Lan Thạch làm như không biết đến sự kiện này, và vì sao phe quốc gia phải rút sang Tàu, khi ông viết: *"vì các đảng phái quốc gia rút sang Tàu thành thử CS giành được quyền lãnh đạo kháng chiến... nên dân ta phải phần nào công nhận công lao của Đảng CS.* Ông Lan Thạch tội nghiệp cho đảng CS còn có một mình trơ trọi, phải vất vả gánh vác việc nước, nên ông biết ơn Đảng CS. Về điểm này, tôi xin mời ông đọc ngay trên cùng tờ Thế Kỷ 21 số 93 này, bài viết rất rõ ràng của tác giả N.V. về "Chiến tranh Quốc Cộng..." để thấy thủ đoạn tiêu diệt người quốc gia của Hồ Chí Minh ra sao. Và Hồ Giáp theo chỉ thị của khối Cộng thế nào, để *quốc tế hóa cuộc kháng chiến* chống Pháp của nhân dân ta. Thực tế là Miền Bắc kể từ 1954 đã chuyển từ Thực dân trắng qua Thực dân đỏ, chứ hoàn toàn không thấy "công lao giành độc lập của CS" ở đâu cả.

Như vậy khi toàn dân rút ra kháng chiến năm 1947 thì trên đầu họ không còn ai khác ngoài đám Hồ Chí Minh độc quyền chỉ đạo chi phối. Còn tài lãnh đạo của CS ra sao, mà ông Lan Thạch khâm phục, đã dẫn đất nước đến đâu, thì ngay ở đoạn dưới đã được chính ông Lan Thạch xác nhận: *"không có CS cũng vẫn độc lập với một giá ít đắt đỏ hơn nhiều."*

Xin nói lại một điểm nữa là khi tôi viết *"công lao giành độc lập... của CS chỉ là một huyền thoại,"* thì ông Lan Thạch trích dẫn chệch đi là *"sự lãnh đạo đạo của CS"* mà ông cãi không phải là một huyền thoại. Dĩ nhiên phe quốc gia đã bị tiêu diệt hết thì còn ai dành quyền lãnh đạo với CS được?

Để kết luận, tôi vẫn nghĩ là bài học lịch sử khá giản dị và rõ ràng, dù ai muốn phân tích ra sao đi nữa. Và nếu ông Lan Thạch vẫn *"biết ơn phần nào công lao của đảng CS"* thì đó là quyền của ông. Nhưng đối với người dân Việt Nam bình thường thì CS vẫn chỉ là đám tội đồ của dân tộc, mà các tội ác của họ, lịch sử vẫn còn đang tiếp tục phanh phui chưa hết. Càng dứt khoát không thể có chỗ đứng nào trong lịch sử của cái gọi là *"công lao dành độc lập"* của CS.

(Switzerland, tháng 1.1997)

TỪ TÚ TÀI ĐẾN TIẾN SĨ

TRẦN GIA PHỤNG

Trong mục "Bạn đọc viết" báo THẾ KỶ 21 số 92 (12-1996), ông Nguyễn Hưng Quảng (Connecticut) đã nêu lên một sự khác biệt nhỏ về lý do Trần Quý Cáp được dự kỳ thi hội năm 1904 giữa tài liệu trong cuốn *"Giai thoại làng Nho"* của ông Lãng Nhân và bài *"Trần Quý Cáp và bản án Mạc tu hữu"* của tôi đăng trên THẾ KỶ 21 số 91 (tháng 11-1996). Ông Nguyễn Hưng Quảng cho biết: *"Trong cuốn GTLN của Lãng Nhân thì viết là Trần Quý Cáp trước đó đã đi thi hương và đỗ ba lần tú tài (tú mền) nên được xếp vào hàng cử nhân và hợp lệ đi thi hội, chứ không nêu dữ kiện vì trúng thượng hạng kỳ khảo hạch trong tỉnh nên được giới thiệu cho đi thi hội. Cuốn GTLN cũng viết rõ thêm là trong kỳ thi hội đó (1904), Huỳnh Thúc Kháng đỗ đầu (hội nguyên), vào thi đình Đặng Văn Thuỵ đỗ đầu (đình nguyên)..."*

Trước hết, tôi xin cảm ơn ông Nguyễn Hưng Quảng về việc góp ý nầy vì bất cứ người nào viết bài được độc giả đọc kỹ và góp ý luôn luôn là một điều thú vị cho mọi người viết chứ không phải riêng tôi. Sau đây, tôi xin viết thêm về

trường hợp cụ Trần Quý Cáp không đỗ cử nhân mà vẫn được gởi đi thi hội.

1.- Trước hết, phải xác định rõ trong các kỳ thi Nho học trước đây ở nước ta, **không có khoa thi tú tài riêng biệt như khoa tú tài tân học sau nầy**, chỉ có thi hương, thi hội, thi đình. Thi hương có bốn trường hay bốn kỳ. Đỗ cả bốn trường (kỳ) thì được gọi là cử nhân (cử người của các địa phương lên triều đình sử dụng). Đỗ ba trường, hỏng trường chót được gọi là tú tài (người có tài đẹp lạ lùng). Chỉ những người đậu cử nhân được triều đình bổ ra làm quan, còn những người đậu tú tài không được bổ ra làm quan, trừ những tú tài con quan tập ấm thì được đặc cách ra làm quan. **Do đó tú tài không phải là một văn bằng chính thức mà chỉ là một chứng nhận trình độ học vấn.**

2.- Sau đây là phần trích dẫn nguyên văn lời Huỳnh Thúc Kháng viết về Trần Quý Cáp trong giai đoạn trước khi đi thi hội trong bài *"Tiểu truyện Thai Xuyên Trần Quý Cáp"* được đăng trong sách *"Trần Quý Cáp và tư trào cách mạng dân quyền đầu thế kỷ 20"* (tt.10-16), do Lam Giang soạn, dựa vào tài liệu của ông Trần Thuyên là con trai của Trần Quý Cáp cung cấp. Tài liệu của cụ Huỳnh rất được gia đình con cháu Trần Quý Cáp tin tưởng.

"...Năm ất vị (1895) được bổ vào học sinh trường tỉnh, nổi danh học giỏi. Năm 1898 (mậu tuất) cùng cụ Ấn Nam Nguyễn Đình Hiến lấy chân học sinh đi thi, trong số thí sinh biết bao anh tài, nhưng đều nhận văn của tiên sinh là hùng hồn hơn cả. Kháng tôi lúc bấy giờ nhỏ hơn tiên sinh năm tuổi...

"...Năm kỷ hợi (1899), tiên sinh cư tang thân phụ... Nhà nghèo làm ruộng không đủ tự cung, tiên sinh phải dạy học trò... Dạy học ba năm ở nhà, mọi nơi nghe tiếng, đến học rất đông. Tiên sinh tùy người dạy dỗ. Tình thầy trò như cha con, trìu mến nồng nàn..."

"...Năm quý mão (1903), đi thi hương, vào trường nhất, trường nhì, đều nổi danh, đến trường ba lại hỏng, nhưng tiên sinh thản nhiên, không lấy sự đậu hỏng làm điều..."

Dựa vào tài liệu nầy, chúng ta thấy Trần Quý Cáp có đi thi hương mà hỏng cử nhân, còn đậu tú tài hay không thì cụ Huỳnh hoàn toàn không đề cập đến. Xin hãy chú ý vào đoạn chót trích trên đây : *"...Năm quý mão (1903), đi thi hương, vào trường nhất, trường nhì đều nổi danh, đến trường ba lại hỏng..."* **Câu nầy khẳng định rằng năm 1903 Trần Quý Cáp không đậu tú tài (hỏng trường ba).** Cụ Huỳnh không thể lầm lẫn việc nầy vì cụ Huỳnh và cụ Trần, hai người bạn đồng châu, cùng ra Huế thi hội ngay năm sau (1904), nên cụ Huỳnh phải biết rõ sự việc vừa xảy ra cho bạn mình. Như thế không thể nói là Trần Quý Cáp đã *"đỗ ba lần tú tài (tú mền) nên được xếp vào hàng cử nhân và hợp lệ đi thi hội."*(1) Nhưng, tài liệu của cụ Huỳnh cũng chưa được rõ về việc Trần Quý Cáp đỗ tú tài năm nào vì chắc chắn Trần Quý Cáp phải có một tú tài mới được dự thi kỳ sát hạch ở tỉnh để được giới thiệu đi thi hội theo những điều lệ quy định lúc bấy giờ.

Tài liệu nầy còn cho biết năm 1899, Trần Quý Cáp cư tang phụ thân. Theo luật xưa, trong thời gian đại tang ba năm, sinh đồ không được dự thi, vậy sớm nhất là năm 1902 Trần Quý Cáp mới được ứng thí trở lại.

3.- Lúc đầu, nhà Nguyễn quy định *"chỉ cử nhân mới được quyền đi thi hội, ngoài ra các tôn sinh, ấm sinh, giám sinh đỗ tú tài, nếu muốn thi hội, phải hạch hai lần nữa. Trước hết các tôn sinh, ấm sinh và giám sinh đỗ tú tài rồi do bộ Lễ hay do quan địa phương sát hạch một kỳ, ai dự hạng ưu, bình mới trúng tuyển, từ đó được đặt vào thượng hạng tôn sinh tú tài hay thượng hạng ấm sinh, giám sinh tú tài và được bổ vào ngạch giáo huấn. Các viên thượng hạng nầy nếu muốn dự thi khoa hội, thì trước kỳ thi hội một tháng, bộ Lễ lại sát hạch một lần nữa. Văn bài viên nào được phê ưu bình mới được thi hội."*

Sau đó việc thi sát hạch có một vài sửa đổi nhỏ :

"...Lệ năm Thiệu Trị thứ tư định rằng mỗi khi gặp khoa thi hội, các viên giáo huấn hiện tại vốn xuất thân là cử nhân hay giám sinh tú tài có ai tình nguyện ứng thí, sẽ do quan địa phương xét thực tâu lên, lại cấp giấy cho để đến trước kỳ thi một tháng đến kinh mà vào thi..."

"...Lệ năm Đồng Khánh thứ ba định rằng ở các tỉnh, những tú tài trúng kỳ sát hạch, được bổ các chức giáo huấn và bổ từ thất phẩm trở xuống cho đến chánh ngạch bát cửu phẩm. Những viên nầy nếu có tình nguyện dự kỳ thi hội, đều do các quan thượng ty hội đồng sát hạch, văn bài viên nào được phê ưu bình, sẽ cấp chứng chỉ cho về kinh thi hội, nếu dự hạch mà vào hạng thứ thì không được thi hội. Lại các tú tài ấm sinh và tú tài học sinh, tùng học ở các tỉnh, người nào có thể đỗ được thượng hạng, sẽ tư danh sách về bộ. Đến năm có khoa thi hội, bộ sẽ chiếu theo lệ các tú tài đã trúng hạch được bổ giáo huấn cùng sát hạch một kỳ nữa. Các viên trúng tuyển kỳ hạch hội nầy

sẽ được dự vào danh sách khai liệt rõ chức hàm, niên canh, quán chỉ, và đỗ tú tài khoa nào. Quan địa phương sẽ cấp văn bằng cho lên đường về kinh, cốt phải có mặt ở bộ Lễ vào hạ tuần tháng giêng để kịp dự thi hội...''

''...Lệ năm Thành Thái thứ mười chín định rằng tất cả các người xuất thân là tú tài mà được phẩm hàm từ thất phẩm trở xuống, cùng các thượng hạng ấm sinh học sinh tú tài theo lệ trước, nếu dự kỳ thi hạch hội được vào hạng ưu bình đều được dự kỳ thi hội...'' (2)

Theo các điều quy định trên đây trong *"Đại Nam điển lệ toát yếu,"* ngoài các cử nhân đương nhiên được quyền thi hội, thì bất cứ tú tài ấm sinh nào cũng đều phải **đỗ thượng hạng kỳ thi sát hạch tại tỉnh mới được dự thi hội,** không có trường hợp đỗ ba lần tú tài thì được xếp vào hàng cử nhân và hợp lệ đi thi hội. Như thế, nếu không đỗ cử nhân, mà có ba lần đỗ tú tài đi nữa, muốn đi thi hội, Trần Quý Cáp cũng phải thông qua con đường duy nhất nầy. Các kỳ sát hạch tại tỉnh nhằm vớt những nhân tài rớt kỳ thi hương và thêm người dự kỳ thi hội nên thường được tổ chức tại tỉnh địa phương sau kỳ thi hương và trước kỳ thi hội.

4.- Tác giả Lâm Quang Thự, trong bài *"Trần Quý Cáp"* đăng trong sách *"Danh nhân đất Quảng''* cho biết *''...Học trò ông [Trần Quý Cáp] thì đi thi đỗ dễ dàng còn ông thì thi bốn khoa mới đỗ tú tài..."* Nhưng tác giả Lâm Quang Thự cũng không cho biết Trần Quý Cáp đỗ tú tài năm nào. Sau đó, tác giả họ Lâm viết thêm :*''...Năm giáp thìn (1904), nhân danh tú tài học sinh hạch trúng thượng hạng, Trần Quý Cáp được dự thi hội...''* (3) Điều nầy hoàn toàn hợp lý vì năm 1903, Trần Quý Cáp thi hương hỏng, năm sau lại đi thi hội, vậy ông phải đỗ kỳ thi sát hạch tại tỉnh Quảng Nam giữa hai kỳ thi tại Huế.

Việc Trần Quý Cáp rớt cử nhân và đậu tú tài là một điều có thật nhưng hiện rất khó kiểm chứng Trần Quý Cáp thực sự đỗ tú tài năm nào, đây là vấn đề còn tồn nghi để làm cho rõ hơn. Trong các kỳ thi dưới thời nhà Nguyễn, hiện nay chúng ta chỉ biết được danh sách trúng tuyển dựa vào bộ *"Quốc triều đăng khoa lục"* (thi hội và thi đình) và *"Quốc triều hương khoa lục"* (cử nhân) của Cao Xuân Dục, chứ không biết được danh sách tú tài, ngoài những bài viết của những người đương thời hoặc do con cháu kể lại. Càng về sau, mỗi sách viết mỗi khác vì chỉ nghe truyền văn mà thôi. Trong bài *''Trần Quý Cáp và bản án Mạc tu hữu,''* chúng tôi viết : ''...ông về lại Quảng Nam, thi trúng thượng hạng kỳ khảo hạch học sinh trong tỉnh nên được giới thiệu đi thi hội năm 1904...'' hoàn toàn dựa trên sự việc đã xảy ra, chỉ thiếu ở chỗ chưa nói đến việc Trần Quý Cáp đỗ tú tài vì phải đỗ tú tài mới được dự kỳ sát hạch tỉnh.

5.- Thứ tự trúng tuyển thi hội và thi đình trong khoa thi nầy rất rõ ràng vì *''...năm 1904, (Trần Quý Cáp) đỗ thứ nhì sau cụ Huỳnh Thúc Kháng, vào thi đình cũng đỗ thứ nhì nhưng trước Huỳnh Thúc Kháng...''* (tức thi hội, Huỳnh Thúc Kháng đỗ đầu, Trần Quý Cáp đỗ thứ nhì, thi đình Trần Quý Cáp thứ nhì, Huỳnh Thúc Kháng đỗ thứ ba). Nếu ghi thêm người đỗ thứ ba trong kỳ thi hội sau lên đỗ đầu kỳ thi đình là Đặng Văn Thụy (có sách viết là Đặng Văn Thoại, người Nghệ-An, làm giáo thọ phủ Diễn Châu) lại càng thêm chi tiết đầy đủ hơn.

Một lần nữa, xin cảm ơn ông Nguyễn Hưng Quảng đã đưa vấn đề ra để chúng ta cùng thảo luận, làm sáng tỏ được chừng nào hay chừng đó quá khứ của ông bà chúng ta.

Chú thích :

(1) Ngày xưa, vì tú tài không phải là một bằng cấp nên một người nhiều lần rớt cử nhân lại có thể nhiều lần đỗ tú tài. Đỗ tú tài một lần gọi là tú tài, hai lần đỗ tú tài gọi là **lưỡng khoa tú tài** hay **tú kép**, ba lần đỗ tú tài là **tam khoa tú tài** hay **tú mền.**

(2) Trích nguyên văn *Đại Nam điển lệ toát yếu,* Nguyễn Sĩ Giác dịch, Nxb. TPHCM, 1993, tr. 371. Năm Thiệu Trị thứ tư là năm giáp thìn (1844). Năm Đồng Khánh thứ ba là năm mậu tý (1888). Năm Thành Thái thứ mười chín là năm đinh mùi (1907).

(3) *Danh nhân đất Quảng,* Lâm Quang Thự và một số tác giả, Nxb. Đà-Nẵng, 1987, tt. 107-108.

* Chúng ta suy nghĩ với cái tổng quát, nhưng sống với các chi tiết.
— Whitehead

* Trò cười phải chấm dứt ngay lúc nó thành công nhất.
— Ch. Cahier

* Đối với chúng ta cái bản đồ có vẻ thực hơn là mặt đất.
— Lawrence

* Hắn như con gà trống, tưởng mặt trời mọc lên chỉ cốt để nghe nó gáy.
— G. Eliot

TỶ GIẢO TRIẾT HỌC

NGUYỄN ĐẠI BẰNG

Có lẽ tỷ giảo triết học là một ngành học thuật đã xuất hiện vào đầu thế kỷ XX khi các nhà học giả Á Đông đã bắt đầu quay nhìn lại nền tư tưởng cổ truyền của mình, sau thời kỳ lao vào tìm hiểu những triết thuyết Âu Mỹ do nhu cầu thời đại thôi thúc trước sự ngự trị của văn minh Tây phương từ đầu thế kỷ XIX. Và một trong những phương pháp nhìn lại là mang nền tư tưởng ấy so sánh với triết học phương Tây. Ở Âu Mỹ người ta cũng đã tìm hiểu những mô thức suy nghĩ của Á Đông, lúc đầu để so sánh với tâm ý tự tôn lấy tư tưởng của mình làm chuẩn, làm đúng, làm mức độ tiên tiến phải theo. Nhưng ngày nay với sự khủng hoảng lý tưởng (có lẽ đã bắt đầu từ sau Đệ Nhị Thế Chiến) người phương Tây đã dần dần nhìn lại những nền văn hóa khác từ một tư thế khiêm nhượng hơn, để tìm một cái gì đó bù đắp cho sự thiếu thốn của chính mình, hoặc bằng so sánh, tự nhìn lại mình, qua người, để hiểu mình hơn. Lối thứ hai này thực ra chưa được phổ biến lắm — ngay ở trong giới các nhà tư tưởng và các học giả. Vì vậy hôm nay chúng tôi muốn giới thiệu cùng bạn đọc học giả Francois Julien, trưởng ngành Văn minh Á Đông đại học Paris VII, và quan niệm tỷ giảo triết cùng cái nhìn của ông ta về vũ trụ quan Á Đông qua kinh Dịch.

Để trả lời câu hỏi mà người hỏi chỉ muốn biết lý do thúc đẩy ông nghiên cứu kinh Dịch, F. Julien đã nói:

"Tôi khkông phải là một nhà [nghiên cứu] chuyên môn về Dịch. Tôi đã không bắt đầu nghiên cứu Trung Hoa ở kinh Dịch. Tôi đã đến với Trung Hoa qua ngã triết cổ Hy Lạp... Tôi có cảm giác rằng chúng ta ngày nay không thể tiếp tục đọc các sách cổ Hy Lạp dựa vào truyền thống (tư tưởng) tây phương. Tôi đã cảm thấy cần phải làm một đường vòng — nghĩa là qua một cái nhìn từ bên ngoài — và tôi đã đi tìm nó ở văn hóa Trung Hoa, bởi vì cái nhìn đó phải đến từ một văn hóa với một ngôn ngữ ngoài Ấn Âu và có một truyền thống văn sách đủ cổ xưa để tiện cho việc so sánh.

Ích lợi của sự đi vòng này là nó cho ta thấy những *mô hình biểu tượng* mà trước đó ta bị che khuất, mà ta tưởng rằng chúng là lý đương nhiên, chúng phải là như vậy; (nhưng bây giờ) chúng dần dần hiện ra với những ý niệm hoài nghi bắt ta phải suy tư. Bởi vì có cái chúng ta tư duy và cái từ đó chúng ta tư duy (và cái *từ đó* là cái mà chúng ta đã [chọn lấy như một tiền đề và] không hề suy tư tới). Đối với tôi mục đích của sự đi vòng qua truyền thống Trung Hoa là trở về với một **dấu hỏi** về sự tự kỷ ám thị của tư tưởng chúng ta (tây phương) và tôi cũng học được rằng: nền văn hóa gốc của tôi, tôi đã không biết nó thấu đáo như tôi tưởng. Đúng là chúng ta [quá] quen thuộc với những qui nguyên (références) và [chúng ta] có cảm giác đó là những lý đương nhiên. Nhưng sống trong những lý đương nhiên của truyền thống văn hóa của mình đâu phải là biết rõ truyền thống đó, càng không phải là tư duy về nó... Dần dần tôi đã thấy những điều mà trước đây tôi cho rằng nó phải là như thế khi đọc Platon và Aristote, đã không hiển nhiên tí nào và những qui định quá quen thuộc này thật ra rất quái lạ — tân kỳ (exotiques).

Tôi đã nghiên cứu kinh Dịch vì nó là một quyển sách căn bản [một quyển kinh của nền văn hóa] Trung Hoa. Tôi nghĩ rằng chúng ta phải đọc toàn bộ kinh Dịch, bởi vì tất cả các trùng quái đều có giá trị như nhau — dù rằng giá trị của chúng không đồng đều. Mà chúng ta phải suy xét tất cả những lớp tư tưởng của quyển sách, tất cả những chú giảng (truyện), ngay cả những truyện giảng của truyện giảng."

Sự so sánh giữa hai nền văn hóa đã là đề tài của quyển sách "Tiến hóa hay tạo hóa. Một dẫn nhập vào nền tư tưởng Trung Hoa" (Procès Création. Une introduction à la pensée chinoise, F. Juoien, coll. Des Travaux, éd. du Seuil, Paris, 1989). Ở đây F. Julien đã dựa vào nho gia Vương Thủ Chi để tìm hiểu vũ trụ quan Trung Hoa. Ông đã cố gắng gắn liền hai đòi hỏi khác biệt: vừa đọc họ Vương "ở bên trong" nền tư tưởng Trung Hoa để hiểu VTC nói gì so với những người trước, vừa đặt vấn đề "từ bên ngoài" để qua so sánh

cảnh đã đưa đẩy mỗi bên đi chọn hướng tư duy riêng biệt của mình.

Tây phương đã dùng một mô thức văn hóa mà ở đó người ta đã ráng [vẽ] và nhận thức thế giới qua ý niệm tạo hóa. Không phải chỉ có một lần tác tạo vũ trụ buổi ban đầu mà còn là sự tạo tác liên tục sau này như trong các câu nói: "sáng tạo tác phẩm," "nghệ thuật sáng tạo." Ngay với những kẻ không có một quan niệm thần học chặt chẽ đó là một mô thức đã trở thành hiển nhiên không làm sao xóa nhòa đi được." Điều mà F. Julien muốn xem xét, đó là tại sao mô thức này lại không phát triển ở nền tư tưởng Trung Hoa. Cái gì thay thế qui điều này để cảm hiểu vũ trụ hoặc để tả, vẽ nó ra.

Nhưng qua cuốn sách "Tiến hóa hay Tạo hóa" ta cũng thấy được tư tưởng của cá nhân VTC. Hãy nghe F.Julien giải thích tại sao ông đã chọn họ Vương để biểu trưng cho vũ trụ quan Trung Hoa: "...Có nhiều khuynh hướng chú giải kinh Dịch. Thí dụ như những truyện giảng đời Hán, chúng thường có tính cách duy biểu tượng [như Khôn là đất, đàn bà, ngựa cái, v.v...] hoặc chú giảng của Thiệu Ung (tượng số học và lưỡng nghi, tứ tượng, bát quái học). Tư tưởng của VTC khoáng cả hơn, khuynh hướng của ông ta đáng chú ý vì nó có tinh thần triết học và xem xét đến nhiều mặt và nhiều lối ứng dụng Dịch."

F.Julien cho biết đã dùng nhiều nhất sách "Nội truyện," quyển chú giảng cuối cùng của VTC nhưng thật ra họ Vương đã viết vào khoảng mười cuốn sách bàn riêng về kinh Dịch. VTC, có hiệu là Thuyền Sơn, đã sống vào thời cuối Minh đầu Thanh, nghĩa là ở một thời đại cực kỳ xáo trộn thúc đẩy các nhà nho đi tìm một sự an ủi, một tin tưởng có thể bám víu trước một thời cuộc đang phá vỡ tất cả các giá trị đạo đức xã hội truyền thống. VTC sau khi bôn ba mưu chuyện khôi phục, đã ẩn mình trong núi sâu để tìm một giải thoát cho bế tắc nội tâm của mình và ông đã mượn Dịch kinh để đi tìm lối thoát *. (chú*: tuy nhiên ông bàn khắp cả về Nho Lão Phật học chứ không chỉ hạn chế ở kinh Dịch). Phân tích tương lai đang đến, sự biến hóa, nhu cầu biến hóa và luận lý nằm đằng sau nhu cầu này — dù không được nói rõ ra — làm căn bản cho đạo đức quan của VTC. Không đi tìm sự giải thoát trong trốn tránh mà phải chấp nhận giữ chặt niềm tin trong khó khăn, bởi sẽ có một "trật tự" mới — không phải một trật như ước mơ, một thời đại hoàng kim hay đại đồng — mà là một trật tự đã nằm sẵn trong hiện tại *. (chú *: Trên lý thuyết phép bói Dịch cổ điển không cho ta biết được tương lai mà chỉ đoán tương lai qua những mấu chốt đã có trong thực tại. Nghĩa là tương lai vẽ ra bởi bói Dịch chỉ là một *tương lai có thể có* suy diễn từ tiềm năng của hiện tại). VTS đã cố vượt qua sự sợ hãi chung của nhân loại trước những đổi thay, trước ngấn ngủi của cuộc đời, ông đã đi sâu hơn — trong truyền thống của mình — người khác bằng cách phát triển rất xa ý niệm biến hóa không những là phương pháp tiếp tục tồn tại của mọi vật mà còn là bản năng (đức) của chúng.

VTC đã đặt suy tư của mình dựa vào Dịch kinh và đã đưa ra, theo F. Julien, ba nguyên lý chính. Nguyên lý đầu tiên là Kiền, Khôn đi đôi với nhau. Lúc đầu có hai cực âm dương cùng nhau và ngang nhau dù sau đó có sự khác biệt về hình thái (statut). Nguyên lý này hoàn toàn đối chọi với mô thức sáng tạo của Tây phương hoặc với lý học đời Tống (Thiện Ung bảo có Kiền rồi mới có Khôn). Sự luân chuyển (alternance) là hậu quả của cái nhìn song cực nguyên thủy này.

Nguyên lý thứ hai là mỗi hào đều *sắp biến*. Mỗi quẻ đều có sáu hào hiện và sáu hào ẩn (tiềm năng). Theo F. Julien đó là một tư tưởng quan trọng của Trung Hoa: "sự gắn bó giữa cái thấy [được] và cái không thấy [được]: chúng không cách biệt nhau và sự thật chỉ có được nhờ sự luân chuyển của chúng." Nguyên lý thứ ba đập vào mắt F. Julien là sự không có một trung tâm duy nhất trong một quẻ. Nhờ vậy mà không bao giờ có sự quân bình, một sự quân bình tuyệt đối làm ngừng hẳn sự biến chuyển. Tư tưởng này đã có từ lâu ở Trung Hoa nhưng đã được VTC phát triển sâu xa dựa vào sự không có một hào trung duy nhất ở các quẻ Dịch. Cái ý "trung" của Trung

* Nàng là người rất có phẩm cách, mỗi lần ném cả cốc cà phê vào người chồng nàng cũng cẩn thận lấy chiếc muỗng ra trước.

* Anh ta rất lễ phép. Trước khi gác chân lên bàn, anh ta luôn luôn nhớ tháo giày.

* Một người chồng luôn luôn đi chen giữa bà vợ và cửa kính trưng bày hàng thì không được lịch sự lắm, nhưng chắc chắn là khôn ngoan.

Hoa không phải là cái trung bình, cái không quá, không hơn không bớt. Bởi vì có tới hai hào trung trong một quẻ Dịch (hào nhị và hào ngũ) cho nên ta có thể hiểu rằng cái Trung, sẽ tùy theo thì (lúc) trong sự tiến hóa mà ở chỗ này hay chỗ khác. Trung là trúng, là cái giữa đúng (đúng lúc hợp thời) của Trung Dung.

Để diễn ra rộng hơn cái nhìn của VTC, F. Julien đã viết ra một quyển sách khác: "Các hình tượng của sự nội tại hằng cửu. Một cách đọc triết học cho kinh Dịch" (Figures de l'Immanence. Pour une lecture philosophique du Yiking, F. Julien, éd Granet, coll. Figures, Paris, 1993). Theo ông ta thấy VTC đã tóm tắt 64 quẻ Dịch vào trong năm cặp quẻ: Kiền-Khôn, Thái-Bĩ, Hàn- Đằng, Tổn-Ích, Ký tế-Vị tế, để diễn tả hoạt động của vũ trụ. Cặp Kền- Khôn là song cực khởi đầu, là nguyên khí âm dương, trời đất. Và sau đó nhờ sự cảm thông giữa hai nguyên khí mà guồng máy tiến hóa đã được khai dẫn. Bước tiến hóa sau đó dừng lại ở cặp Thái-Bĩ, đây là biểu trưng của sự hòa hợp (giữ Trời/Kiền và Đất/Khôn)- Thái và sự không hòa hợp - Bĩ. Hòa hợp thì có hanh thông, không thì mắc kẹt. Sau đó VTC đã mượn ý kiến cổ nhân cho rằng Hằng và Hàm là do Thái-Bĩ trao đổi một hào giữa thượng và hạ quái. Bĩ đổi hào ba với hào sáu, cho thấy ý nghĩa từ bất động bắt đầu có một sức hút, sức cảm làm chuyển động, đổi thay, thoát bế tắc (Hàm). Thái đổi hào một với hào bốn cho thấy lúc ban đầu của một cái gì hài hòa sẽ đem đến trường cửu, một trạng thái có vẻ bất biến mà thực ra ở bên trong vẫn có hóa (Hằng). Tổn và Ích cũng là do Thái và Bĩ trao đổi mà ra (hào ba và sáu của Thái — Tổn và hào một và bốn của Bĩ— Ích). Cặp này chỉ sự thêm bớt cần thiết của vũ trụ luôn luôn đứng ở một thế thăng bằng động. Trong quan niệm Trung Hoa, bớt không có nghĩa là mất và thêm chẳng thể để thừa. Và cuối cùng là cặp Kí tế, Vị tế do các hào hai và chín của Thái và Bĩ trao đổi với nhau mà ra. Kí tế là đã xong, đã hết, mọi vật đều đứng đúng chỗ của mình như thể ở trạng thái bền vững nhất. Nhưng Dịch là động cho nên ngược với Kí tế trật tự mọi vật sẽ trở lại trạng thái hỗn độn Vị tế, chưa xong, chưa qua. Có như vậy sự tiến hóa mới có thể tiếp tục không ngừng nghỉ.

1/97

(Viết dựa vào cuộc phỏng vấn ông Francois Julien bởi Cyrille Javary trong bài Un modèle pour penser le devenir in Les mutations du Yi King, coll. Question Dc, ed. Albin Michel, Paris, 1994).•

Kính mời quí vị và các bạn đến xem
TRIỂN LÃM HỘI HỌA
của
SUZIE VUONG
"COMING OF SPRING"
tại

SUZIE VUONG
Gallery

Trong khu
SANTORA ARTS COMPLEX
207 N. BROADWAY, SUITE 3
SANTA ANA CA 92701
Cùng với trên 25 phòng tranh và phòng vẽ của hơn 40 họa sĩ dùng nhiều thể loại và chất liệu khác nhau.
TỐI THỨ BẢY
MARCH 1, 1997
Tu 7:00 toi 10:00 PM

Năm 1997 có tất cả 8 cuộc triển lãm cho cả khu SANTORA ARTS COMPLEX. được tổ chức vào buổi tối, từ 7 đến 9 giờ vào những ngày tháng như sau:
JAN 11 • MARCH 1 • APRIL 19
JUNE 7 • JULY 26 • SEPTEMBER 6
OCTOBER 11• DEC 6
Cuộc triển lãm này từ March 1st tới April 12th
NGÀY GIỜ MỞ CỬA:
Thứ 7: 12 giờ trưa tới 5 giờ chiều
Những ngày khác xin theo hẹn
Tel. (714) 558-8218
Pager (714) 967-7571
Fax (714) 444-1082
http://kicon.com/art/SuzieVuong
SUZIE VUONG trân trọng kính mời

TRỊNH CUNG: MỘT NÉT TRỮ TÌNH MỚI CỦA NỀN NGHỆ THUẬT VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

HUỲNH HỮU ỦY

Giữa nền hội họa Việt Nam hiện tại, nếu Đinh Cường là một nỗ lực làm mới rất đặc biệt thì Trịnh Cung cũng vậy, đã một thời họ đi với nhau như một cặp bài trùng vào những năm đầu của thập niên 60, tạo nên bao nhiêu biến đổi và xao xuyến trong bầu khí sáng tạo của một nền nghệ thuật vừa đang lớn mạnh.

Khoảng những năm 1962-1965 là thời kỳ cực kỳ lãng mạn của Trịnh Cung với tính cách chủ yếu ở một không khí lãng mạn xanh pha lẫn giữa Chagall, Modighiani và P. Klee, tuy nhiên đã đi tới một tính cách riêng là biết tiết chế và chọn lọc màu sắc, đường nét, ánh sáng. Bức tranh*Mùa thu tuổi nhỏ* của Trịnh Cung trong cuộc triển lãm quốc tế lần thứ nhất được tổ chức ở Saigòn năm 1962 đã gây được nhiều chú ý ngay từ đầu. Màu sắc, ánh sáng, bố cục, hình thể và đường nét ở đây đã hòa hợp rất chặt chẽ để tạo nên sự thuần nhất vững vàng cho bút pháp.

Thái Tuấn cho rằng kỹ thuật và nghệ thuật chỉ còn là một ở tấm tranh này. Những khuôn mặt, những dáng điệu của các nhân vật thoáng hiện ra với người thưởng ngoạn như một kỷ niệm, một ám ảnh quen thuộc. Có những vừng trán sáng chói nổi lên và cũng có những khuôn mặt, những hình vóc mờ biến vào nền vải như những di tích hóa thạch. Các nhân vật mà họa sĩ thả vào trong cái không khí ác mộng chỉ còn là hình bóng của niềm vô tư ngây dại đang ấp ủ cho nhau. Trong cái khung cảnh ảo não ấy, thỉnh thoảng điểm một vài ánh màu chói lọi càng tăng thêm sự bi thảm đến cùng cực. (2)

Bức tranh này được Hội đồng chấm giải quốc tế trao tặng văn bằng danh dự, sự kiện này đối với một họa sĩ trẻ vừ rời khỏi trường mỹ thuật có lẽ cũng là điều hết sức đáng kể. Những màu xám lam, tím, hồng nhạt pha trọn vào nhau càng làm dầy lên bề dày của vẻ trữ tình, lãng mạn và bi thảm của hội họa Trịnh Cung vào thời kỳ này.

Năm 1963, bức *Những người bạn* được huy chương đồng trong cuộc triển lãm hội họa mùa Xuân và *Người ngồi* được chọn để tham dự triển lãm lưỡng niên tại Paris. Năm 1964, bức*Tĩnh vật Hoa Vàng* được chọn tham dự triển lãm hội họa quốc tế ở Tunisie, và điển hình nhất là bức *Trên vùng an nghỉ* được tặng Huy chương bạc trong triển lãm hội họa mùa Xuân Giáp Thìn (1964). Hãy hồi tưởng lại đôi chút về tuyệt phẩm*Trên vùng an nghỉ:* Trùm lên toàn thể là một màu xanh xám, gợn lên đôi nơi màu nâu và hồng, đường nét rất tiết chế, giản lược, hòa hợp nhau trong một cảm thức thi ca siêu tuyệt. Đấy là cảnh tượng trên một mảng đồi, một giáo đường, vài cây thông, một thiếu nữ tản bộ và một con ngựa trắng đang nghỉ ngơi, tất cả đều được lọc lựa thành những nét giản phác nhất, đã biểu lộ một không khí hết sức bình yên, thanh thản. Khoảng trống trên bức tranh càng tạo thêm vẻ tịch mịch trầm lặng, êm đềm của thế giới muốn đạt đến.

Trong chỉ một thời gian ngắn chưa đầy năm năm (1960-1964), Trịnh Cung đi tìm cho mình một màu sắc riêng và đã có nhiều chuyển biến như anh đã công nhận với chúng tôi trong nhiều buổi trao đổi riêng, từ những màu rực rỡ, nóng ấm, chói chang của hồi còn ở Huế (mang nhiều sức nóng của Van Gogh), dần dần đã dịu đi nhưng vẫn còn nóng (là lúc anh suy nghĩ nhiều về hòa sắc của Ganguin) và sau cùng anh đã dừng lại trên bảng màu hơi tối và lạnh của một thứ trữ tình xanh và sâu, bay bổng, nhẹ nhàng của Marc Chagall, rất thích hợp với đời sống tâm cảm của anh mà chúng ta thấy trên các tấm tranh vừa kể: *Mùa thu tuổi nhỏ, Những người bạn, Trên vùng an nghỉ.* Van Gogh, Gauguin, Chagall để lại nhiều dấu ấn trên suy nghĩ của Trịnh Cung nhưng trên tranh của anh thì lại tan biến thành một bút pháp mới, chẳng còn chút dấu vết nào của các nhà danh họa lừng lẫy.

Trịnh Cung là một trong những người làm nghệ thuật rất khó tính, đôi lúc đến độ gần như gay gắt

với chung quanh. Lời nói này của anh, trong cuộc triển lãm của *Hội Họa Sĩ Trẻ* năm 1969, do Trung Tâm Văn Hóa Đức bảo trợ, biểu lộ nhiều tính cách của anh: "Mỗi lần vẽ xong, tôi như vừa bắt được một sự sung sướng tột đỉnh, và thấy đầy kích thích để bước thêm trên con đường mà trong lúc bình thường tôi thấy thất kinh, vì mỗi ngày mỗi nhiều sâu bọ rắn rết." (In trong vựng tập triển lãm)

Những năm về sau, vẫn lối sử dụng màu cũ nhưng hình thể thì đi đến chỗ cực giản dị. Bày ra một thế giới lãng đãng của rêu phong và đất đá được chế ngự dưới cây cọ tài hoa. Một màu sắc trầm mặc, chìm ẩn lắng xuống lặng lẽ rất phương Đông, rất Việt Nam với những tảng sơn màu xanh xám, xanh Trung Hoa (Vert de Chine), xanh lam tử dương hoa (bleu d'hortensia) để vẽ nên thế giới của *Đứa trẻ hát dạo* với một cánh chim nhỏ cũng đang ca hát trên mái tóc ngây thơ và đôi mắt ngơ ngác, của *Nguyệt cầm,* của *Mẹ con và lồng chim.* (2) Trịnh Cung đã mang lại cho người thưởng ngoạn một thứ hoan lạc kỳ diệu, tiềm ẩn và chứa chan một tâm hồn Việt Nam mà không cần phải lớn lối gì cả, anh đưa chúng ta trở lại với cái đẹp, cái thơ mộng, cái sung sướng bởi thế giới anh đã phác dựng nên.

Mấy năm về sau nữa, dưới áp đảo gay gắt của đời sống, chiến tranh Việt Nam trở thành một điểm lửa dữ dội trên thế giới, tranh Trịnh Cung lại chuyển biến thêm với hình thể giản dị đến cùng cực, để dựng lại một thế giới của những con người trần trụi giữa một không khí của màu sắc xám ngắt, đanh lại, đầy khắc khoải, điển hình là bức *Khung người* bày trong kỳ triển lãm chung của Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam năm 1973.

Sau 1975, chuyển qua một giai đoạn mới của lịch sử, mặc dù bị vây bủa vì bao nhiêu sự khốn đốn, nhưng vẫn có một điểm thuận lợi vô cùng to lớn là đất nước đã hoàn toàn thống nhất, nghệ thuật của Trịnh Cung cũng bước vào một thời kỳ mới. Các lớp sóng phế hưng không còn đập rộn rã, tất cả đã lắng xuống; người từng trải biết bước qua những khoảnh khắc phù phiếm để sống với cái vĩnh cửu trong chính lòng mình. Nghệ thuật của Trịnh Cung lúc này đượm nhiều màu sắc triết lý mới, dù là bằng ngôn ngữ biểu tượng hay trừu tượng vẫn có một vẻ gì tịch lặng rất Lão Trang. Gần đây, vào năm 1988, khi mở cửa phòng tranh của Đỗ Quang Em, Đinh Cường, Trịnh Công Sơn ở Nhà Văn Hóa Tiệp Khắc (tức cơ sở Pháp Văn Đồng Minh hội cũ), anh lại có dịp phát biểu quan điểm của mình:

"Hội họa là một địa đàng xuất hiện sớm nhất.

"Một thế giới không hề có tường cao cửa đóng, không hề có bắt đầu và kết thúc; một thế giới phi thời gian.

"Mỗi người ở đó là một chân tu nhưng không hề có giáo luật. Nếu người ta bày ra điều này, cách kia thì những thứ đó không nhất thiết sẽ hữu ích cho những ai trong lòng chưa sẵn sàng một palette đầy khát khao sáng tạo. Họa sĩ cũng như những người yêu tranh đều cần có, chỉ khác nhau là một kẻ nói ra lòng mình bằng một thứ ngôn ngữ ngày càng lạ thường và một bên lắng nghe bằng những cảm thông riêng biệt.

"Họa sĩ ném lên mặt vải những tảng màu những đường nét như nhà tu hành gởi vào cõi hư vô tràng mõ, tiếng chuông. Âm điệu tụng niệm hay một tình khúc có đến được cõi vô tận và đem lại điều gì cho nhân gian? Điều quan trọng nhất đối với họ là không phải đem lại điều gì cho ai mà chính là sự hiến tặng trái tim mình để đánh đổi những khoảnh khắc vĩnh hằng khi ngồi trước giá vẽ."

Loạt tranh mới Trịnh Cung thực hiện vào thời kỳ sau này hầu hết đều có chuyển tải chất tinh thần trên. Dù đó là một đề tài rất mạnh, dữ dội

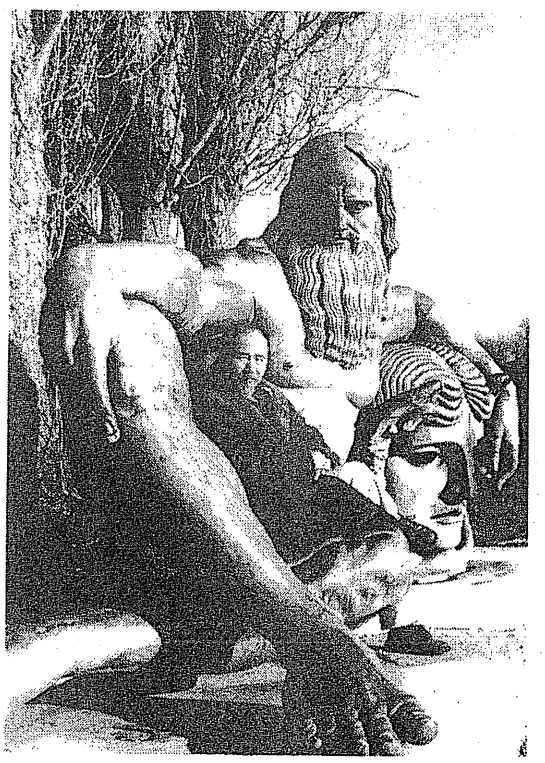

Trịnh Cung, trong lòng bức tượng Léonard de Vinci, ở Orléans, Pháp, năm 1995.

là dàn giáo chevalet của sự sáng tạo. Hay trên những ghi chép tưởng như rất nhẹ nhàng, hư ảo, là những mảng trừu tượng *Ngày đầu của hòa bình, Đường về mùa thu, Hoa lá và nước, Trầm tích của mùa hè, Ánh trăng của Debussy, Ngày cuối của chiến tranh.* Sáu bức tranh là một góp mặt rất khởi sắc của Trịnh Cung sau nhiều ngày tháng bế tắc với đời sống và sáng tác. Sáu bức tranh họp mặt trong cuộc triển lãm có vẻ như muốn phục hưng một số giá trị cũ, tôi muốn nói đến cuộc triển lãm của các họa sĩ trong nhóm *Hội Họa Sĩ Trẻ* trước đây được tổ chức ở nhà Bảo Tàng Mỹ Thuật Sài Gòn đầu năm 1994 với Nguyễn Lâm, Đỗ Quang Em, Nguyễn Phước, Hồ Hữu Thủ, Nguyễn Trung. Khi các thành phần cũ của *Hội Họa Sĩ Trẻ* đang lang bạt tứ xứ thì những khuôn mặt còn lại ở Sài Gòn cũng đã làm được chuyện đầy thú vị và hào hứng.

Cách đây hai năm, Trịnh Cung có cơ hội đến Pháp. Khảo sát, nhìn ngắm và chiêm nghiệm được nhiều điều hữu ích, anh như sống được giấc mơ nghệ thuật của một đời nghệ sĩ đã bị quá nhiều ràng buộc trong thân phận một đất nước nghèo nàn và nhỏ bé. Hiện nay, anh lại có dịp đến Mỹ để nói chuyện về mỹ thuật Việt Nam ở một trường đại học, nhân đây sẽ đi chu du qua một vài trung tâm sinh hoạt nghệ thuật chủ yếu của đất nước rộng lớn mênh mông này. Chắc chắn là anh sẽ suy nghiệm thêm được nhiều điều để kiện toàn và cũng để tự tin hơn trên những bước chân của mình.

Trong một số báo sắp tới, sau khi Trịnh Cung đã đi và nhìn được nhiều điều về nền nghệ thuật mới cùng một số vấn đề liên hệ ở đây, anh sẽ trở lại đàm đạo với chúng ta, hy vọng những câu hỏi thích đáng được đặt ra và cách nhìn nhận độc đáo của anh sẽ mang lại nhiều lý thú mới mẻ.

Quận Cam, tháng XII-1996

(1) Thái Tuấn. *Cuộc triển lãm mỹ thuật quốc tế lần thứ nhất tại Saigòn.* Tạp chí Bách Khoa, số 141, 1962.

(2) *Đứa trẻ hát dạo, Nguyệt Cầm, Mẹ con và lồng chim* là ba tấm tranh của Trịnh Cung bày trong kỳ triển lãm tháng 8-1971 của Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam.●

DAN RX PHARMACY

6255 University Ave., Ste. F, San Diego, CA 92115

Tel: (619) 287-2660 * Fax: (619) 287-5968

THUỐC MỚI NHẬP NGÀY ĐÁO HẠN CÒN XA
GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG
GẦN PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI
GIAO THUỐC TẬN NHÀ, MIỄN PHÍ

CMS

NHẬN: MEDI-CAL, MEDICARE CIGNA; DMERC & CÁC LOẠI BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU

CaliforniaCare: Blue Cross, CompCare
TelePAID: Blue Shield, PersCare, PCS
Medimpact: PHP-CHG, MedCare, Value-RX, PacifiCare, Cigna, Rx-Prime, CareMark, Aetna, Columbia-PS, PharmaCare, PCN, MetraHealth, MediMet, TheTravelers, Foundation Health, Champus, GEM, USC, MPS, GPP, DPS, CPM, Wellpoint Pro-Serv, Community-RX, APB America, Provantage, Rx-America, SHARP H. Plan, SinglePoint

WELCOME: COMMUNITY HEALTH GROUP MEMBERS

ĐẶC BIỆT: NHẬN CHƯƠNG TRÌNH CMS

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:00 AM - 3:00 PM

DƯỢC SĨ NGUYỄN THẾ DANH kính mời

HOÀNG TRƯỜNG DIỆP ĐÀO TỊ

Hành động đào tị của Bí thư Bộ Chính trị Cộng Sản Bắc Hàn, Hoàng Trường Diệp (Hwang Jang Yop) là một vụ nhức đầu, đã lâu lắm các lãnh tụ Trung Quốc mới phải đối phó, kể từ khi Tôn Quyền dâng thủ cấp của Quan Công cho Tào Tháo.

Trung Cộng khó xử, vì không thể làm thương tổn quan hệ với cả hai miền Bắc và Nam Hàn quốc. Đối với Bắc Kinh, Bắc Hàn có "tình nghĩa tình keo sơn, môi hở răng lạnh." Quan hệ đó không thể đem hy sinh dễ dàng. Nhưng Nam Hàn cũng là một nguồn lợi không thể bỏ qua, vì số vốn đầu tư và số mậu dịch song phương rất lớn. Khi ông Hoàng xin đào tị, trước cửa tòa Đại sứ Nam Hàn ở Bắc Kinh được công an Trung Cộng bảo vệ có mấy chục mật vụ Bắc Hàn túc trực, mặc thường phục, đeo kính đen trong lúc bầu trời mùa đông ở Bắc Kinh đang u ám. Cách đó vài ngã tư là một tòa nhà đang xây cất, mang tên đại công ty Sam Sung của Nam Hàn. Trong chín tháng đầu năm 1996, tư bản Nam Hàn đã đầu tư 960 triệu Mỹ kim vào Hoa lục. Mậu dịch song phương giữa hai nước lên đến gần 20 tỷ Mỹ kim trong năm qua, gần gấp bốn lần số mậu dịch 566 triệu giữa Trung Cộng với Bắc Hàn.

Ở Bắc Hàn, Hoàng Trường Diệp là một lý thuyết gia, từng phụ trách chiến dịch tuyên truyền cho hình ảnh "Cha già dân tộc" của Kim Nhật Thành. Ông góp công dựng lên "Lãnh Tụ Vĩ Đại," danh hiệu của Kim bố, và đặt ra danh hiệu "Lãnh Tụ Mến Yêu" cho Kim con, tức là Kim Chính Nhật bây giờ. Hoàng Trường Diệp từng giữ chức Chủ tịch Quốc hội.

Cho đến nay chúng ta không biết rõ việc đào tị của Hoàng Trường Diệp được tổ chức như thế nào, nhưng chắc chắn không phải là một quyết định vội vàng, thiếu chuẩn bị. Với vai trò quan trọng của ông ta, và với hệ thống tình báo tinh vi của Nam Hàn, hai bên chắc đã liên lạc và sắp xếp với nhau từ trước. Một câu hỏi đáng đặt ra là tại sao Hoàng Trường Diệp không đào tị ngay khi ông đang công du tại Nhật Bản, mà lại đợi đến lúc về qua Bắc Kinh? Chính phủ Nhật Bản chắc sẽ không do dự, để cho tòa Đại sứ Nam Hàn đưa ngay ông ta về Hán Thành, nếu ông ta đào tị tại Tokyo. Việc lựa chọn tòa Đại sứ Nam Hàn ở Bắc Kinh làm nơi đào tị là một tính toán để gây ra ảnh hưởng mạnh và bền nhất.

Nếu như Hoàng Trường Diệp đào tị ở Tokyo rồi bay sang Hán Thành thì ông sẽ chỉ gây tiếng vang ngắn dần dần sẽ chìm trong bao nhiêu biến cố mới khác.

Việc đào tị ở Bắc Kinh, và hoàn cảnh khó xử khiến Trung Cộng trì hoãn quyết định, sẽ là đề tài được cả thế giới theo dõi, gây tiếng vang trong dân chúng và đảng viên ở Bắc Hàn lâu dài hơn. Hơn nữa, khi ông Hoàng Trường Diệp còn ở Bắc Kinh thì chính phủ Trung Cộng cũng không thể làm ngơ nếu Kim Chính Nhật bức hại gia đình và phe đảng của ông còn ở trong nước. Chọn Bắc Kinh làm nơi đào tị là một cách "mua bảo hiểm" giảm bớt thiệt hại và "tối đa hóa" ảnh hưởng có lợi của vụ đào tị ngoạn mục này.

Nhưng ông Hoàng và chính phủ Nam Hàn muốn gây ra ảnh hưởng nào tại miền bắc? Đối với các chính phủ Nam Hàn thì một vụ bùng nổ ở Bắc Hàn giống như ở Rumani không phải là một biến cố đáng mừng. Hậu quả trực tiếp là hàng triệu dân Bắc Hàn sẽ chạy xuống miền Nam, vừa để trốn cảnh đói kém, vừa tìm tự do. Không một chính phủ Nam Hàn nào muốn gánh thêm gánh nặng đó, chưa kể mối nguy chiến tranh. Và việc thống nhất Hàn Quốc nhanh chóng cũng không đáng ước ao, vì họ đã chứng kiến cảnh thống nhất nước Đức kéo theo nền kinh tế Tây Đức suy thoái suốt năm năm qua.

Điều tốt nhất cho ông Hoàng Trường Diệp không phải là đóng vai một "hồi chánh viên," mà cần giữ được vai trò chính trị của mình đối với các đảng viên ở miền bắc.

Tại Bắc Hàn, nạn đói ngày càng trầm trọng, trong khi chính quyền cộng sản chuẩn bị lễ đăng quang cho Kim Chính Nhật vào tháng Bẩy tới đây. Trong nội bộ đảng chắc chắn có những người muốn thay đổi chế độ độc tài khắc nghiệt hiện nay, vừa cứu đảng, vừa tự cứu. Vai trò tốt nhất cho Hoàng Trường Diệp là qui tụ những thành

phần chống đối với chế độ ở Bắc Hàn, và thúc đẩy tiến trình thay đổi nhanh chóng nhưng không gây hỗn loạn.

Điều đó phù hợp quyền lợi của nhà cầm quyền Bắc Kinh. Họ cũng không muốn thấy Bắc Hàn thay đổi nhanh chóng. Một Bắc Hàn sụp đổ trong hỗn loạn có thể đẩy hàng triệu người từ Bắc Hàn vượt sông Áp Lục chạy loạn sang Mãn Châu. Hàn Quốc thống nhất và dân chủ hóa sớm quá cũng không phù hợp với quyền lợi Bắc Kinh bây giờ.

Cũng như Tào Tháo ngày xưa biết xoay chuyển một tình thế khó xử, biến thành có lợi cho mình, ngày nay Bắc Kinh có thể nhân vụ Hoàng Trường Diệp đứng ra làm trung gian giữa hai miền Nam và Bắc Hàn Quốc. Bắc Kinh có thể dùng Hoàng Trường Diệp châm ngòi cho những thay đổi ở Bình Nhưỡng, rồi sau đó đứng môi giới giữa hai miền Nam và Bắc Hàn trong tiến trình thống nhất. Họ không hy vọng tái lập An Đông đô hộ phủ như đời nhà Đường, nhưng một Hàn Quốc đủ mạnh, về kinh tế và quân sự, để cân bằng với Nhật Bản là một điều tốt cho nước Trung Hoa, bất kể lúc đó dân ở hai bên bờ sông Áp Lục theo chế độ chính trị nào.

BẠCH PHIẾN QUA ĐƯỜNG HÀ NỘI

Một cuộc thử nghiệm các học sinh ở tỉnh Lạng Sơn cho thấy có 10% trẻ em mang dấu tích đã dùng ma túy, khi thử nước tiểu. Báo Nhân Dân đã cung cấp tên những khu phố Hà Nội có các ổ chích ma túy, kể cả heroin là loại đắt tiền và độc hại nhất. Một viên chức chính quyền đích thân đi tìm hiểu "thị trường ma túy". Ông Trịnh Hồng Thuận, phó giám đốc cơ quan bài trừ tệ đoan xã hội đã cùng con trai đi dạo qua phố Hàng Buồm, làm như khách tìm mua thuốc. Hai cha con mới đi một quãng đường thì họ đã "có mối," mặc cả mua heroin ngay trên hè phố.

Đầu năm 1995 tại Hà Nội, hai người bị bắt vì mang hàng ký ma túy, một người bị kết án tử hình. Trước khi thọ hình, tử tội xin khai báo tin tức nên bản án được hoãn. Từ lời khai của tử tội này, bắt được Đại Úy Vũ Xuân Trường vốn phụ trách bài trừ tệ đoan xã hội trong bộ Nội Vụ, trước đây từng chịu trách nhiệm bài trừ ma túy ở Lai Châu và Vinh. Sau đó hơn ba mươi nhân viên bộ Nội Vụ bị bắt. Cuối năm ngoái, bắt Thiếu tá Vũ Hữu Chính, đứng đầu cơ quan bài trừ ma túy của bộ Nội Vụ.

Chúng ta biết rằng guồng máy đảng Cộng Sản không lỏng lẻo đến mức để cho các tay buôn ma túy lọt vào bộ Nội Vụ, làm ăn bao năm rồi mới bị khám phá. Việc thăng cấp, phong nhậm các sĩ quan, các chủ nhiệm cơ quan, bao giờ cũng phải đi qua Ban Tổ chức đảng. Do đó, buôn bán ma túy chính là một hành động được dung dưỡng.

Ma túy xuất phát từ Tam Giác Vàng, thuộc miền biên giới giữa các nước Miến, Thái, Lào và Trung Quốc. Người Mỹ vẫn chụp hình bằng vệ tinh nhân tạo theo dõi diện tích các vùng trồng thuốc phiện. Xưa nay con buôn vẫn dùng Thái Lan, Lào làm cửa ngõ xuất khẩu sang các nước Tây phương. Nhưng vì áp lực quốc tế, nhất là từ Mỹ, các nước trên đã ngăn chặn việc buôn bán ma túy qua xứ họ. Do đó, các tay buôn quốc tế đã tìm đường chuyển vận qua ngả Việt Nam. Ma túy từ vùng Tam Giác Vàng đi qua Lai Châu, Hà Nội, Hải Phòng, hoặc đường Xiêng Khoảng ở miền trung Lào đi qua Thanh Nghệ, trước khi được chuyển đi Hồng Kông và Ma Cao để tiêu thụ trên thị trường quốc tế. Với chế độ công an ở Việt Nam, chỉ có đảng Cộng Sản đủ sức tổ chức, hoặc dung dưỡng cho đảng viên điều khiển đường dây buôn lậu đó.

Nhưng tại sao giờ này đảng Cộng Sản Việt Nam lại bắt các cán bộ ma túy? Lý do khách quan là áp lực quốc tế và dư luận dân chúng. Dân chúng đã chứng kiến nạn ma túy hoành hành quá đáng, nhà nước không thể làm ngơ mãi. Năm ngoái, khi ông Đỗ Mười đi thăm khu Ba Đình, dân đã bao vây ông ta than phiền về nạn bán ma túy ở ngay trong các trường học. Trong tám tháng đầu năm 1996, số heroin bị bắt ở Việt Nam đã lên tới 50 ký, so với hơn 30 ký bắt được trong cả năm 1995. Hiện nay Hà Nội phải cộng tác với cơ quan bài trừ ma túy của Liên Hiệp Quốc, do Mỹ tài trợ. Cơ quan này đang đòi tham dự vào việc huấn luyện và cả việc thanh tra kiểm soát các con đường ma túy, là đường số Sáu qua Lai Châu và đường số Bảy, qua Vinh.

Nhưng còn một lý do nội bộ khiến Cộng Sản Việt Nam ra tay bắt các trùm ma túy. Đó là do sự tranh chấp phe phái giữa các lãnh tụ. Khi các sĩ quan trong bộ Nội Vụ bị bắt về ma túy thì bộ trưởng Bùi Thiện Ngộ ra khỏi Bộ Chính Trị và Trung ương đảng. Nhưng mũi dùi tấn công sẽ nhắm vào Võ Văn Kiệt. Dù có nhiều người thực tâm muốn bài trừ ma túy, các đầu mối trong guồng máy công an và quân đội không dễ trừ hết được, vì liên can đến quá nhiều quan chức lớn. Họ phải lo bảo vệ lẫn nhau!

Khi còn một đảng độc quyền cai trị, độc quyền kinh tế, thì việc chống ma túy và trừ tham nhũng đều khó có kết quả.

TRỢ CẤP NGƯỜI GIÀU HƠN NGƯỜI NGHÈO

Các chính trị gia ở Hoa Kỳ ráo riết bàn việc cải tổ "oeo phe." Cuối năm ngoái, quốc hội Mỹ thông qua và tổng thống Clinton ký đạo luật thay đổi cả hệ thống an sinh xã hội, cắt bớt rất nhiều trợ cấp cho người nghèo. Các cuộc thảo luận sôi nổi khiến nhiều người tưởng là chính phủ Hoa Kỳ lâu nay đã trợ cấp tiền bạc cho người nghèo nhiều quá, trong khi giới trung lưu và giầu có phải hy sinh đóng góp. Nhưng sự thật cảm tưởng đó có đúng không? Thống kê cho biết 85% tiền trợ cấp của chính phủ liên bang là cho giới trung lưu và giàu có!

Một thí dụ của trợ cấp cho người giàu là khoản thuế miễn trên tiền lãi trả ngân hàng, dành cho người vay nợ để mua nhà. Thay vì đóng thuế trên tất cả lợi tức kiếm được, người chủ nhà có thể khấu trừ phần lớn tiền lãi trả ngân hàng, nghĩa là bớt được một phần thuế, không phải trả. Nếu quí vị được khai để được trừ trên 1000$ tiền lãi, mà suất thuế là 25%, lập tức quí vị được nhà nước bớt 250$ thuế. Công quĩ không thâu 250$ tiền thuế được bớt, tức là đã trợ cấp cho chủ nhà 250$. Một năm chính phủ Hoa Kỳ miễn 55 tỷ mỹ kim tiền thuế cho các vị chủ nhà, nói cách khác, trợ cấp cho họ 55 tỷ để mua nhà. Chi phí cho phiếu thực phẩm (food stamps) tốn không tới 25 tỷ một năm. Chương trình xã hội AFDC giúp các bà mẹ nghèo chỉ tốn có 16 tỷ một năm, đó là khoản bị cắt nhiều nhất khi cải tổ. Tóm lại, người giàu mua nhà thì được khích lệ, còn các bà mẹ nghèo không được khuyến khích sinh thêm con.

Tất nhiên hầu hết những người mua nhà rồi được hưởng trợ cấp đều thuộc giới trung lưu hoặc giàu có. Cô Madona chắc chắn mua nhà lớn hơn một người nghèo như quí vị và chúng tôi. Cô có thể vay nợ nhiều hơn, và do đó, được miễn thuế, tức là được trợ cấp nhiều hơn. Tội gì không đi vay, bỏ tiền túi ra mua khi được bớt thuế? Chúng ta biết rằng tiền bạc của người giầu đem đầu tư vào thị trường chứng khoán, hay đem làm ăn chắc chắn có suất lời trung bình cao hơn lãi suất ngân hàng, ngay cả khi chưa trừ thuế.

Một khoản trợ cấp lớn khác là Phụ cấp cho Nhà Nông. Những chương trình trợ cấp có từ hơn nửa thế kỷ nay giúp các nhà trồng trọt hưởng sự giúp đỡ của chính phủ liên bang, không mấy nhà chính trị dám đụng tới, dù lý do kinh tế và xã hội khi thiết lập chương trình không còn nữa. Tổng số tiền giúp các nhà nông lên đến 16 tỷ mỗi năm. Một nhà nghiên cứu tính ra 30 ngàn nông gia giàu nhất nước Mỹ được hưởng trợ cấp 50 ngàn mỹ kim một năm.

Giới trung lưu thụ hưởng nhiều nhất về học bổng cho sinh viên (nhà nước chi tám tỷ một năm), hoặc tiền vay khi đi học, trả lãi nhẹ và trễ. Cựu quân nhân được trợ cấp thực phẩm và y tế, giầu hay nghèo hưởng như nhau. Và khi một vùng được coi là bị thiên tai thì tỷ phú và dân nghèo cũng được trợ cấp cả, không phân biệt.

Quĩ xã hội hưu bổng (Social Security) trả cho người giàu và nghèo như nhau, dù người giàu có khi không cần đến, ít nhất không cần như dân nghèo. Người ta đã tính trong năm 1997 này, có 48 tỷ mỹ kim hưu bổng sẽ trả cho các gia đình với lợi tức từ 50 ngàn đến 100 ngàn mỹ kim. Ngoài ra, có 15.5 tỷ sẽ trả cho các cụ khác dù họ có lợi tức từ 100 ngàn mỹ kim trở lên.

Thuế đóng cho Quĩ xã hội hưu trí đánh trên lương bổng thì chỉ tính trên các đồng lương từ 65,400 mỹ kim trở xuống. Nghĩa là một người làm ra 10 ngàn một năm thì đóng thuế 12,4% trên từng đồng bạc một, trong khi người kiếm 250 ngàn một năm chỉ đóng trên số dưới 65 ngàn, nghĩa là trên một phần tư số lương của mình. Một nhân viên Quĩ xã hội hưu bổng tính rằng nếu bỏ cái giới hạn đó đi, nghĩa là buộc người giàu đóng góp trên tất cả lương bổng, thì số khiếm hụt dự trù của Quĩ sẽ nhẹ bớt được hai phần ba.

Quĩ y tế cho người già (Medicare) cũng không phân biệt lợi tức. Mỗi năm có 20 tỷ mỹ kim chi phí tế cho các gia đình lợi tức cao hơn 50 ngàn mỹ kim. Số tiền thụ hưởng về quĩ y tế này không bị đánh thuế như tiền hưu bổng, giàu cũng như nghèo. Năm ngoái, nhiều dân biểu đảng Cộng Hòa đã đề nghị dự luật buộc người giàu hơn đóng nhiều hơn vào quĩ y tế, nhưng các dân biểu Dân Chủ đánh bại đề nghị đó.

Phần lớn những con số trên (do một tuần báo khuynh hướng bảo thủ, tờ *Economist* nêu lên,) chứng tỏ các chương trình trợ cấp của chính phủ Mỹ không giúp đỡ người nghèo nhiều quá như nhiều người nghĩ. Theo báo này, cứ 100 đồng chi ra thì có 85 đồng giúp cho người trung lưu và giàu có. Khi các nhà chính trị cãi nhau về cắt giảm trợ cấp, họ tránh đụng tới các món cho giới trung lưu và giàu, mà chỉ nhắm cắt trợ cấp của người nghèo. Vì người trung lưu và khá giả tham dự đông hơn trong các cuộc thảo luận chính sách để cố giữ các ưu đãi họ đang hưởng, và họ cũng chăm đi bỏ phiếu hơn là người nghèo.

TOÀN DÂN TIẾN LÊN ĐI SƯU DỊCH

Trong một bài diễn văn tháng trước, thủ tướng Võ Văn Kiệt nói "Nhà nước sẽ huy động sức dân xây dựng tuyến đường dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh - đường Trường Sơn Công nghiệp hóa." Ông Võ Văn Kiệt tuyên bố tái lập "chế độ sưu dịch," gọi là nghĩa vụ lao động, để thực hiện dự án Đường Trường Sơn nói trên. Nhưng muốn "vận động sức dân" thì cách tốt nhất là cho họ tự do làm việc. Việc huy động sức dân bằng cách cưỡng bách là một phương pháp sai lầm. Chế độ xô viết đã từng áp dụng, chế độ Mao Trạch Đông đã thử, và cả hai đều thất bại. Phương thức cưỡng bách không đưa tới thịnh vượng kinh tế, ngược lại còn hủy hoại cả nền tảng xã hội.

Luật "Nghĩa vụ Lao động" tái lập chế độ phu dịch thời Pháp thuộc, bắt người dân mỗi năm phải làm việc không công cho nhà nước một thời gian. Nhưng tại sao đảng Cộng Sản Việt Nam giờ này còn tái lập chế độ phu dịch ở nước ta? Một động cơ gần nhất là đảng muốn giảm bớt áp lực của nạn thất nghiệp. Tỷ lệ thất nghiệp ở Việt Nam lên tới 20%, ở nông thôn là gần 30%, và còn tăng thêm nữa. Nền kinh tế chủ yếu dựa trên xí nghiệp quốc doanh không tạo thêm được việc làm, mà mỗi năm có vài triệu người đến tuổi bước vào thị trường lao động. Huy động hàng triệu người thường xuyên đi làm việc không lương thì giảm bớt được số người tìm việc.

Một lý do trực tiếp khác là dùng Luật cưỡng bách lao động để tăng thuế trá hình, rút tiền của dân. Theo các viên chức nhà nước thì các tỉnh và thành phố sẽ qui định số tiền phải đóng nếu muốn miễn sưu dịch.

Chúng ta sẽ không chứng kiến cảnh người khá giả trong làng bỏ tiền thuê người đi sưu dịch thay mình, như thời Pháp thuộc. Vì việc mua bán sức lao động thời đó diễn ra trên thị trường, giá cả do hai bên thỏa thuận. Ngày nay đâu cũng quốc doanh, cho nên người không muốn đi sưu dịch phải đóng tiền thẳng cho nhà nước, và chỉ có nhà nước có quyền ấn định giá cả. Trong một xóm làng, một khu phố sẽ có hai loại công dân, những người phải đi sưu dịch và những người có tiền được miễn. Đây là một dịp để sự phân biệt giai cấp trong xã hội tư bản đỏ trở nên rõ ràng, trắng trợn hơn.

Sau cùng, một động cơ tàng ẩn đằng sau quyết định tái lập chế độ sưu dịch là kiểm soát dân chúng một cách chặt chẽ hơn. Từ khi khối Cộng Sản Âu châu tan rã, việc kiểm soát dân chúng ở Việt Nam mỗi ngày thêm lỏng lẻo vì đảng viên cấp dưới mất tin tưởng. Từ cán bộ đến công an đều lơ là vì họ chỉ chờ ngày đảng giải tán tan hàng như đàn anh ở Liên Xô. Bây giờ, việc thi hành luật lệ về sưu dịch sẽ tạo cơ hội để nhà nước kiểm tra danh sách tất cả các công dân trong tuổi tráng niên, tái lập việc kiểm soát nghiêm ngặt hơn.

Thời xưa Mao Trạch Đông đã huy động hàng triệu người đi lao động không công, từ việc thủy lợi đến các lò luyện kim. Kết quả là mấy chục triệu người chết đói mà các công trình chẳng đi đến đâu. Ai cũng biết khi người ta làm việc sưu dịch thì dù làm được rất nhiều vẫn khó bảo đảm về phẩm chất.

Chính phủ Hà Nội đã cực lực phản đối các đài BBC và VOA vì họ gọi tên chế độ sưu dịch ngày nay là cưỡng bách lao động. Vậy khi bắt người ta đi làm việc mà không trả lương xứng đáng thì gọi là gì?•

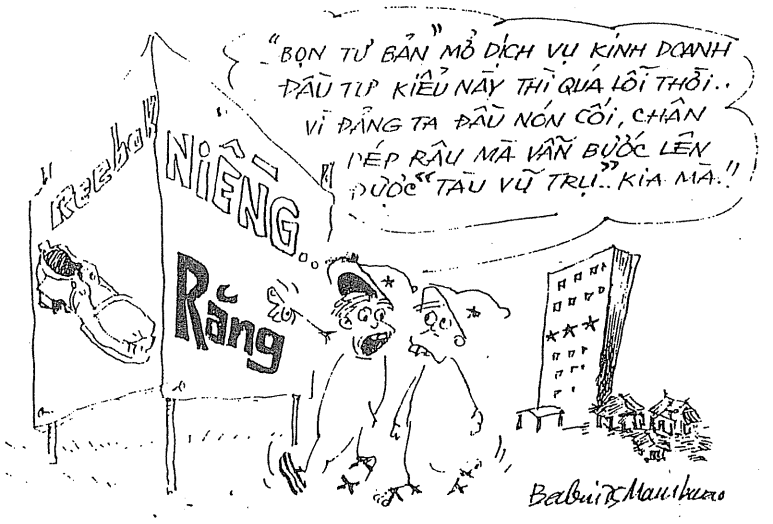

KHÁI HƯNG, CUỘC ĐỜI VÀ TÁC PHẨM TRONG BỐI CẢNH LỊCH SỬ VĂN HỌC VIỆT NAM

LÊ QUANG THÔNG

Bài nói chuyện trong dịp kỷ niệm trăm năm sinh nhà văn Khái Hưng (1897-1996) tại Offenbach am Main, Đức quốc, ngày 21.12.1996

1. Mở đầu

Trong sự hiểu biết có chừng mực về văn chương, và với một số tài liệu có được, tôi xin cùng quý vị ôn lại hai giai đoạn lịch sử của đất nước: giai đoạn 1913-1932 và giai đoạn 1932-1947, nghĩa là lấy năm 1932, năm Khái Hưng cùng Nhất Linh bắt đầu hoạt động mạnh trên tờ Phong Hóa làm mốc thời gian; tôi xin kể sơ chuyện 19 năm trước đó, và phần chính chuyện 15 năm sau đó.

Chuyện 19 năm trước 1932 sẽ cho chúng ta một cái nhìn khái quát về tình hình sinh hoạt văn học nước nhà trước khi Tự Lực Văn Đoàn (TLVĐ) ra đời.

Chuyện 15 năm sau 1932 sẽ nói về những hoạt động của Khái Hưng và TLVĐ có thể xem như là cuộc vận động cách mạng văn hóa xã hội, có ảnh hưởng rất sâu rộng vào thời đó, mà dấu ấn vẫn còn đến bây giờ, dù rằng trong suốt 30 năm (1945-1975), một nửa phần đất nước cố tình bôi xóa hay không nhắc đến.

Khái Hưng

Cho mãi tới năm 1994 nhà xuất bản Khoa học Xã Hội - Hà Nội - mới được phép in bộ Văn xuôi lãng mạn Việt nam (1930-1945), gồm ba tập, mỗi tập in 2000 cuốn; tất cả có 15 truyện của các nhà văn trong TLVĐ và các nhà văn khác cùng thời. Lời nhà xuất bản Khoa học Xã Hội, cũng như bài giới thiệu của Nguyễn Hoành Khung, nêu lý do việc đánh giá dòng văn học lãng mạn 1930-1945, do tinh thần đổi mới của Nghị quyết Đại hội VI của đảng Cộng sản VN; đồng thời giải thích thái độ, mà họ gọi là, nghiêm khắc, bất công, hẹp hòi, cứng nhắc... đối với TLVĐ.

2. Giai đoạn 1913-1932

Những phong trào vũ trang kháng Pháp lần lượt tan rã vào những năm cuối thế kỷ 19.

Phan Đình Phùng mất ở Hà Tĩnh năm 1895, Nguyễn Thiện Thuật bỏ Bãi Sậy sang Tàu 1897, và cũng năm đó Hoàng Hoa Thám hạ khí giới ở Nhã Nam.

Đối với tầng lớp sĩ phu có trách nhiệm với sự hưng vong của đất nước, chân lý mạnh thắng yếu thua quá rõ ràng. Muốn mạnh thì phải canh tân xã hội và học thuật theo gương các nước Tây phương. Đó là nguyên do các phong trào duy tân khởi lên đầu tiên ở nước ta.

Phong trào Đông kinh Nghĩa thục kéo dài có ba năm ngắn ngủi. Từ lúc dấy lên (1905), đến lúc bị Pháp bắt đày đi Côn đảo (1908), các cụ Lương văn Can, Nguyễn Quyền, Phan châu Trinh đã làm được các việc cụ thể: truyền bá Quốc ngữ, dạy các kiến thức phổ thông theo tây học, bỏ quốc phục mặc âu phục, hớt tóc nhắn, đề cao những nghề nghiệp thực dụng như khai đồn điền, mở hội buôn, làm công nghệ.

Cơn gió duy tân hối thúc xã hội Việt Nam thời đó chuyển mình. Năm 1913 Đông Dương Tạp Chí do Nguyễn Văn Vĩnh chủ trương ra đời, và năm 1917 Nam Phong Tạp Chí của Phạm Quỳnh xuất hiện. Hai tờ báo này đều sống được 17 năm, và ảnh hưởng rất lớn vào suy nghĩ và cách sống của

dân tộc ta thời bấy giờ.

Đông Dương Tạp Chí (Tân nam tử Nguyễn Văn Vĩnh)

Nguyễn Văn Vĩnh được mệnh danh là "Thủy tổ nhà báo xứ sở." Ông bắt đầu ra tờ Đại Nam Đăng Cổ Tùng Báo sau khi đi Pháp dự hội chợ đấu xảo (foire d'exposition) Marseille về. Sau đó ông liên tiếp chủ trương nhiều tờ báo, mà nổi bật là ĐDTC. Lập trường ông có thể gom vào các điểm sau:

- thù phong kiến, chống thực dân
- đả đảo Hán học, ông gọi là 'cái hàng rào cản bước văn minh'
- tuyên truyền văn minh Âu Tây
- chống phong trào Đông Du, chống bạo lực.

Về văn học, ông đứng ra mở đường cho văn học mới:

- tranh đấu cho việc truyền bá Quốc ngữ
- đem vào hoạt động xã hội ta nhà in và tờ báo, hai khí cụ giúp ông xây dựng văn học mới, mở đường cho một lớp nhà văn, nhà báo với tư tưởng mới như TLVĐ, Tam Lang, Nguyễn Công Hoan, Vũ Đình Long... sau này.

Nguyễn văn Vĩnh là một con người chịu chơi dưới mắt thanh niên trí thức Hà Nội thời bấy giờ. Ông mặc âu phục trắng, đội mũ thuộc địa trắng, đi mô tô, 26 tuổi ông đã làm Hội viên Hội đồng thành phố Hà Nội. Ông hoạt động công khai chống chế độ thực dân thuộc địa và chế độ bảo hộ. Chủ trương xây dựng Bắc và Trung kỳ theo kiểu trực trị (administration directe), nghĩa là dẹp bỏ ngôi vua và để Pháp cai trị với sự tham gia hành chánh của nhân dân do Thượng, Hạ nghị viện từ nhân dân bầu cử. Ông bày tỏ rõ ràng nguyện vọng Âu hóa, khinh bỉ phong tục hủ lậu mê tín của dân mình qua các loạt bài: Xét Tật Mình, Nhời Đàn Bà, Hương Sơn Hành Trình đăng trên ĐDTC. Ở bài Hương Sơn Hành Trình ông đả kích Hội Chùa Hương và vô tích sự, chỉ đụng đầu với cái ngớ ngẩn của đám mê tín. Điểm lý thú là con ông, thi sĩ Nguyễn Nhược Pháp, lại nổi tiếng qua bài thơ Đi Chùa Hương, mà Trần Văn Khê đã phổ nhạc. Ông mất năm 1936 lúc cùng với Cléminti, chủ tờ báo l' Argus indochinois, đi tìm vàng ở Lào. Linh cữu được đưa về Hà nội và được sự đón rước của cả mấy chục ngàn người.

Nam Phong Tạp Chí (Thượng Chi Phạm Quỳnh)

NPTC ra liên tục trong 17 năm (1917-1934) được 210 số, nguyên là một tờ báo do Phủ Toàn Quyền chủ trương, chống lại tuyên truyền của Đức ở Viễn Đông.

Người chủ trương là Louis Marty, phụ tá Trưởng phòng Chính trị Phủ Toàn Quyền. Ông ta đọc và nói tiếng Tàu như một nhà nho Tàu, rành tiếng Việt. Marty sáng lập ra tờ Âu Châu Chiến Sử, báo chữ Hán, tiền nhân của NPTC. Marty lập hội Khai Trí Tiến Đức. Tờ NPTC ghi ở trang đầu: L'Information francaise - La France devant le monde - Son rôle dans la guerre des nations.

Khi Phạm Quỳnh được Pháp giao cho làm tờ báo, ông chủ trương 'lợi dụng làm một cơ quan bồi bổ Quốc văn, cho thêm nhiều tiếng, cho đủ tài liệu để phiên dịch và truyền bá tư tưởng Âu tây'. Về lập trường ông là một người bảo thủ, chủ trương gìn giữ quốc hồn, quốc túy. Về văn học, ông đặt nặng việc xây dựng văn hóa quốc gia, thâu thập vật liệu âu tây cho sự tiến hóa của nước nhà, nhưng không đánh mất bản sắc dân tộc.

Năm 1922 ông diễn thuyết mấy đề tài sau ở Paris: Sự tiến hóa của người Việt Nam từ khi Pháp đặt bảo hộ, Thi ca Việt nam, Một vấn đề dân tộc giáo dục... gây được nhiều tiếng vang trong giới trí thức Pháp. Báo chí Pháp đã so sánh lối diễn tả bằng Pháp văn của ông khúc triết, thâm thúy cỡ các bậc Hàn lâm Pháp thời đó như Emile Bourtroux hay Jules Lemaitre. Đoạn trích dẫn sau đây cho thấy lập trường của ông: "Dân Việt Nam chúng tôi không thể ví như một tờ giấy trắng được đâu. Chúng tôi là một quyển sách đầy những chữ viết bằng một thứ mực không phai đã mấy mươi thế kỷ nay. Quyển sách cổ ấy có thể đóng theo kiểu mới cho hợp với thời trang nhưng không thể đem một thứ chữ ngoài in lên những giòng chữ cũ được. Vấn đề là phải giáo dục người VN thế nào cho vừa truyền được cái học thuật cao thượng đời nay, vừa không đến nỗi làm cho chúng tôi mất giống đi, mất cái quốc tính của chúng tôi đi, làm thành ra một dân tộc vô hồn, không còn có tinh thần đặc sắc gì nữa, như mấy cái thuộc địa cổ của người Pháp kia..."

Ông mở khoa Ngôn ngữ và Văn chương Hán Việt ở trường Cao đẳng Hà nội, tiền thân của Đại học Văn khoa sau này. Ông tổ chức kỷ niệm ngày húy Nguyễn Du ở Hà nội năm 1924 có 2000 người tham dự.

Phạm Quỳnh luôn luôn mặc quốc phục, áo dài the đoạn hoặc satin, mang giày escarpin, đầu chít khăn đóng kể cả lúc diễn thuyết ở Paris. Tháng 3, 1932 vua Bảo Đại hồi loan, Phạm Quỳnh được mời làm Ngự tiền văn phòng Đổng lý, sau đó làm Thượng thư bộ Giáo Dục. Tháng 8. 1945 ông bị Việt Minh thủ tiêu ở Huế.

Tóm lại giai đoạn 19 năm trước 1932, hai nhân

vật Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh với hai tờ báo ĐDTC và NPTC đã thành công trong việc xoay chuyển nhận chức của dân chúng nước ta, tiếp tục tư tưởng duy tân, âu hóa; đưa nền văn chương quốc ngữ bước những bước vững vàng. Có thể nói công chúng không những đọc báo mà còn học rất nhiều ở báo. Vũ Ngọc Phan trong tập 'Nhà văn hiện đại' nhận định NPTC là một tờ bách khoa toàn thư vào thời đó. Những văn thi sĩ khác có nhiều đóng góp vào thời kỳ này còn có Trần Trọng Kim, Phan Khôi, Nguyễn Bá Trác, Đông Hồ, Tương Phố, Tản Đà, Nguyễn Trọng Thuật, Hồ Biểu Chánh, Hoàng Ngọc Phách...

Hoàng ngọc Phách cho xuất bản tiểu thuyết Tố Tâm năm 1925. Chuyện có năm hồi, thuật lại mối tình của một sinh viên ban văn chương trường Cao đẳng Sư phạm tên là Đạm Thủy với Tố Tâm, con bà Án, góa phụ hưu quan, có tiệm tơ lụa ở Hà Nội. Đạm Thủy đã được cha mẹ đính hôn trước và không có can đảm chống lại quyết định của gia đình nên tỏ ý cho Tố Tâm hay. Nhưng Tố Tâm chủ trương yêu để mà yêu vẫn hăng say đi tới. Về sau khi bà Án đau nặng, nằn nì con chấp thuận lấy một cậu Tú; Tố Tâm vì chữ hiếu nghe theo nhưng đau đớn vĩnh biệt với Đạm Thủy, rầu rĩ nhuốm bệnh thổ huyết mà chết, để lại cho Đạm Thủy cuốn nhật ký, ghi lại những ngày cuối của nàng: Rồi đây sau khi hương tàn khói tỏa, có lúc nào anh qua chỗ em an giấc ngàn năm, nhờ anh đề hộ vào gốc cây tảng đá hay bức tường mấy chữ rằng: 'Đây là mồ một người bạc mệnh chết vì hai chữ ái tình.' Đạm Thủy sau cái chết của Tố Tâm, đau tim phải về đồn điền của người anh an dưỡng với vết thương lòng.

Tố Tâm là một biến cố văn học, đã đáp ứng đúng vào tâm hồn sầu lụy của con người vào thời đại ấy. "Sau cơn vong quốc, hàng ngũ trí thức sĩ phu tan rã, lớp đi kháng Pháp tuẫn tiết lưu vong, lớp ra hợp tác với Pháp vì danh lợi, lớp lấy hoạt động văn hóa làm con đường thoát. Người mạnh về lý trí theo Phạm Quuỳnh lao đầu vào sự nghiệp học thuật. Nhưng người giàu tình cảm không khỏi thấy sự trống rỗng ghê gớm trong lòng. Buồn mất nước, buồn nề nếp cũ đổ rơi, giá trị cũ suy tàn. Buồn thất thời thất thế, buồn trơ trọi bơ vơ. Cái buồn ấy từ bậc thức giả lan tràn ra khắp xã hội. Người ta muốn quên, muốn được an ủi. Văn học mới đã đem lại một thức ăn thích hợp, một đường lối đào vong là tiểu thuyết. Nhất là tiểu thuyết bi tình trong đó có nhớ thương, có thất vọng, có chết chóc, để người ta có thể rung động thổn thức, nhỏ lệ." Đó là nhận định của ông Phạm thế Ngũ trong cuốn Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên.

Ngoài ra trước năm 1932 còn có những thay đổi quan trọng trong xã hội: năm 1930 ra đời khóa đầu tiên của trường Cao Đẳng Mỹ thuật Đông Dương với Lê Phổ, Lê Thị Lựu, Võ Cao Đàm,...; phong trào thao diễn quần vợt từ Nam ra Bắc của đội Chim Giao; phong trào phụ nữ đi bộ Hà Nội - Đồ Sơn 120 km...

Cuộc khởi nghĩa Yên Báy của Nguyễn Thái Học thất bại (1930), và sự đàn áp thẳng tay của nhà cầm quyền Pháp gieo một không khí hoang mang kinh sợ hay buồn bã hoài nghi khắp nơi. Vì thế để trấn an, Pháp cho tổ chức nhiều hội chợ từ thiện từ Sài Gòn ra Hà Nội để dân chúng vui chơi, quên đi những lo âu chính trị.

Công tử Hà nội ăn mặc đúng mốt Ba lê, tay cầm yo yo tiến vào các chợ phiên, tung confetti, serpentin lên đầu các thiếu nữ tân thời, và cười đùa hả hê, hoặc xách can về các hội Lim, hội chùa Hương, hội đền Hùng tìm những thôn nữ

HỒ MINH DŨNG

KHÔNG CÓ

Núp dưới mái hiên nhà hoàng phái
Yêu em tôn nữ, có lọng điều
Ngày cưới thiên hạ ùa ra ngõ
Ngó thấy mặt ta ai cũng cười.
Thì ra, khó làm phò mã lắm
Làm thân góa vợ sướng hơn nhiều.

CHỜ

Một mai đời ta thành nòng nọc
Chờ ngày đứt đuôi phóc lên bờ
Không cóc, cũng thành thân nhái bén
Cóc-nhái rồi thôi, cũng bơ phờ.

Nòng nọc còn đuôi, còn cựa quậy
Thân ta, cụt đuôi, lê lết rồi
Bên đời, trăng xế, lòng cũng xế
Đứt ruột, đau hơn đứt đuôi nhiều.

Atlanta 1.1997

mộc mạc để tán hươu tán vượn. Nhóm thanh niên du học ở Pháp về, gọi là Retour de France, gây ra phong trào yêu tiếng hát của Tino Rossi qua các bài J'ai deux amours, mon pays et Paris, Je t'aimerai toujours... Trong đám Retour de France có Nguyễn Mạnh Tường, 22 tuổi đỗ Tiến sĩ Luật và Văn khoa. Luận án Luật của ông là 'Quyền cá thể trong xã hội Việt nam. Khảo cứu tổng thể về bộ Luật đời Lê.' Ông Tường lúc đầu được Cộng Sản tin dùng, sau đó bị cô lập và sống nghèo đói ở Hà Nội. Ông muốn sửa xe đạp trên vỉa hè để làm kế sinh nhai nhưng: 'điều bất hạnh là kiến thức của tôi về văn chương và ngôn ngữ triệt phế hết mọi khả năng trước một chiếc xe đạp như kẻ hoạn quan trước một người đàn bà trần truồng,' như ông viết trong cuốn Un Excommunié, bản tiếng Pháp, Quê Mẹ xuất bản 1991.

Trong hoàn cảnh xã hội như vậy, tờ báo Phong Hóa đổi mới và Tự Lực Văn Đoàn ra đời.

3. Giai đoạn 1932-1947

Tờ Phong Hóa trước khi Nhất Linh, Khái Hưng chủ biên đã ra được 13 số do ông Phạm Hữu Ninh, người sáng lập trường Thăng Long làm quản lý. Ngày 22.9.1932 sau khi điều đình với ông Ninh, Nhất Linh làm số 14 Phong Hóa đổi mới với sự cộng tác của Khái Hưng, Tú Mỡ, Thế Lữ...

Những người cùng tâm chí gắn chặt với nhau để thực hiện hoài bão cải tạo xã hội, bước những bước cụ thể:

- 1932 làm tờ Phong Hóa
- 1933 thành lập Tự Lực Văn Đoàn
- 1940 lập đảng Hưng Việt, còn gọi là Đại Việt Dân Chính

Tên gọi Tự Lực có nghĩa là tự sức mình gây lấy cơ sở chứ không nhờ cậy vào chính phủ hoặc một thế lực tài chánh nào; do đó có tư cách độc lập, không tuân theo một chỉ thị nào, ngoài đường lối chính họ tự vạch ra. Phong Hóa ra liên tục từ 1932 đến 1936, chỉ có đóng cửa ba tháng năm 1935 vì đả kích Hoàng Trọng Phu. Ngày Nay ra đời năm 1934 song song với Phong Hóa. Sau 13 số thì tự đình bản để dồn nỗ lực vào Phong Hóa, rồi tiếp tục khi Phong Hóa bị đóng cửa cho đến 1940. Nhà xuất bản Đời Nay ra đời 1932, có năm in đến 54 ngàn cuốn tiểu thuyết.

Phong Hóa số 14 ra đời trúng khẩu vị độc giả. Số in từ 3,000 vụt lên 10,000 số. Sẵn đà, họ tính chuyện hoạt động lâu dài và thành lập TLVĐ.

TLVĐ lúc thành lập có bảy người với ý nghĩa hội Thất tinh (la pleiade, die Plejade, das Siebengestirn, chòm sao Rua) với:

- Nhất Linh Nguyễn Tường Tam
- Khái Hưng Trần Khánh Giư
- Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu
- Thế Lữ Nguyễn Thứ Lễ
- Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long
- Thạch Lam Nguyễn Tường Lân
- Nguyễn Gia Trí, họa sĩ

Khái Hưng tên thật là Trần Khánh Giư, sinh năm 1896 tại làng Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương. Thân sinh ông là cụ Trần Mỹ, tuần phủ Phú Thọ. Ông có một người anh trai, hai người em trai và một trong hai người em này là nhà văn Trần Tiêu. Ông là con rể cụ Lê Văn Đính, Tổng Đốc Bắc Ninh.

Theo nhiều tài liệu, vợ ông là một người đàn bà rất đảm đang, vẫn nhuộm răng đen trong khi chồng theo tây học, có cốt cách con nhà nho phong. Ông sống sung túc, gia đình êm ấm. Có thể do đó mà Khái Hưng viết truyện với văn phong nhẹ nhàng êm ái chăng? Các nhà văn khác như Vũ Trọng Phụng, nhà nghèo, ít khi cười, viết văn luôn luôn mỉa mai, chua xót. Hay Phan Khôi, người Điện Bàn, Quảng Nam, dân nổi tiếng lý sự nên viết móc, viết xỏ xiên rất thâm, rất hay. Ví dụ giai thoại Phan Khôi dịch chữ Pomme de terre là khoai nhạc ngựa, từ chữ Hán Mã linh thư, để trêu thái độ trọng Trung Cộng của cán bộ cộng sản. Trong tập Nắng Chiều không được xuất bản, viết về cây cộng sản (herbe communiste) hay cỏ cụ Hồ, ông lại gọi là cỏ bù xít, cây cứt lợn hay cây chó đẻ.

Hồi nhỏ ông học chữ Hán, sau chuyển sang Tây học, đậu Tú tài Pháp tại trường Albert Sarraut, Hà Nội năm 20 tuổi. Ông dạy học ở trường tư thục Thăng Long, viết cho tờ Văn học của anh em ông Dương Bá Trạc, Dương Tự Quán, làm Chủ bút tờ Phong Hóa của ông Phạm Hữu Ninh. Đến năm 1932 gặp Nhất Linh cùng làm tờ Phong Hóa đổi mới, lúc đó ông đã 36 tuổi (hơn Nhất Linh 10 tuổi) và là người cao niên nhất trong nhóm. Khái Hưng là do lối chiết tự (anagramme) từ tên Khánh Giư mà ra. Lúc đi dạy ở trường Thăng Long, ông nổi tiếng là một ông thầy duyên dáng.

Người gầy ốm, đôi má hơi cóp và nước da hơi tái nhưng nụ cười rất tươi. Nụ cười ngụ nét hóm hỉnh, nhưng hiền hòa khả ái, chứ không hời hợt đãi bôi như Thế Lữ và không trào lộng như Nguyễn Tường Tam. Khái Hưng cũng không tự kiêu tự đắc, tính điềm và tao nhã. Tuy ở chung một tòa soạn, nhưng Khái Hưng không thích chơi với Thế Lữ. Trái lại Khái Hưng thân với Nguyễn Tường Tam và Tú Mỡ. Anh ít nói, tính điềm đạm

nhưng thỉnh thoảng khôi hài đôi chút, và không làm mích lòng ai. Trong nhóm Phong Hóa anh là người được đa số nhà văn mến nhất. (Văn Thi Sĩ Tiền Chiến, Nguyễn Vỹ, Khai Trí Sài Gòn 1969)

Lúc đó ở Hà Nội ngoài nhóm TLVĐ còn có nhóm Hàn Thuyên, với tờ Xuân Mới, do Nguyễn Đức Quỳnh và Trương Tửu chủ trương, sở trường về biên khảo với khuynh hướng Đệ tứ cộng sản. Sau một vài năm có nhóm *Xuân Thu Nhã Tập* với tờ *Tinh Hoa* do Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Xuân Sanh cầm đầu. Những nhóm này không ưa gì nhau, nhưng đặc biệt xuyên qua các hồi ký, nhận định của các nhà văn tiền chiến, Khái Hưng chiếm được cảm tình trọn vẹn của hầu hết văn thi sĩ thời đó.

Trương Tửu trong nhóm Hàn Thuyên viết: TLVĐ là sản phẩm xì hơi cách mạng bằng phương tiện văn chương do linh mục Cras (Đỗ Minh Vọng) đỡ đầu. Linh mục này sau làm Bí thư cho Toàn quyền Decoux. Trương Tửu đả kích lối cách mạng xa lông của TLVĐ.

Năm 1940, Khái Hưng và Nguyễn Tường Tam lập đảng Đại Việt Dân Chính (có tài liệu ghi là Hưng Việt). Khái Hưng làm Đảng trưởng. Đảng có khuynh hướng dựa vào Nhật để chống Pháp. Năm 1941 Khái Hưng bị mật thám Pháp đưa đi giam ở Vũ Bản cùng với Hoàng Đạo và Nguyễn Gia Trí, chỉ có Nguyễn Tường Tam trốn được sang Tàu. Năm 1943 Khái Hưng và các đồng chí bị Pháp đưa về quản thúc ở Hà Nội. Sau vụ đảo chính Nhật 1945 Khái Hưng được trả tự do và từ 05.5.1945 cùng Nguyễn Tường Bách, Hoàng Đạo làm tờ *Ngày Nay Kỷ nguyên mới* với sự chỉ đạo của Nguyễn Tường Tam lúc bấy giờ còn ở Liễu Châu. 'Ngày Nay Kỷ nguyên mới' là cơ quan ngôn luận của Việt Nam Quốc Dân đảng. Sau đó Nguyễn Tường Tam về làm Bộ trưởng Ngoại Giao trong chính phủ Liên Hiệp Kháng chiến, thành lập ngày 02.3.1946 tại Hà nội, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Nguyễn Tường Tam làm Trưởng phái đoàn tham dự Hội nghị Đà Lạt 17.4.1946. Thời gian hợp tác Quốc Cộng kéo dài không bao lâu. Ngày 20.12.1946 Hồ Chí Minh đọc lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Sau đó trong chính phủ Hồ Chí Minh cải tổ, Hoàng Minh Giám thay Nguyễn Tường Tam làm Bộ trưởng Ngoại giao. Ngày 27.12.1946 Khái Hưng bị Việt Minh bắt, giam ở trại hối thất chính trị phạm Liên khu III ở Lạc Quần, Chi Nê, Phủ Lý. Ông bị thủ tiêu ở bến đò Cựa Gà thuộc phủ Xuân Trường vào năm 1947.

Trong tập Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc, cụ Hoàng Văn Chí cho biết, lúc bắt Khái Hưng ở phố Quan Thánh có cụ Phan Khôi đang tá túc trong nhà và bị bắt luôn. Nhưng cụ Phan Khôi có con là Phan Thao làm chủ nhiệm báo Cứu Quốc, và em họ là Phan Bôi, tức Hoàng Hữu Nam, Thứ trưởng Bộ Nội Vụ; nên Việt Minh đem cụ lên Việt Bắc làm nhiệm vụ phiên dịch sách suốt chín năm, đến 1954.

Cái chết của Khái Hưng không được rõ ràng lắm. Theo Nguyễn Vỹ trong Văn Thi Sĩ Tiền Chiến, Khái Hưng bị Việt Minh quản thúc tại ngay làng ông. Nhân một buổi họp tại trụ sở Ủy ban xã, ông có làm một bài thơ tán dương Hồ Chí Minh ngụ ý châm biếm. Sau đó, ông bị một cán bộ xã thủ tiêu trên một đường làng gần nhà ông, vào khoảng nửa đêm. Tin này Nguyễn Vỹ có hỏi các nhà văn Hà Nội di cư vào Sài Gòn năm 1955 như Vũ Bằng, Tam Lang, Vi huyền Đắc, Thượng Sĩ,... nhưng đúng hay không, không ai xác nhận được đích xác.

Khái Hưng để lại khoảng 20 tác phẩm, có thể liệt kê theo thứ tự thời gian sau đây:

- Hồn Bướm Mơ Tiên (1932)
- Nửa Chừng Xuân (1933)
- Tiêu Sơn Tráng Sĩ (1934)
- Trống Mái (1935)
- Gia Đình (1935)
- Thừa Tự (1936)
- Thoát Ly (1936)
- Đẹp (1940)
- Băn Khoăn (1942)

và các tập truyện ngắn:

- Tiếng Suối Reo, 33 truyện (1932-1935)
- Đội Mũ Lệch, 27 truyện (1932-1935)
- Dọc Đường Gió Bụi (1932-1935)
- Cái Ve, 13 truyện (1935-1940)
- Hạnh, 5 truyện (1935-1940)

Ngoài ra có các vở kịch như Tục Lụy, Đồng Bệnh, và một số tiểu thuyết viết chung với Nhất Linh.

Giai đoạn 15 năm từ 1932 đến 1947 thật sự đáng kể chỉ có tám năm với những vận động đổi mới xã hội của TLVĐ từ 1932 đến 1940.

Trong tôn chỉ của TLVĐ đăng trong báo Phong Hóa số 87 ngày 02.3.1933 có 10 điều nguyên văn như sau:

1. Tự sức mình làm ra những sách có giá trị về văn chương chứ không phiên dịch sách nước ngoài nếu những sách này chỉ có tính cách văn chương thôi: mục đích để làm giàu thêm văn sản trong nước,

2. Soạn hay dịch những cuốn sách có tư tưởng

xã hội. Chú ý làm cho người và cho xã hội ngày một hay hơn lên,

3. Theo chủ nghĩa bình dân, soạn những cuốn sách có tính cách bình dân và cổ động cho người khác yêu chủ nghĩa bình dân.

Ba điều trên đây xác định sự ly khai với những bận tâm học thuật quốc gia của thời kỳ Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh. Những cố gắng dung hòa học thuật Đông - Tây của Phạm Quỳnh, theo đa số giới cầm bút sau 1932, chỉ làm cho đất nước chậm tiến. Theo họ học thuật văn hóa Tây là nhất. Họ không bận tâm đến việc đào bới quá khứ, lau chùi quốc túy, dựng lại quốc học. Phản ảnh tinh thần chung này, TLVĐ không đề cập tới công việc biên khảo, mà chỉ chú trọng tới văn học sáng tác.

4. Dùng một lối văn giản dị dễ hiểu, ít chữ nho, một lối văn thật có tính cách An nam.

Lối văn này chúng ta bắt gặp trong hai tác phẩm đầu tay của Khái Hưng: Hồn Bướm Mơ Tiên và Nửa Chừng Xuân. Nguyên vào thời kỳ này có hai lối viết phổ biến, một loại văn Hán hóa của Nam Phong Tạp Chí, và một loại văn Tây hóa do Hoàng tích Chu đề xướng trên báo Đông Tây từ năm 1931. TLVĐ đả kích cả hai lối. Trên tờ Phong Hóa số tháng 3-1933, Nhất Linh chế diễu hai đoạn văn Tàu và văn Tây như sau:

Văn Tàu: Bĩ nhân trầm tư mặc tưởng nghiên cứu thục lự về cái thâm ý đại nghĩa của nhân thế sau khi đã biện phục, đã xác tín, đã chứng cứ vào những lý thuyết của các nhà triết học cổ kim đông tây thì phải thừa nhận, phải công nhận, phải phục nhận rằng nhân thế là một gang tay là bạch câu quá khích vậy.

Văn Tây: Ta ngồi trong phòng trước một luồng không khí quay cuồng bởi cái quạt máy, dưới ánh sáng của ngọn đèn 120 nến, rồi ta ném làn nhỡn tuyến qua cửa sổ rơi đánh bịch một cái xuống con cóc ngồi tư lự bên cạnh hòn gạch. Cảm tình ta như nôn nao xoáy tận đáy cõi lòng tư tưởng ta nẩy phăng ra ngoài óc, tim ta hồi hộp muốn phá tan lồng ngực nhảy ra ngoài.

5. Lúc nào cũng mới, trẻ, yêu đời, có trí phấn đấu và tin ở sự tiến bộ

TLVĐ đem hình ảnh những lý toét, xã xệ, cụ đồ nho vóc hạc xương mai ra làm đề tài chế riễu khinh rẻ. TLVĐ đề xướng phong trào cải cách y phục phụ nữ qua chiếc áo dài Le Mur do họa sĩ Nguyễn Cát Tường vẽ kiểu. Trong văn chương chủ trương chống buồn rầu, chống thất vọng. Chuyện tình của Tố Tâm Đạm Thủy kết cục bi đát thì bây giờ chuyện tình Lan và Ngọc dẫn tới một lối thoát mới nhờ Ngọc nói "Tôi không có gia đình nữa. Đại gia đình là nhân loại vũ trụ, tiểu gia đình là hai linh hồn núp dưới bóng Phật Tổ." Hay như trong nửa Chừng Xuân, Mai vẫn yêu đời một cách tha thiết, vui lòng hy sinh hạnh phúc mình và vẫn sống mạnh.

6. Ca tụng những nét hay vẻ đẹp của nước mà có tính cách bình dân, khiến cho người khác đem lòng yêu nước một cách bình dân không có tính cách trưởng giả quý phái.

7. Trọng tự do cá nhân

8. Làm cho người ta biết rằng đạo Khổng không còn hợp thời nữa

9. Đem phương pháp khoa học thái tây ứng dụng vào văn chương Việt Nam.

10. Theo một trong chín điều này cũng được miễn là đừng trái ngược với những điều khác

Theo đuổi 10 điều này trong Tôn chỉ TLVĐ, mỗi thành viên có một cách viết khác nhau, như Hoàng Đạo nặng về cải cách xã hội với các loạt bài Bùn Lầy Nước Đọng, Mười Điều Tâm Niệm cho thanh niên v.v... Nhất Linh với các tiểu thuyết luận đề Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng... Thế Lữ với những chuyện kinh dị đề cao óc khoa học như Vàng Và Máu, Một Đêm Trăng...

Nhưng đặc biệt hơn cả là Khái Hưng với cách viết tiểu thuyết độc đáo của ông. Văn nghiệp của Khái Hưng là văn nghiệp tiểu thuyết.

Tiểu thuyết về ái tình

- Hồn Bướm Mơ Tiên, Nửa Chừng Xuân: với quan niệm cao thượng vượt ra khỏi tấn kịch đau lòng của mối tình dang dở.
- Tiêu Sơn Tráng Sĩ: yêu nhau trong sự nghiệp cách mạng giữa Trần Quang Ngọc và Nhị Nương, giữa Phạm Thái và Quỳnh Như.
- Trống Mái: ái tình thẩm mỹ. Hiền yêu Vọi, một chàng trai đánh cá có thân hình một lực sĩ, một quan niệm mới để chữa bệnh Tố Tâm, ái tình bệnh hoạn.

Ngoại lệ có hai cuốn tiểu thuyết của Khái Hưng

- Đẹp (1940) ái tình nghệ sĩ giữa họa sĩ Nam và Lan.
- Băn khoăn (1942) - hai cha con ông Thanh Đức, một nhà kinh doanh cự phú, và Cảnh, sinh viên trường Luật, cùng yêu một cô gái sắc đẹp lộng lẫy. Cha muốn cưới vợ bé, con muốn chinh phục. Cô gái thì yêu cả hai người, người cha vì tiền bạc, người con vì trẻ trung.

Hai cuốn này xa rời hoàn toàn quan niệm yêu nhau trong linh hồn, thờ nhau trong lý tưởng của Hồn Bướm Mơ Tiên, của Nửa Chừng Xuân.

Tiểu thuyết về gia đình

Có ba tác phẩm quan trọng:

- Gia Đình (1935): chuyện kể cuộc đời ba cô con gái của một gia đình quyền quý ông bà án Báo, Hai cô con đầu lấy tri huyện, sống cuộc sống chán nản trong nghề làm quan. Chỉ có cô út Bảo, lấy Hạc, sinh viên trường thuốc, bỏ học đi làm đồn điền, sống hạnh phúc, đơn giản với ý nguyện làm cho người khác hạnh phúc.
- Thừa Tự (1936): vạch ra bề trái của một gia đình quý phái, xào xáo nhau vì chuyện ăn thừa tự gia tài.
- Thoát Ly (1936): tiểu thuyết có tính cách luận đề. Thoát ly là lối chọn cái chết của Hồng để phản kháng ngục thất gia đình.

Qua các tiểu thuyết trên, cũng như toàn bộ các tập truyện ngắn, kịch của Khái Hưng, nhiều nhà phê bình văn học đồng ý những điểm chung sau:

- bố cục giản dị, khéo léo
- tình tiết thưa ít, không có những ngoắt ngoéo ly kỳ
- không đưa đến có hậu như chuyện nôm xưa
- không tả cảnh rườm rà, không bàn luận lôi thôi, lời văn giản dị, nhanh nhẹn, duyên dáng, hồn nhiên.
- khuynh hướng hài hước đối với nhân tình thế thái, những lố bịch xã hội, phong tục.
- lòng thương rộng rãi đến những khốn khổ và khuyết điểm của con người.

Đây chính là những điểm phân biệt ông với các nhà văn khác trong TLVĐ.

4. Kết luận

Hôm nay chúng ta có dịp cùng nhau ôn lại hai giai đoạn lịch sử của đất nước mà đặc biệt là giai đoạn từ 1932, với những hoạt động văn học và chính trị của nhà văn Khái Hưng, trong TLVĐ. Theo tôi, đó là một cách kỷ niệm nhà văn Khái Hưng có ý nghĩa nhất.

Trong 'Văn học miền năm tổng quan' ông Võ Phiến có viết như sau: "...nếu sách Việt ngữ không thoát được ra ngoài và được lưu giữ ở ngoại quốc, thì sau này người ta tha hồ ngơ ngác hỏi nhau có chăng một ông Khái Hưng? Có chăng một bà Nhã Ca? Có chăng một ông Phan Khôi? Có chăng một bà Thụy Vũ? Có chăng những nhân vật huyền hoặc, tuyệt vô tung tích ấy?"

Lo âu của ông Võ Phiến là một nỗi lo âu lớn lao. Câu hỏi "Có chăng một ông Khái Hưng" đã âm thầm chứa đựng một quá trình tìm tòi, tra cứu về ông Khái Hưng. Đó là một điều đáng mừng, vì còn có người quan tâm đến văn học nước nhà. Sợ rằng câu hỏi nêu ra dưới dạng vô tình hơn "Khái Hưng là ông nào?" Sợ rằng chỉ trong vòng 5, 10 năm nữa thôi, tất cả những gì tinh hoa về văn hóa, văn chương Việt Nam trở nên hoàn toàn xa lạ với con em chúng ta.

Đó là mối lo âm ỉ trong lòng mỗi người có chút tâm huyết với quê hương xứ sở. Cũng do tấm lòng lo âu đó mà hôm nay tôi cố gắng tìm tòi, hệ thống, mạo muội trình bày một ít hiểu biết của mình về Khái Hưng với quý vị.

Thành phố Offenbach, Cộng Hòa Liên Bang Đức, ngày 21.12.1996

PHÂN ƯU

Hay tin

nhà văn DUYÊN ANH (VŨ MỘNG LONG)

Vừa tạ thế vào lúc 8 giờ sáng ngày 6 tháng Hai 1997
tại nhà thương Antoine Beclère, tỉnh Clamart sau một cơn bạo bệnh.
Lễ hỏa táng được cử hành vào lúc 14 giờ ngày 14 tháng Hai 1997
tại Crématoire của tỉnh Valenton, Département du Val de Marne.
Xin cầu chúc hương hồn anh Duyên Anh được sớm hưởng nhan thánh chúa.

TRẦN QUANG HẢI, BẠCH YẾN,
nhạc sĩ LƯƠNG NGỌC CHÂU, và các văn nghệ sĩ Việt Nam tại Paris
Tạp chí THẾ KỶ 21

HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

HỒ ĐẮC A TRANG và NGUYỄN VĂN TRƯỜNG

Một

"Chúng tôi thật sự chẳng có vấn đề gì cả," Bà nói, "chúng tôi đến đây mong có những lời khuyên, cố vấn, giúp gia đình chúng tôi gần nhau hơn." Bà nói tiếng Anh lưu loát, tỏ ra là một phụ nữ tháo vát, quen thuộc với thương trường ở Mỹ. Chúng tôi chờ đợi bà nói thêm nhiều nữa, nhưng bỗng nhiên, bà e dè ngừng lại, như muốn tìm một không khí thích hợp hay chờ đợi một biểu lộ đồng tình.

Chuyên viên điều trị trầm lặng hỏi: "Thưa Bà, Bà có thể nói thêm cho chúng tôi rõ thế nào là gần nhau hơn?"

Bà tiếp: "Gần đây thôi, các con tôi bắt đầu lý sự với tôi. Có những dấu hiệu rõ rệt rằng chúng lễ phép cưỡng lại những lời dạy dỗ của chúng tôi, hoặc thẳng thừng nói ngược lại. Có một khoảng cách giữa chúng tôi, và khoảng cách này mỗi ngày thêm rộng. Chúng tôi không hiểu được nhau, nghe được nhau như trước. Các con tôi chẳng hiểu rằng cha mẹ nó lao lực hàng ngày là để đủ tiền cho việc học hành của chúng. Tennis, piano, violon, rồi còn học kèm Toán, Anh Văn. Xứ này mỗi chuyện đều phải tốn kém nhiều. Các cháu không hiểu sự hy sinh của chúng tôi. Ai đời học violon sáu năm rồi, giờ lại đòi bỏ. Cháu đờn giỏi lắm, đi thi cả Austin và có giải thưởng. Tôi thuyết phục, hiện cháu có nghe, nhưng còn rất miễn cưỡng..."

Rồi bà tiếp tục giới thiệu gia gia đình bà. Ông bà có được một gái, một trai. Cô gái, 17 tuổi và cậu trai, 15 tuổi. Đến giờ đây thì hai cháu rất ngoan, gọi dạ bảo vâng, lễ phép, chăm học, có môn giỏi, có môn trung bình, nhưng nói chung là bà rất hài lòng về kết quả ở trường của các con. Nhưng gần đây, có chút vấn đề, nhỏ thôi, cháu gái kém môn toán, bà phải nhờ người dạy kèm riêng trong kỳ hè này; học phí khá nặng đối với lợi tức của bà $30 mỗi giờ. Cậu trai út bỗng nhiên lại chán học violon. Cậu có bạn bè mà bà nghĩ là xấu, và muốn cậu út lánh xa những bạn bè đó. Bà có cảm giác cần kiểm soát và hướng dẫn hai con nhỏ của bà chặt chẽ hơn. Nhưng bà và ông đều phải bận trong các cơ sở làm ăn, cho nên không có đủ thời gian để chăm sóc con cái như ý. Bà hiểu rằng con bà cần có bè bạn, và bà có chọn lựa con nhà tử tế làm bạn với con bà. "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng, bà tiếp tục nói, nhưng với con bé thì chẳng có vấn đề, nó có người chị họ của nó, sáng đưa nó lại đó, chiều đón về, và nó bằng lòng vui vẻ. Nhưng với thằng út, thì nó than van rằng buồn tẻ, hè không được đi chơi, phải học, thời giờ rảnh lại bị nhốt ở bà dì." Bà cũng có nhân nhượng để cậu út đi chơi với bạn, có khi đến 10 giờ đêm, với điều kiện là bà phải biết cậu Út đi đâu, từ mấy giờ đến mấy giờ, và bà kiểm soát bằng cách phone lại đó xem con bà có thật sự ở đó hay không. Mọi việc chạy tốt đẹp, ngoại trừ một lần, một lần thôi, cậu út quên mất ước định này. Đương nhiên là cậu Út lúc nào cũng có lý do thích đáng và Bà thì chẳng bằng lòng.

Cậu út lắng nghe bà trình bày, thỉnh thoảng cắt bà bằng những lời ngắn gọn, như:

"Mẹ chọn bạn cho con theo ý mẹ thích, chớ không theo ý thích của con."

hoặc

"Mẹ đưa chúng con đi *mall* để mua quần áo cho chúng con, cái con thích thì mẹ chẳng mua, cái con chẳng thích thì mẹ mua cho con."

hoặc

"Con phải hớt tóc theo cái kiểu của mẹ muốn, chớ không là theo ý thích của con."

Mỗi lần thế bà phân trần:

"Ông nghĩ cháu nó muốn mặc những cái quần loại baggy pants, ngắn, ống loa, đáy xệ xuống thật thấp, xem chẳng ra người ngợm gì cả, làm sao cho phép được, nhưng rồi mẹ con tôi cũng đến được một thỏa thuận, đó là một cái quần rộng vừa phải, vừa trẻ trung, thời trang, vừa đứng đắn. Còn việc hớt tóc, làm sao để nó có cái đầu như đội muỗn rùa, cắt khoanh một vòng tròn, trên đen, dưới cắt gần như trắng sạch tóc, hoặc vẽ xanh, đỏ, vàng, rằn ri như cái anh chàng (Denis Rodman) đánh bóng rổ cho đội Chicago Bull năm rồi. Chúng tôi muốn cháu tránh thứ bạn bè để tóc kỳ dị và ăn mặc cẩu thả như thế. Ông nghĩ con trai mà đòi xỏ lỗ tai, mang khoen tai, nói chuyện trong phone với người lớn mà cụt ngủn, không biết cái

lễ phép tối thiểu, thế mà nó muốn đi chơi với loại bạn như thế đấy."

Cô bé, tuy không nói, nhưng có những cử chỉ đồng tình với cậu em.

Ông chồng thỉnh thoảng thêm một câu, hoặc có cử chỉ đồng tình với Bà hoặc nhằm nói rõ hơn những gì làm ông bà lo âu.

Hai

Tôi cảm thông sâu sắc với bà, với ông. Ông bà tìm đến các chuyên viên điều trị, các bác sĩ tâm thần là phải lắm. Tôi đến xứ cờ hoa này cũng khá lâu, tức là tôi đã quen nhiều với lứa tuổi choi choi ở đây. Tuy nhiên, hình dung con trai tôi, đầu ngũ sắc, cắt tóc như muỗn rùa, mang khoen tai như con gái, ăn mặc quái gở, nói một thứ ngôn ngữ không giống ai, từ giọng nói đến ngôn từ, tôi cảm như có một gì mất dạy, rừng rú, tôi không biết phản ứng tôi sẽ thế nào.

Dầu rằng nó chẳng làm một gì quấy, trái luật pháp hay phong tục ở Hoa Kỳ, tôi vẫn sẽ khó chịu khi phải giới thiệu đứa con quái đản ấy với bạn bè. Nó không ở trong một tiêu chuẩn nào của giới bạn bè thân tộc của tôi. Tôi sẽ đau khổ và cảm thấy mình bất hạnh. Nó vẫn là con tôi, nhưng tình thương tôi bị thử thách. Tôi cảm thấy phải thương nó nhiều hơn, vì nó cần sự cảm thông thấu hiểu của chúng tôi hơn bất cứ lúc nào, nhưng phải thực thà nhận rằng tôi nghĩ mình bất hạnh. Bất hạnh là không hạnh phúc, không được như ý, không toại nguyện.

Nuôi con, mong ngày nó thành nhân, đẹp mặt với thiên hạ nhưng rồi phải thất vọng, đó là bất hạnh.

Thành nhân tuy là nói chung như vậy, nhưng trong mỗi người cha, người mẹ đều có một hình ảnh, những tiêu chuẩn ít nhiều rõ rệt. Tùy người, tùy bối cảnh, thành nhân có thể là có công ăn việc làm, hoặc có một vị thế ít nhiều kính nể trong xã hội hoặc theo một cái chi khác. Khi đứa con không ở vào một tiêu chuẩn nào hình dung được trong xã hội mình, thế là cha mẹ thất vọng, khổ đau.

Bất hạnh cũng là tâm bất an, lúc nào cũng sống trong những niềm lo âu dằn vặt. Con cái ngoan ngoãn, lúc nào cũng vâng dạ, thì nhất thế chi thần tiên. Nhưng giờ đây, nó cãi lại mình, hay có dấu hiệu rằng nó tìm cách bung ra, thoát khỏi vòng tay mình, nó sẽ ra sao, nếu nó có bạn bè xấu, và nhất là khi mình không có đủ thì giờ chăm sóc chúng. Rảnh trí thì tự vấn con mình bây giờ đang ở nhà làm gì hay đang cặp bè cặp đảng với bọn người không ra người, ngợm không ra ngợm, rồi lại phải đi đến cảnh sát chịu phạt lãnh về. Cái ngay ngáy lo sợ ấy là dấu hiệu của một sự bất hạnh.

Một ông bạn tôi bảo: "mỗi chiều về đến nhà thấy vợ con đầy đủ quanh bàn ăn, tôi cám ơn Chúa cho tôi cái diễm phúc đó."

Đó là hạnh phúc thật, vì đó là tình huống thật.

Cái hạnh phúc ấy tùy thuộc ở một số tiêu chuẩn chủ quan. Nếu sự việc xảy ra phù hợp với tiêu chuẩn đó, người trong cuộc sẽ thấy mình hạnh phúc.

Trở lại trường hợp của gia đình ông bà nêu trên. Ông bà với hai con có nhiều khả năng có hạnh phúc, cũng có khả năng gặp phải bất hạnh.

Ông bà không có vấn đề gì quan trọng, chỉ những gợn sóng lăn tăn trên mặt hồ mà trước đây vẫn phẳng lặng.

Trong thực tế, thái độ cư xử của các cháu đối với ông bà còn làm cho ông bà hài lòng, bà thuật lại những sự việc đáng tiếc làm bà lo âu, với một giọng nói và nghi cách rất tự tin và hãnh diện.

Ông bà có lo xa, có e ngại rằng có sóng ngầm hoặc sắp có sóng to gió lớn.

Đó là những dấu hiệu cho thấy những may mắn lớn của ông bà, và nhất là của hai cháu nhỏ. Ít có người cha, người mẹ nào lo cho con chu đáo đến thế.

Mặt khác, ông bà cũng gặp phải những khó khăn nhất định:

Ông bà sang đây từ 1975, sanh hai cháu cũng ở đây. Hai cháu thấm nhuần cách sống Mỹ, tiếng Việt của hai cháu rất giới hạn, không biết đọc và viết; thông thường trong gia đình với hai cháu thì ông bà dùng tiếng Anh. Hai cháu đã Mỹ hóa; và có nhiều giá trị xã hội Mỹ chấp nhận mà ông bà hẳn hòi bác bỏ. Trong lời nói và thái độ, tự trong tiềm thức ông bà đã chối từ cách sống Mỹ, và có thể cả nền giáo dục Mỹ. *Ông bà muốn áp đặt một phương cách giáo dục theo kiểu Việt Nam cổ truyền, cho những đứa bé gần 100% là Mỹ, sinh và lớn lên trên đất Mỹ. Lấy cái khung của một xã hội mà đặc thù là nông nghiệp và tiết kiệm, ráp cho một xã hội hậu công nghiệp và tiêu thụ, đó là việc ông bà vô tình cố thực hiện.* Điều này vô cùng khó. Thế hệ thứ nhất, có thể dùng cái sung túc của Mỹ mà sống theo VN, nhưng làm việc ấy cho thế hệ thứ hai thì quả gần như không thể được.

Hai cháu đang ở trong thời kỳ dậy thì hoặc đang vào thời kỳ ấy. Tuổi ấy thường tự vấn: "Tôi là ai?", và đang tìm tòi khẳng định nhân cách của mình. Đó là cái tuổi muốn mọi ưu đã, muốn có tất cả, và có ngay, nhưng chưa thấy biết trách

nhiệm. Đó là cái tuổi không còn là trẻ thơ, nhưng cũng chưa là người lớn. Đó là cái tuổi muốn làm người lớn, như để đối đầu với cha mẹ, thầy cô.

Cái tuổi dậy thì là cái tuổi thích bạn bè, cặp bè cặp đảng. *Tuổi ấy dễ nghe bè bạn hơn là vâng lời cha mẹ,* mà ông bà thì như muốn buộc chúng gọi dạ bảo vâng như thuở chúng còn bé.

Ông bà cũng bị một thế lưỡng đầu thọ địch như thế. Nếu cố giữ, kiểm soát hai cháu như trước, thì quan hệ giữa ông bà và các con mỗi lúc mỗi căng thẳng thêm, hai cháu có thể cảm thấy mình bị ép buộc, áp đảo, và lúc nào cũng thua cuộc, sẽ mỗi lúc mỗi cố gắng vùng lên để thoát ra khỏi vòng tay của mẹ cha. Nếu không được, lâu ngày chày tháng có thể bùng nổ một sự chống đối, phản kháng ra mặt; khó dự liệu trước những tai hại của các khủng hoảng.

Thấy được cái thế lưỡng đầu thọ địch của đôi bên, là một bước tiến quan trọng. Hiểu rằng phải tìm một lời giải thỏa đáng cho đôi bên làm thêm một bước. Cái muốn của cha mẹ là đứa con biết tự lập, tự sống một mình. Giờ thì đứa nhỏ muốn đi tìm chính nó, muốn tự đứng trên hai chân của nó, cha mẹ lại cản trở vì ngại rằng nó sẽ vấp ngã, và hệ quả sẽ vô cùng tai hại. Cặp bè đảng có những đứa choi choi, mà tóc tai, áo quần trông thật quái đản, thì có cha mẹ nào an tâm.

Mới tập đi, thì làm sao đi không té ngã.

Có điều là nếu đi trên thảm thì té ngã không mấy đau, hoặc chung quanh không có chướng ngại vật nguy hiểm, thì có cái an toàn khi té ngã. Nhưng đó là cái logic của mẹ cha.

Tìm một lời giải cho con, cũng là cùng con tìm một lời giải cho nhau. Bất cứ phương pháp nào, phải cho nó, vì nó và sao cho nó cảm thấy là của nó thì đương nhiên nó thích thực thi, vui mà thực thi, cố gắng để thực thi.

Cho nên, trong bối cảnh này, những quyết định đơn phương từ phía cha mẹ là cái cực chẳng đã phải làm, nhưng chưa hẳn đã có một hiệu quả tốt. Vậy phải làm thế nào cho ông bà ấy có lại hạnh phúc trước kia?

Ba

Nói hạnh phúc, có người hình dung một hạnh phúc rốt ráo, chân thiện mỹ, như ở Nước của Đức Phật Di Đà, hay Nước của Đức Chúa Trời. Hạnh phúc nầy chỉ có khả năng hình thành khi con người rời dương thế. Nó thuộc Nước của Trời, của Chúa, của chư Phật. Nó thường hàm ý rằng ở Nước của con người, đương nhiên là bể khổ, hoặc vì con người đã mang từ lâu một tội lỗi ban đầu, hoặc quá nhiều nghiệp báo.

Hạnh phúc bàn ở đây không là cái hạnh phúc ở Cực Lạc Quốc. Thiết nghĩ, việc này nên để cho các bậc tu hành, hoặc cho những ai cần dọa người nhẹ dạ, để kéo họ về với đạo lý. Chúng tôi không quá bi quan để thấy chỉ có tu mới là cội phúc, mà tình chỉ là giây oan.

Chúng tôi muốn bàn về một hạnh phúc có ở trần gian. Hạnh phúc này hẳn không phải trong những hứa hẹn một ngày mai 'xán lạng" chẳng bao giờ đến, hoặc chỉ đến sau ngày tận thế.

Nói hạnh phúc là nói cái may thoát họa, cái phúc được lộc trong sự khôn ngừng sinh khởi của duyên tình.

Họa không chỉ tại thiên tai, họa có thể do người, do chính mình gây nên. Lộc không chỉ là lợi danh, tài sắc, trong cái nghĩa thông thường, mà còn làm một môi trường thích hợp cho sự thăng hoa của con người.

Cho nên, để ngoài các thiên tai, mà con người chưa có phương tiện khắc phục, thì họa phúc do người: Trời có nói gì đâu. Tránh họa, tạo phúc cho người, là tự tạo cho mình một môi trường hài hòa cho cuộc sống bản thân, và điều này trong tầm tay của mỗi người.

Gia đình là duyên tình: tình đôi lứa, tình chồng vợ, tình cha con, mẹ con, tình thân tộc. Duyên đưa đến, sinh tình, rồi thêm duyên mới, duyên khởi, duyên sinh, đến hôn nhân, gia đình, và cuộc sống con người không ngừng sinh khởi.

Nói gia đình là nói quan hệ vợ chồng, cha mẹ con cái, anh chị em, và trong những gia đình lớn thì còn là các quan hệ tam đại, ngũ đại cùng sống chung một nhà hoặc một thôn ấp.

Tập hợp các quan hệ đó được tổ chức thành những cấu trúc khác nhau, tùy gia đình, tùy phong tục tập quán, tùy môi trường. Một trong những cấu trúc này là gia đạo, hay gia phong. Đó là nếp sống, là nền văn hóa gia đình. Nó qui định một trật tự nhằm điều hòa cuộc sống của mỗi thành viên.

Nói điều hòa là đã bao hàm tính năng động. Sống vốn là đổi thay, biến dịch. Cấu trúc gia đình cũng phải như thế. Điều hòa là đi từ một quân bình không ổn định này đến một sự quân bình không ổn định khác. Ở mỗi thời điểm, có một sự quân bình đặc thù của thời điểm ấy; sự quân bình này không còn ở thời điểm sau, hoặc nó biến thành một quân bình khác hoặc là một sự mất quân bình, hay nặng hơn, một khủng hoảng, để rồi trở lại ổn định. Hạnh phúc là một chuỗi dài liên tục những thời điểm quân bình, trong đó, *mọi thành viên trong cảm thấy cuộc sống ổn định, và*

phong phú.

Hai từ ổn định, bình an được vay mượn ở cháu Christine Nguyễn, 8 tuổi, học lớp 3, trong bài "Home!" (1) của cháu, làm để nạp cho cô giáo. Cháu viết đại ý như sau:

Tôi nghe ổn định khi...

nhìn cái piano với các bản nhạc rải rác trong phòng

trông những cây thông bên hông nhà, nghiêm mình như sắp đổ

thấy hộp thơ nhà rơi mất số không,

ngắm các ảnh gia đình bao quanh từ thuở bé,

có những nụ cười chào đón, buổi học về.

Và bình an khi...

là dạo đàn mà không ai quấy nhiễu,

là buông người trên nệm, đọc một quyển sách hay,

là ôm vào lòng chiếc mền nhỏ thân thương từ thuở bé,

là nhìn ảnh ông bà chưa một lần được gặp, trên bàn thờ, cổ kính trang nghiêm,

là tán gẫu với bạn bè, với con chó lông bên cạnh...

Và ấm lòng trong cái đẹp khi...

nghe tiếng nhạc thoảng cày trong không khí

nghe tiếng chân, cha mẹ về, sau một ngày nặng nhọc,

có tiếng ồn, nhà đầy người, cười nói huyên thuyên

thấy bạn bè xuôi dọc hành lang trường ốc.

nghe gió tạt vào hai má, lúc đạp xe.

Ổn định, bình an, và ấm lòng trong cái đẹp của trẻ con thật giản đơn và cụ thể. Lời lẽ tiếng Anh mộc mạc, chơn chất, thẳng vào lòng người. Lời dịch trên đây, của người lớn, không chở được hết ý tình, không chở được cái thơ ngây, chất phác của lời văn cháu. Rất có thể, cháu *không hiểu ổn định, bình an, ấm lòng theo cái nghĩa trừu tượng của cô thầy, nhưng cháu cảm nhận được và biết sưởi lòng trong cái đẹp của cuộc sống gia đình.*

Cháu không nói công cha nghĩa mẹ sinh thành. Cháu còn quá trẻ; vả lại, sinh và lớn lên ở đây, thật khó mà làm cháu thấm nhuần những giá trị mà phụ huynh Việt Nam thường xem là tiên quyết. Cháu không nói đạo lý, thánh hiền. Cháu không nói "tiêu dao". Cháu không biết cái nhàn của thánh nhân, dốt về thuật dưỡng sinh. Cháu không nói hạnh phúc, không để tâm suy nghĩ về hạnh phúc, không để thời giờ đi tìm hạnh phúc. Nhưng hình như cháu sống ngập tràn trong hạnh phúc. Hạnh phúc đến từ ổn định, bình an và cái đẹp, đến từ những điều thật đơn giản mà cháu đang có. Và dầu đang còn trẻ thơ, cháu đã có khả năng nhận biết được điều đó.

Cháu sống hạnh phúc, và gia đình cháu hạnh phúc.

Hạnh phúc khởi sự từ những khả năng: khả năng ước muốn, khả năng thấu hiểu mình, thấu hiểu môi trường và những giới hạn, khả năng thực thi và cảm nhận. *Tôi mừng cho cháu, cho gia đình cháu.*

Con người vốn bất toàn, thì hạnh phúc của con người cũng bất toàn. Một luồng gió mới, một giá trị mới, một sự trưởng thành trí tuệ hay tâm linh, có thể đổi thay các quan hệ, và đưa đến một sự bất ổn, phá tan cái bình an cố hữu của một thời. Đó là đứa trẻ "nóng lớn", "nóng mọc răng", "nóng để tập lật", vân vân. Đó là thử thách, thử thách con cái, cha mẹ, chồng vợ, anh em. Nó tạo một bối cảnh mới, mà mọi người trong gia đình phải thích nghi, để tạo cho nhau một thế ổn định khác, một sự bằng an khác.

Trong thử thách, gia đình có thể gần nhau hơn, mọi người có thể hiểu nhau hơn, quan hệ gia đình nhờ đó mà được củng cố. Cha mẹ, chồng vợ, con cái, anh chị em là điểm tựa cho nhau, giúp cho nhau lớn mạnh. Gọi đó là hạnh phúc.

Cũng có thể vì đó mà quan hệ gia đình trở nên lỏng lẻo, có khi tan vỡ. Cha trách con, vợ chồng đổ lỗi cho nhau. "Cha mẹ sinh con, Trời sinh tánh. Dạy dỗ, hi sinh cho nó, nhưng nó lại chẳng biết nghe lời dạy của mẹ cha, nó không thương tôi...". Đó là lời phân bua của một bà, ở xóm Vạn Chài-Văn Hiến, vì đứa con, 16 tuổi, không chịu gá nghĩa với một ông lão ở khoảng lục tuần.

Thế nên, thử thách có thể mở rộng cuộc đời, làm giàu cuộc sống, nhưng nó cũng có thể làm cho gia đình tan đi từng mảnh. Khả năng chọn lựa vẫn về phía của ta.

Chính cái tính bất toàn, những dở dang biến thành thử thách ấy, làm cho hạnh phúc là một cái gì trong tầm tay con người. Con người có thể làm cho nó đổi thay theo *ý muốn và khả năng* của mình. *Phải muốn. Muốn trong giới hạn những khả năng có được, và có hành động thích hợp.*

Vậy phải trau dồi khả năng học, học ở cha, mẹ, anh, chị, em, ở tha nhân, ở bối cảnh, khả năng thích ứng, dưỡng nuôi tình ý, chăm sóc quan hệ, hiểu thử thách đương nhiên phải có, và thuận nghịch là lẽ thường. Nhờ đó, khám phá những nét mới, tình ý mới, tìm được cái hòa trong những dị đồng, vì hiểu người, hiểu mình, hiểu bối cảnh, hiểu thân phận.

Thân phận con người trước hết là cái tội tổ

tông. Hoặc tổ tông đã ăn nhầm quả thị phi, quả của sự tốt xấu, phải trái. Hoặc vừa sinh ra là ta thọ ngay cái nghiệp ngàn đời của cha ông, những tiêu chuẩn, giá trị, những luật lệ, rồi ta đặt thêm tiêu chuẩn, thêm giá trị.

Ta học dùng lý, để không ngừng phê phán, phân bua phải trái, đúng sai. Dần dần ta gói mình vào đấy. Ta biến các giá trị thành định kiến, quên mất rằng mọi việc đều đổi thay theo không gian và thời gian.

Thế nên, lắm người dùng lý để dành lấy phần phải, phần đúng, phần hay.

Con người hay tổ chức mà luôn luôn đúng là những con người đáng sợ, không nên tiếp cận, vì họ chỉ thấy họ, và họ thì phải đúng, và người khác thì hẳn phải sai. Nếu họ có quyền lực, thì gần họ, mình phải a dua, nếu không thì nguy hiểm; dần dần mình mất mình mà không hay. Đồng bào bỏ xứ, cả xứ Việt Nam đói nghèo khổ sở, vì Đảng Cộng Sản suốt trên 30 năm nói chi cũng đúng.

Cái lý dùng như trên đây thường làm xa lòng người, làm các quan hệ trở nên xấu đi, chồng xa vợ, con cái tách rời cha mẹ. Người sử dụng đã quên mất những giới hạn của cái lý của mình.

Nhưng nếu dùng lý để thấu hiểu các đổi thay, các cấu trúc, thấu hiểu tình đời thì lý là cơ sở của tình. Lý mở rộng cho trí. LÝ làm cho tình phong phú, lớn mạnh. Lý giúp cho cuộc sống thăng hoa. Nếu ta thấy được tam cang, hay tam tùng, là lỗi thời, và cần có một suy đoán khác cho phù hợp, vì ta đang sống trong một xã hội dân chủ, đó cũng là lý.

Vậy, nếu cái lý có thể giam ta trong cái đúng chủ quan, trong tự kiêu, tự mãn, che mắt bịt tai ta, biến ta thành mù điếc, thì nó cũng có thể soi sáng cho lắm điều, nói riêng, giúp ta thông hiểu được những diễn biến trong ta, ở tha nhân, và các quan hệ mà ta đang sống.

Lại là hai mặt của một đồng tiền. Biết sử dụng hữu hiệu để tình mỗi lúc mỗi rộng và thêm sâu, thì lý giúp ta xây dựng nền tảng lâu dài của tình. Đông phương mình gọi nền tảng này là nghĩa, thí dụ nghĩa phu thê.

Chính yếu trong quan hệ gia đình vẫn là tình.

Có cái tình chiếm hữu, xem con cái, chồng mình là sở hữu của mình. Nó gói tha nhân và sự việc trong thế giới của riêng mình; nó không chấp nhận những gì khác hơn là thỏa mãn những tình cảm hay ước vọng của chính mình; nó không hiểu hoặc phủ nhận tha nhân và thế giới bên ngoài; nó tạo một môi trường thiếu sinh khí, không giúp sáng cái nghĩa. Nó có khả năng làm nghèo quan hệ, làm nản lòng người, làm khổ người mình thương yêu. Nó không là tình, nó là vị kỷ.

Nhưng vẫn có cái tình xây dựng trên sự cảm thông thấu hiểu, làm sáng cho lý, làm cho nghĩa, nền tảng của tình, thêm dày, vững chắc. Đó là tình đem một cuộc sống phong phú cho mình và cho người mình thương yêu. Nó không là cái vị tha đơn thuần, trong cái nghĩa là buộc phải quên mình. Thương yêu nhau trong đối thoại, trong thấu hiểu, cảm thông, trong tương kính. Cùng nhau đóng góp, xây dựng cuộc sống chung để cảm thấy mãi là điểm tựa cho nhau.

Vậy nếu lý là một khả năng, đóng kín hay mở rộng, tình là một khả năng khác, đóng kín hoặc mở rộng. Tuy nhiên, nếu lý đi vào những phân tích, suy đoán, nhằm soi tỏ sự việc, thì tình

CAO TẦN

THƯƠNG TIẾC DUYÊN ANH

Gặp lại, hôm qua, chú học tro
Còn nuôi con sáo bạn ta cho
Ta mừng, khoe chú bông Thiên lý
Rực rỡ, huy hoàng như tuổi thơ

THI THẠCH

TRÒ CHƠI

(cho Duyên Anh)
Lũ búp bê ngủ vùi
Trong bóng tối ta không còn nghe tiếng đập
của trái tim lầm lũi.

Kẻ nào đã ra đi
Con chim nào đã hót
Suốt tuổi thơ xanh biếc?

Hãy ngủ đi
Hỡi những con búp bê yêu dấu của ta,
Trò chơi của chúng mình đã chấm dứt.

hàm chứa ít nhiều phiêu lưu trực cảm. Lý buộc mình phải biết lắng nghe để thấu hiểu, tình là lắng nghe, là thấu hiểu. Lý là cái phải là của tình. Tình không đòi hỏi, hoặc nếu có thì cũng có nhường, có nhịn. Tình là tình, là trọn vẹn trong quan hệ tình duyên. Lý trợ tình, làm tình thêm mạnh, nhưng tình, tự nó là sức mạnh.

*

Tóm lại,

Hạnh phúc có thể là một sự ổn định năng động và bình an năng động.

Hạnh phúc cũng có thể là một chuỗi thử thách và cải thiện; con người không ngừng thích nghi với những bối cảnh mới. Đó là cuộc đời có hạnh phúc.

Hạnh phúc thể hiện trong một cuộc sống không ngừng phát triển, không ngừng phong phú. Đó cũng là cuộc đời có hạnh phúc.

Hạnh phúc là trực nhận, trực cảm, là những cảm giác sung sướng, đầy đủ, bất chợt đến, bất chợt đi. Ta có hoặc không có. Đi tìm ắt là chưa có, và chưa hẳn đã tìm được. Đó là hạnh phúc của một thời lúc.

Cho nên, không có bài học, bài tập để sống sao cho có hạnh phúc. có thể có những kỷ xảo, những phương cách làm cho cuộc sống thoải mái hơn; thí dụ: những tiện nghi vật chất, có phương tiện thỏa mãn những nhu cầu mà mình cho là thiết yếu, sắp xếp nhà cửa cho sạch sẽ, tươm tất, vân vân. Nhưng đạt được những phương tiện đó hay có những phương cách hay, cuộc sống *có thể* do đó mà dễ chịu hơn, nhưng không có gì buộc rằng phải dễ chịu hơn hay sung sướng hơn.

Cũng không có một con đường hạnh phúc cho mọi người, cứ theo đó mà đi.

Mỗi người chỉ có hạnh phúc trong giới hạn những khả năng của mình: khả năng thấu hiểu các quan hệ, các giá trị, thấu hiểu mình, tha nhân và vạn vật, khả năng phát triển của chính mình.

Khi ta có một con đường hạnh phúc rõ ràng, hợp tình, hợp lý, bất khả tư nghì, thì nên xét lại chính mình, xem coi chung quanh ta đã có bao nhiêu nạn nhân của cái vẹn toàn tình lý, bất khả nghĩ bàn của ta. Làm như vậy, không để ru mình trong những ăn năn xám hối, mà để có những sửa đổi thích hợp cho đẹp người, đẹp mình, đẹp cuộc sống chung.

*

Hơn bốn năm qua, gần đây, chúng tôi có dịp gặp lại ông bà (2). Ông bà vẫn không đổi: vẫn đẹp đôi, bà vẫn là tiếng vĩ cầm của danh cầm độc tấu, ông vẫn là tiếng ấm áp của hồ cầm nhằm tăng cái thanh, cái đẹp của lời bà. Không là Phạm Lãi, Tây Thi; cũng không là Bá Nha, Tử Kỳ. Nhưng âm thanh trầm bổng quyện lại nhau, để lời và ý đi xa vào lòng người. Bà cho biết đã gả cháu gái. Chú rể, con một gia đình gia giáo, tốt nghiệp MBA (Cao Học về Khoa Quản Trị), đang làm việc cho một hãng dầu ở đây. Cháu trai đang chuẩn bị con đường dài và gian khổ Y Khoa. Ông bà đã bán các cơ sở kinh doanh, không phải vì thất bại, nhưng để sống với con và cho nhau. Ông bảo: "Cháu gái đã có nơi chốn, cháu trai trở lại chăm học và học giỏi. Vấn đề lớn của chúng tôi hiện nay là vui với nhau, và cho nhau. Ông nhớ không? Chúng tôi đến với quí ông là để vấn hỏi một giải pháp để chúng tôi gần nhau hơn. Hình như chúng tôi đã có được cái giải pháp ấy. Trở về với con, với gia đình, có những giờ giấc cho nhau, có được bằng an, gọi như thế là sống đẹp."

Tôi cảm thấy lòng mình dâng lên một niềm an lạc.

Có một đôi vợ chồng trong tuổi cuối thu, đang sung sướng với các con. Có một gia đình hạnh phúc.

Houston, ngày 31 tháng 10, 1996

(1) Home!
I feel stability when...
I see my piano with music sheets scattered around,
I see family portraits that have been around since I was born,
I see the tall pine trees tilted to one side about to fall of,
I see my mailbox with one of the numbers missing,
I see smiling faces welcoming me home from school.
I am at peace when...
I am playing the piano with no one to interrupt me,
I am laying in my bed reading an interesting book,
I see my baby blanket which is on my bed everytime I come into my room,
I see picutres of my granparents whom I've never seen before on the mantel,
I am talking to my friends, laying on my bedroom floor with my stuffed dog on my lap.
Beauty comforts me when I...
hear the sound of music flowing in the air,
see my parents come up the driveway after a long hard day of work,
hear the sounds of a household full of people
see my friends coming down the halls after school
feel the air blowing against my face when I ride my bike.
Christine Nguyen

(2) Nêu trong phần một

NGÀY MỚI TRÊN CÔNG VIÊN LÊNIN

NGÔ THẾ VINH

Khung cảnh nhân vật chỉ là hư cấu của tiểu thuyết

Gửi nhóm Bạn Cửu Long

Người đàn ông mái tóc điểm sương với cặp kính cận thật dầy bước đi nhẹ và thanh thoát dọc theo hai bên hàng cây Jacaranda hoa tím nở đầy, báo hiệu những ngày thật nắng ấm của miền Nam Cali. Ông có dáng của một cây tùng trước bão đứng vững qua bao nhiêu thăng trầm của thời thế cho dù ông mang đủ thứ bệnh do những năm tháng dài tù đầy. Với bệnh phổi đang thời gian điều trị thì khí hậu ở đây cũng là lý do khiến ông không chọn miền Đông với Trái Táo Lớn Nữu Ước như một vùng đất lành. Với ông cũng như các nghệ sĩ lưu vong chọn cuộc hành trình tới Mỹ quốc thì Nữu Ước vẫn có sức mạnh hấp dẫn của một thứ lò luyện kim, để hoặc chỉ còn là tro than hoặc trở thành chất thép tinh ròng. Đã có một khoảng thời gian dài không biết đã mấy năm rồi, hàng ngày ông bước xuống những toa xe điện ngầm, chạy rầm rập như mắc cửi dưới lòng đất, dưới cả lòng sông, như một thành phố mênh mông dưới một thành phố khác. Làm sao sức người có thể làm nên chuyện kỳ vĩ ấy khi chưa bước vào giai đoạn kỹ thuật cao. Lúc đó với ông Nữu Ước mới thực sự là nước Mỹ của những bước khai phá với các thế hệ tiên phong. Nhưng rồi phải sống giữa cảnh bon chen tranh giật nhỏ nhen của Nữu Ước sau này, ông tự hỏi phải chăng đã qua rồi những thế hệ di dân lớn lao lẫm liệt, khi mà họ đã phải băng qua những sóng gió đại dương đặt chân tới tân lục địa này.

*

Hôm ấy từ Nữu Ước trước khi bay về Cali ông Khắc ghé qua Hoa Thịnh Đốn đúng vào mùa anh đào. Chưa thấy niềm vui hoa nở, ông đã khựng lại trước *Bức tường Thương Tiếc*. Nhìn sang ngay phía bên kia công viên là tòa Nhà Trắng với Clinton đã trải qua hai nhiệm kỳ trong đó. Clinton thì ai cũng biết về một quá khứ trốn quân dịch. Ông ấy cũng không kém nổi tiếng về thành tích hút cần sa mà không hít vào phổi trong sân trường đại học Oxford giữa giai đoạn nóng nhất của cuộc chiến tranh Việt Nam khi mà Hà Nội đang có

những nỗ lực cao nhất để nâng cao con số những thanh niên Mỹ thơ ngây can đảm và vô tội đi vào trong những nấm mồ. Ông Khắc lúc ấy là phóng viên chiến tranh lại đang gian lao cùng với những người lính của miền Nam lặn lội trong những cuộc hành quân trên đồng lầy hay rừng rú cao nguyên. Để rồi hai mươi lăm năm sau, lần thứ hai trở lại Mỹ đứng bên bức tường đá đen, với ông đâu phải chỉ sáu mươi ngàn tên thanh niên Mỹ mà chồng chất lên đó là hàng hàng lớp lớp xác chết của hàng triệu những người Việt Nam vô danh phải chăng đã chết vô ích do nỗi mê lầm của con người... Bao giờ cũng vậy mỗi lần tới đây ông đã không cầm được xúc cảm. Một nhà báo Mỹ bạn ông đã phát biểu rằng cho dù trong quá khứ anh chọn cuộc chiến đấu chống cộng sản trên đồng lầy ở Việt nam hay đã chống lại cuộc chiến tranh ấy ngay trên các đường phố ở Mỹ quốc, thì sự hiện diện của bức tường ấy vẫn khiến anh đau xé lòng. Huống chi chính ông đã có những người bạn trong số sáu chục ngàn tên tuổi ấy trước khi chết vẫn còn vật vã với ý nghĩa của cuộc chiến tranh và chưa hề bao giờ được thực sự an nghỉ. Bỗng chốc ông Khắc có cái cảm giác mang mang giữa một thực tại thì như là hư ảo - virtual reality, trong khi quá khứ thì có thật. Đến bao giờ ông mới nhận ra được rằng chính quá khứ ấy mới là hư ảo, lẽ ra ông phải sớm biết mà thoát ra để rũ đi những gánh nặng cho bước chân thênh thang đi tới...

*

Ông Khắc hiện làm free lance cho mấy tờ báo Mỹ đặc trách các đề tài về Đông Nam Á với Việt Nam như một dải đất định mệnh mà ông sẽ còn gắn bó cho đến hết phần cuộc đời còn lại. Làm báo, ngay từ thời còn trẻ ông đã không ở cả hai phía của sự cực đoan. Ông đi tìm chân lý nhưng lại hiểu tính tương đối trong cuộc sống nên ông chỉ cố gắng thu thập các sự kiện mà ông cho là khách quan, để người đọc tự phán đoán, còn riêng ông nếu phải đưa ra nhận xét ông thường có thái độ phân tích, luôn luôn dùng chữ "có thể" thay vì võ đoán. Không có hào quang của chức vụ mà do nhân cách đáng trọng, ông có uy tín trong nghề nghiệp, được sự tin cậy từ những người cho tin cũng như từ phía người đọc. Do thái độ chan hòa và chia xẻ kinh nghiệm với các đồng nghiệp trẻ, ông rất được yêu mến với cái tên Nhà báo của các nhà báo. Bước vào thời đại tin học, ông mau chóng thích nghi với cái mới của khoa học kỹ thuật, dễ dàng chuyển từ chiếc máy chữ Olivetti cổ lỗ đã theo bước chân ông từ bao nhiêu năm, sang chiếc laptop gọn nhẹ tối tân mà tòa soạn cấp cho. Với fax modem e-mail từ chiếc computer mỏng nhẹ ấy thì văn phòng của ông bây giờ là ở bất cứ đâu chẳng còn khoảng cách nào với tòa báo nữa. Về điểm này ông rất gần với lớp người trẻ cách ông đến cả hai thế hệ. Ông ham đọc đủ mọi loại sách và có sức hấp thu nhanh để cập nhật kiến thức nhưng bên trong ông là ý muốn gạn lọc chống chỏi lại những điều mà ông gọi là sự ô nhiễm của trí tuệ. Bản thân ông đã đi suốt chiều dài của cuộc chiến tranh sống với tang thương của những người lính dũng cảm, để rồi hình ảnh của họ bị bôi xấu, công lao của họ bị phủ nhận, ông luôn luôn là người đứng bên họ, ông muốn trả lại cái hình ảnh chân thực của họ trong cuộc chiến mà ông nghĩ đó là sự công bằng chứ không phải là một chọn lựa bên này hay bên kia. Dưới mắt mọi người thì ông là con người quá lý tưởng trong một thế giới lẽ ra đáng bi quan. Là con trai út trong gia đình ông lại chịu ảnh hưởng rất nhiều từ bà mẹ. Tuy là một người đàn bà ít học nhưng bản chất lại rất mạnh mẽ trong mọi hoàn cảnh. Ông thừa hưởng của bà một tấm gương bổn phận và sự hy sinh vượt lên trên giới hạn của bản thân. Khi đã đủ khôn lớn, ông mới hiểu được rằng điều ân hận nhất nơi mẹ là hồi nhỏ đã không được học nhiều. Chỉ xong bậc tiểu học, là con gái lớn trong gia đình đông anh em, bà phải ở nhà phụ trông coi hiệu sách ở phố Tràng Thi. Trong khi các em bà đều tiếp tục học lên tới đại học. Thời gian đứng ở hiệu sách xen giữa những bận rộn bà đọc đủ mọi loại sách. Ông không biết bà đã đọc truyện Kiều lần thứ bao nhiêu, nhưng cho mãi những năm về sau này hơn ba ngàn câu thơ của Nguyễn Du và cả những áng cổ văn khác vẫn không hề suy suyển trong trí nhớ của bà. Bà không khỏe mạnh nhưng lại có một sức chịu đựng phi thường, quán xuyến cả gia đình nổi trôi theo vận nước nhưng vẫn nuôi giấc mộng lớn nơi những đứa con, nhất là nơi đứa con út của bà. Ông Khắc đã sống qua hình ảnh giấc mơ của mẹ. Bước đi trong một vùng xám của thời thế, nghề báo nhiều khi du ông vào những tình thế lưỡng nan, nhưng bao giờ ông cũng có một chọn lựa theo lương tâm mà ông cho là tốt nhất. Đó thực sự là cuộc chiến đấu mà ông tìm thấy ý nghĩa của đời sống, với những nguyên tắc mà với ông đồng nghĩa với phẩm giá ông chẳng bao giờ tương nhượng.

*

... Việt nam năm 2004 đang chập chững bước vào thời kỳ dân chủ. Với rất nhiều khuynh hướng đảng phái, tôn giáo, địa phương và sắc tộc nữa -

phía sau những nhân vật tranh cử. Và dĩ nhiên không thiếu những kẻ cơ hội. Nhưng đáng kể nhất là cuộc chạy đua giữa hai đảng Tự do và đảng Khoa học Xã hội - mà tiền thân là đảng cộng sản với nhóm theo khuynh hướng Glasnost rất sớm mà chủ yếu là giới chuyên viên được đào tạo từ Đông Âu. Thủ lãnh của họ là nhà toán học Phan Đình Tiếu đã từng bị khai trừ khỏi Đảng do chủ xướng phong trào phản kháng rất sớm khi mà thành trì của chủ nghĩa Xã hội còn đang rất vững chắc. Còn bọn cộng sản bảo thủ cũng là đám Tư bản Đỏ gộc thì đã vội vã rũ áo ra đi đem theo những tài sản kếch xù tính bằng đơn vị triệu đôla và chọn cuộc sống an thân ngay trong hang ổ của bọn đế quốc phương Tây chưa chịu rẫy chết; bỏ lại phía sau là một đất nước tan hoang với khoảng cách giàu nghèo như cả một đại dương cách biệt. Bây giờ thì đúng là thời kỳ trăm hoa đua nở trăm nhà đua tiếng với đông đảo số ứng cử viên, cả với những tên tuổi không ai biết từ đâu tới. Một số ứng viên bắt đầu được chú ý vì có tiền biết sử dụng phương tiện truyền thông kể cả Internet trong chiến dịch rộng lớn bôi bác lẫn nhau. Thêm một sự thật tàn nhẫn nữa là chiến dịch vận động tiêu cực ấy vẫn rất có hiệu quả miễn sao luôn luôn được lặp lại. Và đã không thiếu những mũi tên độc được đưa vào tay các ứng viên tự do để họ hăng hái bắn lẫn nhau. Và hiển nhiên là sự phân hóa giữa những khuynh hướng tự do đem lại hy vọng cho những người cộng sản trẻ trở lại cầm quyền cho dù họ không thể nào chiếm được đa số nhất là khi mà chủ nghĩa Mác Lê chỉ còn là những giòng chữ chết trên những trang sách đã đóng bụi của thế kỷ trước. Nhưng đáng sợ hơn cả là sự lạm phát của những hứa hẹn không tưởng, rất hiếm những cuộc thảo luận đứng đắn về một tương lai hiện thực của đất nước ra sao. Và thiếu vắng hẳn động lực thôi thúc cho những giấc mơ đi tới. Khai mạc đài tưởng niệm Phong Trào Nhân văn Giai phẩm lúc này bỗng dưng mang ý nghĩa một cuộc vận động chính trị. Các cuộc thăm dò dư luận kiểu Tây phương đã đem lại những con số hết sức mâu thuẫn khiến có một dấu hỏi lớn về giá trị thống kê của những cuộc thăm dò ấy. Trải qua nhiều năm sống dưới những chế độ độc tài, người dân vẫn chưa dễ gì quên được kinh nghiệm đắng cay của những năm dài quá khứ. Mọi phát biểu ý kiến riêng của họ về người đang cầm quyền hay sẽ cầm quyền đều có thể xô họ vào tình cảnh dầu sôi lửa bỏng. Cho dù bước vào thế kỷ 21 đa số người Việt Nam vẫn chưa có được điện thoại riêng, vậy thì các câu trả lời với những người lạ tới gõ cửa từng nhà không hẳn là phản ánh ý kiến của họ. Do đó ai thắng ai vẫn là một dấu hỏi lớn làm điên đầu các nhà báo ngoại quốc vốn tự nhận là am hiểu Việt Nam.

Thế rồi nổi bật trên cái nền tối đen và rối rắm ấy, người ta thấy xuất hiện những khẩu hiệu "Tự do và Trách nhiệm," "Luật pháp và Trật tự" được đưa ra không phải bởi các chính đảng lớn mà từ một ứng cử viên độc lập trước tình trạng bất trắc của một đất nước bên bờ vực thẳm. Ông ta còn khá trẻ so với đa số ứng viên khác, không có gốc gác đảng phái, không phải hoàng tộc, cũng chẳng phải dòng dõi văn thân hay từ một danh gia vọng tộc nào. Nghĩa là gốc gác bình dân, thứ mẫu người thân tự lập thân. Con một giáo viên nhà nghèo lớn lên trong khung cảnh giáo dục của một gia đình nghiêm khắc nhưng học rất giỏi, tú tài đậu hạng ưu nên được học bổng du học. Tốt nghiệp kỹ sư Tin học, đã sống nhiều năm ở ngoại quốc, vẫn giữ quốc tịch Việt Nam và trở về nước khá sớm với tư cách một chuyên viên. Được biết đến từ nhiều năm do những hoạt động xã hội bền bỉ, ông cũng là người sáng lập và chủ biên tập san Diễn Đàn Tự Do với nhiều bài viết được trích đăng trên báo chí hải ngoại và gần đây là trong nước. Phát biểu của ông ta sâu sắc nhưng trình bày thì giản dị đi ngay vào trái tim mọi người... Bây giờ thì những vết thương quá khứ cần được khép lại chứ không thể được đào sâu thêm. Nói về hình ảnh một nước Việt Nam tương lai theo ông... sẽ là một thể chế dân chủ pháp trị theo nguyên tắc phân quyền - theo đó bộ máy hành pháp sẽ là một nhà nước gọn nhẹ trong khung cảnh một đất nước được định nghĩa một cách năng động như là sự chấp nhận chia xẻ một tương lai chung với vai trò sinh động của các cộng đồng sắc tộc, địa phương, tôn giáo, nghề nghiệp trong sinh hoạt chính trị của cả nước. Trước mắt một hiện tại với dấu vết rạn vỡ khắp nơi, chỉ thấy toàn những hứa hẹn và các giải pháp đưa ra đầy mâu thuẫn; trong khi các ứng viên khác chỉ thích đào bới quá khứ và nói tốt về mình, thì ông ta hướng về tương lai. Ông không phải là một con thú chính trị theo cái nghĩa giảo quyệt và thủ đoạn, bởi cái gốc đôn hậu ông ngây thơ tin rằng vẫn có thể có một nền chính trị vương đạo. Sự bộc trực thẳng thắn đến trong suốt của ông khiến người ta kính trọng nhưng đồng thời cũng không dấu được sự e ngại về khả năng tồn tại lâu dài của ông giữa một thời thế đầy bất trắc trên một lục địa Á châu của những âm mưu và phản bội. Là mẫu người của hành động, không quay lưng lại với khó khăn

nhưng trong hoàn cảnh dù đen tối đến thế nào ông cũng tìm thấy được ở đó tia sáng của hy vọng chuyển hóa và phương hướng giải quyết. Hiểu biết sâu xa về thực tế của đất nước trong bối cảnh toàn cầu; có uy tín và liên hệ mật thiết với các cộng đồng Việt Nam hải ngoại, ông sẽ là nhịp cầu nối kết không chỉ giữa người Việt đôi bờ mà còn cho một Việt Nam sau những năm cô lập vươn ra thế giới bên ngoài nghĩa là hướng về tương lai. Cũng bởi lẽ đó và thật là hiếm hoi ông là ứng viên duy nhất có được sự hậu thuẫn của giới trí thức và các hội chuyên gia bên trong cũng như ngoài nước do sức thuyết phục và khả năng tìm ra được một mẫu số chung rộng rãi để những dị biệt trở thành những đóng góp đa dạng phong phú thay vì là những đố kỵ và chia rẽ. Rất bình thường với một bề ngoài giản dị, ít vẻ thành thị mà còn mang nét thô mạnh của một nông dân cho dù đã nhiều năm sống ở ngoại quốc. Ông ta không có cái sức thu hút quần chúng - charisma, đầy ma thuật của một tay cáo già chính trị nhưng ở lần gặp đầu tiên người ta có ngay một cảm giác yên tâm và tin cậy; bởi thế những điều ông nói ra được mọi người lắng nghe. Tên tuổi ông bắt đầu được chú ý không chỉ trên báo chí Việt ngữ mà ngay cả những tờ báo lớn ngoại quốc và được đánh giá theo dõi

rất sát bởi các tòa Đại sứ. Người ta nhìn ra phong cách lãnh tụ của ông qua bộ tham mưu - Brain Trust, rất đa dạng sinh động và thuần nhất. Một giáo sư nghiên cứu về Trung Hoa, cũng là bạn vong niên của ông Khắc đã phát hiện rất sớm "viên ngọc ẩn thạch" này và đã ví ông ta qua hình ảnh kết hợp một Tôn Văn của Trung hoa và Walesa của Ba lan - được hậu thuẫn mạnh mẽ không phải bởi thiểu số tư bản doanh thương giàu có mà chính là bởi đông đảo giới lao động trong và ngoài nước với lợi tức thấp nhưng lòng không nguôi hướng về tương lai quê hương và vẫn muốn đưa vai gánh phần chia sẻ trách nhiệm. Cũng vẫn theo nhận xét của ông giáo sư thì cái tài năng đáng nể của người lãnh tụ trẻ tuổi ấy chính là thuật dụng nhân không phải chỉ với thiểu số người tài đức mà ngay cả với những người rất bình thường cũng thấy được cái căn cước và phần công lao của họ khi tới làm việc với ông. Theo ông ta cho dù trước đây họ có đi theo những ngả đường khác nhau nhưng họ có một mẫu số chung là lòng yêu nước họ đã cùng cực nhọc cho những điều vượt quá bản thân để hướng về một tương lai tươi sáng của đất nước. Sống dài đẵng trong một thời đại hoài nghi, vậy mà người ta không ngừng ngạc nhiên khi thấy phương tiện và tiền bạc không chút dè dặt từ mọi nơi đổ về tổ chức với tên ông. Từ đồng năm đôla của bà cụ già sống ở quận Cam, tới tấm ngân phiếu năm chục đô la của một gia đình "chồng tách vợ ly" trong một hãng điện tử nhỏ ở Úc châu cho đến những phương tiện lớn lao quy mô của các hội chuyên gia Bắc Mỹ và Âu châu. Bởi vì ai cũng tin rằng chỉ qua ông các phương tiện ấy sẽ biến thành công ích và tới tay người dân hay cho tương lai một Việt Nam bền vững. Chính những điều ông ta tiên tri cách đây hai thập niên đang trở thành hiện thực, rằng hai triệu người Việt Nam hải ngoại gắn bó với vận mạng đất nước đã và đang nỗ lực vận dụng và chuyển hóa tài lực của thế giới thành tài lực của Việt Nam, khai thông những hưng thịnh của thế giới chuyển đổ về quê hương, thực hiện vận mạng Việt Nam bằng những phương tiện của thế giới.

*

Ngồi trước màn ảnh lớn của đài truyền hình, qua remote control chuyển đổi các băng tần, ông Khắc như trải qua một giấc mơ. Ông vẫn thích đài truyền hình Tự Do, một thứ CNN của Việt nam, phát hành liên tục 24 giờ được tiếp vận qua vệ tinh, có thể bắt nghe được bất cứ đâu trên toàn thế giới. Lãnh thổ Việt Nam bây giờ không chỉ còn là một giải đất cong hình chữ S chạy từ ải Nam Quan cho tới mũi Cà Mau mà đã trở thành một ngôi làng trải rộng khắp thế giới nhưng lại vô cùng gần gũi với chằng chịt những mạng lưới truyền thông tiếng Việt. Dưới mỗi mái nhà trong ngôi làng Việt Nam ấy, người ta có thể dễ dàng trò truyện với nhau cho dù khoảng cách không gian là nửa vòng trái đất. Hôm nay vẫn là cô xướng ngôn viên Khải Thư trẻ trung với bản tin Prime Time của buổi chiều. Khởi đầu từ một xướng ngôn viên không nói thạo tiếng Việt trên đài Little Sài Gòn, nay cô trở thành anchor-woman có giá nhất của đài truyền hình Tự Do. Khải Thư là điển hình của thế hệ thứ hai lớn lên ở Mỹ. Bé Mỹ Tho là tên ở nhà của Khải Thư, là con gái út của bác sĩ Bách bạn ông, có năm anh em thì bốn đã ra bác sĩ. Không có gì khó khăn để Khải Thư theo chân các anh chị. Tốt nghiệp ưu hạng cử nhân sinh hóa của đại học Stanford, được nhận vào trường y khoa Harvard, cô bé đổi ý chuyển sang học báo chí đại học Columbia. Bác sĩ Bách vẫn trách đùa Khải Thư đổi ngành cũng tại bác Khắc. Bác Khắc bấy giờ là thần tượng - role model của con bé. Từ một cô bé bề ngoài cả thẹn nhưng bên trong là một cá tính mạnh mẽ và tự tin, nó không dấu được vẻ bất bình và như bị

xúc phạm khi có ai so sánh gọi cô là một Connie Chung của Việt nam. Nhiều năm trưởng thành trong nghề nghiệp, nhưng sao cái giọng Nam ngọt ngào của Khải Thư chiều nay không dấu được xúc động với bản tin đầu giờ: Với sự hỗ trợ kỹ thuật của Bắc Kinh, Thái Lan đã bất chấp lời khuyến cáo của Việt Nam quyết định sẽ khởi công xây đập thủy điện lớn nhất lấy nước từ thượng nguồn sông Mekong chảy vào các vùng ruộng đất khô cằn của họ. Việt Nam là nước ở hạ lưu con sông nên đồng bằng sông Cửu Long sẽ chịu những hậu quả không thể nào lường trước được: cá không xuống hạ lưu, lưu lượng nước sẽ giảm hẳn, nước mặn từ biển sẽ tràn vào, việc sản xuất lúa gạo sẽ bị ảnh hưởng nặng nề, đó là chưa kể các nước thượng nguồn do có nhiều điện sẽ phát triển các nhà máy kỹ nghệ ven sông với chất phế thải độc hại sẽ đổ xuống sông và Việt Nam phải chịu tất cả hậu quả về ô nhiễm môi trường. Việt Nam ra tuyên cáo và phổ biến cuốn bạch thư kêu gọi Liên Hiệp Quốc, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Á châu, chính phủ Thái Lan và Trung Quốc đình hoãn ngay kế hoạch thủy điện cho tới khi hoàn tất cuộc nghiên cứu về hậu quả môi sinh. Trên khắp các thủ đô thế giới, đồng loạt có những cuộc biểu tình phản đối trước tòa đại sứ Thái Lan của các cộng đồng người Việt ở hải ngoại... Ông Khắc trạnh nghĩ cả đất nước chưa hề có hòa bình, nay lại đứng trước thử thách giữa một mạng lưới chằng chịt của Bắc Kinh - một thứ Chinese Connection: với đường dây nha phiến, tranh chấp biên giới và các hải đảo trên thềm lục địa, khích động phong trào tự trị các sắc tộc ở biên giới và giờ đây là chiến tranh môi sinh. Làm cho kẻ láng giềng phía nam mất vựa lúa gạo lớn nhất để nuôi sống ngót 100 triệu dân, Trung Quốc sẽ hoàn toàn khống chế Việt Nam bằng thứ vũ khí môi sinh này với thâm ý đánh gẫy sống lưng con rồng Việt Nam trong vùng trời Đông Nam Á châu... Nhưng ông Khắc lại có ngay ý nghĩ lạc quan, thôi cũng là điều hay như một vận hội để trong nước có đoàn kết... Thời gian như lùi lại tám năm, tại căn phòng Sinh hoạt Cộng đồng của người Việt ngay giữa thủ đô tỵ nạn Little Saigon vào một buổi chiều như mọi buổi chiều của tháng 10 năm 96 ông Khắc đã có mặt cùng khoảng 30người trẻ tuổi cùng bày tỏ mối quan tâm về hậu quả tác hại của chín dự án xây đập thủy điện trong tương lai trên lưu vực sông Mekong được Liên Hiệp Quốc khuyến khích. Ông Khắc còn rất nhớ như mới ngày hôm qua cuộc thảo luận sôi nổi của nhóm bạn Cửu Long và khuôn mặt nổi bật của người kỹ sư trẻ Phan Tiền Giang tốt nghiệp thủy điện ở Tân Tây Lan và lúc ấy là cố vấn của một công ty điện khí lớn ở Mỹ. Liên tục kể từ hôm ấy họ âm thầm làm việc để cho cả đất nước không bị bất ngờ vì khúc ngoặt lịch sử hôm nay. Cuốn bạch thư dày ngót một ngàn trang gồm cả ba ngôn ngữ Việt Anh Pháp, đầy sức thuyết phục

MINH HIỂN

HIỆN HỮU

Lòng ta bỗng là chiếc lá
Lá reo khi gió vừa qua
Lá xanh trong màu lá
Ta trụ trong tình ta

Trời không bỗng là chút nắng
Áo em như ánh vàng pha
Có ta là lụa trắng
Có em là mặt hoa

Lòng ta bỗng là tiếng hát
Tiếng em cao vút đồi mơ
Có em theo giòng nhạc
Ta trụ trong lời thơ

Trời quang bỗng là gió mát
Gió bay em thấy gió không
Có đâu đây tỏa ngát
Chút hương bay ngoài song

Lòng ta em vừa mới hái
Trái ngon trên mấy cành sai
Trái ngon răng nào cắn
Sao ngọt trong lòng ai

Lòng ta bỗng là nụ hôn
Tình yêu bỗng là môi ấm
Đóa môi ngưng thời gian
Phút giây này thênh thang

Sáng nay quanh ta
bỗng nhiên như mới hồi sinh
Vì ta đã nhìn và thấy em

Sáng nay quanh ta
bỗng nhiên như vừa đổi mới
Vì ta đã biết biết yêu người

là kết quả của hùng tâm trí tuệ và lòng yêu nước thiết tha, mà theo ông Khắc thì tương lai Việt Nam là ở trong tay đám người trẻ bên trong cũng như ngoài ấy... Nhưng rồi tiếp theo qua mục sinh hoạt, Khải Thư cũng đem lại chút tin vui. Trong cuộc thi Toán Quốc tế ở La Mã, đội tuyển Việt Nam do thầy giáo Nguyễn Châu hướng dẫn đã chiếm giải nhất toàn đội và đặc biệt là giải ưu hạng cá nhân xuất sắc lần đầu tiên được trao cho trò Đinh Quang Bảo Toàn, học sinh Quốc học Huế được vinh danh như một thần đồng toán học do cách giải đầy sáng tạo làm kinh ngạc toàn hội đồng giám khảo. Rồi tin từ Đà lạt, Hội Thân hữu Điện lực Thế giới kỳ 14 lần đầu tiên tổ chức ở trong nước với chủ đề "Điện khí hóa Nông thôn." Tiếp theo là phần tường trình đặc biệt live cuộc đua xe đạp xuyên Việt chạy tiếp sức từ Sài Gòn tới Hà Nội có tên Hành trình Tự do của Liên Tổng hội Sinh viên Việt nam từ các đại học trong và ngoài nước. Trạm dừng của đoàn là tại mỗi đại học với tưng bừng các cuộc hội thảo về những đề tài liên quan tới phát triển và dân chủ. Thực tế trước mắt là họ gấp rút yểm trợ đào tạo mạng lưới nhân sự và giúp điện toán hóa cuộc bầu cử Quốc hội sắp tới trên toàn quốc qua kinh nghiệm từ nhiều năm của những đoàn cử tri gốc Việt từ Bắc Mỹ. Không có Việt tịch không có quyền bầu cử, chỉ là những thiện nguyện viên nhưng họ đang là yếu tố tích cực và tạo thuận lợi cho tiến trình dân chủ hóa Việt nam.

Tại mỗi đình làng, bên cạnh mỗi thánh thất, chùa hay nhà thờ hay trên mỗi nhà Rông đều có màn ảnh truyền hình lớn ngoài tính cách thông tin giải trí, hiện đang liên tục có những buổi phát hình hướng dẫn mỗi người dân từng bước làm quen thủ tục bầu cử với những lá phiếu bấm lỗ. Đó như những tấm căn cước họ tìm lại được sau bao năm bị thất lạc. Theo dự trù thì đoàn sinh viên tới Hà Nội đúng vào ngày Khai mạc Tượng đài Văn hóa cũng là đài tưởng niệm nhóm Nhân văn Giai phẩm trên công viên Lênin năm xưa. Nhân dịp này nhà xuất bản Văn Nghệ cho phát hành toàn tập bộ Nhân văn Giai phẩm cùng một lúc ở trong nước và hải ngoại. Kể cả báo chí đều có đồng thời hai ấn bản trong và ngoài nước. Cũng là lần đầu tiên trong lịch sử báo chí, hiện thực một phần giấc mơ một Công ty Truyền thông Liên quốc của ông Khắc từ bao nhiêu năm, một con tàu thả neo trên cảng Sài Gòn hoạt động như một tòa báo nổi với cả đài phát thanh và truyền hình. Trong đời làm báo của ông Khắc, chưa bao giờ có một giai đoạn hào hứng đến như vậy.

Khá bất ngờ là buổi lễ phải lùi lại hai tiếng vì cú điện thoại báo tin có âm mưu đặt bom phá hoại. Dĩ nhiên cũng là dịp để các phe mạnh mẽ tố cáo nhau. Biện pháp an ninh được tăng cường. Và điều ngạc nhiên là số người tới tham dự vẫn đông ngoài sức tưởng tượng ban tổ chức. Đặng Thái Sơn, huy chương vàng giải Chopin lần thứ mười, cũng là con của một nạn nhân trong nhóm Nhân văn Giai phẩm, đã có mặt cùng với giàn nhạc giao hưởng thành phố Hà Nội trình tấu hành khúc Việt Nam, Việt Nam Quê hương Mến yêu - thay cho những bài quốc ca, với chan chứa tình tự dân tộc và đầy màu sắc quê hương. Tiếp theo là trường ca Con Đường Cái Quan với những biến tấu phát triển nhộn nhịp trải dài suốt một giang sơn gấm vóc đầy những âm thanh rộn rã dẫn đến hy vọng reo vui của *Ngày hội lớn Dân tộc*. Bây giờ tới phần lễ tưởng niệm, là khúc giao hưởng *Người Về Đâu* trầm lặng ngân nga với man mác tưởng nhớ quá khứ người xưa. Không ai trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm còn sống, nhưng hồn thiêng của họ đã có mặt đầy đủ nơi đây: gió xào xạc với nắng vàng trên những ngọn cây cao. Quá khứ đau buồn và hạnh phúc hiện tại trộn lẫn, khiến ai cũng rưng rưng nghẹn ngào và không cầm được nước mắt. Nhủ rằng từ nay đất nước không còn vay mượn tư tưởng các ông Mác Lê hay Mao như những ngày xưa nữa. Thăng Long năm Cửa Ô với bao hồn thiêng sông núi tụ lại từ đây. Đài tưởng niệm là biểu tượng bất diệt của tự do văn hóa Việt nam, một thách đố trước những bất trắc tương lai. Tinh thần nhân văn của sĩ phu bất cứ ở đâu cũng là ngọn đuốc sáng chỉ đường cho văn hiến Việt nam từ đây. Với ông Khắc thì cả đất nước như đang hồi sinh và chính ông chẳng thể tưởng tượng được rằng mình còn sống sót sang đến thiên niên kỷ thứ ba và đã vượt khá xa cái tuổi "thất thập cổ lai hy."

* Anh ta lịch sự cho đến nỗi trước khi mở một con sò để ăn anh ta cũng gõ mấy cái lên trên vỏ của nó.

* Một bà mẹ Eskimo dặn các con: "Các con chỉ được chơi phía bên này của Bắc Cực thôi nhé."

* Cách tốt nhất để tránh kẻ thù là sống lâu hơn họ.

ĐOÀN LỮ NHẠC ĐI VỀ MIỀN TEXAS

PHẠM XUÂN ĐÀI

Khánh Hà với giàn nhạc và Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi tại Houston

Từ nhiều tháng trước, giới yêu âm nhạc trong cộng đồng người Việt tại Houston đã nao nức chờ đợi buổi chiều Chủ nhật ngày 26 tháng Giêng 1997. Chiều hôm ấy Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi từ miền Nam California lần đầu tiên chính thức đến trình diễn tại Houston, Texas.

Đó là một ngày ấm áp đẹp trời sau một thời gian dài miền Texas trải qua bão tố và giá tuyết liên miên. Mới khoảng một giờ trưa từng đoàn người, áo quần thanh lịch, đã đứng xếp hàng chờ vào hý viện Jesse H. Jones Hall, hý viện lớn nhất của thành phố Houston. Mặc dù còn nửa tháng nữa mới đến Tết Đinh Sửu, sự nhiệt thành thưởng ngoạn nghệ thuật đã tạo nên một không khí lễ hội Mùa Xuân. Buổi trình diễn mang tên "Nước Non Ngàn Dặm" (được dịch ra tiếng Anh là *"Thousand Miles from Home" Concert*). Một khúc hát Nam Bình ngày xưa mở đầu bằng câu: "Nước non ngàn dặm ra đi..." nói về chuyến ra đi của Huyền Trân Công Chúa để đổi lấy một cõi giang san. Ngày nay người Việt Nam lưu vong cũng đang ở cảnh mù mịt xa nhà, cám cảnh nỗi niềm xưa của nàng công chúa và nỗi niềm hiện tại của chính mình, đã đặt tên cho một công trình nghệ thuật là *Nước Non Ngàn Dặm*. Công trình ấy là kết quả tập dượt nhiều năm trời của năm mươi ca viên đoàn Ngàn Khơi dưới sự điều khiển của hai nhạc trưởng Lê Văn Khoa và Trần Chúc, của sự phối hợp nghệ thuật hòa tấu của Houston Metropolitan Symphony Orchestra, và sau cùng là kết quả của quyết tâm thực hiện buổi trình diễn của Hội Văn Hóa Khoa Học Việt Nam tại Houston. Phải mất một năm trời liên lạc giữa Texas

và California, cuối cùng Hội VHKHVN đã vượt qua được hết các khó khăn để "rước" đại ban Ngàn Khơi bay về Houston vào ngày 23 tháng Giêng 1997. Sở dĩ toàn ban phải có mặt ba ngày trước ngày trình diễn vì phải tập dượt với ban nhạc của địa phương Houston. Ban nhạc đại hòa tấu có một cấu trúc tập hợp nhạc khí rất phức tạp — khoảng 20 loại nhạc cụ khác nhau — và chương trình của Ngàn Khơi thì có từ đơn ca, tứ ca, ngũ ca, đến hợp xướng toàn ban, nghĩa là cũng phức tạp không kém, cho nên phải qua nhiều buổi tập dượt cùng nhau. Đi lưu diễn ở đâu thì mời ban nhạc đại hòa tấu của địa phương đó hợp tác trình diễn, đó là công thức của Ngàn Khơi, đã đạt kết quả tốt.

Khung cảnh tráng lệ của hý viện Jones Hall chiều hôm ấy bỗng mang đậm màu sắc Việt Nam. Bước vào tiền đình của rạp hát người ta gặp ngay các cô gái xinh đẹp mặc áo dài và chít khăn vành rây bằng gấm xanh, hướng dẫn vào chỗ ngồi. Sự tổ chức rất chu đáo và khoa học (do Hội Văn Hóa Khoa Học đảm trách, thảo nào). Người đi xem cảm thấy thoải mái trong một không khí thanh lịch có khi thiếu trong những buổi trình diễn văn nghệ của người Việt Nam.

Đúng giờ đối với chúng ta là điều rất nhỏ nhưng cũng rất lớn. Hai giờ rưỡi chương trình bắt đầu, không sai một phút. Sau phần phát biểu ngắn của ông Nguyễn Ngọc Bảo, Chủ tịch Hội Văn Hóa Khoa Học Việt Nam tại Houston và thủ tục chào cờ, toàn ban Ngàn Khơi mấy mươi người xuất hiện ngay tràn đầy sân khấu dưới ánh đèn rực rỡ, nhạc trưởng Trần Chúc nâng đũa đánh nhịp lên, tất cả rơi vào một sự im lặng tuyệt đối. Im lặng phía khán giả đầy ứ sự chờ đợi một cái gì như là giông bão sắp bùng nổ, im lặng phía nhạc công chăm chú theo dõi bàn tay nhạc trưởng để trổi lên tiếng nhạc đầu tiên, im lặng căng thẳng về phía ca viên gắng điều hòa hơi thở để tất cả cùng cất tiếng hát vào đúng sát na mà nó phải bắt đầu. Và rồi một cái xuống tay của nhạc trưởng, và tiếng nhạc thúc quân của một sa trường nào xa xưa của nước Việt bỗng vang lên làm rùng mình gần hai ngàn khán giả, và câu chuyện kể bắt đầu...

Lệnh vua hành quân trống kêu dồn
Quan với quân lên đường
Đoàn ngựa xe cuối cùng
Vừa trẩy theo lối sông...

Một câu truyện đầy hùng tráng và đầy bi thương như là tính chất điển hình của mọi trang sử Việt Nam. Tiếng hát kể vẽ ra cuộc hành quân, âm thanh của đại nhạc đưa cuộc hành quân vào một chỗ thênh thang rộng lớn ba chiều, làm vang vọng sự chuyển dịch của ba quân cùng nỗi bi thương của chiến trận và của người chờ đợi, tái hiện lịch sử gần với kích thước thật của nó về bề cao cũng như bề sâu trong tâm thức người nghe đang bị bàng hoàng vì hiệu quả đột ngột gây nên bởi kích thước lớn lao của đại hợp xướng và đại hòa tấu. Những biến động uy nghi của đoàn quân ra trận (Hòn Vọng Phu I) và động tác phi ngựa nôn nao dồn dập của người từ trận mạc trở về (Hòn Vọng Phu III) đã được tiếng hát hợp xướng và âm thanh tổng hợp của giao hưởng đưa đến tận cùng của sự diễn đạt. Khán giả Việt Nam vốn đã nằm lòng âm điệu và tình cảm này, quen thuộc đến độ như là cái gì rất dân giã, nay bỗng được một trình độ nghệ thuật mới lạ khai mở hết mức vẻ hay và đẹp của nó, cảm thấy một niềm hạnh phúc bao la như vừa được mở cửa vào một kho tàng vô giá. Trong khi đó Hòn Vọng Phu II là một đoạn nặng tính cách tâm tình, lời kể thủ thỉ như lời người kể chuyện cổ tích trong đêm mưa, lối trình diễn tứ ca khi nhặt khi khoan, thoắt đi từ đơn ca sang song ca, từ song ca sang tứ ca, tung hứng biến hóa tùy tâm cảnh của câu chuyện, đã thực sự đem lại nhiều vẻ đẹp và thiết tha mới lạ. Nhưng có thể cũng chính vì lối trình diễn tân kỳ này mà tính chất sử thi bi tráng của Ai Xuôi Vạn Lý bị biến dạng đi ít nhiều. Nó khác với lối kể chuyện chân phương cổ điển, trong đó chỉ một người đảm trách, nhưng phải là một người đầy bản lãnh, đủ sức diễn tả mọi sắc thái tình cảm của câu chuyện, làm say mê người nghe và gìn giữ được một cách thống nhất chất bi ai mà mãnh liệt của truyện người đàn bà hóa đá.

Nhạc sĩ Lê Thương đã để lại trang sử bằng nhạc ấy và đã ra đi, nhưng sự tái hiện trang sử ấy chiều nay đã biến ông thành to lớn thênh thang và thành bất tử. Nếu xem câu chuyện *Hòn Vọng Phu* vừa được kể lại ấy là một cuốn phim lịch sử bằng âm nhạc thì Lê Thương chính là người viết truyện phim, Lê Văn Khoa (người viết hòa âm) và Trần Chúc (điều khiển) là đạo diễn, ca đoàn Ngàn Khơi và ban đại hòa tấu giao hưởng Houston là các diễn viên. Bản trường ca đã vang dội tận đáy sâu lòng người Việt Nam. Một chuyện bất thường đã xảy ra sau khi tiếng vỗ tay vừa dứt, đó là một tiếng hô lớn trong rạp: "Long live Việt Nam!" Không ai nghĩ đó là một kêu gọi chính trị. Đó chính là một bùng vỡ của cảm xúc đối với non nước Việt Nam do áng sử thi diễm ảo Hòn Vọng Phu mang lại.

Dạ Lai Hương do Mai Hương hát nhưng lại là một kỳ công của Lê văn Khoa trong việc phối âm phối khí. Giàn violon dìu dặt quá thể, và chuỗi âm thanh của đàn *harp* vung vãi như sự lan xa của dạ hương, và tiếng gõ của bộ gõ như tiếng vọng sâu kín đầy bí mật của màn đêm. Tiếng hát Mai Hương không đạt đến cái nguy nga của bầu trời đêm thăm thẳm, nhưng rất tình cảm, gần gụi của hình ảnh *lũ chúng em êm đềm rủ nhau ra trước nhà*, và đưa hương đêm đi xa, xa như *tình trai nở bốn phương trời*...

Phần dân ca thì Lý Ngựa Tây vẫn rất lý thú, đậm màu hài hước và lạc quan, và ban nhạc đã khai triển các đặc tính ấy một cách xuất sắc (cái dậm dật, cái trì kéo, và cả cú đá nháng lửa của con ngựa nữa!), trái với những bài mà đặc tính là uốn lượn ẻo lả, mang một cái hồn riêng rất Việt Nam thì rất khó mà diễn tả cái hồn ấy bằng thuần túy kỹ thuật Tây phương. Bù lại còn tiếng hát, còn chất giọng trữ tình của các ca viên như một sợi giây nối liền giữa cái nguyên thủy và những phần đã phát triển đi quá xa.

Khánh Hà xuất hiện như một vì sao, duyên dáng, điềm tĩnh, đầy bản lĩnh. Đây là lần đầu tiên Khánh Hà hát trên sân khấu Ngàn Khơi, và quả âm thanh giao hưởng đã nâng cao và làm lộng lẫy cho một giọng hát vốn đã rất đẹp và rất lộng lẫy. Nếu nói về một tiết mục trong chương trình này mà trong đó sự hòa hợp giữa giọng hát, giàn nhạc và giàn hợp xướng phụ họa đã đạt được mức cao nhất và sang trọng nhất, thì đó chính là Khánh Hà với Nghìn Trùng Xa Cách của Phạm Duy.

Nhắn Về Quê Mẹ là một tác phẩm của Trần Chúc, lời của Bích Liên, do Lê Hồng Quang đơn ca. Có ba cái mới trong tiết mục này: tác phẩm mới, người đặt lời mới (lâu nay người ta biết Bích Liên như một giọng ca đẹp, hoặc hơn nữa, như một người thầy thuốc, nhưng không biết Bích Liên như một người sáng tác), và nhất là giọng ca mới Lê Hồng Quang. Đó là một giọng ca trẻ, trong sáng và khỏe mạnh, kỹ thuật cao, đã chinh phục khán giả một cách rõ rệt. Nhắn Về Quê Mẹ là một khúc trữ tình dào dạt lòng thương nhớ quê hương, và khi "giấc hương quan" đã lên đến cao độ, những câu

Ta sẽ về bước lại con đường quê
Ta sẽ về sống lại tuổi thơ say mê

trong chất giọng của Hồng Quang nghe thênh thang như một niềm hạnh phúc. Đây là một trong những ca khúc được khán giả ưa thích nhất của buổi diễn.

Với tâm trí tươi mát trở lại sau giờ nghỉ giải lao, khán giả đón nhận *Tổ Khúc Giao Hưởng 1975* của Lê Văn Khoa với sự ngạc nhiên và thích thú. Để kỷ niệm 20 năm người Việt xa xứ, Lê Văn Khoa đã viết một tác phẩm diễn tả một giai đoạn đau thương của lịch sử Việt Nam, biến cố tháng Tư 1975, bằng âm nhạc. Trong chương trình Nước Non Ngàn Dặm này, giàn nhạc chỉ trình tấu Khúc Dẫn Nhập của tác phẩm, trong đó điệu Bình Bán Vấn được dùng như là chủ đề, để diễn tả đời sống thanh bình tự do thịnh vượng của miền Nam, những thứ mà dân chúng miền Nam đã mất đi sau cuộc xâm chiếm của Cộng sản. Chúng ta chỉ quen nghe Bình Bán Vấn một cách nhỏ nhẹ với các nhạc cụ cổ truyền Việt Nam, cũng âm điệu ấy bây giờ với đại hòa tấu giao hưởng, bỗng vươn cao, tỏa rộng, phát triển thành nhiều ý nhạc lan xa, long lanh réo rắt, gợi một tình cảm chứa chan vừa hãnh diện vừa nuối tiếc những hoa gấm của đất nước mình. Với tài năng và kiến thức, với lòng thiết tha thương nhớ quê hương, người nghệ sĩ đã làm thăng hoa vốn liếng cổ truyền của dân tộc, gieo nó vào lòng mọi người Việt để cùng nuôi dưỡng tinh hoa của Việt Nam khắp các nơi chân trời góc biển trên quả đất này. Bình Bán Vấn đã vang lên trong thính đường Jones Hall, đã khai mở giải tỏa bao niềm u ẩn của biết bao con người Việt Nam trong thân phận lưu đày, đã gửi một thông điệp đến mọi người rằng khi sức mạnh văn hóa vẫn còn sống động trong tâm trí thì ta vẫn còn niềm hạnh phúc được là chính ta.

Trong chương trình có hai tác phẩm nói về quê hương Việt Nam với tâm thức của người Việt xa xứ, đều được khán giả nhiệt liệt tán thưởng, vừa vì giá trị của nó, vừa do sự đồng cảm mà nó gây ra nơi người nghe. Cả hai đều là tác phẩm mới viết, một là Nhắn Về Quê Mẹ của Trần Chúc vừa nói đến ở trên, hai là Mơ Về Quê Tôi của Lê Văn Khoa. Dù là *nhắn về* hay *mơ về*, dù là *quê mẹ* hay *quê tôi* thì ý nghĩa cũng giống nhau và tâm sự của hai tác giả cũng chỉ là một. Và đó cũng là tâm sự của hai triệu người Việt Nam đang lưu lạc khắp thế giới. Tâm hồn nghệ sĩ là kết tinh nỗi niềm của thời đại mình. Bích Liên không chỉ hát Mơ Về Quê Tôi của Lê Văn Khoa, tiếng hát Bích Liên gào thét nỗi thống khổ của Việt Nam, cô diễn đạt hộ mọi người vừa nỗi đau vừa niềm mơ ước của chính mình. Mỗi người Việt Nam đều mang trong mình, một cách có ý thức hoặc vô thức, bi kịch của quá khứ, nỗi khắc khoải của hiện tại và một giấc mơ cho tương lai. Trong khoảnh khắc diễn xuất xuất thần ấy Bích Liên đã phá tung hết các dấu diếm ẩn ức, xóa hết các biên giới, đưa tâm

hồn khán giả lên một tầng phơi phới của giải tỏa, giải oan, những gì mà lịch sử Việt Nam cận đại đã làm hằn những dấu vết quá sâu. Hiện tượng cả rạp đứng dậy vỗ tay Bích Liên phải được hiểu như là một hành động biết ơn. Biết ơn Bích Liên, biết ơn Lê Văn Khoa, biết ơn Trần Chúc, biết ơn tất cả những người xả thân làm văn hóa nghệ thuật.

Hội Trùng Dương của Phạm Đình Chương cũng là một giấc mơ, dưới một hình tượng và một ngôn ngữ khác. *Có ba dòng sông cuốn xuôi biển Đông hát câu chờ mong...* Chờ mong cái gì? — Sự thống nhất của dân tộc, mỗi tấm lòng Việt Nam đều giống nhau ở chỗ hiền hậu yêu thương nhau, như tấm lòng của ba chị em một nhà. Giấc mơ nương theo dòng chảy của mỗi con sông mang nhiều nét đẹp. Sông nước là đẹp. Ví con sông với cô gái càng đẹp. Nhạc trưởng Trần Chúc và ban Ngàn Khơi đã thể hiện hầu như viên mãn vẻ đẹp ấy trong hợp xướng Hội Trùng Dương, từ một nét *nắng quái vương trên phù sa* của đồng bằng sông Hồng, *đêm đêm soi ánh trăng vàng mà than* của nàng sông Hương, cho đến dòng nước *xanh lơ bóng in cây dừa* của miền Nam Kỳ lục tỉnh, tất cả đều được chăm chút kỹ lưỡng để tạo nên dung nhan của ba chị em. Dung nhan của ba chị em là sắc thái của ba miền Bắc Trung Nam Việt Nam, sắc thái khác nhau là nét đa dạng của dân tộc, nhưng tất cả đều hòa lẫn vào một mẫu số chung là bà mẹ biển cả khi ra đến trùng dương. Phạm Đình Chương hình dung tinh thần và tình cảm nhất quán của dân tộc là đích điểm lớn lao nhất mà người Việt Nam phải vươn tới, Trần Chúc và ban Ngàn Khơi thực hiện ngay giấc mơ ấy bằng một thế giới âm thanh reo vui, tươi sáng, nghẹn ngào. Người nghe cảm thấy hồn mình sung sướng thăng hoa vào một cảnh giới Việt Nam khác với dòng lịch sử đen tối hàng thế kỷ qua, khi được ba nàng tiên ấy dẫn mình vào một cuộc trở về bát ngát.

Nếu Hòn Vọng Phu là sự tích của núi thì Hội Trùng Dương là câu chuyện của sông, giang, sơn làm nên đất nước. Chương trình mở đầu bằng nỗi mong chờ của một ngọn núi lại được kết thúc bằng khúc hoan ca hội ngộ của những dòng sông, bao trùm trong khoảng núi sông ấy là tình yêu là nỗi nhớ, là đau khổ là hân hoan của biết bao con người Việt Nam trải biết bao thế hệ. Nhiều tiết mục mang tình ý phong phú không kịp đề cập đến ở đây như Dừng Bước Giang Hồ (hợp xướng), Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi (Mai Hương hát), Bến Xuân (Nguyễn Thành Vân hát), Đoàn Lữ Nhạc (ngũ ca), Kiếp Dã Tràng (Khánh Hà hát)... đã đóng góp nhiều vẻ đẹp khác nhau cho chương trình. Và cuối cùng, trên tất cả, không nằm trong chương trình chính, chung khúc *Việt Nam Việt Nam* như đôi cánh tay mở rộng ôm choàng hết các nỗi thổn thức, khổ đau hoặc hân hoan vui sướng mà mọi người đã trải qua trong suốt buổi diễn, vòng tay của bà mẹ lớn nhất của tất cả chúng ta, đưa tâm hồn đến chỗ bình yên.

Ngôn ngữ của nghệ thuật và của văn hóa là thứ ngôn ngữ khó khăn nhất, không có một trường ngôn ngữ nào có thể dạy được. Đó là đúc kết của một quá trình dài lâu của một cộng đồng người luôn luôn cố gắng vươn tới cái tốt đẹp, đó là kết quả của khổ công học hỏi, cảm nghiệm, luyện tập, với một tấm lòng trong sáng. Nhưng một khi nói lên được thứ ngôn ngữ đó một cách chân chính thì bỗng nhiên cả một tập thể rộng lớn thấy mình được nâng cao, thấy mình giàu có, và thấy mình có hạnh phúc. Người Việt Nam dù ở đâu cũng ý thức được điều đó, và cũng có người cặm cụi ngày đêm bỏ tâm huyết để làm sao ngôn ngữ đó được thành hình. Năm 1989, Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi được thành lập tại Little Saigon, California do một nhóm cựu ca viên, ca trưởng và thân hữu của ca đoàn Trùng Dương hoạt động tại Sài Gòn từ trước 1975. Từ những bước đầu chập chững đến trưởng thành như ngày nay, Ngàn Khơi đã là chỗ kết hợp những bạn yêu nhạc và có tinh thần sinh hoạt tập thể vô vị lợi, cùng nhau nâng cao và phổ biến nghệ thuật hợp xướng, tôn vinh những ca khúc Việt Nam tại xứ người. Cùng gần thời gian đó, tại Houston, một thanh phố đông đảo người Việt tị nạn của tiểu bang Texas, vào năm 1990, Hội Văn Hóa và Khoa Học Việt Nam được thành lập, nhằm tạo sự hòa hợp và đoàn kết giữa những người Việt tị nạn bằng các hoạt động văn hóa và khoa học. Buổi trình diễn Nước Non Ngàn Dặm vừa qua chính là đứa con tinh thần của hai nhóm người cùng thiết tha với văn hóa Việt Nam tạo nên, sau một thời gian dài cố gắng không ngừng để vượt qua đủ mọi thứ khó khăn chướng ngại. Đứa con đã được đem ra trình làng, xinh đẹp và khỏe mạnh, được mọi người trầm trồ thương yêu, vì thấy những ước nguyện thâm sâu của mình cuối cùng đã một phần nào được biến thành sự thực. Và rồi mọi người bỗng biết ra rằng gìn giữ và phát huy văn hóa đâu phải là nhiệm vụ riêng của một nhóm người nào, mà ai cũng cần góp phần của mình, để cuối cùng chính mỗi chúng ta, khi nhìn lại, thấy cũng còn giữ được một chút vốn liếng nào đấy.•

BẦU LEO, DÂY BÍ CŨNG LEO

HỒ PHỔ LẠI

Dung cố gắng đẩy mạnh cánh cửa kính dày rồi thận trọng bước ra ngoài. Trước mặt nàng, bầu trời hiện ra dưới một màu trắng đục nhờ nhờ, không có lấy một tia nắng, dầu chỉ le lói. Hồi sáng, khi Dung rời nhà trời có lạnh nhưng vẫn tạnh ráo, mới có mấy giờ đồng hồ trôi qua mà cảnh vật đã hoàn toàn đổi khác. Tuyết lại rơi, rơi tầm tã thành từng dòng thẳng đứng như mưa rớt; một loại mưa không kết bằng giọt nước mà kết bằng những cánh hoa trắng, xốp, có cạnh lấp lánh như sao đêm. Muôn vạn ánh sao kích thước giống nhau, lập lòe, nhộn nhịp, tới tấp buông xuống đâu từ giữa lưng trời.

Đưa tay hất chiếc mũ trùm đầu lên cao, Dung đảo mắt nhìn thẳng ra con đường trước mặt. Đường cái vắng tanh, không một bóng xe qua lại, chỉ có hai hàng cây trơ trụi, thân cành bao phủ bằng một lớp nước đá láng lẫy, trong veo là vẫn an nhiên đong đưa trong gió. Hai bên đường, nhà cửa đóng cài kín mít. Trước mỗi căn nhà, từng đống tuyết xếp hàng lô nhô, cái cao nghệu, cái thấp lè tè, xui khiến Dung liên tưởng đến hình ảnh những nấm mồ hoang của người lớn lẫn của trẻ con, từ đời kiếp nào vẫn còn nằm yên tại đó. Còn cái nhà thấp thoáng phía sau xa thì đích thực là căn nhà mồ, trong đó xếp ngang xếp dọc hàng hàng lớp lớp tử thi.

Thế giới của người chết, một thế giới đầy bí ẩn, nhưng lại đi cặp kè với thế giới của người sống. Sống đó, rồi chết đó. Họ, những kẻ đã chết đang làm gì ở thế giới bên kia? Nào đã có ai biết rõ? Nhưng chắc chắn một điều là: khi được người sống trịnh trọng ban cho cái mề đay có gắn mấy chữ "tắt thở rồi," kẻ lìa đời có thể yên chí lớn: từ đây, mình sẽ đi luôn một mạch. Đi luôn, đi đâu không ai biết, nhưng nhất định không bao giờ thèm trở lại cõi trần thế ô trọc này nữa. Suy nghĩ, hành động, đúng sai, khóc cười... mặc kệ, phú dâng cho người sống.

*

Hôm nay, lần đầu tiên Dung đến làm việc tại viện dưỡng lão tọa lạc trong khu vực xa xôi này.

Hồi trưa, lúc Dung đến văn phòng trả lại chồng hồ sơ, vừa nhìn thấy nàng, bà y tá trưởng bỗng có thái độ vô cùng vồn vã:

"Xin lỗi, chị người Tàu hay người Việt?"

"..."

Cây bút bà ta cầm hờ trên tay được thả lẹ xuống bàn. Hiểu ý, Dung tự động xoay người lại cho thẳng thớm hơn, trong cái thế sẵn sàng chờ đợi một câu chuyện dài:

"Mấy tháng trước, ở đây có nhận một bà già người Việt Nam. Bà ta tên là - để tôi thử nhớ lại coi - H. a. n. (với cái mũ trên đầu chữ A) 72 tuổi, bị bệnh đái đường và mù cả hai mắt. Địa chỉ cư ngụ ghi ở Monstreal.

Tưởng mình xớn xác nghe lầm, Dung lên tiếng hỏi lại: "Tận Montreal? Cách đây hơn hai giờ xe hơi? Trên đó có khối gì viện dưỡng lão danh tiếng?"

Một cái nhún vai rất "đầm" thay cho câu trả lời.

"Chính người con trai bà Hân đứng ra lo thu xếp mọi việc: liên lạc, hoàn tất thủ tục giấy tờ, đưa mẹ xuống đây. Cứ mỗi đầu tháng ông con trở lại ký nhận chi phiếu tiền già (mang tên bà Hân và gởi về địa chỉ này)."

Nói tới đó, một thoáng bối rối vụt hiện lên trong cặp mắt xanh lè, tuy nhiên vẻ chăm chú đến lộ liễu nơi Dung vẫn thừa sức đôn đốc câu chuyện tiến mạnh tới trước.

"Mỗi lần trở lại, sau khi thanh toán xong vấn đề tiền bạc, ông con lập tức... rời khỏi nơi đây."

Co rút hai cánh tay lại, Dung lơ láo nhìn quanh, cố ý tìm xem có cánh cửa sổ nào quên đóng hay không.

"Có nghĩa là... bà muốn nói rằng: không bao giờ ông con buồn đặt chân vào phòng bà mẹ?"

Không hề lưỡng lự, cái đầu tóc vàng gật lia gật lịa.

"!!!"

"Tôi được nghe báo cáo lại là từ ngày nhập viện, bà mẹ không chịu ăn uống, từ chối mọi sự tiếp xúc, đêm ngày nằm bất động, quay mặt vào tường."

"Có bao giờ bà Hân... tỏ ý muốn gặp gỡ ông con không?"

"Tỏ ý bằng cách nào? Bà ta không biết tiếng Anh, cũng không biết tiếng Pháp, mà ở đây thì không ai biết tiếng Việt."

"!!!"

"À! Câu hỏi vừa rồi của chị giúp tôi nhớ thêm một chi tiết khác: vì tình trạng sức khỏe của bà Hân, đã có những lúc chúng tôi bắt buộc phải liên lạc với thân nhân qua số điện thoại ghi trong hồ sơ thì lúc nào cũng nghe... máy trả lời."

Bắp thịt cổ sau gáy Dung tê rần lên, dường như có ai đó vừa chơi khăm đem con sâu róm lông lá xồm xoàm nhét ngay vào chỗ thắt lưng nàng. Cố gắng lắm Dung mới nuốt trôi lớp nước miếng đặc sệt trong miệng.

"Trong trường hợp như vậy?"

"Nội quy có ghi rõ: khi người bệnh không có thân nhân, hoặc nếu có mà thân nhân một mực không cộng tác thì viện dưỡng lão tùy nghi hành động."

Bà y tá cúi đầu, loay hoay tìm lại cây viết.

"Bà Hân chết cách đây mấy tuần. Phải chi chị đến sớm hơn."

Hiểu ý, Dung tiu nghỉu lui ra, mặt nàng lịt xuống đất.

Giờ này, lang thang một mình giữa cảnh trời rét mướt, nhìn con đường về nhà còn xa hun hút, Dung có cảm giác... cõi lòng nàng đang thực sự rời bỏ nàng. Thình lình bị "hẫng chân" giữa khoảng trống không, Dung quơ tay bên mặt, víu tay bên trái, ngoái đầu nhìn lui, ngóng cổ nhìn tới... chỉ thấy một trời mịt mịt mù mù. Câu chuyện của bà Hân... câu chuyện một người đồng hương vừa từ giã cõi đời. Vẫn biết rằng có sanh ắt có tử, vẫn biết rằng sống gởi thác về; nhưng nếu phải gồng mình gánh chịu đến 72 năm sống để cuối cùng... thì chẳng thà chịu nhận lưỡi hái của tử thần khi còn son trẻ, không... gọn ghẽ hơn sao? Nói thì nói cho... sướng miệng vậy chứ trong thực tế sống hay chết đâu phải muốn là được. Được cái, chết là hết... sống. Hết sạch sành sanh, quá lắm trên trần thế chỉ lưu lại một nấm mồ dãi dầu với nắng mưa.

"Phải chi chị đến sớm hơn". Sớm hay muộn, thay đổi được gì? Nhìn Dung kìa: nàng đang dò dẫm từng bước một trên con đường về nhà. Trở về với gian nhà đóng cài kín mít, trong khoảng không gian lui tới, giới hạn, ngày một quay quắt đợi ngày hai, ngày hai, ngày ba khắc khoải chờ ngày... chết.

Chết! Dung ngơ ngác kêu lên. Tiếng kêu chua chát bật ra giữa trời làm Dung giật nẩy người đến nỗi bước hụt một bước. Hai cái đế dày nặng trịch được đà trượt dài trên mặt băng trơn bóng. Cái té chổng gọng không ngờ vô tình gợi lại trong Dung hình ảnh chập chững của chính nàng ở thời điểm chỉ khoái trôi nổi tận chín tầng mây, khoái nhì nhằng giữa mơ với thực, khoái "đánh lận" giữa tiểu thuyết với cuộc đời. Có một phim xi-nê thuộc loại thảo khấu giang hồ kể rặt chuyện những kẻ

đi tìm vàng: thôi thì tha hồ bắn giết, tha hồ lường gạt... rốt cuộc lại, chỉ còn độc nhân vật chính sống sót. Một mình một ngựa, giữa nỗi hân hoan vô cùng vô tận, người hùng hiên ngang trở về nơi hang đá có cất dấu kho tàng. Hỡi ơi! Khi cho tay vào miệng bao vàng (ý để thăm dò?), kẻ "bách chiến bách thắng" bị một con rắn độc nằm phục sẵn thò nọc độc ra mổ trúng phóc. Rõ, công cốc!

Chống tay lồm cồm bò dậy, Dung bực bội rủa thầm: lãng xẹt, gì không nhớ... hai cái chết không hề dính dáng tới nhau. Nhưng, hãy hượm... cùng hậu quả biết đâu không cùng nguyên nhân? Thử sắp xếp lại cho có lớp lang coi. Vì lý do nào bà Hân có mặt trên xứ sở này, trong hoàn cảnh và tuổi tác đó? Đang sẵn trớn "bốc đồng" Dung không ngại ngùng gì không tự ý dựng đại lên hoạt cảnh: một đêm trời tối mịt mùng, trên một bờ biển cheo leo có một chiếc ghe chài với một nhúm người tay bồng tay dắt. Họ đi đâu? Với mục đích gì? Mà phải bán xới quê hương, xa lìa thân tộc, tù tội coi thường, hiểm nguy bất chấp. Với họ, đâu là bến bờ mộng ước? Bến bờ mộng ước! Đó, đó, thấy rõ chưa... cái mặt chuột choắt cheo có mòi thập thò lòi ra tận cửa hang rồi. Không phải vậy sao? Thì cũng chính vì bảy sắc cầu vồng ở tuốt luốt trên cao mà đã có một thời lâu lắc Dung luôn miệng rêu rao để tự ca tụng mình. Mình tự ca... mình!

"Cây lúc non chờ từng cơn mưa nhỏ
Cây lúa trổ chờ nước đổ trên nguồn"

Cây lúa non chờ giọt mưa để lớn, cây lúa trổ chờ dòng nước đổ để được mùa, con đười ươi con đeo dính bầu sữa mẹ. "Là cây sậy biết suy nghĩ" con người còn thua cái cây và con vật ở chỗ: nếu muốn sống còn phải "muối mặt" kêu gọi đến tình thương của kẻ khác, không phải chỉ một mà đến những,.. hai lần. "Trẻ cậy cha, già cậy con," còn ai không biết nữa. Ngặt một nỗi: giai đoạn nhờ cậy lúc ấu thơ thì có giới hạn và do lòng tự phát, vì sau đó là chuỗi ngày tương lai hừng hực sáng; trong khi giai đoạn nhờ cậy lúc tuổi già thì tùy tâm, tùy hỉ và, quả thật, không biết phải chờ đợi đến bao giờ... một khi tuổi tác chồng chất, con người trở thành một gánh nặng, một nỗi bất lực không còn cơ cứu vãn. Giữa xã hội văn minh, trên đà tiến bộ vượt bực của khoa học và kỹ thuật... sống thế nào mới được gọi là sống đúng nghĩa? Phải biết cân đo (và cân đo đúng) giữa điều lợi, với điều không lợi? Phải biết hướng tầm nhìn thẳng ro ra phía trước? Dung có đọc đâu đó câu "chôn cha mẹ là chôn luôn dĩ vãng." Một phút qua, một ngày qua... đã không còn cơ chụp bắt lại được, huống nữa cả cái dĩ vãng lê thê. Kẹt một điều: con người không tự dưng từ lỗ nẻ chun lên. À, à,...

Luật pháp của những xứ văn minh cấm ngặt chuyện đánh đập, bỏ đói, thả giàn xua đuổi, một con chó già hay một con mèo bệnh; nếu không còn muốn chứa chấp nữa thì cứ việc bốc điện thoại lên gọi nhân viên hội bảo vệ gia súc đến tận nhà mang đi. Đã chưa, thú vật còn có chốn nương thân khi sa cơ lỡ bước, thì, thì... cái cục (hay hai cục) nợ đời bám trụ trong nhà mình sớm muộn gì không có cách tống khứ ra khỏi cửa? Vậy chớ chi phiếu tiền già chu cấp hàng tháng, vậy chớ viện dưỡng lão mọc lên như nấm... dùng để nuôi dưỡng và chứa chấp những ai? Yên chí lớn, coi như xong màn đầu, còn những màn "cúng dường tùy hỉ" về sau... kể sá gì nữa. Cá nhân chủ nghĩa là sao? Nếu không phải là... mạnh ai nấy sống, hoặc mạnh được yếu thua? Ủa, nghe nôm na từa tựa... một thứ luật rừng. Loại luật rừng được luật pháp công nhận, đồng thời được ngụy trang bằng một nền giáo dục đâu ra đó. Nói vậy, xét chung chung, về mặt tình người: đâu là điểm khác biệt giữa con người thời này với con người thời ăn lông ở lỗ? Hay, "trăm sông đổ về biển" vì quả đất vốn... tròn, lời người xưa lẩm rẩm lại hóa hay.

Bà Hân già cả, bệnh hoạn, tật nguyền, mù tịt ngôn ngữ xứ người, mình trần thân trụi (biết đâu)... mặc kệ bả, tội lệ gì ông con phải nai lưng ra gánh chịu cho thêm nặng nợ đời! Làm một phát "thí cô hồn" cho bàn dân thiên hạ, bí quá thì... chết là cùng; thử hỏi ai không chết một lần? Kéo dây dưa ra chỉ tổ làm hao tốn công quỹ của nhà nước lại làm mất thì giờ của cả đôi bên chớ ích

* "Sao chị không li dị cha đó đi cho rồi?"
"Ối dại gì chị! Tôi đã sống với thằng chả mười năm, không lẽ bây giờ lại để cho thằng chả được thảnh thơi hạnh phúc một mình?"

* "Ê thằng nhỏ, mày leo lên cây táo của tao để làm gì thế?"
"Tôi thấy táo nhà ông rụng xuống đất, tôi leo lên để gắn nó lại chỗ cũ."

* "Ổ ăn chuối sao anh lại ăn cả vỏ như thế?"
"Không sao. Tôi biết rõ là bên trong có gì rồi."

lợi gì. Đứng về mặt dư luận, xa xôi cách trở kiểu đó, ai hoài công theo dõi? Trước cái nhìn của người ngoại quốc, bất quá chỉ là một câu chuyện phiếm vì họ...hơn gì mình (!), và vì họ còn bận bịu trăm công ngàn việc quan trọng khác; nói đâu cho xa, nội cái tên viết bằng tiếng Việt (kèm theo mấy dấu, ?...) họ còn phát âm trật lất, một lúc nào có buồn miệng kể lại thì ai biết đó là ai.

"Cười người hôm trước,..." bằng chứng rành rành... mới sáng nay thôi, lúc sắp sửa mặc áo ra đi, nhìn sực lại thấy thằng con út (sanh đẻ trên xứ sở này) đang mắt nhắm mắt mở từ trong phòng ngủ chui ra, Dung buộc miệng hỏi:

"Hôm nay con có giờ học không? Mấy giờ con về?"

Làm như không nghe, thằng nhỏ cứ việc tỉnh bơ, sồng sộc đi thẳng vào nhà tắm. Đợi mẹ lót tót theo sau, đợi mẹ lải nhải thêm năm ba lần nữa, nó mới chịu sừng sộ quay phắt lại, chỏ miệng "sủa" lên:

"Tại sao hỏi?"

Một câu hỏi vặn ngắn gọn, đầy đủ, thay cho câu trả lời: Không bà, không mụ, không mày, không... tao. Cuộc đời của... tao, mày lấy quyền gì "xía" vô? Tiếng Việt nói không thông, nhưng những lúc xét thấy cần phải ra ta "chận họng" kẻ khác, nó thừa khả năng vận dụng trí khôn thiên phú để tìm tòi cho bằng được loại từ ngữ mà nó thường loáng thoáng nghe người khác dùng để... xài xể hoặc "trả miếng" nhau.

Thằng con lớn (lớn lên ở đây)... thì mới tuần trước, nhân một lần dậy muộn, sợ bị trễ xe buýt, Dung có ngỏ ý nhờ nó đưa đi. Đang chúi mũi chúi lái vào tờ báo sáng, thình lình bị cụt hứng, nó nổi sùng, "phán" một câu để đời:

"Con có việc của con."

"Mẹ... lỡ hôm nay."

"Mẹ lỡ, đâu phải con lỡ?"

Đốp chát tay đôi, đâu thua gì dân... ở chợ! Hai từ "mẹ con" sở dĩ còn được dùng đến, một phần vì quen miệng, phần khác vì hậu ý muốn dựng lên cái ranh giới giữa Ta với Người. Một thứ ranh giới rõ ràng, bảnh bao, rập khuôn theo Tây chính hiệu. Khổ một nỗi... từ lâu lắm rồi, Dung đã mơ hồ nhận thấy có một hiểm họa len lén mọc rễ rồi bò tràn lan khắp cột... tủy sống mình. Thấy thì có thấy, sợ thì có sợ, nhưng... nhưng, chấp nhận sự thật thì... không bao giờ. Sự thật gì mà ghê gớm vậy? Thủ phạm là đây: được hít thở bầu trời Tự Do, được khích lệ tận dụng nguyên lý bình đẳng tuyệt đối giữa người với người (mẹ là người thì con cũng là... người); cái tôn ty trật tự xưa như trái đất, thứ công cha nghĩa mẹ chỉ cốt lăm le bóc lột sức lao động, lăm le làm hạ phẩm giá đấng làm... con chỉ còn một con đường đào thoát độc nhất là hoặc... huề vốn cả làng, hoặc... biết tôn trọng luật chơi (vui thì mẹ mẹ con con, không vui thì... đường ai nấy bước).

Đưa tay lên kéo sụp cái mũ len xuống tận mắt, Dung vẫn không làm sao tránh né được từng làn tuyết nối tiếp nhau quật rát rạt trên da mặt nàng. Những mảnh tuyết vụn gặp gió lạnh se lại, sắc bén in hệt những mũi dao nhọn. Tưởng đâu phơi mình giờ lâu giữa trời da dẻ tê đi, mình hết biết lạnh, nào dè... Dung suýt soa thiếu điều muốn chảy nước mắt. Giá mình khóc được, nước mắt tuôn ra chắc đông thành đá... Dung vụt nhớ lại hình ảnh ngây ngô của những thằng người tuyết mà nàng vẫn thấy trẻ con tự tay đắp lên trong mấy mùa đông trước. Tuyết rơi hoài... biết đâu giờ này chính mình cũng đang mang hình dáng của một thằng người tuyết biết đi, vừa lầm bầm Dung vừa nhếch môi lên, đã là người tuyết mà lại còn biết đi! Mà chẳng thà làm một thằng người tuyết là vật vô tri vô giác, ai muốn vất đâu thì vất... đằng này cả bà Hân lẫn Dung đều là những con người có tuổi trẻ, có hoài bão, có mộng mơ. Hoài bão! Mộng mơ! Đi và đến! Muốn và được! Còn than vãn nỗi gì? Có sự thành công nào không phải trả giá đâu?

"Gậy ông đập lưng ông:" cái gậy mình cầm nhè cái lưng mình đập. Ôi! Khôi hài và bi thiết làm sao! Thấy hứng chí, Dung ngửa mặt lên trời, mở miệng ra cười hắc hắc, quên bẵng chuyện tuyết vẫn đang rơi. Bị một bụm tuyết lạnh đến tê người lọt thỏm vào giữa vòm miệng Dung mới hốt hoảng dừng chân lại. "Nếu không muốn bị cảm lạnh thì phải lập tức nhổ cho hết tuyết ra." Lại còn bày đặt lên lớp, nói thì nghe dễ ợt... trong thực tế vòm miệng của Dung thông thương với thân thể nàng bằng cái cuốn họng suôn đuột. Tuyết lạnh lọt vào gặp thân nhiệt nóng... a lê hấp.

Nếu biết rằng... Dè vậy... Tại vì... Bởi...

Trệu trạo nuốt cho xong dòng nước lạnh buốt, Dung nhướng đôi mắt lên, mím đôi môi lại, quay tới quay lui, nhìn lên nhìn xuống. Vẫn không thấy trời đâu, vẫn không thấy đất đâu... trên cao dưới thấp, trước mặt sau lưng, Dung chỉ thấy độc chiếc bóng của nàng đổ xuống lắc lư.

Khách lặng quay nhìn muôn bến khuất
Tiếc thầm như gió quyện trời không (1)

Canada tháng Năm - 1996

(1) Thơ Thanh Tịnh

CỘI MAI

Ninh Hạ NGUYỄN ĐỨC TÂM

Mười năm chớp bể mưa nguồn
Người thức mong buồn tận cõi xa
t.t.y.

1

Mai Trúc giật mình hốt hoảng thức giấc bởi tiếng chuông cửa bị giật liên tục, khẩn cấp. Sài Gòn tháng cuối năm trời se lạnh. Ngày đến chậm. Sáu giờ sáng mà hãy còn tối mịt. Tim đập mạnh. Hồi hộp lo sợ. Trúc cuống lên, tỉnh ngủ.

Thôi rồi! Tối hôm qua mới lén mua chịu được thùng thuốc tây, tiền của chồng con bạn ở Mỹ gửi về tặng. Hôm nay định bương sớm ra khu chợ trời bán chui, gom tiền đủ tối mang trả. Kín đáo, cẩn thận, trong trước ngó sau, thế mà hàng xóm có tên khốn kiếp nào rình thấy đi báo, nên công an tới sớm xét nhà. Điệu này thì nguy rồi. Thuốc bị tịch thu lấy đâu ra tiền mà chồng cho chủ. Ăn nói làm sao hở trời!

Trúc rùng mình, sợ nhất phải trân mình kiểm điểm trước tổ dân phố. Nhục nhã, đắng cay. Hàng xóm láng giềng thân quen, tối lửa tắt đèn có nhau ngày cũ, chỉ thời gian ngắn đã trở mặt...lên mặt. Đồ giáo...gian, bỏ dạy đi bán buôn phe phẩy. Trây lười lao động. Ngồi mát ăn bát vàng...Mấy câu này quen nghe nên cũng chai lì. Nhưng hễ khi chúng xỉa xói, đồ vợ sĩ quan ngụy phản động, thì Trúc đau nhói. Không những chỉ bị hàm hồ sỉ nhục mà như bị đâm xoáy vào vết thương đau đang gánh chịu.

Người đâm mũi giáo sắc bén này không ai xa lạ mà chính là con nhỏ nhà đối diện. Trước đây vợ chồng thường khen, con nhỏ vừa đẹp mặt lại đẹp nết. Gặp đâu cũng đon đả, lễ phép thưa thầy thưa cô. Hôm ông già nó chết, thấy gia đình đơn chiếc, anh Nguyên, lăng xăng giúp đỡ, đem xe lớn xe nhỏ từ đơn vị về lo ma chay tống táng như người thân. Giờ thì mặt câng câng, lạnh tanh như chưa hề quen biết. Buổi sáng Nguyên xách khăn gói đi "cải tạo... một tháng," tối cô ả qua nhà.

Mặt vênh vênh tự đắc, chẳng thèm chào hỏi , đi thẳng từ trước ra sau, vòng qua nhà bếp. Đôi mắt lục lọi xoi mói, xem "đối tượng" đã đi trình diện chưa, hay còn lẩn trốn ở nhà. Mấy ngàn năm Phật Chúa rao giảng từ bi bác ái, thì khó. Cộng sản dạy căm thù thì chỉ một sớm một chiều!

Tiếng chuông thúc bách. Trúc không kịp buộc tóc. Choàng vội chiếc áo len mỏng, chiếc áo chồng mua khi đi học ngoại quốc, nhè nhẹ mở cửa để cho mấy đứa con khỏi thức giấc. Qua miếng sân nhỏ quen thuộc, đi nhanh về phía cổng, Trúc chưng hửng thấy Thu Thảo, chị ruột của mình, mặt mày hốt hoảng lo âu đang đứng đó. Chị ở xa, tận mãi trên Chợ Lớn.

Biến sắc, Trúc lập cập mở cửa, hỏi dồn:

"Chị Thảo. Có chuyện gì mà xuống sớm vậy?"

Lách qua cánh cửa cổng, chị nghẹn ngào chưa nói được. Cầm tay em kéo ngồi xuống mấy cái ghế con bên cái bàn nhỏ kê cạnh cội mai giữa sân.

"Thôi nguy rồi em ơi, chồng em... thằng Nguyên đang đau nặng... gần chết!"

Trúc muốn xây xẩm nhưng ráng bình tĩnh:

"Chị...chị nói gì? Sao chị biết? Em nhận được thư anh ấy cách đây mới mấy ngày. Anh cho biết vẫn mạnh khỏe mà. Ai...ai nói cho chị?"

Khóc thút thít, chị nói:

"Tối hôm qua đi chùa gặp chị Thuyên. Chị Thuyên nhận được thư Nguyên tuần trước. Nguyên nói bệnh cũ tái phát, xin gửi gấp thuốc và thức ăn bồi bổ."

Nghe đến đây Trúc òa lên khóc:

"Thôi đúng rồi! Hèn gì mấy đêm nay em không ngủ được. Linh tính không biết chuyện gì. Bây giờ thì thật rồi. Em lo lắm. Xa xôi quá, làm sao đây?"

Trúc xuống giọng kể lể:

"Lúc còn sinh viên, thức đêm học gạo quá đến nỗi ho ra máu, bỏ dở y khoa. Nay lao động khổ cực, sức kham không nổi, ăn uống đói khát thiếu thốn, tinh thần bị hành hạ... nên bịnh cũ tái phát. Em biết tính anh ấy. Gửi thư về sợ em lo, nên mới nhờ chị Thuyên, may ra nhờ chú Huy chạy kiếm thuốc. Thuốc lao bây giờ đắt hơn vàng. Làm sao đây? Trời ơi là trời!"

Chị Thuyên là chị dâu. Huy là em ruột chồng, bác sĩ học tập về làm ở bệnh viện lao Hồng Bàng.

Trúc chống cằm trên gối, thờ người suy nghĩ. Chị Thảo thấy em ngồi bất động, thở dài đứng dậy, uể oải với chiếc nón lá vừa đội lên đầu vừa nói:

"Chị về cho kịp đi chợ nấu nướng bày hàng. Đêm qua nghĩ mà lo, mà thương cho Nguyên, không chợp mắt được. Nghe còi hụ hết giờ giới nghiêm, chị nhảy chuyến xe lam đầu tiên xuống cho em biết."

Tiễn chị một đoạn. Dưới ánh sáng vàng vọt của các ngọn điện đường, chiếc áo bà ba bạc màu, chiếc quần tây cũ ngắn, chiếc nón lá rách mốc, đôi dép nhật đã mòn mỏng, chị tất tả vừa đi vừa chạy về phía bến xe lam.

Trước đây đi đâu cũng quần là áo lượt, chưng diện đến nơi đến chốn. Nguyên thường trêu chị đẹp như Thẩm Thúy Hằng thời chưa sửa... mũi! Chị mắng. Đồ con khỉ! Cười khoái. Chồng dạy y khoa không đủ ăn, chị bày hàng chè đậu đỏ bánh lọt trước hiên nhà độ nhật. "Xưa sao phong gấm lụa là, giờ sao tan tác như hoa giữa đường!" Trúc xót xa nhìn theo chị.

Thất thểu Trúc quay về nhà. Liếc nhìn các con vẫn còn ngủ say. Đi thẳng xuống bếp, luộc mớ khoai mì cho con dằn bụng đi học. Chẳng bù lúc trước, mỗi buổi sáng phải làm mặt dữ, đập bàn dọa dẫm chúng mới chịu uống sữa. Vừa uống vừa nhăn mặt như uống thuốc bắc. Giờ thì một giọt cũng không có. Dành tiền mua được hộp nào, chúng bảo mẹ để dành gửi cho ba. Nhìn ánh mắt của con, nhất là đứa út lên bảy, chị biết chúng nó thèm lắm.

Trúc viết vội mảnh giấy dặn đứa lớn lo cho em ăn và đưa em đi học. Sửa soạn qua loa, vội vã dắt chiếc xe đạp cũ dựng dưới cội mai, mở cổng, đạp vội đến nhà anh chị Thuyên. Trời vẫn chưa sáng tỏ.

*

Đứng trước một biệt thự to lớn tân thời, nhà của anh ruột chồng, Trúc đập cửa. Bà vú già trung thành người nam ra mở.

"Mợ Trúc. Mợ đi đâu mà sớm vậy?'

"Ừ, có việc. Thầy cô dậy chưa?"

"Dạ dậy rồi, còn ở trên lầu."

Nghe tiếng người, trên ban công chị Thuyên chồm người nhìn xuống.

"Gì đó Trúc.'

"Em lên gặp chị."

"Ừ, vào đi. Chị xuống ngay."

Anh chị bị đánh tư sản, tịch thu gần hết, chỉ còn cái xác nhà. Anh ở tù một năm về tội văn nghệ sĩ phản động. Chị và con ở nhà, mấy lần vượt biên không lọt. Có đứa con đi du học trước bảy lăm, hai đứa đi thoát trong ngày sụp đổ. Nhờ tiền con cái gửi về, sống tương đối dư dã so với mọi người chung quanh. Mối lo của anh chị là làm sao đi cho

thoát, khác với mối lo của Trúc là làm sao cho mẹ con sống được qua ngày.

Mai Trúc vào phòng khách. Phòng khách rộng mênh mông. Trúc mgậm ngùi nhớ lại cảnh gia đình đoàn tụ đông vui ngày giổ ngày tết trước đây. Chị Thuyên trên lầu đi xuống, trên tay cầm lá thư, phong bì quen thuộc, chị đã biết Trúc đến về việc gì. Đứng vội dậy, chụp lấy cánh tay chị, Trúc hỏi:

"Anh Nguyên của em thế nào hở chị?"

Chị cười, đưa thư:

"Thư nó đây nè. Đọc đi!"

Mở vội lá thư, nửa trang giấy gạch hàng, nét chữ mực tím bay bướm thân quen. Nguyên xin chị gửi thuốc chữa bệnh cũ và ít thức ăn tẩm bổ. Dặn kỹ, chị đừng cho vợ mình biết. Rồi thì vợ cũng biết.

Sau nầy Trúc biết được, lúc đó anh chị đang chuẩn bị vượt biên. Không nói ra thì sợ Nguyên ngoài trại có mệnh hệ nào sẽ ân hận, nói thì trái lời dặn của em. Thôi thì nói với chị Thảo là lưỡng tiện. Đến tai em dâu mà khỏi sợ thằng em nó trách.

Đọc thư chồng và nhìn nét chữ, Trúc thấy phần nào an tâm. Chưa đến nỗi nguy kịch, bi đát như chị Thảo quá lo.

Một ý thoáng rất nhanh, Trúc nhìn chị:

"Em sẽ ra thăm anh Nguyên em."

Chị Thuyên hét lớn. Khi nào chị cũng lớn giọng la lối:

"Không được...không được. Đi bỏ mấy đứa nhỏ ở nhà cho ai. Rủi...rủi đi đường có chuyện gì, ai nuôi con. Gửi quà, gửi thuốc nhiều cho nó là được rồi. Coi có ai đi thăm nuôi, gửi theo cho nhanh, chịu cho người ta ít tiền lộ phí."

Chị lập lại lệnh truyền:

"Không đi, không đi, nghe chưa!"

Anh Thuyên từ trên cầu thang bước xuống, miệng ngậm ống vố phì phà:

"Nó đi thăm nuôi chồng thì để cho nó đi, sao lại cản?"

Chắc anh nóng ruột theo đứa em khốn khổ từ đày ở ngoài trại hơn mọi điều khác.

"Ông này còn xúi thêm vào. Nó có việc gì ông đem mấy cháu về mà nuôi."

Chị nói mát. Trúc nói chậm rãi, chắc nịch:

"Em quyết định đi thăm. Người ta đi được mình đi được."

Trúc trấn an chị:

"Mấy cháu ở nhà thì đã có con người bạn thân của em trông nom dùm."

Trúc cố nén không khóc trước mặt anh, nhất là chị, nhưng không được. Thổn thức, nghẹn lời:

"Em không ra thăm, rủi anh ấy có bề gì chắc em cũng không sống nổi để nuôi con. Sống... sống làm sao được!"

"Thôi, thôi. Được. Muốn đi thì lo giấy tờ mà đi. Không dễ đâu. Chỉ có công nhân viên nhà nước có giấy phép mới mua được giấy tàu. Lại còn xin phép công an phường vắng mặt... Đủ mọi thứ chuyện rắc rối. Chưa nói đến tiền bạc tốn kém.

Chị Thuyên quay lại ra lệnh cho chồng:

"Lên ôm gói quà gửi cho thằng Nguyên đem xuống đây!"

Đưa gói quà cho Trúc chị nói:

"Đây! Thuốc lao đầy đủ. Thêm ít thức ăn. Chị chạy mua được cả dầu bơ, sữa đặc. Em đi cho anh chị gửi."

Như đã chuẩn bị sẵn, lần túi áo lấy một xấp tiền, chị ngập ngừng:

"Chị còn ít tiền, cầm lấy đi đường."

Trúc lắc đầu:

"Quà thì em xin, tiền thì em không lấy đâu. Em xoay sở được."

Trúc nói liều, thật sự chưa biết bấu víu vào đâu. Anh cười ha hả, đùa thân mật:

"Con này dân chợ trời bán đủ mọi thứ...xin. Ăm pi...xin, pê ni...xin...nhưng chưa bao giờ chịu xin ai cả!"

Điều này thì thật. Trúc chưa hề mở miệng xin ai. Có ngày tiền chợ không có, mẹ con cắn răng nuốt khoai mì, bo bo với muối mè. Không mở miệng than thở với anh với chị. Để cho em dâu không có cớ từ chối, anh vừa cười vừa nói:

Cô này lạ nhỉ, anh chị cho thằng Nguyên chứ có cho em đâu mà từ với chối.

Anh xuống giọng, năn nỉ:

"Cầm...cầm lấy đi em. Không lấy anh chị giận đó."

Lắc đầu cương quyết, Trúc đứng dậy chào anh chị ra về. Đây là lần sau cùng gặp chị Thuyên.

*

Năm năm trời trôi chậm. Đếm mong từng ngày, nhưng đếm sao hết những gian truân. Khi nào thì chồng mình về? Bảy năm, mười năm... hay thiên thu vĩnh biệt!

Thuở đăng đồ mai chưa dạn gió
hỏi ngày về chỉ độ đào bông
Nay đào đã quyến gió đông
phù dung lại nở bên sông bơ sờ!

Trên đường về, vừa đạp xe vừa nhẩm đọc lại mấy câu chinh phụ ngâm, những vần thơ chị đã giảng, đã làm say mê học trò trước đây, lời thơ đó giờ đây thực sự làm cho mình nhức nhối ứa lệ. Người xưa dường như đã hiểu, đã biết và viết trước sẵn cho những người như chị hôm nay.

2

Ngày miền nam sụp đổ, Trúc đang dạy tại một trường nữ nổi tiếng ở Sài Gòn. Chị dạy Việt văn. Học trò say mê, thích thú mong đến giờ dạy của cô Mai Trúc. Qua chị, thơ văn người xưa như sống lại với tâm tình của người đọc hôm nay. Chị đã là nhịp cầu truyền đạt những tình cảm suy tư của người muôn năm cũ cho thế hệ học trò.

Chồng đi cải tạo, chị tiếp tục miễn cưỡng đến trường. Những buổi học tập chính trị hằn học, nặng nề; những bài giảng văn thơ sặc mùi máu tanh và căm thù. Chị phải dạy, phải ca tụng bọn người đang hành hạ đồng bào, hành hạ chồng mình và đang đay nghiến, xỉa xói mình hàng ngày, hàng giờ. Lương tiền, tiêu chuẩn lương thực không đủ để nuôi mẹ con chị ngày một bữa.

Trúc cố chịu đựng, cố nhẫn nhục qua ngày. Bực nhất là mấy con mẹ giáo viên đảng viên ở ngoài đó vào. Bọn học trò nó cũng khinh ra mặt. Kiến thức thì nhỏ như đầu đinh, ăn nói như vẹt, những câu những chữ giống nhau y chang. Những bài chúng đã học thuộc nằm lòng từ thuở thiếu nhi đỏ đít, quàng chiếc khăn quàng đỏ máu.

Chắc chúng nó cũng tự thấy nhục. Để trấn áp cái mặc cảm tự ti, vào phòng giáo viên chúng thường vênh mặt nói khơi khơi. "Vấn đề là... hồng, chứ không phải... chuyên! Khả lăng(!) thì khối ra đấy, quan trọng là có đủ tư cách đứng bục giảng...cơ!"

Cho đến một ngày...

Sau giờ tan trường. Đi dọc hành lang ra về, qua một bầy tụi nó đang đứng tụ tập huênh hoang về kết quả bình bầu giáo viên tiên tiến. Chẳng thèm nhìn, chị ngẩng cao đầu đi thẳng. Thoáng nghe giọng con mụ giáo viên chủ nhiệm. "Vợ ngụy mà cứ tưởng như ngon lắm!" Cơn giận chưa hề có bỗng tràn tới. Không kềm được, Trúc quay phắc lại, xông thẳng đến túm lấy ngực mụ ta, hét lớn. "Mày nói gì hở con khốn nạn. Tao là vợ ngụy đây. Ngụy quen ăn gan mật người. Giờ bà xé xác mày, đồ khốn!" Đám giáo viên chẳng thể ngờ một giáo sư người nam hiền lành lịch sự lại phản ứng hung dữ, ăn nói thô lỗ đến thế. Trúc cũng ngạc nhiên cho cả chính mình. Té ra lời lẽ của chị cũng đã sặc mùi điêu ngoa, đểu cáng của bọn cán bộ mới vào.

Trúc bị lôi ra hội đồng kỷ luật, kiểm điểm, đấu tố, đuổi việc.

Thời gian đầu Trúc lo lắm. Không biết làm gì để nuôi con. Đồ đạc trong nhà, của chìm của nổi... bán dần bán hồi sạch bách. Honda, tủ lạnh, đồng hồ bàn ghế, chén bát... rồi đến áo lạnh áo dài... từ từ ra khỏi nhà. Đến lúc chẳng còn chi để bán, ngoại trừ ngôi nhà hương hỏa và mảnh sân vuông đẹp cây cảnh thân yêu quen thuộc ấp đầy kỷ niệm bao đời.

Trúc lo sốt vó. Đi hết chùa này miếu nọ, nhà thờ thá đường... cầu Quan Âm, cầu mẹ Maria. Đến nằm sấp, ràn rụa nước mắt trước tượng ông thánh Martin da đen ở nhà thờ Ba Chuông, nhiều người đồn rất linh thiêng, thường rủ lòng ban phước cứu kẻ khốn khó nghèo hèn. Hữu sự bái thập phương!

Quanh quẩn ở nhà, vô ra nóng ruột, trăm mối ngổn ngang, không chịu được, Trúc lấy xe đạp vô định, lọc cọc đi qua khu Tân Định, ngang qua chỗ tụ họp buôn bán chui thuốc tây nhốn nháo.

"Trúc, Trúc!"

Nghe tiếng ai gọi tên mình, Trúc dừng xe dáo dác nhìn quanh.

Từ trong đám đông lô nhô, một khuôn mặt cười tươi mừng rỡ xô đẩy chen lấn, chạy vội ra:

"Trúc, mày nhận ra tau không? 'Hậu Đất' đây nì!"

Trúc mừng quýnh la lên:

"Đồ con khỉ. Lâu quá không gặp. Mặt đẹt mày làm sao tao quên được!"

Hai đứa cùng học chung trường, chung lớp đến mấy năm. Lên đệ nhị, thi rớt tú tài một, Hậu theo chồng bỏ học. Vợ chồng Hậu đều là người Huế. Hiển, chồng Hậu, thuộc giòng hoàng phái, sĩ quan đồn trú tận trên Kontum. Hậu tính tình đơn giản, chân chất, xuề xoà dễ thương. Mấy đứa bạn thân khen. "Mi là ngươi Huế... không ăn mắm ruốc." Trước bảy lăm, đi bát phố Bô Na với Nguyên gặp hai vợ chồng, tay xách nách mang, bầu đoàn thê tử về... thăm thủ đô. Từ đó bặt tin cho đến hôm nay mới gặp lại.

Hậu liến thoắng:

"Ông xã mi cải tạo ở Vĩnh Phú ngoài Bắc phải không?"

Trúc nhại tiếng Huế:

"Răng mi biết được, tài rứa?"

"Ông xã tau cũng ngoài nớ. Ông viết thư về nói cùng ở một đội lao động với anh Nguyên. Tau tìm mi, hỏi nhiều người, chưa biết mi ở mô. Đang mong thì vác cái mặt mốc tới. Đúng là... ý trời!"

"Hậu làm gì ở đây?"

"Mình bán chui thuốc tây."

"Sống được không?"

"Sống vững, nhưng...đau...tim."

Hậu chưa nói hết câu, đám đông bỗng tháo chạy tán loạn. Trúc lớ quớ, hoảng hồn. Hậu nhảy vội lên yên sau xe, ra lệnh:

"Dọt lẹ!"

Hồn phi phách tán, Trúc gò lưng đạp. Hậu mập nặng quá, Trúc è lưng, xe cũng chỉ lăn bánh từ từ.

Hậu vỗ liên tục vào lưng Trúc:

"Lẹ.. lẹ... lẹ lên kẻo tụi cho vàng theo kịp."

Đằng xa thoáng lố nhố mấy công an áo vàng. Khi đi đã xa và an toàn, Hậu bảo ngừng. Vừa thở vừa ho, Hậu cười như nắc nẻ, như đã từng dợt quen nhiều, nhiều lần.

"Tụi nó dàn chào mi đó. Có mấy 'mợ' bị bắt dẫn đi rồi."

Thở muốn hụt hơi, Trúc lo lắng hỏi:

"Có sao không?"

"Mất tiền. Bọn nó chỉ làm tiền. Kiếm tiền chợ cho mụ nội ông bà ông vải nhà nó. Trên đường dẫn về đồn, chuồi cho nó 'kha khá', nó cho đi. Nếu ít, tụi nó dẫn về phường giam một ngày, viết giấy về phường mình để... giáo dục, đóng tiền phạt... rồi tha."

Thấy bộ điệu của Hậu, Trúc vui lây. Lúc còn đi học Hậu ít nói, hiền như bụt, chậm như rùa. Bạn bè cho nó biệt danh "Hậu Đất". Hình ảnh đó còn đọng lại trong ký ức của Trúc. Giờ gặp lại Hậu khác hẳn. Cuộc sống bương chải đương đầu vật lộn kiếm ăn, đã biến đổi Hậu như con cắc kè đổi màu da để sống còn.

Hậu kéo bạn vào quán nước bên đường. Những quán hàng mọc dài trên hàng hiên lề đường, sống lây lất nhờ vào người buôn kẻ bán chợ trời. Chủ quán, một thiếu phụ trẻ, đon đả chào Hậu như là khách hàng quen mặt. Trúc ngần ngừ không muốn vào. Trong túi không có bao nhiêu tiền, vào hàng vào quán đâm ra thiếu tự tin.

"Thôi để cho mày buôn bán. Ghi địa chỉ, mai kia mình đến chơi."

Như đọc được ý bạn, Hậu níu tay Trúc:

"Dẹp, dẹp. Gặp mi tau mừng lắm. Mi vẫn là đứa bạn tao thương nhất trong suốt quãng đời học trò. Vào uống nước, tâm sự chút đã."

Hậu chép lưỡi:

"Bán buôn gì nữa. Động ổ rồi. Chốc nữa theo mi về cho biết nhà. Chiều ra bán tiếp."

Hậu cười:

"Hôm nay tau... dư sở hụi rồi."

Hậu săn sóc:

"Tau bao mi ăn sáng. Hủ tíu đây ăn được lắm. Tau bây giờ cơm hàng cháo chợ. Chiều bán xong, đi chợ, tối mới về lo cơm nước cho tụi nhỏ."

Trúc chưa kịp phản ứng, Hậu gọi với vào trong:

"Người đẹp Bình Dương, cho mình hai tô như thường lệ, hai ly chè ba màu."

Hai đứa nhắc lại đủ thứ chuyện xưa. Hậu nói:

"Tau không quên được, mi chia cho tau từng củ khoai miếng bánh. Nhớ mãi mấy ly chè đậu xanh mi bao tau ăn giờ ra chơi dưới nhà mụ cai trường. Mi nhớ không? Bữa con Lan ghẻ, sau này lấy ông tướng Lưu, xé tập tau, mi nhảy vô bênh, nó xé luôn áo mầy."

RE/MAX
EXECUTIVES
9840 Carmel Mountain Road
San Diego, CA 92129
HOÀNG TỔNG
(Tony Hoàng)
Tel: (619) 484-5500 *(office)*
(619) 484-2222 *(home)*
Pager: 530-3466
(xin nói vào máy, không bấm số)
Fax: 484-1406
* Tốt nghiệp đại học chuyên khoa Địa Ốc
* Hành nghề Địa Ốc fulltime
liên tục từ năm 1979
* Top Agent của RE/MAX Executives
* Mọi dịch vụ địa ốc thuộc hành phố
San Diego và vùng phụ cận,
xin Quí vị liên lạc Hoàng Tổng (Tony Hoàng)

Hậu cười sảng khoái:

"Giờ nó cũng bán ở đây, thỉnh thoảng nhắc mầy."

Đang rầu trong bụng, Trúc cũng vui theo. Đột ngột Hậu hỏi:

"Trúc nói thật với mình, giờ đang làm gì để nuôi con đó? Lo lấy thân. Đừng ngớp ngớp trông mấy ông về. Năm năm rồi! mười năm, hai mươi năm nữa...biết đâu mà chờ!"

Đang lí la lí lắc, Hậu bỗng nghẹn ngào. Nước mắt lăn dài xuống má:

"Tội mấy anh. Không biết còn sống mà về với vợ với con hay không? Quên không được thì cố lơ đi để lo làm ăn. Khi có điều kiện hai đứa mình cùng ra thăm. Đường xa có nhau vững bụng hơn."

Trúc cúi đầu để Hậu khỏi thấy mình cũng đang khóc. Bỗng Hậu hét lớn:

"Thôi, thôi tau bậy quá, làm mầy buồn lây. Này! Hỏi lại mầy đang làm gì để sống. Chắc hết dạy rồi phải không? Giờ này mà ăn mặc như rứa, rồi còn phất phơ giữa đường, thì đúng là cô giáo... mất dạy!"

Đấm vào vai Hậu, Trúc thật tình:

"Thất nghiệp đang rầu thối ruột đây."

Kể cho Hậu nghe trường hợp bị đuổi việc. Hậu xỉ vả:

"Tiên sư tụi khốn nạn!"

Trúc thấy nó chửi thề ngọt xớt thì thông cảm. Nhớ lại mình cũng đã hàng tôm hàng cá với con mụ giáo viên chủ nhiệm.

Hậu kéo ghế xích lại gần hơn. Để một chân lên ghế tựa tay. Buồn bã kể.

Nói thật với mi tau chán tụi nó lắm rồi. Anh em trong nhà cũng đã chán, nói chi người ngoài! Tau nói mi nghe. Gia đình bên chồng tau có sáu con trai. Bốn ông là sĩ quan cấp lớn, cấp nhỏ đủ cả. Hai ông anh lớn theo Việt cộng tập kết ra bắc. Ngày ông Thiệu ra lệnh rút quân tháo chạy từ Pleiku về. Nghe phong phanh tin đồn sẽ chia đất xuống tận Phan Thiết, mạ nhất định về Huế. Cả nhà xúm lại nài nỉ can ngăn, không lay chuyển được ý mạ. Mạ nói. "Mạ đã già trên bảy mươi, còn sống được cũng không bao lăm. Mạ sống với mấy con, mấy cháu rứa cũng đủ. Chỉ mong gặp lại hai đứa bên kia để thỏa lòng mạ khắc khoải đợi chờ. Gặp lại mấy anh chết cũng mãn nguyện." Giữ mạ lại chỉ làm cho mạ héo hắt, anh em cháu chắc đành bấm bụng gạt nước mắt tiễn mạ đi.

Thời gian sau ngày Huế thất thủ, hai con trai lớn trở về tìm mạ. Mạ mừng, lận lưng lấy mấy lượng vàng chất chiu cất dấu chia đều cho hai đứa, đền bù những ngày xa vòng tay mạ. Hai đứa nhìn lên bàn thờ Phật, chăm chú thèm thuồng đôi độc bình lớn da rạn hình đắp nổi đời Thanh, những cội trầm đen láng vì ám khói hương thờ tự lâu đời. Trầm trổ nâng những chén hạt dưa mỏng nhẹ, những tô những chén những đĩa cổ, đồ xưa viền bạc nơi tủ chè. Những thứ mạ giữ gìn để dành, chỉ mang ra dùng ngày kỵ ôn kỵ mệ, ngày chạp ngày tết. Hai đứa bàn ra tán vào. Mạ biết ý con. Mạ buồn, buồn lắm. Mạ thấy tụi nó khác xa mấy thằng con trong nầy. Mạ không nói. Cho hết. Mấy ông chia nhau làm chiến lợi phẩm trên bước đường nam tiến!!! Sống chết biết ngày nào đây. Thôi, mạ buông hết.

Mấy tháng sau, mạ lụm cụm bám xe đò vào Sài Gòn. Ôm lấy cháu, lấy con dâu mà khóc. Gặp lại hai đứa thì bốn đứa đi cải tạo chẳng biết ngày về. Mạ biết, mạ sẽ không còn có dịp gặp lại các con. Cái mất nhiều hơn, đau ruột hơn cái được. Lòng mạ lại héo hắt. Mạ quày quả trở ra Huế để giữ lấy ngôi từ đường hương hỏa. Mạ sợ không có mình tụi quỷ sứ nó tịch thu, về dưới ăn nói làm răng với chồng, với ôn với mệ, với tổ tiên ông bà. Mạ yếu lắm. Thương con tù đày, thương dâu thương cháu cơ cực kham khổ, làm mạ chết mòn. Của cải còn mô nữa, đã tuôn cho tụi nó hết rồi. Mạ ray rứt. Nơi vườn quê, mạ sống thui thủi. Mạ bệnh liệt giường, may còn có đứa cháu dâu họ xa tận tụy chăm lo. Ngày mạ mất, một bầy con trai, đứa thì cải tạo ngoài bắc, đứa trong nam. Mấy thằng con cộng sản, những đứa con mạ ngày đêm mong nhớ đợi chờ, phương tiện tiền bạc trong tay, nại đủ lý do, thật ra tụi nó sợ tốn kém, chẳng đứa mô về canh xác và đưa đám mạ.

Góa bụa sớm, một đời cho con, vì con... mạ nhắm mắt trong khổ đau, trong cô đơn lạnh lẽo! Khi còn sống mạ hay nói, mạ tuổi "canh," canh cô mồ quả, nên sống một mình mà chết cũng một mình. Mạ ơi, mạ nói đúng!

Hậu vừa kể vừa sụt sùi khóc. Trúc khóc. Và chắc cả triệu triệu gia đình Miền Nam cũng đang khóc. Sau này khi Hậu ra thăm chồng về kể lại:

"Cả nhà dấu không cho mấy anh trong trại cải tạo biết mạ mất sợ thêm buồn. Hôm ra thăm. Tau hỏi. *Anh biết chi không?* Hiển trả lời. Mạ mất rồi. *Răng anh biết?* Thời gian mạ mất, anh thấy bồn chồn nóng ruột, hồi hộp như đau tim. Anh nghĩ đến mạ, nhưng cố đánh trống lảng sợ xui. Em hỏi, trực giác cho anh biết điều anh lo là đúng.

Ngồi hai bên một cái bàn dài rộng cách xa nhau, chỉ níu được nhau bằng đầu ngón tay. Hai vợ chồng không dám khóc lớn, sợ thằng cán bộ

quản giáo ngồi chằm hăm đầu bàn cắt ngắn bốn mươi phút gặp nhau sau bảy ngày đường gian truân lội suối băng đèo từ nam ra tận vùng ám chướng Việt Bắc."

Hai đứa ngồi yên cho nỗi buồn lắng xuống. Hậu thong thả đề nghị:

"Bắt đầu ngày mai ra đây với tau. Ngu như tau còn kiếm ăn được mày... dư xăng."

"Tao biết gì đâu mà buôn với bán!"

"Từ từ tau nói cho nghe. Tin tau đi. Nói được là được. Này nghe! Những người có thuốc đưa cho mình cái lít hàng để mình cho giá. Họ đi dọ giá người này người nọ. Ai cho giá cao xê xích chút đỉnh là họ kêu về nhà bán. Hễ mua được là có ăn. Có hàng, mình bán chui tại chỗ cho mối tỉnh, mối Miên, cho y tá chích dạo, cho bác sĩ phòng mạch. Có vốn thì hùn, không có mình cho Trúc mượn ba chỉ vàng, mình bỏ ba nữa là sáu. Vốn như vậy cũng tàm tạm."

"Mượn rồi lấy gì mà trả."

"Đừng lo. Cháo húp quanh, nợ trả dần. Được chưa?"

Sự vồn vã, ân cần, mối thân tình đơn giản của Hậu làm Trúc xúc động. Đúng là, lúc lâm nguy có quý nhơn phò trợ. Thầy coi tử vi nói, Trúc có cung tả phù hữu bật.

"Một mình đã mệt, gánh thêm tao...tội cho mầy."

"Đã là bạn thân, lại cùng cảnh ngộ, đừng khách sáo tau... đục cho bây giờ, rồi lại than... sao hôm nay xui!"

Hậu cười vui, nắm tay mím môi làm bộ đấm vào mặt bạn.

"Lúc này không giúp nhau, đợi lúc nào."

Để cho Trúc bớt thắc mắc áy náy, Hậu giải thích:

"Có mày cũng tiện cho tau. Nương nhau mà sống. Hai đứa thay phiên, ai mua gì thì đạp xe về nơi gởi hàng lấy thuốc giao cho người ta. Lúc này là lúc lên ruột căng thần kinh. Nhìn trước nhìn sau. Đứa canh chừng công an và mấy thằng chỉ điểm theo đóm ăn tàn, đứa giao thuốc. Nếu bọn chó nó chộp được, chứng cớ rành rành, mất tiền mất thuốc và... về đồn."

*

Kể từ hôm đó Trúc nhập vào giới buôn chui thuốc tây. Ở đây tập hợp đủ. Vợ tướng, vợ tá, vợ úy; cô giáo, thầy giáo; văn sĩ thi sĩ... một xã hội nhỏ của trí thức miền nam lỡ thời, điêu đứng. Toát mồ hôi lạnh, căng thẳng nhưng cũng kiếm được đồng ra đồng vào. Buổi chợ về đã có thêm thịt thêm gạo thêm quà cho con, thêm thực phẩm mua dồn gửi nuôi chồng. Tình bạn giữa Hậu và Trúc vẫn đơn sơ, mộc mạc, thật tình. Đối với Trúc, Hậu không chỉ là bạn mà còn là người ơn không thể nào quên được.

Và cũng kể từ hôm đó, tên công an khu vực đánh mùi thường xuyên ghé nhà. Mỗi lần hắn tới, Trúc làm ra vẻ vồn vã chưa hề có trước đây. Thúc hối con chạy nhanh mua cà phê và bao thuốc lá ba con số năm. Khi hắn mở miệng than nhậu nhức đầu, có mụt ghẻ cương mủ đau ngủ không được... Trúc tự động đưa cho cậu mấy chai trụ sinh còn nguyên băng để cậu đi bán lấy tiền nhậu tiếp. Thôi thì, tránh voi chẳng xấu mặt nào. Đúng hơn, thương cha chớ chọc đứa ăn mày. Cha mẹ không còn, thương chồng thương con nhẫn nhục qua ngày đoạn tháng.

Một hôm đang đứng bán thì tình cờ gặp lại Biên, một trong mấy người theo đuổi và là ứng viên ba má chấm cho Trúc. Biên mừng lắm. Cho biết, bác sĩ quân y chỉ học tập hai năm. Về được cho làm tại bệnh viện Sùng Chính cũ, nay đổi là Trần Hưng Đạo. Có phòng mạch tư trên Chợ Lớn, sống vững.

Từ đó, Trúc và Hậu có thêm mối bỏ thuốc đều đặn. Qua Biên một số bác sĩ bạn bè cũ của chồng trước đây cũng tìm tới. Hai đứa nhờ đó mua bán nhàn hạ và kiếm tiền dễ hơn. Khỏi phải đứng đường đứng sá phơi nắng phơi mưa nhiều. Đỡ nhất là thoát được cái cảnh bị công an rượt chạy dài dài.

Hậu khoái lắm, bô bô cái miệng sún răng:

"Mi thấy không Trúc. Tau bắt giò mi là đúng chóc. Mệ là đệ tử chân truyền của thầy Huỳnh Liên chuyên nghề coi tướng!"

Thâm tâm Trúc cũng thấy vui và yên lòng như đã đền cho Hậu phần nào ơn nghĩa.

Biên thường tới lui thăm hỏi, chăm sóc mấy cháu chí tình. Vợ Biên đem đứa con gái độc nhất đi vượt biên sau ngày Biên vào trại. Thời gian đầu có thư về, sau thưa dần rồi biệt hẳn.

Gia đình Trúc từ ngày có Biên cũng vui vẻ ấm cúng. Trúc an tâm mỗi khi con đau yếu, trái gió trở trời. Trúc ý tứ giữ cho mối thân tình giữa hai người có một khoảng cách nào đó. Biên cũng tự trọng và tế nhị, chừng mực. Nhưng càng gặp nhau, càng lui tới, Trúc linh cảm như tình yêu một chiều vô vọng trong Biên ngày xưa, nay như dần dần bùng cháy trở lại. Cử chỉ thái độ thì không có gì bộc lộ, quá trớn. Nhưng, qua ánh mắt nhìn, Trúc đôi lần bắt gặp sự đắm đuối đau khổ.

Trúc cũng bắt đầu thấy mình lo vẩn vơ. Nhiều lần muốn cắt đứt quan hệ, nhưng tự bào chữa.

Người ta sao thì kệ người ta. Tùy mình. Mình không gì thì thôi. Thế nhưng, từ sâu thẳm cũng thoáng về một niềm vui mơ hồ, không rõ rệt mà Trúc cố che đậy với mình. Trúc nghĩ. Cắt đứt thì vô lý. Anh ấy chưa làm điều gì có lỗi, chưa có lời nào cợt nhả, bóng gió xa gần. Anh ấy rất tôn trọng mình mà! Mặt khác, cũng như Hậu, Biên là người mình mang ơn. Trúc cố níu vào sự bào chữa này để khỏi thấy có lỗi với chồng.

Hàng xóm xoi bói, mấy bà cô nhọn mồm bên chồng... thấy bóng dáng đàn ông lui tới bắt đầu tiếng ra tiếng vào. Đem nói với Hậu. Hậu la toan toác:

"Thật vàng không sợ chi lửa. Kệ bà tụi nó. Mi có chi tau trị tội trước, chưa đợi đến...'tòa án nhăn răng!'"

Đứa con gái lớn thấy mẹ độ rày vui và chưng diện hơn. Thấy con nhìn mình chải tóc soi gương, Trúc hiểu. Ôm con vào lòng. "Mẹ buôn bán giao thiệp phải tươm tất một chút. Thế thôi con!" Nói với con và như thầm nhủ với chính mình.

Mấy tuần trước, con Út sốt mê man mấy ngày. Uống bao nhiêu trụ sinh, đắp bao nhiêu nước đá cũng không giảm. Biên biết được vội vã đến ngay. Khám cho cháu xong, đứng bật dậy, tự tay bồng lấy Út, thúc hối Trúc kêu xích lô chở ngay đến phòng cấp cứu bệnh viện.

Nhờ quen biết, Biên lo mọi thủ tục rất nhanh chóng. Từ phòng khám ra, bác sĩ lắc đầu nhè nhẹ nói thì thầm riêng với Biên. Bước vào bên trong, thấy con mềm nhũn nằm thiếp trên giường. Trúc lo sợ, tuyệt vọng, oà lên khóc. Đứng đối diện, hai tay để trên vai Trúc, nét mặt thương yêu lo lắng, Biên tìm lời an ủi:

"Út bệnh nặng nhưng may ra còn kịp. Chỉ chậm một buổi nữa là vô phương. Anh nghĩ là gan cháu nhiễm siêu vi."

Như một động lực vô hình xô đẩy, Trúc úp mặt vào vai Biên khóc nức nở. Chỉ khi thấy hơi nóng của hai cánh tay Biên vòng ôm chặt lấy thân mình, Trúc choàng tỉnh, lùi xa e thẹn. Biên cũng bối rối, đôi mắt đắm đuối dại khờ.

Đêm đó ngồi thức canh bên giường con, Trúc thấy như đã có lỗi với Nguyên. Ngoài chồng, từ khi biết yêu cho đến giờ Trúc chưa hề để ai ôm mình. Gục đầu thổn thức trong đêm vắng lạnh lẽo, lần đầu tiên chị chẳng còn tin ở mình. Trong cô đơn, khổ đau, tuyệt vọng... chị cũng chỉ là một mảnh hồn yếu đuối.

Mấy hôm sau hết sốt, Út qua cơn hiểm nghèo, về nhà.

Một buổi sáng đang ngồi viết thư cho Nguyên, nghe tiếng chuông cửa rung nhẹ, ngập ngừng. Nhìn qua khung cửa sổ, thấy Biên ngồi trên chiếc xe Honda, chống chân chờ ở cổng. Nhìn vào sân, thấy chiếc xe đạp còn dựng cạnh cội mai, chiếc nón lá quàng qua tay lái, Biên biết chắc Trúc có ở nhà. Anh kiên nhẫn, rụt rè giật nhẹ sợi giây chuông và thoảng nghe tiếng chuông khua trong nhà.

Cái chuông điện hỏng từ lâu, Trúc buộc mấy cái lục lạc một đầu giây, treo lủng lẳng phía trên cửa sổ phòng khách. Kéo sợi giây vắt qua ngọn cây mai, đầu kia buộc vào cửa cổng. Hậu có lần cười nói. "Chuông nhà mi giống như sợi giây chuông trước cổng chùa trong tuồng cải lương Tắt lửa lòng, Lan và Điệp!"

Mấy cái lục lạc lại khua lên. Trúc đứng dậy, dứt khoát với tay giật đứt. Cười thầm cho hành động của mình khi nghĩ đến câu nói đùa của Hậu. Nguyên đã cho chị tình yêu thương bao bọc, cho chị sự kính nể. Nhờ đó chị đã vượt qua được những giao động, yếu lòng nhất thời.

Trúc không chỉ yêu chồng, chị mê chồng. Nói ra sợ chồng cười nhạo, mỗi khi xa nhà chị nhớ chồng hơn nhớ con. Sống với nhau không trọn vẹn, những tháng hành quân, những ngày cấm trại, thế nhưng chị hạnh phúc và thỏa mãn với hạnh phúc của mình. Chị thấy chọn lựa, nhứt quyết lấy Nguyên là đúng.

Năm đầu xa chồng, Trúc đau khổ vì nhớ, vì thương, vì rạo rực yêu đương. Đêm đêm ôm lấy áo chồng mà ngủ để tìm hơi. Nhưng trước những căng thẳng của cuộc sống thực tế trước mắt, đương đầu với nghiệt ngã, với thằng công an, với con hàng xóm, với chén cơm lưng củ khoai sượng mỗi ngày... tất cả, tất cả đã giết chết nỗi nhớ thương lãng mạn còn đọng lại nơi chị, một người vợ trẻ xa và mong chồng.

(Còn tiếp)

* "Tôi khám anh lấy mười đô la."
"Xin cứ tự nhiên. Tìm được thì bác sĩ cứ lấy."

* Hai bợm nhậu nói chuyện với nhau:
"Rượu này hai mươi tuổi rồi đó anh."
"Không nên để nó sống thêm một phút nào nữa."

* "Vì tôi, anh sẽ ngưng uống rượu chứ?"
"Ai bảo anh tôi uống rượu là vì anh?"

KHOẢNH KHẮC LẬP XUÂN

LÊ ĐÌNH ĐIỂU ghi

Tháng Hai dương lịch, vẫn là tháng Giêng âm lịch, và đang là tiết lập xuân. Nghĩa là mùa xuân mới chớm nở trong gió lạnh, trong sương mù buổi sáng và thỉnh thoảng giăng mắc một cơn mưa phùn.

Thế Kỷ 21 lại dọn nhà — từ trên lầu của bin-đinh phía sau, dọn xuống căn "hàng xóm" của đài phát thanh VNCR. Căn nhà mới này rất rộng, có nhiều phòng, nên TK phải "ở chia" với một vài cơ quan khác, như VAALA, AT&T,... Vì dọn đúng vào mùa Tết nhất, nên ai nấy bận rộn việc nhà, việc hội, chưa sắp xếp xong đồ đạc, hồ sơ — nhất là TK có rất nhiều... báo (báo nhà và báo bạn).

Bích Ty và Phạm Nguyên Lương

Trong khung cảnh bộn bề đó, TK vẫn hân hoan đón tiếp nhiều khách gần, xa. Anh chị **Phạm Nguyên Lương - Bích Ty** đến từ Oklahoma, không mang theo... dụng cụ làm bom của Steve McVeigh, mà hai tin vui: Anh sẽ thực hiện và ra mắt một băng đọc truyện, và chị sẽ ra mắt một băng ngâm thơ. Được biết băng truyện chính là truyện "Người Được Bạc" của Phạm Nguyên Lương đã đăng liên tiếp trên ba số TK (91, 92 và 93).

Nguyễn Văn Son

Anh chị **Bùi Hạnh Nghi - Công Tằng Tôn Nữ Tiếu Diện** từ Franfurt, Đức quốc, sang chơi, đã viết vài dòng để lại cho tòa soạn như sau:

Là độc giả của Thế Kỷ 21 từ năm năm nay, thế mà mãi đến hôm nay (10 Feb. 1997) mới có dịp đặt chân đến tòa soạn của Thế Kỷ 21. Chúng tôi rất lấy làm cảm động về sự tiếp đón nồng hậu của các anh chị trong tòa soạn.

Mến chúc Thế Kỷ 21 ngày càng thăng tiến về mọi mặt để tiếp tục phục vụ độc giả bốn phương.

Anh chị Nghi viết là "độc giả của TK," nhưng thực ra phải nhận anh chị là cộng tác viên của TK, vì anh chị đã từng có bài đăng trên báo nhà. Đó là bản tường trình về đại hội Văn Bút Quốc Tế, và một số tin tức văn học khác. Chị Tiếu Diện còn hứa với TK là từ nay sẽ tường trình trên TK các sinh hoạt của cộng đồng người Việt ở Đức nói chung và Franfurt nói riêng.

Anh **Nguyễn Văn Son** vừa là độc giả (lâu năm) vừa là bảo trợ viên của TK. Số Tết vừa rồi, anh đã chạy hai trang quảng cáo *full color* trên bìa trong của tờ báo, giới thiệu văn phòng bảo hiểm nhân thọ New York Life - SVN Team. Cách đây ba năm, SVN Team đã đi dài hạn trên TK. Hỏi tại sao anh đặt tên văn phòng của anh là SVN, anh bảo đó là viết tắt của các chữ... South Viet Nam. Thực ra, ai cũng biết đó là tên anh viết theo lối Mỹ: Son Văn Nguyễn. SVN Team và cá nhân anh Son đã được vô số kể các bằng khen, giải thưởng, chứng nhận thành tích của công ty New York Life đã có lịch sử hơn 150 năm, chuyên về bảo hiểm, trao tặng (đến nỗi bức tường trong văn phòng của anh không còn chỗ để treo!)

Công Tằng Tôn Nữ Tiếu Diện và Bùi Hạnh Nghi

Xin cám ơn các anh chị đã đến thăm TK. Chúc mừng năm (vẫn còn) mới!•

PARIS và QUẬN CAM

Nhà văn Duyên Anh được an táng tại Paris và được cầu siêu ở quận Cam

Nhà văn Duyên Anh đã qua đời hôm mùng 6 tháng Hai 1997 tại Paris, hưởng thọ 62 tuổi. Ông mất vì bệnh gan kéo dài đã khá lâu.

Một thân hữu và là người ái mộ văn tài của ông từ hàng chục năm qua, là ông Vũ Trung Hiền, đã cho TK biết rằng đám tang nhà văn Duyên Anh cử hành ở Paris ngày thứ Sáu 14 tháng Hai. Ông Hiền cho biết cái chết của Duyên Anh đột ngột, không ai ngờ tới, vì chính ông hồi trước Tết từ Cali sang Paris với mục đích thăm ông và mang cho ông một số thuốc Bắc chữa bệnh gan. Nhưng khi ông Hiền tới nơi thì ông Duyên Anh vừa qua đời.

Nhà văn Duyên Anh bắt đầu viết từ năm 20 tuổi, và qua 40 năm cầm bút ông để lại một số lượng tác phẩm đồ sộ là 80 cuốn sách, trong đó có gần 10 cuốn chưa in.

Nhà văn Mỹ James Banerian trong một thư gửi Duyên Anh năm 1985, và nhà văn Lê Tất Điều cho TK biết, Duyên Anh có nhiều kẻ thù.

Trong hầu hết những cuốn sách của ông, ông đả kích Cộng sản kịch liệt, nên cộng sản thù ông là điều dĩ nhiên. Năm 1975, ông đã bị cộng sản bắt và giam giữ cho đến năm 1981 mới được tha nhờ sự can thiệp tích cực của các tổ chức tranh đấu cho nhân quyền quốc tế như Ân Xá Quốc Tế, Văn Bút Quốc Tế. Ông vượt biên và định cư tại Pháp từ năm 1983.

Nhưng trong sách của ông, và nhất là những bài báo ký dưới bút hiệu Thương Sinh, ông cũng công kích nhiều tổ chức và cá nhân khác, với cường độ mà một nhà văn mô tả là 'dùng bạo lực của ngòi bút," nên ông gây thù chuốc oán với nhiều người trong giới chính trị và cả giới văn học nghệ thuật.

Tuy nhiên, nhiều người khác lại phục tài ông, như Phạm Kim Vinh viết cuốn 'Duyên Anh và Mặt Trận Quốc Tế Vận," năm 1987, và Vũ Trung Hiền viết cuốn 'Biệt Kích Văn Nghệ Duyên Anh," năm 1988, để ca tụng ông, cũng như sáng Chủ Nhật 16 tháng Hai 1997, tại nhà nguyện của Trung Tâm Công Giáo quận Cam, khoảng 100 người, phần lớn trong giới văn học nghệ thuật, đã đến dự lễ cầu siêu cho ông.

Tên tuổi của Duyên Anh được thế giới biết đến một phần do việc cộng sản bắt giữ ông và các tổ chức quốc tế can thiệp, phần khác nhờ ông có một số tác phẩm được dịch sang tiếng Pháp và do một nhà xuất bản lớn ở Pháp in. Đó là các cuốn tiểu thuyết "Một Người Nga ở Saigon," và "Đồi Fanta," do nhà Belfond ấn hành.

VIỆT NAM

Nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự bị báo Saigon Giải Phóng đả kích

Báo *Saigon Giải Phóng* của đảng cộng sản Việt Nam ở Saigon, hôm mùng 2 tháng Hai, đã đăng một bài ký tên Nguyễn Minh, đả kích kịch liệt nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự, người vẫn thường trả lời phỏng vấn bằng điện thoại của VNCR, và tác giả cuốn truyện 'Nửa Đời Nhìn Lại" do Thế Kỷ xuất bản.

Tiêu Dao Bảo Cự

Bài báo đưa ra 13 đoạn nói rằng do Bảo Cự viết, nhưng trong đó có đến 10 đoạn Bảo Cự không hề viết hay nói. Lời lẽ của bài báo đả kích này rất nặng nề và hạ cấp.

Điều đặc biệt là bài báo còn trích dẫn một biên bản mà chỉ công an Dalat mới có. Đó là biên bản vụ Bảo Cự tiếp một giáo sư người Đức hồi tháng Năm 1996. Theo luật của cộng sản Việt Nam thì mọi công dân muốn tiếp xúc với người ngoại quốc đều phải xin phép công an; và người ngoại quốc muốn tiếp xúc với công dân Việt Nam cũng phải xin phép. Công an đã phạt Bảo cự 200,000 đồng Việt Nam, và giáo sư người Đức liên hệ bị phạt 100 đô la Mỹ. Theo Bảo Cự cho biết, vụ tiếp xúc này chỉ là trao đổi về Yoga mà thôi.

Một cách tổng quát, bài báo của Nguyễn Minh trên tờ *Saigon Giải Phóng* đả kích Bảo Cự là "hận thù cố chấp, lập luận càn quấy, và đạo đức yếu hèn."

Bảo Cự cho biết, ông đang viết bài trả lời, nhưng cũng nghĩ rằng bài trả lời sẽ không được *Saigon Giải Phóng* đăng. Ông cũng nói rằng có thể đảng cộng sản chuẩn bị bắt ông.

VIỆT NAM

Báo "Người Saigon" tưởng đã chết, nhưng vẫn ra

Tin từ Paris cho TK biết tờ báo chui có tên *Người Saigon* phổ biến ở trong nước và được nhiều báo ở hải ngoại đăng lại, ra đến số 27 thì có tin bị nhà cầm quyền cộng sản ra lệnh cấm.

Theo giọng văn của các bài trong báo *Người Saigon thì nhiều người đoán rằng chủ biên là ông Nguyễn Văn Trấn, một cựu đảng viên cộng sản, nay chống lại chính sách của đảng, cụ thể là viết và in cuốn sách "Gửi Cho Mẹ Và Quốc Hội."*

Chính cán bộ cộng sản Hà Nội cũng nghi ngờ như vậy, nên theo tin của một thân hữu TK từ Paris hôm mùng 8 tháng Hai cho biết, công an Saigon đã gọi ông Nguyễn Văn Trấn ra và thẩm vấn rất lâu.

Vẫn theo nguồn tin này thì ông Trấn đã trả lời rằng "nếu nhà nước có bằng cớ là tôi viết thì cứ giải tòa."

Trong lúc đó, tờ báo *Người Saigon* số 28 lại vừa xuất hiện. Và nguồn tin từ trong nước gửi ra cho biết, số 29 có thể ra trong vòng một hoặc hai tuần nữa.

Những bài báo trong tờ *Người Saigon* có giọng văn bình dân, nói sao viết vậy, có khi hơi luộm thuộm, nhưng chứa đựng nhiều thông tin độc đáo, khiến người đọc rất thích thú. Nhiều chuyện thường được gọi là 'chuyện cung đình" tức chuyện nội bộ cấp cao của đảng cộng sản, được khui ra trên báo này, khiến mọi người hiểu rằng nếu không phải là cán bộ cỡ lớn, hoặc đã từng là cán bộ cỡ lớn, thì không thể có nổi những tin tức đó.

QUẬN CAM

Triển lãm và trình diễn văn nghệ tại Viện Bảo Tàng Mỹ thuật

Một chương trình văn học nghệ thuật đại quy mô được nhiều cơ sở văn hóa lớn đứng ra tổ chức, sẽ kéo dài suốt ba tháng, ở Laguna Beach, trong đó có cả chương trình có tên là 'Tết" diễn ra trong ba tháng Giêng, Hai và Ba 1997.

Chương trình có tên chung là 'Three Views of Vietnam," (Ba Khía Cạnh về Việt Nam), bao gồm triển lãm mỹ thuật do Viện Smithsonian tổ chức, với tranh, tượng và ảnh của nhiều tác giả Việt Nam trong và ngoài nước.

Vào ngày thứ Tư 12 tháng Hai, nữ họa sĩ Ann Phong, thuộc Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, nói chuyện về hội họa của họa sĩ người Mỹ gốc Việt.

Vào ngày 16 tháng Ba, nhạc sĩ Lê Văn Khoa, hiện là phó chủ tịch Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, và chủ tịch Hội Ánh Nghệ Thuật, điều khiển và dẫn giải một chương trình âm nhạc cổ truyền và hiện đại của Việt Nam.

Hội Ánh Nghệ Thuật Việt Nam cũng có một cuộc triển lãm ảnh của mười nhiếp ảnh gia, như Hứa Văn Bân, Lại Hữu Đức, Nguyễn Phương Châm, vân vân, trong suốt thời gian này.

Chương trình văn học nghệ thuật bắt đầu từ 18 tháng Giêng và chấm dứt vào ngày 30 tháng Ba 1997, tại Viện Bảo tàng Nghệ thuật quận Cam, số 307 Cliff Drive, Laguna Beach.

NAM CALI

Lần đầu tiên, ba chương trình phát thanh làm chung

Nhân dịp Tết Đinh sửu, ba chương trình phát thanh tiếng Việt ở vùng quận Cam đã thc hiện một chương trình kết hợp "đẹp mắt."Đó là các chương trình VNCR, Bolsa Radio và Saigon Radio Hải Ngoại, phát thanh liên tục từ 8 giờ tối thứ Năm mùng 6 tháng Hai, tức đêm Giao thừa, cho tới 6 giờ chiều thứ Sáu mùng 7 tháng Hai, tức ngày mùng Một Tết Đinh Sửu.

Đây là một chương trình thật vui tươi và đậm đà mầu sắc Tết cổ truyền của dân tộc Việt Nam, trong đó thính giả sẽ cùng chúc Tết đồng bào, chúc Tết người thân, chúc Tết lẫn nhau, với các xướng ngôn viên Băng Châu, Quốc Thái, Minh Phượng, Việt Dzũng, Hồng Nga, Ysa và Hoàng Trọng Thụy, cùng nhiều cộng tác viên và thân hữu của tất cả các chương trình trên làn sóng 106.3 FM.

Chương trình còn có Họp mặt Tất Niên tại khiêu vũ trường Majestic, từ 8 giờ tối đến nửa đêm, do Saigon Radio Hải Ngoại tổ chức; các lễ thức ngày Tết cổ truyền vào sáng mùng Một Tết, do Bolsa Radio chủ trì; bằng hữu năm châu bốn biển (trong đó có cả các nhân vật trong giới văn học nghệ thuật ở trong nước, như Nguyễn Ngọc Lan ở Saigon, Tiêu Dao Bảo cự và Hà Sĩ Phu ở Dalat, Lê Đạt và Hoàng Tiến ở Hà Nội) và thính

Băng Châu

Quốc Thái

Minh Phượng

giả chúc mừng năm mới, cùng những làn điệu thanh âm ngày Tết truyền thống do VNCR điều hợp.

VIỆT NAM

Hà Nội nổi sùng về vụ đài Á Châu Tự Do phát thanh chương trình tiếng Việt

Qua các bài trên báo *Nhân Dân*, cơ quan ngôn luận của đảng cộng sản Việt Nam, từ cuối tháng Giêng 1997, Hà Nội tỏ ra giận dữ và bối rối trước tin đài Á Châu Tự Do phát thanh chương trình tiếng Việt, kể từ tối giao thừa, nhằm ngày thứ Năm mùng 6 tháng Hai 1997.

Đài Á Châu Tự Do trên phương diện danh nghĩa là một tổ chức tư, có quy chế của một hội thiện nguyện, không nằm trong cơ cấu chính quyền Mỹ. Tuy nhiên ngân khoản đài thọ các phí tổn nhân sự và điều hành cũng như sản xuất của đài được Quốc Hội Hoa Kỳ cấp theo từng tài khóa một năm và có thể tái tục.

Hiện nay, giám đốc chương trình tiếng Việt của đài Á Châu Tự Do là giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, người đã từng giữ chức Phó Tổng Giám đốc Giáo dục Song ngữ thuộc Bộ Giáo dục Liên bang dưới thời Tổng thống George Bush. Chương trình này có ngân khoản rộng rãi để hoạt động, nhưng vì mới thành lập nên thành phần nhân sự chưa đầy đủ.

Trong số các biên tập viên khởi đầu, người ta thấy có các nhà báo Ngô Vương Toại, Nguyễn Văn Khanh và Nguyễn Minh Diễm. Xướng ngôn viên Đinh Quang Anh Thái của VNCR cũng đã gia nhập hàng ngũ nhân viên của đài Á Châu Tự Do.

Tổng hợp tin của các hãng thông tấn quốc tế như Reuter, AP, Tân Hoa Xã, người ta thấy Hà Nội đã phải chuẩn bị một chiến dịch đương đầu với chương trình tiếng Việt của đài Á Châu Tự Do.

Như thường lệ, trước hết là Hà Nội lên tiếng phản đối kịch liệt chính phủ Mỹ, với luận điệu quen thuộc là Mỹ xen vào nội bộ của Việt Nam. Báo *Nhân Dân* mô tả: 'Thật rõ ràng đài Phát thanh Á Châu Tự Do là một sản phẩm của thời kỳ chiến tranh lạnh, một công cụ xâm lược bằng văn hóa và tư tưởng nhắm vào các nước Á châu."

Trong khi đó, trong một tuyên bố của đài Á Châu Tự Do, đài này cho biết chương trình của đài sẽ tôn trọng các tiêu chuẩn truyền thông quốc tế về khách quan, vô tư và công bằng, trong các tin tức, bình luận và giải trí.

Trước đây, khi đài Á Châu Tự Do bắt đầu chương trình bằng tiếng Hoa, nhà cầm quyền Trung Hoa Cộng sản cũng lên tiếng chống đối mãnh liệt.

Đài này còn có các chương trình bằng tiếng Tây Tạng, Triều tiên, Miến Điện, Căm Bốt và Lào.

QUẬN CAM

Kim Hà ra mắt bản tiếng Anh của hồi ký "Qua Cơn Bão Dữ"

Trưa Chủ Nhật 16 tháng Hai 1997, tại Trung Tâm Công Giáo Việt Nam quận Cam, gần 200 khách đã đến dự buổi ra mắt cuốn sách của Kim Hà. Cuốn sách bằng tiếng Anh, có tựa là "Stormy Escape," là bản dịch của cuốn hồi ký "Qua Cơn Bão Dữ," mà tác giả đã viết từ năm 1980, in thành sách năm 1992.

Một số diễn giả đã được mời nói về tác giả và tác phẩm, như bà Anne Frank, quản đốc Văn Khố Đông Nam Á, thuộc Viện Đại Học UCI, giáo sư Phạm Cao Dương dạy sử tại các đại học Long Beach, UCI và UCLA, nhà văn Phạm Xuân Đài, chủ nhiệm tạp chí *Thế Kỷ 21*, và nhà báo Lê Đình Điểu thay mặt Hội VHNTVM.

Các diễn giả đã nêu ra những đặc điểm của cuốn sách, như phản ảnh được một biến cố xảy đến cho một người, một gia đình, nhưng cũng là những khốn khó mà hàng triệu người Việt Nam phải trải qua vào những năm cuối của thế kỷ 20. Đó là sự liều thân vượt biên trốn chạy cộng sản, đó là cảnh vong gia thất thổ của người tị nạn, đó là lòng can đảm và sự bén nhạy của người phụ nữ Việt Nam trong thời loạn.

Buổi ra mắt sách, tuy hơi dài vì phải dùng cả hai thứ tiếng Anh và Việt, được điều hòa một cách linh hoạt bởi một bạn trẻ nói lưu loát cả hai thứ tiếng, và có khả năng khôi hài ý nhị, là anh Huy Trần. Một số thân hữu đóng góp những tiết mục ca hát cũng làm cho buổi ra mắt sách thêm phần ấm cúng.•

Việt Dzũng

Hồng Nga

Hoàng Trọng Thuỵ

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

Về Bắc

tập truyện của **Lập Phương**, Mõ Thủ Đô, California, xuất bản, 274 trang, giá US$10.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Nội dung và hình thức các truyện trong tập này cho thấy tác giả là một người từ nhỏ đã sống trong xã hội cộng sản miền Bắc. Đây toàn là những chuyện xảy ra trong xã hội ấy, dĩ nhiên có được tiểu thuyết hóa, nhưng kinh nghiệm bản thân của tác giả đã hiện ra rất rõ rệt. Chính kinh nghiệm ấy tạo thành các chi tiết và giọng văn của truyện, không lẫn được nếu so với tác phẩm của một nhà văn sống tại miền Nam. Tác giả là người chứng kiến sự đổ vỡ của nhân tính và truyền thống do chính sách cào bằng mọi giá trị cổ truyền và cùng cực hóa con người của đảng Cộng sản trên miền Bắc nước ta suốt mấy mươi năm, và ông muốn ghi lại như những chứng tích. Đó là hình ảnh cái miếu Thủy Thần Sông Song tượng trưng cho tín ngưỡng dân gian cổ truyền bị những người mang súng trường, mã tấu đổ ra đập phá, cảnh cải cách ruộng đất đấu tố giết người, nỗi cay đắng của những người từ trong Nam tập kết ra Bắc vỡ mộng khi đối diện với sự thực, sinh hoạt của sinh viên đại học, sự chấm thi bằng "tính đảng" (tức là sự dốt nát) chứ không phải bằng kiến thức... và rất nhiều chuyện lạ lùng khác của đất Bắc nữa, tất cả được nhắc đến như những tai họa của đất nước Việt Nam. Mọi truyện đều tỏa lên các tính chất chung là sự nghèo nàn cùng cực, sự bóp nghẹt dã man mọi mặt của đời sống, và sự tha hóa dần dần của con người. Tác giả có nhiều kiến thức và nhận xét sắc sảo về những điều ông viết, với một lối văn dễ dàng, chân thực. Điều dễ nhận thấy là yếu tố hư cấu khá nhiều, tuy nhiên bức tranh mà ông vẽ ra, nếu không kể đến phần hoa lá cành để cho thêm hấp dẫn, vẫn là một bức tranh tả thực được nhiều điều cơ bản của xã hội miền Bắc. Những tác phẩm loại này do chính các tác giả xuất thân từ miền Bắc viết tương đối chưa nhiều. Thảm trạng mà dân tộc hứng chịu cần phải được viết lại đủ các mặt phong phú của nó, và *Về Bắc* đã thực hiện khá thành công nhiệm vụ ấy của mình.

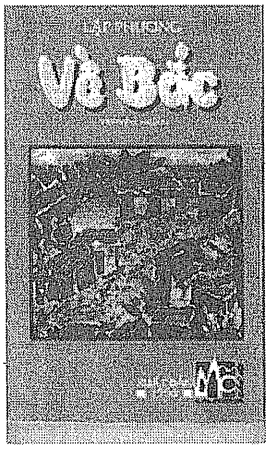

Sau Cuộc Đổi Đời

tập truyện ngắn của Dương Tiến Đình, tác giả tự ấn hành năm 1966, 223 trang, giá US$15.00. Liên lạc: Dương Tiến Đình, 3743 W. Giddings, Chicago, Illinois 60625, USA. Tel: (773) 866-9244.

Tập truyện ghi lại những chuyện ở miền Nam sau 1975, những kinh nghiệm vô tận của trại cải tạo, của biến đổi xã hội do các loại cải tạo nông nghiệp, thương nghiệp, tôn giáo, của những thứ lường gạt mới mẻ do hoàn cảnh bi đát mới mang lại, của vượt biên... Đó là những đề tài quả thật không mới mẻ, đã có nhiều người viết rồi. Nhưng "đoạn trường ai có qua cầu mới hay," vẫn cái cầu đoạn trường ấy mà mỗi người đi qua mỗi kiểu không ai giống ai, và khi kể lại thì càng khác nhau. Riêng tác giả Dương Tiến Đình với *Sau Cuộc Đổi Đời* thì đọc rất lôi cuốn thú vị, ông viết suông sẻ dễ dàng, nhiều chi tiết và sự kiện, không cố tình cường điệu hay bi đát hóa (trái lại có khi còn ẩn vẻ trào phúng nhẹ nhàng), và chuyện nào ông chọn cũng có một nét đặc biệt riêng. Những giá trị tinh thần bị đập phá sau 1975 đã được tác giả chú ý, ông mô tả sự đập phá ấy và cho thấy dù tàn bạo và quỷ quyệt, người cộng sản khó có thể nào hủy diệt được những sức mạnh tâm linh đã tồn tại từ trước khi thuyết cộng sản ra đời hàng ngàn năm. Các truyện Miếu Linh Ông và Tiếng Chuông Ngân Đêm Thánh Vô Cùng là những truyện cảm động nhắm vào chủ đề này, cho thấy dòng mạch ngầm của tín ngưỡng luôn luôn sống động trong lòng người dân, và sẽ giữ gìn dân tộc khỏi sa vào con đường tha hóa.

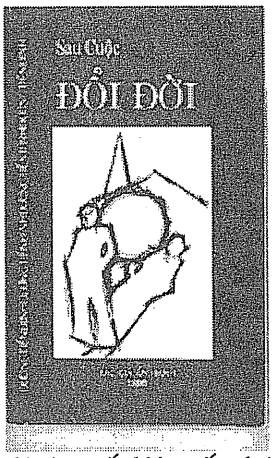

Những Bài Dã Sử Việt

biên khảo lịch sử của **Tạ Chí Đại Trường**, Thanh Văn (California) xuất bản, 431 trang, giá US$18.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Tạ Chí Đại Trường là một nhà nghiên cứu sử của miền Nam trước 1975. Cuốn Lịch Sử Nội Chiến Ở Việt Nam của ông được viết từ 1964 là Tiểu luận Cao học ông thi tại trường Đại học Văn Khoa Sài Gòn, đã được giải thưởng Văn Chương toàn quốc (bộ môn Sử) của Tổng thống

VNCH năm 1970. Chính quyền này sau 1975 đã bị giới sử học miền Bắc tấn công liên tục và cũng giới này liên tục "thuổng" nhiều đoạn của ông rồi ký tên của họ vào! Tất cả những việc này xảy ra trong khi ông đang ở trong nhà tù cải tạo. Những bài nghiên cứu lịch sử trong tập *Những Bài Dã Sử Việt* này được tác giả viết sau thời gian đi cải tạo về năm 1981 (trừ một bài viết trong trại cải tạo năm 1978 và lén chuyển ra ngoài) và gửi đăng ở các tạp chí ở hải ngoại trong thập niên 1980.

Theo tác giả, không nên hiểu chữ *dã sử* dùng trong sách này theo nghĩa thông thường là những chuyện hoang đường, bịa đặt, mà phải hiểu là những bài viết do nghiên cứu riêng tư của một cá nhân, không qua hệ thống chính quyền hoặc chế độ, mà người ta thường gọi là chính sử. Nếu nhớ lại tác giả viết các bài này trong khi sống dưới chế độ cộng sản, một chế độ trong đó người viết sử không cần đến tinh thần khoa học mà chỉ cần sao cho ăn khớp với lý thuyết của đảng về lịch sử, thì thấy thâm ý của ông qua chữ "dã sử" mà ông dùng: dã sử là đi ra ngoài cái "chính thống" của chế độ. Hơn nữa, nó cũng đồng nghĩa với tinh thần khách quan và khoa học, những thứ rất xa lạ với đám "cán bộ viết sử" của chế độ ấy, những người sẵn sàng bóp méo sự thực để vừa lòng các lãnh tụ đảng hơn là chịu chết như những sử quan trung thực ngày xưa khi nhất định không chịu viết sử theo ý muốn riêng của nhà vua. Cho nên tuy gọi là "dã sử," các bài viết trong cuốn này cũng chỉ là các nghiên cứu lịch sử bình thường, đề cập đến *cái đình làng, Phù Đổng Thiên Vương, tiền đúc ở Đàng Trong, phổ hệ và chế độ nội hôn của họ Trần v.v...* Tác giả có một thái độ làm việc rất cẩn trọng, nêu đầy đủ tài liệu, hình ảnh, và nhất là các luận cứ không theo một mô thức sẵn có mà chỉ tuân theo sự thật và sự trong sáng của lương tâm.

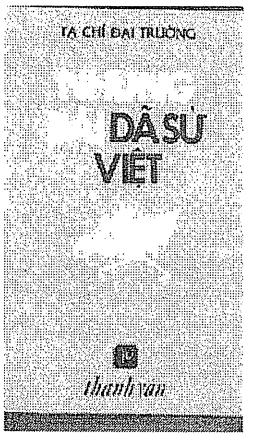

Nửa Đời Còn Lại

hồi ký của **Vương Hồng Sển**, Văn Nghệ xuất bản, 434 trang, giá US$18.00, ngoài Hoa Kỳ $20.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683 USA.

Nửa Đời Còn Lại chắc chắn là tác phẩm cuối cùng của Vương Hồng Sển, bản thảo đã kịp đưa từ Việt Nam cho nhà xuất bản Văn Nghệ trước khi ông qua đời vào tháng Mười Hai năm 1996 vừa qua. Sau Hơn Nửa Đời Hư ra đời cách đây mấy năm, *Nửa Đời Còn Lại* như là tác phẩm khép lại một cách viên mãn cuộc đời của một học giả 94 tuổi, đã sống, ghi chép, sưu tầm, nghiên cứu và thưởng thức cuộc sống gần như từng giây phút của đời mình. Ít có ai có được cuộc đời như cụ Vương, vừa rất nghệ sĩ, thiết tha với từng vẻ đẹp, niềm vui, vừa rất cẩn trọng vốn là đặc tính của giới nghiên cứu, nâng niu từng mảnh sự thật dù là rất cỏn con. Cuốn sách cuối cùng này tập hợp các bài viết từ năm 1990 cho đến đầu năm 1994, viết theo lối mà tác giả gọi là 'nhớ tới đâu, viết tới đó" chứa đầy những yếu tố ấy của một người già, mọi chuyện hiện lên màn ảnh của ký ức khá rõ nét, tuy diễn biến có khi được diễn tả không theo lớp lang thứ tự của một sự sắp xếp cố ý. Ông viết về nhiều chuyện (chứ không phải là đề tài) khác nhau, vẫn giọng văn nói miền Nam cố hữu rất hấp dẫn, hầu hết là chuyện xưa như Sài Gòn năm xưa, chuyện bác sĩ Nguyễn Văn Thinh, chuyện Cô Bảy Hột Điều và luật sư Dương Văn Giáo, 'những suy nghĩ lung tung về 'nhà yêu nước Nguyễn An Ninh'," ... nhưng cũng có chuyện ngày nay như về quyết định dị kỳ của tòa án tỉnh Bình Trị Thiên đem nấu chảy những đồ trang sức bằng vàng mà kẻ cắp đã đào được từ mộ của bà Từ Dũ, như quan điểm của ông về ông Phan Thanh Giản không giống như của chính quyền cộng sản v.v... Các bài viết ấy đều là tài liệu rất quý, vì hiểu biết của ông rất căn bản, bắt nguồn từ chính đời sống và sở học vững chắc của ông, chắc chắn sẽ góp phần hữu ích cho những nhà nghiên cứu về sử, dân tộc học, ngôn ngữ học sau này về đất miền Nam. Đặc biệt về ngôn ngữ, người đọc sẽ khám phá nhiều điều vô cùng thú vị, như tại sao ở miền Nam người ta không dùng chữ "cả" để chỉ người con đầu, tại sao có giống cá gọi là cá linh, nguồn gốc của thành ngữ "kỳ đà cản mũi" là do đâu, và vô số các tiếng khác, tạo ra do sự chung đụng giữa người Miền, người Tàu và người Việt, ngày nay dùng rất quen nhưng khó có ai hiểu gốc gác từ đâu. Vương Hồng Sển quả đã dùng 'nửa đời còn lại" của mình để đóng góp rất nhiều điều cho văn hóa Việt Nam.

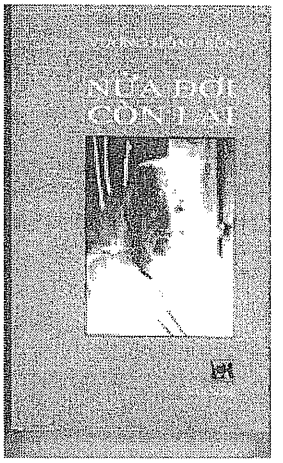

Việt Nam 20 Năm 1975-1995

bộ sách tổng kết tình hình Việt Nam trong hai mươi năm, Đông Tiến xuất bản 1996, tập Một 570 trang, tập Hai 580 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Đông Tiến, P.O. Box 4708 San Jose, CA 95150 USA.

Bộ sách đồ sộ này là công trình của nhiều

tác giả, chia làm ba phần, in trong hai tập. Tập Một, phần một, nói về Quốc Nội, gồm bài viết nghiên cứu về mọi mặt của Việt Nam từ 1975 đến 1995: Chính Trị - Kinh Tế của Đặng Đức Kiều, Xã Hội của Đặng Huy Lực, Tuổi Trẻ của Nguyễn Quý Hưng, Phụ Nữ của Nguyễn Hoàng, Công Nhân của Vũ Mạnh Hợp v.v... Rất nhiều hình ảnh minh họa bài viết. Các bài viết không phải là những bài tuyên truyền cố tình bôi nhọ chế độ cộng sản, mà là các bài nghiên cứu ở trình độ cao, cho thấy bộ mặt thật bi đát của đất nước sau hai mươi năm đảng cộng sản cai trị khi chiến tranh Nam Bắc đã chấm dứt. Trong tập Hai, có phần giới thiệu "Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam," từ cương lĩnh đến các hoạt động cụ thể, với rất nhiều hình ảnh của các sinh hoạt của Mặt Trận tại nhiều nước trên thế giới và tại các chiến khu, đặc biệt có tường trình về "Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Quốc khánh Việt Nam" từ năm 1987 đến năm 1996. Phần Ba, Hải Ngoại, gồm nhiều bài nghiên cứu về đời sống của người Việt Nam tại những quốc gia khác nhau trên thế giới về các mặt kinh tế, giáo dục, văn hóa, sinh hoạt cộng đồng... Tuy chỉ mới là những nghiên cứu cơ bản, nhưng cũng đưa ra được các tài liệu cần thiết về cộng đồng người Việt tại mỗi quốc gia. Và, cũng như các phần trên, bài viết luôn luôn được minh họa bởi rất nhiều hình ảnh phong phú.

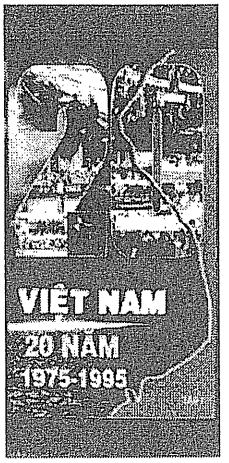

Nhìn chung, đây là một bộ sách cung cấp khá nhiều tài liệu liên quan đến người Việt Nam trong và ngoài nước hai mươi năm qua, được thực hiện một cách tương đối khách quan và khoa học. Một cái nhìn tổng kết sau một thời gian dài ít nhất cũng cung cấp cho chúng ta chứng từ của những gì đã qua, về những mất và còn, thanh công và thất bại. Tất cả sẽ cho chúng ta một bài học, bài học của Lịch Sử.

Chìa Khóa Mở Cửa Hạnh Phúc Gia Đình

khảo luận của **Lê Mộng Hoàng**, Sông Thu xuất bản 1996, 344 trang, giá US$15.00. Liên lạc: Mộng Hoa Lê, 6351 Columbia Pinke #126 Bailey's Cross Road, VA 22041, USA.

Có thực là trên đời này có một thứ chìa khóa mở được cửa hạnh phúc gia đình? Có người nghi ngờ, có người tin là có thể tìm được. Lê Mộng Hoàng là người có lòng tin ấy, và chia sẻ với mọi người trong cuốn sách của bà. Qua những suy nghiệm bản thân và nghiên cứu nhiều nguồn tài liệu rộng rãi, tác giả đã cống hiến cho người đọc những phương cách thiết thực để giữ đời sống gia đình được êm ấm hạnh phúc. Tác giả đã nói rằng: 'Làm vợ chồng quả thật là một công tác vĩ đại." Vĩ đại đây có nghĩa là phức tạp khó khăn, mà nếu thành công trong "công tác" ấy thì sẽ mang lại nhiều hoa trái tốt tươi, không phải chỉ cho bản thân các đương sự vợ chồng, mà còn cho một cộng đồng nho nhỏ mang tên là gia đình. Cộng đồng ấy là những viên gạch cơ bản để xây đắp một cộng đồng lớn hơn, là xã hội. Cho nên sự quan tâm của bà nhằm giúp đỡ sự vững chắc của các gia đình rất đáng để chúng ta trân trọng.

Thoảng Chút Hương Xưa

thơ của **Sương Mai**, Cội Nguồn xuất bản, 132 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Bùi Phụng Mai, P.O. Box 59039 San Jose, CA 95159, USA. Tel: (408) 289-1252.

Tác giả làm thơ đã lâu, từ thời còn học trung học ở Việt Nam. Từ 1975 qua Mỹ vẫn tiếp tục làm thơ, đã cùng nhiều nhà thơ khác xuất bản các tập Một Phía Trời Thơ (1995), Gởi Người Dưới Trăng (1995), Cụm Hoa Tình Yêu 2 (1996), nhưng đây là lần đầu tiên Sương Mai xuất bản một tập thơ của riêng mình. Tập thơ được in một cách trang nhã trên giấy màu hoa cà lãng mạn, và nội dung tràn ngập tình yêu. Lời thơ mềm mại, nhạc điệu êm đềm, đúng là *lời tình tự về những cuộc tình của mình,* như tác giả nói ở bài tựa. Nhà thơ Hà Thượng Nhân nhận xét rằng *Nếu lời thơ của Sương Mai chinh phục được chúng ta chính bởi tấm lòng của Sương Mai nồng nàn và chân thật.* Điều đó đúng. Những vần thơ tình yêu khá quen thuộc, nhưng không dẫn chúng ta vào lối mòn như chúng ta tưởng, chính là nhờ sự nồng nàn và chân thật lộ rất rõ trong từng bài. Khi gặp sự chân thật thì người ta có cảm tưởng gặp một cái gì rất quen thuộc, người đọc có thể đồng cảm dễ dàng với tác giả, vì thật ra trong lòng ai cũng đã ẩn chứa những nỗi niềm ấy, chỉ chờ tài năng và sự chân thành của thi nhân gợi lên mà thôi.

Dấu Chân Rết Trên Khuôn Mặt Buồn

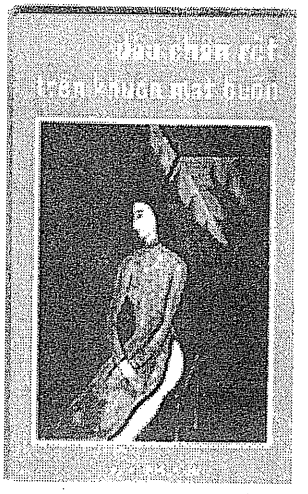

tuyển tập truyện ngắn của **Việt Phương**, Lạc Việt xuất bản, bìa và phụ bản do tác giả minh họa, 200 trang, giá US$13.00. Liên lạc: Lạc Việt, 4413 W. Walnut St, Suite 417, Garland, TX 75042. Tel: (972) 276-9900.

Qua tựa đề cũng như nhìn hình bìa, tưởng chừng đây là một tuyển tập tình buồn. Nhưng sau khi đọc xong mười mẩu truyện bao trùm một khoảng không gian dàn trải từ kinh thành Huế vào thời điểm quan lại vàng son cho đến thủ đô Hà Nội khoảng trước nạn đói năm Ất Dậu, chuyển qua bối cảnh đời sống nơi hải ngoại của người Việt tị nạn, mới thấy những truyện ngắn của Việt Phương dung chứa những mảnh đời đầy thảm họa, bất thường của người Việt Nam trải qua một thời gian dài hơn nửa thế kỷ.

Phần lớn truyện có đoạn kết gây bất ngờ. Có khi là cái kinh dị khám phá ra *Người Khách Đêm 30* là một hồn ma vừa chết trong một tai nạn xe hơi. Có khi đượm vẻ "trần tục" của một thanh niên mơ về *Tình Cũ*, mong mỏi được gặp lại người tình ngây thơ ngày nào, ai ngờ bị nàng đổ cho căn bệnh phong tình. Trong *Rồi Cũng Cám Ơn Anh* là cái hụt hẫng, không trọn vẹn của mối tình nhí nhảnh của cô sinh viên và vị giáo sư trẻ. Và còn không thiếu những đoạn kết rất éo le như trong *Người Đàn Bà Loạn Trí*, hoặc *Dấu Chân Rết Trên Khuôn Mặt Buồn, v.v...*

Văn phong của Việt Phương dễ dàng chuyển từ cái ý nhị, tươi mát trong những mẩu truyện tình đến cái sống sượng, tục tằn, cực tả được những hoàn cảnh rất thật của cuộc sống hàng ngày, mang lại cho người đọc chút dư vị chua chát của những thảm kịch đời.

Cùng với **Dấu Chân Rết Trên Khuôn mặt Buồn**, tác giả còn cho ra đời tuyển tập truyện ngắn **Trong Khu Vườn Rêu Cũ** (cũng do nhà lạc Việt xuất bản), như là chị em song sinh của cuốn trên. (Trần Quán Niệm)

Dư Âm

Tập san song ngữ Anh-Việt, mỗi năm hai số, khổ 8.5 x 11, số Fall 1996, volume I, 64 trang, không ghi giá. Ban biên tập khá hùng hậu: Haynes Huy Ryan, Lê Loan Jacqueline, Lê Đức Anthony, Ly Maly, Nguyễn Đình Khôi, Quách Thư, Vương Nancy và Vũ Như Khanh. Liên lạc: *Dư Âm*, Heller Lounge, UC Berkeley, Berkeley CA 94720. E-mail: duamyu-clink4.berkeley.edu

Số ra mắt của *Dư Âm* có tranh bìa của Võ Bảo, chụp lại một tranh sơn mài vẽ hình một người đàn ông trung niên, có dáng vẻ một người tù cải tạo, với hai dòng nước mắt chảy trên khuôn mặt khắc khổ, hai con cá lửng lơ với con mắt và cái mõm đầy vẻ diễu cợt (?) hoặc đau khổ (?).

Tập san có phụ đề dưới tên báo là "tập san của những vấn đề Việt Nam đương đại, âm nhạc, mỹ thuật, thi ca, và văn xuôi."

Tuy là song ngữ, nhưng bài vở là những sáng tác hoặc biên khảo độc lập, viết bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt (không phải bản dịch hai thứ tiếng đặt cạnh nhau). Đây hẳn là một lối thoát cho các tác giả trẻ, tạm gọi là "thế hệ thứ hai" của người Việt lưu vong sau 1975: người nào còn sử dụng thành thạo tiếng mẹ đẻ thì viết bằng tiếng Việt; người nào quen với tiếng Anh hơn, viết bằng tiếng Anh. Điều quan trọng là nội dung mỗi bài viết.

Nhìn chung, tờ báo còn mang sắc thái "học trò," nhưng cái nhìn và cách đặt vấn đề rất thẳng thắn, chững chạc. Các bạn trẻ có thể tìm thấy trong *Dư Âm* những lời đồng điệu. Các bậc phụ huynh có thể tìm thấy trong *Dư Âm* những tâm tình của con, em mình mà thường khi không nghe "tụi nó" nói với mình! (*Lê Tam Ca*)

Tao Đàn

Tập san văn học nghệ thuật biên khảo, số 1, tháng 11 năm 1996, khổ 8 x 12, 68 trang, chủ nhiệm Nguyễn Đức Thắng, chủ bút Trần Ngọc Tuấn, có sự đóng góp của nhiều tác giả hải ngoại và trong nước. Không đề giá. Liên lạc: Tao Đàn, Walsroder Str. 53, 30851 Langenhagen, Germany. ĐT: 0511 77 56 12.

Thư Ban Biên Tập có đoạn như sau: 'Tập san văn học nghệ thuật *Tao Đàn* ra đời với những

suy tư, có thể chưa đầy đủ (...). Hãy đến với chúng tôi, xóa bỏ quá khứ, giai tầng, địa phương, quốc gia, nếu tất cả tập hợp này cùng chung một suy tư: Dùng văn học nghệ thuật phê phán cái xấu, sự bất công, phi dân chủ, cường quyền và bạo lực, đề cao chân, thiện, mỹ, đánh thức lòng nhân ái còn l[u]ẩn khuất đâu đây trong hồn người."

Ban Biên Tập cũng rất thành thật khi viết rằng "số ra mắt, không thể tránh khỏi những thiếu sót." Kỹ thuật ấn loát ở Đức rất cao, độc giả chờ đợi một tờ báo đẹp cả nội

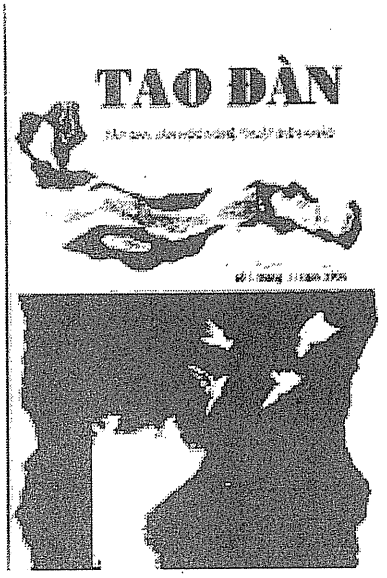

dung lẫn hình thức. Nội dung *Tạo Đàn* rất phong phú và có tiêu chuẩn cao. Truyện ngắn và thơ xứng đáng là những sáng tác của một tập san văn học nghệ thuật. Hai bài phỏng vấn (hỏi chuyện Thụy Khuê và Nhật Tiến) có nhiều thông tin mới và lý thú.

Nhưng tờ báo không có lấy một khung quảng cáo; mà tòa báo lại quên cả việc đề giá bán lẻ, giá mua dài hạn, không biết anh chị em *Tạo Đàn* lấy tiền đâu in báo và gửi báo đây?

Qua điện thoại, Trần Ngọc Tuấn cho Thế Kỷ biết 'số sau sẽ in ấn đàng hoàng hơn, và bài vở thì dĩ nhiên luôn luôn... tuyệt cú mèo." Xin trân trọng giới thiệu *Tạo Đàn* với độc giả bốn phương, và mong sớm được đọc số 2. (*Lê Tam Ca*)•

BOLSANET

LÊN LƯỚI

Thưa cậu Tám Bolsa,

Tôi tên là Tư Saint Laurent. Nghe thiên hạ lên lưới, tôi cũng bắt chước lên theo. Hôm qua, tình cờ tôi lọt vô cái mạng nhện có tên là *Quê Hương*. Mới lọt vô thì gặp một ông già đang nằm bất động, hỏi gì cũng ú ớ không chịu nói, trên ngực có tấm thiệp chúc Tết đề tên Chủ tịch "nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam." Tôi hỏi ông sao kỳ vậy, ông chẳng nói gì. Tôi nghĩ chắc ông nầy đang thiền theo lối "tịnh khẩu ngọa thiền" nên xin kiếu về nhà gửi email hầu chuyện với ông, vì nơi cửa mạng nhện có ghi rõ: cần hỏi gì thì email.

Nhưng than ôi, email cũng bị trả lại.

Xin cậu Tám đọc kỹ dưới dây, người *postmaster* nói rằng *Your message was not delivered to: quehuong@bdvn.vnmail.vnd.net. Because the recipient's inbox was unavailable.*

Như vậy là kẹt cho tôi rồi.

Sau đây là thư tôi gởi ông chủ tịch. Xin cậu Tám chuyển dùm. Nếu không thì xin cậu làm ơn giải thích giúp tôi.

Tư Saint Laurent

X-Mailer: Mozilla 2.01 (X11; I; SunOS 4.1.4 sun4c)
Mime-Version: 1.0
To: quehuong@bdvn.vnmail.vnd.net
Subject: VN
X-Url: http://home.vnd.net/quehuong/current/qh970201.html
Content-Type: text/plain; charset=us-ascii
Content-Transfer-Encoding: 7bit

Thưa cụ, cái thiệp của cụ đẹp quá. Nhưng cháu có 1 thắc mắc nhỏ: Trong thiệp cụ ghi là Chủ tịch "nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"

Mới đọc, cháu thấy sao giống tiếng Tây, tiếng Tàu quá? Cháu tưởng tiếng Việt thì phải là: "nước Việt Nam cộng hoà xã hội chủ nghĩa" Cháu nghĩ chắc quý cụ du học bên Tàu về nên nói theo Tàu, vì họ nói: "nước cộng hòa nhân dân Trung hoa"

Người Việt nói bác Hồ đẹp trai chứ không ai nói Bác đẹp trai Hồ. Hồi bác Hồ còn sống thì bác đặt tên nước là 'nước Việt Nam dân chủ cộng hòa" nghe có vẻ Việt Nam hơn.

Xin cụ cho biết ý. Cháu học ít nên không hiểu cao kiến.

—— End Included Message ——-•

ON QUANTUM MECHANICS, BIOCHEMISTRY, AND THE LAW OF CREATION

PHẠM NGỌC KHÔI

It was a nice surprise for me to read Nguyen Hung Vu's On Quantum Physics and Other Notions which expressed a point of view different from mine. When I wrote about Stephen Hawking and his disbelief in God (TK21,No 90), I did not expect my article would be scrutinized by a well-informed analyst like Mr Vu.

At first, I must say that I was not smarted by Mr Vu's criticism. Instead, I felt satisfied because he helped me recognize some of my shortcomings. I respect his opinions, though he did underestimate my ability to understand the basics of physical sciences.

This article is not only a reply for Mr Vu - it is also for other readers who are interested in science debates. For this twin purpose, I must avoid using scientific jargons as I possibly can. Some science writers, in order to make their biased conclusions become hardly refutable, try to fatigue their readers with a lot of technical terms and complicated processes so that the latter must surpass many barriers to recognize their fallacies. I have never used that tactics of deception. Since I like to receive feedback, I must try to make my writing as clear as possible.

I. Stephen Hawking and the limitation of quantum physics

Mr Vu said that I misunderstood Hawking when I thought Hawking overestimated his field of competence. In Mr Vu's words, *"quantum physics operates on a level that is far below the level in which complex living organisms interact with nature... Mr Hawking, in his book, only stressed the encompassing coverage of quantum mechanics and believed it to be the foundation of all sciences because of its fundamental level."*

I agree with Mr Vu that Hawking must know this point. However, when Hawking did not make clear such limits but went on to discuss creation of the universe, trying to explain the mechanisms of both the very small (quantum particles) and the extremely great (moving galaxies), it can be said that Hawking had overreached himself.

Quantum mechanics, devised in the 1920s, is a relatively new science. It deals with subatomic particles such as photons and quarks which are so tiny and so weird that nobody knows what they really are. Einstein thought quantum particles have definite position and momentum like atomic particles, but such attributes are shadowed because of their wavelike mobility. Niels Bohr thought the world has two realms (classical and quantum) which are never met. Other physicists have offered various theories while trying to upgrade the mathematics of quantum theory. Up until now, relations and influences between the quantum (subatomic) world and our real (atomic) world are still under discussion and experiment.

Since quantum mechanics is a callow science not yet reaching maturity, it is now too soon to use it as a basis for a serious hypothesis about creation of the universe. However, I believe in its great potential. In recent decades, it has made a lot of spectacular progress and in the next century, quantum physics will likely achieve more important breakthroughs which may help other branches of science to evolve to higher stages.

II. The reverse of entropy and the photosynthesis process

Mr Vu thought I did not know what entropy means. He explained, *"As any science student knows all along, entropy is simply the measurement of the disorder of a closed system. In as closed system, we CAN, with proper modern equipment, DECREASE (or reverse) the entropy of that system, but the ENTIRE entropy of the universe ALWAYS increases."*

I have known these basic conceptions. However, I did have one fault: I forgot to explain clearly as Mr Vu did. So I must thank Mr Vu for helping me to correct my negligence.

In thermodynamics, it is usually assumed that

Bạn muốn đi ngao du khắp thế giới?

Chỉ cần mang cây đàn đến AV TRAVEL là có thể vừa đi du lịch vừa hát du ca!

AV TRAVEL & NETWORK
10900 Westminster Ave., Suite 9
Garden Grove, CA 92643
(714) 537-2200
FAX (714) 741-2900

(góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

Xin gọi cho Nga hay Phượng (714) 537-2200

in a closed system, at constant temperature, entropy does not change. However, before reaching a state of either stable or unstable equilibrium, entropy tends to increase, or things generally change from order to disorder. As Hawking put it, everything tends to go wrong: A cup of tea can be easily smashed into pieces (or entropy can be increased with ease) but these broken pieces cannot be assembled easily to reconstruct that cup (or entropy can hardly be decreased). This is why I think the natural trend to increase entropy is a part of THE LAW OF DESTRUCTION. Because of this tendency, to destroy things is often much easier than to build or produce them.

In term of physics, my definition is inaccurate: when entropy increases nothing is really lost and so there is no destruction. As Mr Vu wrote, *"The law of destruction mentioned by Mr Khoi is simply either the manifestation of the electromagnetic force being released... or the release of the nuclear force when a nuclear bomb is exploded... but in these processes, absolutely nothing is destroyed."* This is absolutely right. However, I do not like the emotionless logic of physicists. Considering the nuclear blast over Hiroshima, a physicist may think that "nothing is destroyed," but I must take into account the demolition of a city and the tragic death of hundreds of thousand people.

Now, let us examine the photosynthesis process. This is a set of chemical reactions in a closed system of water (H2O) and carbon dioxide (CO2). A plant absorbs light energy and somehow controls chain reactions which combine water and carbon dioxide to form long molecules carbohydrates C12H22O11, (C6H10O5)n, etc. This is a great decrease of entropy which is very hard to be realized.

In term of chemistry, both water and and carbon dioxide are stable substances which do not react with each other in normal conditions. The H-O-H and O=C=O bonds can become more or less polarized, but it is very difficult to break them into free radicals and then guide them properly to form long molecules (CH2OH-CHOH-CHOH...). However, all plants while absorbing photons can NOT ONLY REALIZE EASILY THESE REACTIONS UNDER NORMAL CONDITIONS - THEY ALSO CONTROL THE REACTIONS SO PERFECTLY THAT THERE ARE NO UNWANTED BY-PRODUCT AND NO NOXIOUS WASTE. Only pure oxygen is released for the substenance of the living world. How can such a wonder happen ?

As every chemist knows, chemicals are not only stupid but very disobedient. Even under strict controls (high pressure, exact temperature, proper catalysts, timely sequences of input and output, etc), chemicals seldom obey 100% to manufacturers. The problems of unwanted by-products and especially polluting wastes have always plagued both chemists and technologists.

Nonetheless, in complicated biochemical reactions that happen in nature, stubborn chemicals become highly disciplined, and they behave quite intelligently and constructively. Nature never pollutes itself; only man-made chemical reactions pollute nature. Why ?

Thus the photosynthesis process is not so sim-

ple as it appears to be. Underlying it, I believe, there is a LAW OF CREATION which helps to decrease the easily the entropy of a closed system, which governs and controls complex biochemical reactions, and WHICH IS STILL COMPLETELY UNKNOWN.

III. The laws of probability and the creation of humanity

Regarding the creation of living creatures. Mr Vu said, *"It takes a lot of good chance for us to be here, and somehow the laws of probability (?), together with the law of gravity (??) and other forces (???), have worked in our favour."*

Firstly, Mr Vu ignored the fact that the formation of irregularities is inevitable whenever some regularities are created by chance. Secondly, gravitational force is common for all planets, so it cannot be a factor favourable for creation. Thirdly, what are "other forces" that have shaped and guided creation of life on this globe ? Are such forces known or unknown by scientists ?

Suppose that we throw three coins and wish to obtain two regularities Head-Head-Head and Tail-Tail-Tail. If we do not control our throwing and let things happen according to the law of probability, there are 8 possible results as follows:

1. Head Head Head 2. Tail Tail Tail 3. Head Tail Tail 4. Head Head Tail 5. Head Tail Head 6. Tail Head Tail 7. Tail Head Head 8. Tail Tail Head

We have only two regularities or wanted results (25%) and six irregularities or unwanted results (75%). Here the chance is 1/4. The smaller is the chance, the greater is the proportion of irregularities or unwanted results being created. In the 6/49 lottery, the chance is 1/13,983,816 - so we have only one winner out of approximately fourteen million losers.

In the creation of the living world, the chance for inorganic chemicals to form genes and cells and then living creatures is extremely small. If we provide all necessary data for a computer to calculate, it must be less than one billionth. Thus, if there are NO LAW OF CREATION AND NO CONTROLLING FORCE FOR EVOLUTION, it is almost impossible for the formation of microbes, let alone the creation of human beings.

I can never understand why so many scientists insist that our living world is formed by accidental happenings, but they do not take the irregular formations into account. Where were billions of freakish and short-lived creatures if animals and humans were created by the laws of probability ? With such a small chance, freakish formations must have greatly outnumbered normal creatures - yet what we see are only marvellous evolutions and wonderful harmonies !

In my opinion, our living world must have been created and made to evolve by at least one of the following: (1) a supreme Creator or a number of Creators, (2) highly intelligent beings from other galaxies, and (3) some laws of nature which are still undiscovered. Anyway, I can never accept the absurd assumption that this world has been created by sheer chance.

Mr Vu try to evade the point that scientists know nothing about the law of creation. He wrote, *"A person does not have to go to a lab to create a living thing, all he or she needs is another person of opposite sex and a bed... The law of creation and the law of destruction have been incorporated into each living cell already... we simply perpetuate a game that nature has given us in the very beginning."*

When Mr Vu wrote these lines, he was no longer a scientist but a philosopher. Mr Vu seems to forget that scientists are always anxious to understand and to master the games of nature - they are never content to perpetuate a game without any understanding of its rules and mechanisms. Since the game of creation is too difficult for them, they can do nothing but try to cover their ignorance. However, I sympathize with them because scientists must think of their personal interests and professional prestige just like anyone else.

IV. Hawking's disbelief in a creator of the universe

Mr Vu said, *"the notion of God should be understood and agreed upon before we even try to use it in any essay."* In this respect Mr Vu was completely right. I should have understood what God means to Einstein and to Hawking before trying to explain why the former was a believer and the latter was a professed non-believer. Thank Mr Vu for pointing out my shortcoming.

Around the world, there is a confusing abundance of human conceptions of God. The Chinese Shang Dih, the Vietnamese Ong Troi, the jewish Yahweh, the Christian God, the Islam Allah, the Hindu Khrisna... The Gods are generally seen as all-powerful, but their attributes vary greatly and not all of them are regarded as Creator of the

universe at once creator of the living world. As to the concepts of God held by philosophers and scientists, it must take hundreds of pages for a brief comparative study. When I wrote about Hawking's disbelief in God, I simply meant that he did not believe in a Creator (or creators) of the universe despite the fact that his knowledge of quantum physics and Western philosophy is not enough for such a conclusion.

V. The concepts of Yin/Yang and the Five Elements in our modern world

According to Mr Vu, the concept of Yin/Yang is a *"very archaic concept created several thousand years ago by ancient Chinese in a futile attempt to understand nature and should be discarded... The ancient Chinese also used to believe in forces such as wind, fires, etc... and the five elements of nature (metal, wood, water, fire, earth). For modern chemistry and physics, it ain't so anymore."*

About the Five Elements, Mr Vu seems to think that such concepts are just like the groundless assumptions made by alchemists in the ancient West, when the basics of chemistry were not yet discovered. However, I hold a different point of view. I have learned chemical engineering, yet I do not liken the the concepts of Five Elements to the archaic concepts of Western alchemy. I understand that the ancient Chinese did not mean literally that nature is created by five fundamental elements Metal, Wood, Water, Fire, Earth. Instead, they referred to the basic characteristics of these substances which can be seen not only in nature but also in human bodies, characters and activities. For example, Fire means hot, brilliant, moving up; Water means cold, fluent, penetrative, moving down; Earth means stable, heavy, submissive, enduring; and so on.

The concepts of the Five Elements and their interactions are the basis of Chinese astrology (Tu Vi Dau So), geomancy (Feng-shui, or Phong Thuy), and Chinese medicine and acupuncture (Dong Y, Cham Cuu). Quite a few Vietnamese like Tu Vi Dau So, while the Chinese prefer Feng Shui. Even now, a lot of Chinese tycoons in Hong Kong, Vancouver and California still consult Feng-shui masters before opening offices, buying lands or building houses.

To tell the truth, I have read a number of books on Feng-shui and Tu Vi Dau So, but I remain sceptical. However, I keep my mind open, because I feel that there may be something scientifically meaningful hidden beneath such esoteric practices. As to Chinese medicine and acupuncture, they have certain values and various utilities which have stood the test of time and which should not be thoughtlessly discarded.

The problem concerning the concepts of Yin/Yang are much more complicated. There is a classical Chinese book, Yi Jing (misspelled in the West as I Ching), which deals with Yin/Yang combinations such as eight trigrams and sixty four hexagrams. The probable author of Yi Jing was King Wen, founder of the Zhou dynasty (B.C 1125-255). It is said that he wrote Yi Jing while he was still a duke imprisoned by King Jow, the last ruler of the Shang dynasty.

For unknown reasons, the author of Yi Jing disguised his book as a fortune-telling book: he did not explain clearly the Yin/Yang system, but made coded comments which look like oracles referring to the meanings of hexagrams and lines in hexagrams. As a result, Yi Jing became a book for divination right from its coming into existence.

Since the Yin/Yang symbols of Yi Jing remained unintelligible, there were many attempts to clarify Yi Jing and transform it into a book of philosophy. The Confucian scholars used a body of miscellaneous remarks called the Ten Wings to explain Yi Jing in terms of Confucian doctrine. The Ten Wings were traditionally attributed to Confucius, but recent studies show that they must have been created by a number of Confucian

Hoàng Oanh
MUSIC CENTER

Sản xuất và phát hành băng nhạc - compact disc và video
- Băng nhạc quê hương
- Băng ngâm thơ
- Thánh Ca
- Video Ca nhạc

P.O BOX 9541
FOUNTAIN VALLEY, CA 92728
(714) 964-7591

scholars and mystics by the beginning of the Han dynasty (206 BC). In any case, the Ten Wings are not a faithful interpretation of the original Yi Jing. Thanks to the Ten Wings, however, Yi Jing was honoured as a Confucian classic, and from the Han dynasty to our time it became a book for divination at once a book of Confucian philosophy.

While the real meanings of hexagrams remained undecoded, there were thousands of books written on the subject of Yi Jing in China, Korea, Japan, and Vietnam. In recent times, there were many translations of Yi Jing into German, English, French, The most well-known are the translations by James Legge and Richard Wilheim. A great number of these writers and translators were anxious to use Yi Jing as the mouthpiece of their own thoughts, and none of them ever made a serious attempt to decode the Yin/Yang system.

In my opinion, Mr Vu was right when he looked down on various fortune-telling practices of Yi Jing and a confusing multitude of petty Yin/Yang theories presented in the books I just mentioned. However, what Mr Vu did not know is that THE REAL MEANINGS OF THE YIN/YANG SYSTEM STILL REMAIN HIDDEN BECAUSE THE ORIGINAL YI JING IS NOT YET DECODED. As for me, I have spent many years to decode the hexagrams; the more I understand the original Yi Jing the more I pay respect to the wisdom of its author.

I regret that I cannot explain clearer to persuade Mr Vu and other sceptical readers about the value of the Yin/Yang system because this article is already too long whereas such an explanation cannot be summarized within a few pages. Anyway, I believe that once Western intellectuals begin to understand the real meanings of Yi Jing, they will no longer look down on the concepts of Yin/Yang as previously.

Even in the field of physical sciences, the concepts of Yin/Yang are not quite worthless. In 1957, two physicists, Yang Chen Ning and Lee Tsung Dao, won a Nobel prize when they proved that there is a violation of the parity principle. Their discovery was based on the number of Yin and Yang: Yin = 2 and Yang = 3. And it should be noted that even in the quark theory, the number of Yin and Yang are seen frequently: there are three pairs (3x2) of leptons and three pairs (3x2) of quarks with electric charges +2/3,-2/3,+1/3,-1/3.

Is it a mere coincidence ? Maybe. But it is now too soon to say that the ancient Chinese knew nothing because they "observed nature with naked eyes and a few crude tools to poke around'. Remember that there was a possibility that ancient people in China and Egypt could learn something from extraterrestial beings having visited our globe - otherwise it is very hard to explain why Yi Jing was written and how the pyramids were built. Besides, it was also possible that some ancient sages could know something about the law of creation by their extrasensory perceptions.

Quite a few scientists and technologists tend to shrug off these hypotheses with scorn. In spite of their disbelief, however, possibilities of the "extras" remain. So let us wait and see.

Conclusion

My article about Stephen Hawking (TK21, No 90) gave rise to a debate between two Vietnamese "nerds" of different backgrounds. I am a chemist deeply influenced by Eastern thoughts, Mr Vu is a physicist trained in Western traditions. We hold different beliefs and contrasting viewpoints, and make dissimilar mistakes because of different limitation of knowledge. However, I hope that our discussion will widen our perspectives so that we may come closer to each other. As to the readers of The Ky 21 who are interested in scientific debates, my hope is that our discussion will not appear too boring or quite meaningless.

STORMY ESCAPE

A Vietnamese Woman's Account of Her 1980 Flight Through Cambodia to Thailand

by KIM HA

This is the pderful and poignant story of the author and her family's struggle to escape the Communists in Vietnam. The family traveled through the killing fields of Cambodia only to find themselves in the Para refugê camps in Thailand, with their dehumanizing conditions...

McFarland & Company, Inc., Publishers
[296]pp. $32.50 library binding
1996

ĐI TÌM MÓN QUÀ ĐẦU XUÂN CÓ Ý NGHĨA

TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ THẾ KỶ HOÀN MỸ EV-96 VÀ EV-97

QUANG MINH

Máy từ điển điện tử Thế Kỷ VEC-888 hay Hoàn Mỹ EV-96, Ev-97

Cuối năm 96, công ty Golden Mate cho biết họ tung ra mặt hàng mới là máy từ điển điện tử EV-96. Nhưng chỉ ít tuần lễ sau máy EV-97 cũng đã ra đời cùng một lúc với sự trở lại của chiếc máy đã được mọi người khắp nơi yêu thích VEC-888.

Chưa lúc nào mà thị trường máy từ điển có nhiều mặt hàng đến như vậy, công việc mua sắm của khách bắt đầu có những suy nghĩ và bối rối. Bài này nhằm giúp cho một số quý vị dễ dàng hơn trong việc lựa chọn.

Nhu cầu vẫn đang ngày càng mở rộng

Trước hết, sự ra đời của nhiều loại máy chứng tỏ là thị trường người mua máy ngày càng rộng rãi hơn trước. Nhất là sau gần ba năm đi vào thị trường người Việt Nam, các hãng sản xuất máy từ điển càng hiểu rõ hơn rằng nhu cầu này phức tạp, không thể giải quyết trên một cái máy đơn giản như ban đầu nữa.

Sự thành hình máy Hoàn Mỹ EV-96 chẳng hạn, phát xuất từ sự thăm dò các nơi bán, theo như ông Patrik Chien, giám đốc Golen Mate cho biết, rất nhiều người VN cần một máy tương đối giản dị, giản dị hơn máy VEC-888. Từ đó, những nhà biên soạn máy này đã lược bỏ đi bộ từ điển Anh, Hoa và tự điển Anh-Anh.

Tuy nhiên khi lược bỏ đi hai bộ từ điển thì lại thêm nhiều thứ khác, đầu tiên là phải kích bộ Anh-Việt, Việt-Anh lên cao hơn, tăng thêm nhiều từ nữa và việc này đã khiến họ nhập thêm một khối lượng lớn của từ điển Anh-Việt Tổng Hợp Kỹ Thuật, nhập thêm một số bộ từ điển Bách Khoa Chuyên Ngành để các giới sinh viên, học viên dùng trong việc học hỏi của mình.

Kết quả là chiếc máy Hoàn Mỹ EV-96 trở thành một máy gọn nhỏ và thanh lịch nhất nhưng đầy đủ nhất về mặt từ điển Anh-Việt, Việt-Anh.

Một cải tiến thứ nhì là do rút hai bộ từ điển đi, kho chứa của bộ nhớ trở nên gọn gàng, tốc độ máy được chuyển nhanh hơn các máy khác. Điều này trở thành một ưu điểm hiếm hoi, Hoàn Mỹ EV-96 vượt xa máy ban đầu của Thế Kỷ, chiếc EV-555, mà ngày nay không còn trên thị trường nữa.

Hoàn Mỹ EV-97

Thế nhưng, theo lời ông Patrick, khi vừa cho chào đời EV-97, khách hàng lại quay ra hỏi tại sao lại bỏ hai bộ từ điển Anh-Anh và Anh-Hoa đi? Đòi hỏi này không phải là không chính đáng. Nhất là phía các bạn trẻ, các giới sinh viên và học sinh, họ cho biết rằng không thể thiếu cuốn Anh-Anh được vì hầu hết họ đang phải dùng máy của người Mỹ, mà nếu mua máy tiếng Việt để rồi phải dùng tới hai máy một lúc thì không thuận tiện chút nào. Bộ phận biên soạn của Golde Mate lại phải điều chỉnh một lần nữa để đưa vào thêm bộ Anh-Anh.

Nhưng mỗi lần điều chỉnh như vậy cũng rất tốn kém công phu và... tiền bạc. Cho nên nhân dịp đó, Golden Mate đã cho điều chỉnh tới mức thêm bộ Bách Khoa chuyên ngành với các ngành học mà giới sinh viên đang cần tới như Cơ khí, điện tử, điện toán, khoáng sản, nông nghiệp, luật... Đây là một bước tiến khá tinh vi và hãng đã phải dựa vào hệ thống Màn Hình Thông Minh làm cuộc cải cách này cho đến nơi đến chốn. Theo sự nâng cấp sửa đổi này, khi người dùng máy tra cứu một từ, bấm từ đó vào thì từ màn ảnh không những hiện lên tất cả các từ kế cận (rất thông minh) mà còn cho biết từ đó có nằm trong bộ từ điển bách khoa nào không, có những chữ sẽ hiện lên cho biết nó nằm trong 3, 4, 5, bộ từ điển khác.

Và như vậy, người tra cứu có thể tra ngay trong phần từ điển chuyên ngành.

Bước chuyển mạnh mẽ vào ngành Thẩm Mỹ

Đây là một sáng kiến độc đáo của Golden Mate, sáng kiến này đã có trình tòa với tác quyền của Golden Mate. Ngành Thẩm Mỹ đang được rất nhiều người VN ở ngoài nước chiếu cố, vấn đề ngôn ngữ đối với họ lại rất chuyên môn, rất khó vì ngành phối hợp quá nhiều từ đặc biệt của ngành Vi Trùng Học, Hóa Học, Cơ Thể Học, và cả một phần Luật Học. Hoàn Mỹ EV-97 đã giải quyết được phần lớn khó khăn cho những người đang theo học hay làm việc về ngành này về phương diện ngôn ngữ, có câu hỏi đáp trắc nghiệm cho các cuộc thi, có cả phần từ điển với từ riêng của ngành Thẩm Mỹ.

Máy Hoàn Mỹ EV-97 ra đời đánh dấu một bước tiến trong đợt cải cách và làm cho sản phẩm của Golden Mate trở nên rất hoàn hảo, đáp ứng với nhu cầu của hầu hết các giới.

Sự ổn định của máy

Vóc dáng của các máy Hoàn Mỹ 96, 97 đều rất gọn nhẹ và hệ thống bao bì đã đem lại các chiếc hộp máy đẹp nhất từ trước tới giờ. Đẹp, tân kỳ và hữu dụng đó là điều mà hãng Golden Mate luôn đặt lên hàng đầu. Vừa vào đầu năm 97, hãng đã cho làm một loạt máy VEC-888, một chiếc máy đã vang danh khắp mọi nơi về giá trị của nó. Lúc đầu, người mua đã tỏ ra không thích bộ Anh-Hoa, Hoa-Anh cho là ít công dụng. Nhưng những ngày cuối năm vừa rồi, thiên hạ đi tìm máy như một nạn dịch, khiến Golden Mate phải tiếp tục phát hành loại máy này.

Dù có những biến cải tinh vi, có những cố gắng gia tăng nội dung, đem thêm nhiều chất liệu mới, đáp ứng nhiều nhu cầu, nhiều lãnh vực riêng, các chuyên viên ở Golden Mate vẫn luôn giữ vững nguyên tắc: máy phải tốt, phải ổn định và phải được bảo hành đàng hoàng, không gây khó chịu cho người mua.

Đó là sự thành công của các máy Thế Kỷ. Từ máy VEC-888 cho đến Hoàn Mỹ 96, 97, chiếc nào cũng đạt được sự ổn định giúp cho người dùng được an tâm. Sự bất ổn đã xảy đến liên tục trên các máy khác với nhiều triệu chứng như mất điện quá nhanh, màn ảnh chỉ hiện bất thường, chớp chớp tắt tắt như điên loạn, rồi có khi không lên đúng chữ, bấm chữ này ra chữ khác rồi có khi lại chết máy bất tử, vừa vào chữ là máy tắt... Ở tất cả các máy của Golden Mate, không có hiện tượng bất ổn như vậy.

Và quyết tâm của Golden Mate còn rất cao khi hãng này ra một quyết định bảo vệ khách hàng bằng hệ thống bảo hành máy. Ba năm qua, hệ thống này là uy tín lớn nhất của hãng, bảo đảm các trường hợp máy trục trặc thì ở bất cứ đâu, người mua vẫn có thể đem đến sửa chữa hay thay đổi.

Dám làm điều đó thì có nghĩa là tất cả các máy của hãng Golden Mate có tỉ lệ an toàn và ổn định cao nhất trong làng từ điển điện tử thế giới.

Vì vậy một trong những chiếc máy trên đều là món quà đáng chọn mua để gửi cho người thân yêu, ở hải ngoại hay ở VN đều rất có ý nghĩa như nhau.

LUẬT
LANDSCAPING
Design & Maintenance
Lic. # 699783
P.O. Box 204 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
Call: Mr PHƯƠNG
(714) 971-9640* (800) 200-9848

Tìm đọc:
"LỐI XƯA XE NGỰA..."
biên khảo
của
Nguyễn Thị Chân Quỳnh

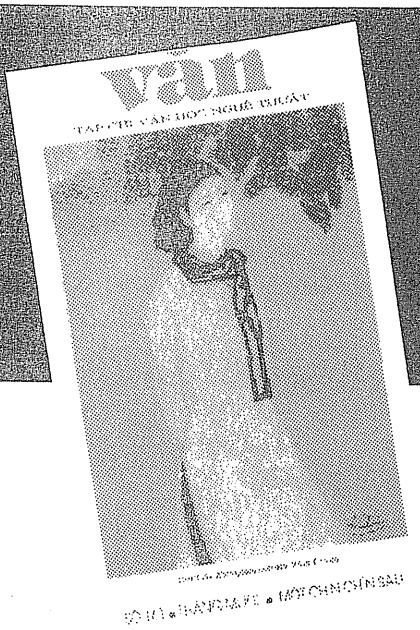

văn

tạp chí văn học nghệ thuật
phát hành hàng tháng

Chủ nhiệm: MAI THẢO
Chủ bút: NGUYỄN XUÂN HOÀNG
ĐT: (714) 531-7297

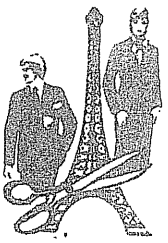

"THUẬN" PHOUTTA PHASOUK

Master Tailor
Diplome d'Honneur L'Académie Internationale
De Coupe de Paris

** Từ 1963 đã từng may mặc cho Hoàng Gia Lào và giới ngoại giao tại Vientiane*
** Hoạt động trong ngành May Mặc Paris trong 15 năm:*
Làm Huấn luyện viên tại Académie Internationale de Coupe de Paris
Làm Coupeur cho Trường Ecole Superieure de Guerre.

- Nhận cắt may đồ Veste, sang trọng và nghệ thuật
- Huấn luyện từ A đến Z

những ai muốn học nghề may hoặc muốn tu nghiệp nâng cao tay nghề.

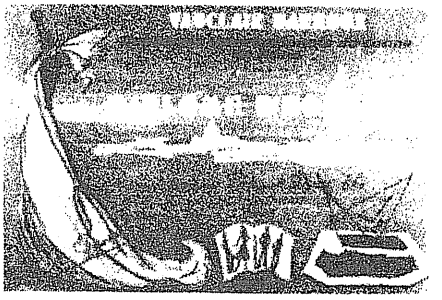

7871 Hazard Ave.,#B (at Beach) Westminster, CA 92683
Điện thoại: **(714) 373-4085**

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẠP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: (714)537-2468

- Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
- Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

Phiếu Mua Báo Dài Hạn

(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ____. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
Úc và Á châu:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
Âu châu:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không)
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI
Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341
Lê's Florist Boutique
Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions
14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

Orange County, California, USA

Thuh Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City, CA 92655

325 5th Street
Huntington Beach
CA 92648

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995 + 1996, CA, USA.
* Aesthetics Congress 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax:
(714) 8-949-949
(714) 960-0311

NHẬN VISA & MASTER CARD

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận

* **GIẢI PHẪU**
  - Mắt, mũi, môi, cằm, tai, bàn tay.
  - Căng da mặt, da bụng.
* **PHƯƠNG PHÁP NỘI SOI:** (Endoscopie plastic surgery)
  - Sữa ngực lớn với thẹo nhỏ ở nách.
  - Căng da trán, nâng chân mày với thẹo nhỏ trong tóc.
* **TIA LASER:**
  - Xóa nếp nhăn trên mắt.
  - Lấy mỡ mắt dưới không để thẹo, không chảy máu, không may chỉ, vì cắt bên trong mí mắt.
* **HÚT MỠ:**
  - Cằm, bắp tay, lưng, mông, bụng, đùi.
* **Cấy tóc.**
* **Chích Mỡ**
* **Chữa trị các hình thức Silicone.**
* **Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.**

CHUYÊN MÔN:

* *Facial* * *Lột da mặt* * *Dầu thơm Pháp*
* *Dưỡng Da* * *Xâm Thẩm Mỹ* * *Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)*
* *Trang điểm cô dâu, dạ hội*
* *Chữa trị da nám, tàn nhang, vết seo vì mụn.*
* *Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ*
* *Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.*

Bp: (714) 218-6262

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
永西貴港超市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quý khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME
ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGON

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

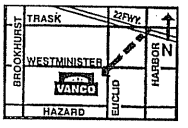

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999
MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

THẾ KỶ GOLDEN MATE INC.

HOÀN TOÀN MỚI

Hân Hạnh Giới Thiệu

ĐẠI TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ TOÀN NĂNG

HOÀN MỸ EV-97

BA BỘ TỰ ĐIỂN ĐẦY ĐỦ, LỚN NHẤT

ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-ANH

- Căn bản cho người học, dùng và nói tiếng Anh thường xuyên với bộ ANH-ANH hoàn chỉnh.
- Tự điển ANH-VIỆT lớn hơn các máy đã có trên thị trường.
- Thêm phần đặc biệt các tự điển chuyên môn Bách Khoa
- Tra cứu trực tiếp và đối chiếu (tra chéo) giữa các bộ

EV-96	EV-97
$249	$279

VEC-888
$289

* Giá có thể thay đổi tùy theo thời hạn. Xin gọi để biết chi tiết

ĐẶC BIỆT VỀ NGÀNH THẨM MỸ

Không một máy nào trên thị trường hiện nay có được:

- Luyện thi Thẩm Mỹ, với các câu hỏi trả lời có phê điểm đúng sai.
- Hỏi đáp có phát âm
- Từ điển Thẩm Mỹ, đủ các từ chuyên môn cần thiết.
- Một công trình biên soạn để đáp ứng nhu cầu thị trường lớn nhất nước Mỹ

TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA CHUYÊN NGÀNH:

- Y KHOA
- ĐIỆN TỬ
- TOÁN HỌC
- ĐIỆN TOÁN
- CƠ KHÍ
- KINH TẾ
- THƯƠNG MẠI

Giáo sư Lê Chính Long: "Tôi giới thiệu bộ tự điển này."

Nếu quý vị không có nhu cầu dùng từ điển ANH-ANH
nên mua
THẾ KỶ HOÀN MỸ EV-96
Trên 40 công dụng - Máy tuyệt hảo, ổn định và xinh đẹp; không thiếu một chức năng nào, màn

HỆ THỐNG BẢO HÀNH TỐT NHẤT, UY TÍN NHẤT, BẢO VỆ

LINH KIỆN THIẾT BỊ CỦA SHARP CHẾ TẠO BẢO ĐẢM BỀN BỈ VÀ TINH VI.
HỆ THỐNG PHÁT ÂM CỦA VIỆN TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT BERKELEY - USA.

DO Whizmate
PHÂN BỘ CỦA GOLDEN MATE INC. THỰC HIỆN

ĐÃ CÓ BÁN TRÊN THỊ TRƯỜNG

Xin liên lạc đại lý bán máy gần nhất hoặc trực tiếp với các nơi dưới đây:

TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ & CANADA:
GOLDEN MATE INC.
2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732
Tel: (818) 279-9898 Fax: (818) 278-9899
Nói tiếng Việt:
1-800-248-3948, 818-279-9911

LITTLE SAIGON 9200 BOLSA AVE. #226 WESTMINSTER, CA 92683 Tel: (714) 897-9808	**PACIFIC GIFTS & SHOES** 2857 SENTER RD. #M SAN JOSE, CA 95111 Tel: (408) 226-2383	**PHONG LE CO.** 103 WESTBANK EXPWY GRETNA, LA 70053 Tel: (504) 366-5758
PHƯƠNG MY LASER & VIDEO 8282 BELLAIRE BLVD. # 153, HOUSTON, TX 77036 Tel: (713) 623-1131	**SOUND CITY** 1082 WEBSTER ST. OAKLAND, CA 94607 Tel: (510) 444-7800	**VIETNAM BOOKSTORE (CANADA)** 415 SPADINA AVE. TORONTO, ONT M5T 2G6 Tel: (416) 595-5199

Ấn Phí: Bốn Mỹ Kim